

VIÊN GIÁC



SỐ NR.
148

TẠP CHÍ CỦA KIỀU BÀO VÀ PHẬT TỬ VIỆT NAM Từ NẠN TẠI CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC

Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen Vietnamflüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland

PL. 2.549 NĂM THỨ 27 - THÁNG 8 - JAHRGANG 27. - AUGUST 2005 - AUSGABE IN VIETNAMEISCH & DEUTSCH





39-89-110



WF200/R



EF297/WF



MH295/S

Nr.731



Nr.732



YB-1035



YG-4004



Nr.741



4.16H.Y0GD



PL4/AS



AR9



J-580-01GC



P18575-B



A-020-0.55LR



YH-9563

10-143-120



YH-9503



YH-9501



YH-9566



YH-9506



YH-2032



柏林 德昌貿易公司
SINO-DECO BERLIN
TEL: +49-030-78703311

Naumannstr.31-83 Haus12
10829 Berlin Germany
Tel: +49-030-78703311
Fax: +49-030-78703310
E-mail: sino-deco@gmx.de
Internet: www.sino-deco.de

Besuchen Sie uns im Internet
歡迎您登陸我們的網站
www.SINO-DECO.de

Thư Tòa Soạn



Thời tiết năm nay thật lạ lùng. Đã qua tháng bảy rồi mà mỗi sáng vẫn còn lạnh và mưa gió bất thường. Bình dịch hoành hành nhiều nơi trên thế giới. Có lẽ đây là thời đầu của Tiểu Tam Tai như trong Luận A Tỳ Đàm mà Đức Phật đã nói cách đây hơn 2.500 năm về trước. Đó là 3 thời kỳ của bệnh tật, chém giết nhau và đói khát. Đây là một chuỗi liên hoàn của sự khổ. Cái khổ này chất chồng lên cái khổ kia. Khi con người bị bệnh tật không thuốc chữa, thì tìm mọi cách để sống còn. Muốn sống còn thì phải đánh chém với nhau. Mục đích đánh chém, giết chóc với nhau, chỉ vì không muốn đói. Khi mà nạn đói hoành hành thì con người sẽ chết. Đó là một định luật vận xoay của tạo hóa.

Công ăn việc làm, nạn thất nghiệp, trộm cắp, lợi dụng lòng tin, làm điều phi đạo đức, phi phẩm hạnh v.v... những câu chuyện như thế xảy ra như cơm bữa ở trên thế

gian này. Từ Đông qua Tây, từ Nam qua Bắc. Từ Châu Phi qua Châu Mỹ, chỗ nào cũng có vấn đề. Không thiên tai bão lụt, thì cũng hạn hán cháy rừng. Không chiến tranh thì cũng tranh giành quyền lực. Quả địa cầu này không lớn thêm được. Mới chỉ 100 năm sau mà đã tăng lên 3 tỷ người. Dân số hiện tại trên thế giới ở vào thời điểm 2005 này đã trên 6 tỷ. Cũng chừng đó ruộng đất canh tác, mà con người đã tận dụng đủ mọi cách để có được nhiều lợi nhuận; nên đã chẳng từ nan một phương pháp canh tác đất đai nào, miễn sao có lợi cho giới chủ nhân là được, để giải quyết chuyện cung và cầu.

Chuyện chính trường thế giới, chuyện các nước Âu Châu, chuyện Á Châu, chuyện Úc Châu đâu đâu cũng có những màn đấu đá nhau thậm tệ, nhằm chiếm thế thượng phong về mình và hạ địch thủ bằng nhiều ván ngoạ mục của những người làm chính trị. Kẻ đi xin, người lại cho. Kẻ bán, người mua. Thật là một tuồng ảo hóa của kiếp nhân sinh.

Ý niệm được sự vô thường của thế nhân như thế; nên một số người đã tìm cách ngăn chặn thói hư tật xấu của đời mình và muốn xiển dương luân lý đạo đức cũng như thoát ly sanh tử. Nên đã có nhiều người xuất gia đầu Phật và mong làm một vị xuất trần thượng sĩ. Nên một Đại Giới Đàn mang tên Đôn Hậu được mở tại chùa Viên Giác Hannover từ ngày 1 đến ngày 3 tháng 7 năm 2005 vừa qua, vừa là chốn "tuyển Phật trường" để chọn người làm Phật. Vừa là nơi để cho các Phật Tử tu gieo duyên trong 14 ngày để kết duyên với Tam Bảo, nên đã có 85 Tăng Ni và hơn 100 Phật Tử ở nhiều nước Âu Châu về đây tu học, tham dự trong 2 tuần lễ. Sự thành công của giới đàn là nhờ sự kết hợp giữa nhị bộ Tăng Già và đây cũng là lần đầu tiên một giới đàn quy mô như vậy đã được thực hiện để cho 30 giới tử xuất gia và hơn 20 giới tử tại gia có cơ hội để cầu thọ tại gia Bồ Tát giới.

Trong giới đàn Đôn Hậu này, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu gồm Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương và Hội Đồng Điều Hành đã nhất tâm đề cử một số chư vị Đại Đức lên ngôi vị Thượng Tọa. Đó là:

Đại Đức Thích Thông Trí (Hòa Lan);
Đại Đức Thích An Chí (Na Uy);
Đại Đức Thích Đồng Văn (Đức);
Đại Đức Thích Hạnh Thông (Phần Lan) và
Đại Đức Thích Nguyên Lộc (Pháp).

Ngoài ra hiện tiền chư tôn đức trong Giáo Hội cũng đã nhất tâm cung thỉnh nhị vị Thượng Tọa lên ngôi vị Hòa Thượng. Đó là:

Thượng Tọa Thích Tánh Thiệt -Viện chủ chùa Thiện Minh, Pháp quốc, và
Thượng Tọa Thích Trí Minh -Phường Trưởng chùa Khuông Việt, Na Uy.

Đây là thành quả tinh thần mà Giáo Hội đã có được sau mấy mươi năm hoằng hóa tại Âu Châu này.

Ngoài ra một trại Huấn Luyện Huyền Trang cấp cao của Gia Đình Phật Tử tại Âu Châu cũng đã tổ chức cắm trại trong khuôn viên chùa Viên Giác từ ngày 2 đến ngày 9 tháng 7 năm 2005 đã được thành công tốt đẹp do sự nhiệt thành hăng say đóng góp của các anh chị em Huynh Trưởng cấp lãnh đạo cho bây giờ và mai hậu.

Trong thời gian qua Hội Phật Tử Việt Nam tại Cộng Hòa Liên Bang Đức cũng đã họp tại chùa Viên Giác vào cuối tháng 6 năm 2005 nhằm kiểm điểm những thành quả đã gặt được trong suốt một năm qua và chuẩn bị cho những việc trong năm tới.

Ngoài ra Ban Biên Tập báo Viên Giác mỗi năm như thường lệ có một lần hội tụ về chùa để họp và kiểm điểm lại những ưu khuyết điểm của quá trình trong một năm hoạt động. Sau 26 năm có mặt trên nước Đức và được sự tài trợ của chính phủ Đức để mang tiếng nói quê hương của chúng ta đến với mọi người Việt trong giai đoạn hội nhập và nay thì giai đoạn ấy đã qua. Kể từ năm 2006 trở đi chúng ta phải hoàn toàn tự lập trên mọi phương diện. Và lại nhà nước Đức cũng đã cạn nguồn cung cấp phượng tiện cho những nhóm nhỏ đã phát triển như chúng ta nữa. Do vậy mà sự sống còn của tờ báo Viên Giác trong tương lai hoàn toàn phụ thuộc vào sự ủng hộ của quý vị. Kính mong quý vị lưu tâm hỗ trợ cho việc thông tin quan trọng và cần thiết này bằng cách đóng góp đều đặn để tờ báo được sống còn và góp tiếng nói của mình với các cơ quan thông tin hiện có mặt tại Đức và khắp nơi trên thế giới.

Năm nay khóa tu học Phật Pháp Âu Châu kỳ thứ 17 tổ chức tại Amiens - Pháp quốc, và sang năm 2006 nước Đức sẽ đăng cai tổ chức kỳ thứ 18 trong cuối tháng 7 hoặc đầu tháng 8. Vậy kính mong quý vị hãy chuẩn bị ngay từ bây giờ để tham gia khóa học bằng nhiều hình thức khác nhau, nhằm tô bồi và gìn giữ truyền thống tốt đẹp này mãi mãi lưu giữ về sau. Vì mỗi lần như thế có từ 500 đến 1.000 tham dự viên đến từ khắp nơi các nước Âu Châu. Quả là "Phật Pháp nhiệm màu" và từ đó những cây thang đạo pháp mới được bắt đầu cao lên cho bây giờ cũng như mai hậu.

Kính mong quý vị đừng bỏ lỡ dịp này.

● Ban Biên Tập Báo Viên Giác

• Tôn Giáo



Cuộc du hành sang Lạp Tát (Lhasa) của Tây Tạng

Tác giả : Giuseppe Tucci
Phỏng dịch : HT. Thích Trí Chơn

(tiếp theo VG 147)

CHƯƠNG 2

Vượt qua biên giới - Những khó khăn đầu tiên - Các khóa lễ Cầu An

Bây giờ tôi xin trở lại kể cho quý vị nghe về "lễ giải trừ ma quỷ" (Barche Selwa). Lễ kéo dài trong hai ngày. Ngày đầu tiên người ta làm lễ cầu nguyện nhờ đến sự gia hộ của tôn sư Padmasambhava và ngày thứ hai của vị thần trí tuệ Jampeyang. Thần này thường được vẽ tay trái ngài cầm một cuốn kinh Phật và tay phải một thanh gươm để diệt trừ vô minh. Buổi lễ được tổ chức tại nhà của một Phật tử ở địa phương. Trong ngày đầu tôi thấy Lạt Ma Gyese quây bột và bơ trong một cái nồi lớn bằng đồng. Từ khối bột này ông dùng những ngón tay khéo léo của mình nặn ra nhiều hình tượng đặt trên bàn thờ để cúng lễ. Những tượng này gồm đủ loại nào các thần linh mình muốn cầu nguyện hay loài ma quỷ khiến con người sợ hãi.

Cái bánh Torma lớn nhất được nặn thành tượng một vị thần chính hay thế giới mà ngài đã tạo nên. Bên dưới có nền hình vuông trên đó dựng lên một ngọn tháp nhọn hình nón mà theo lối diễn đạt của Phật Giáo nó tượng trưng cho thế giới vũ trụ được phát triển dần dần từ vật chất thô sơ tới đỉnh cao tinh thần cũng như trạng thái huyền diệu mà người tu hành có thể đạt đến nhờ thiền định. Tất cả bánh Tormas trừ những cái tượng trưng cho các điều xấu ác được sơn màu đỏ với nhựa của một loại rễ cây mà khi nấu trong nước bơ nó trở thành chất lỏng như máu. Vị Lạt Ma đặt trên mỗi cái bánh Torma năm chiếc nhẫn làm bằng chất bơ, một cái ngay giữa và bốn cái kia ở các phía khác và chúng được sắp xếp trông hình giống như một chiếc hoa.

Ý nghĩa của nó là những lễ vật này được dâng cúng cho năm giác quan và những đối tượng mà chúng tiếp nhận hay nói khác là toàn thể cuộc sống của mỗi chúng ta. Khi tất cả

những Tormas đã làm xong sẵn sàng, vị Lạt Ma để chúng theo thứ tự lên bàn thờ phía trước có đặt bày cái tách bằng kim loại chứa nước, gạo, bông hoa, bơ cùng gỗ đàn hương đốt cháy, và tất cả các lễ vật này biểu tượng cho Đất Mẹ được dâng cúng lên đấng Tối Cao. Rồi buổi lễ bắt đầu. Các phẩm vật dâng cúng trên bàn thờ được sắp xếp tạo thành một thế giới trông như hình ảnh thực. Vị Lạt Ma giờ đây điều khiển cái thế giới đó. Ông ta không phải là nhà huyền bí, nhưng ông hành động như một thầy pháp.

Những bánh Tormas tượng trưng cho các hình ảnh được nhận biết bởi ý thức của thần linh khi nó biến đổi từ trạng thái tĩnh lặng đến ý niệm dấy lên đầu tiên cùng khuôn mẫu của một vũ trụ đang tiến triển - ma quỷ và thánh thần, thiện và ác. Sự sáng tạo là quyền lực - quyền lực đối với sự sống lẫn sự chết. Vị Pháp sư, với khả năng ma thuật có thể tự đưa mình trở lui lại sống vào thời điểm khi thế giới vừa mới tạo thành. Rồi ông ta hủy diệt và xóa bỏ tất cả các dấu vết của điều xấu xa trong thế giới mới tái tạo đó và làm lễ tung vãi phá hủy những Tormas tượng trưng cho các điều xấu ác nói trên. Như vậy, thế giới khổ đau bị hủy diệt, sự an lạc được phục hồi và điều xấu ác được chế ngự. Đây là một nghi thức vô cùng huyền bí và phức tạp trong đó các vật dâng cúng, những lời kinh tiếng kệ và động tác điệu bộ đều hòa hợp một cách nhịp nhàng. Chỉ cần một chút lơ đãng trong sự vận chuyển của hai bàn tay hay miệng ngưng đọc một chữ trong khoảnh khắc thì toàn cả buổi lễ được xem như không mấy kết quả.

Các động tác lễ nghi được thực hiện trong một khung cảnh hết sức uy nghiêm thành kính. Những câu thần chú phát xuất sâu từ cổ họng của vị Lạt Ma, đôi khi âm thanh chìm đắm vào khoảng trống rồi lại rền vang gầm gừ như tiếng sấm và có khi nhẹ nhàng là lướt như dòng suối chảy xuyên qua cánh đồng cỏ xanh. Thành thạo xen giữa các tiếng tụng kinh, vị Lạt Ma dùng chiếc dùi cong đánh vào cái trống lớn đặt trên chiếc giá gỗ lắc lư. Đôi khi những ngón tay của vị Lạt Ma uyển chuyển mềm mại gài quện vào nhau bắt từng ấn quyết nhằm tạo sức mạnh tâm linh để giúp cho buổi lễ thành tựu viên mãn. Thành linh hai bàn tay của vị Pháp sư đưa cao lên trông giống những ngọn lửa vô hình rồi ông co rút lại tạo thành như những cánh hoa sen hé nở dưới ánh mặt trời chói sáng. Các động tác này diễn tả như một cuộc đối thoại tâm nín giữa vị Lạt Ma với các năng lực huyền bí trong đó mọi ảnh hưởng của sự xấu ác đã không ngừng tấn công chúng ta. Vị Lạt Ma đọc những câu thần chú nhằm gây khó khăn áp đảo chống lại các sức mạnh vô hình ma quái hòa nhịp theo tiếng trống đánh dồn dập, những nắm gạo của vị Pháp sư ném tung hai bên phải, trái và trước mặt.

Lễ trừ tà yểm ma bắt đầu để tránh những điều rủi ro, xấu xa mà chúng tôi sẽ gặp phải. Theo tín ngưỡng của Tây Tạng, người ta có thể thấy biết trước những việc xảy ra trong hiện tại, quá khứ cũng như tương lai nhờ sự ban ân của một đấng thần linh hoặc do sự luyện tập tu hành khắc khổ, diệt hết được các thú vui trần tục của họ. Khả năng thấy biết này đạt đến một trình độ cao hơn đặc biệt dành cho những người phụ nữ gọi là "delo" thành linh họ ngã xuống chết đi rồi tỉnh dậy sống trở lại. Trong khoảng thời gian ngắn nhắm mắt xuôi tay đó, thần thức của họ lang thang đi vào cảnh giới khác của kiếp sau, giải thoát không còn bị ràng buộc bởi xác

thần phàm tục và trải qua những nơi mà thần thức phải nhận chịu sự đày ải khổ cực để sám hối chuộc những tội lỗi họ đã gây ra trong đời trước. Khi sống lại trở về dương thế người ấy kể mọi điều họ đã gặp thấy ở bên kia thế giới về các hình phạt đau đớn dành cho hạng người đã tạo nghiệp dữ và sự hạnh phúc an lạc ban thưởng cho những kẻ đã làm thiện khiến nhiều người đang sống trên thế gian thức tỉnh biết nghe theo lời Phật dạy để làm lành tránh ác.

Trong những chuyến du hành sang Tây Tạng trước đây tôi có dịp chứng kiến một buổi lên đồng. Sau khi chuẩn bị xong nơi chốn và mọi việc, một vị thầy Pháp được chọn ngồi đồng. Tôi thấy toàn thân ông ta bỗng nhiên cử động rùng mình uốn éo nghiêng qua lắc lại. Ít lâu sau, hình như một vị thần linh nào đó đã nhập vào thân xác ông khiến ông bắt đầu phát âm với giọng nói đầy xa lạ hết sức huyền bí. Nhưng lần này tại Yatung người ngồi đồng là một thiếu phụ tuổi gần 50, có vẻ mặc mạc chất phác, làm ăn lam lũ, dãi nắng dầm mưa. Người ta hy vọng bà sẽ nhìn vào cái gương Trung Hoa bằng kim loại để đoán trước mọi việc sắp xảy ra. Chiếc gương này để dựng đứng trên một bát gạo đặt trước bàn thờ, và một tấm gỗ vuông có vẽ tượng ngài Jampeyang để ngay sau tấm gương. Bao quanh các vật này là một tấm dải lụa mà người Tây Tạng thường dùng để trao tặng vào dịp viếng thăm nhau.

Trong phòng tối các cửa đóng kín tỏa ánh sáng mờ chập chờn của hai tim bắc đèn trước chiếc gương, Lạt Ma Gyese bắt đầu làm thầm đọc các câu thần chú giữa những tiếng trống và tiếng chuông. Rồi ông ta cầm lấy một mũi tên được bao quấn trong một đồng dây bằng màu sắc rực rỡ và phát vẩy nó một cách cuồng nhiệt trong lúc giọng tụng chú của ông chuyển đổi sang một âm điệu khác. Bây giờ hình như thần linh đã nhập vào vị Lạt Ma và như có một sức mạnh vô hình nào bên trong thúc đẩy khiến hai môi của ông đọc càng nhanh hơn giữa những tiếng trống đánh mau dồn dập. Bất thần Lạt Ma Gyese vãi một nắm gạo trên chiếc gương và truyền lệnh cho người đàn bà mở miệng nói. Chúng tôi nhìn chăm chú vào mặt tấm gương trong lúc tay người thiếu phụ cầm những cây hương vẩy mạnh và miệng phát lời nói bảo rằng bà ta trông thấy có ba người đang đi về hướng Lạp Tát (Lhasa) cùng với tiếng chim tu hú kêu ba lần trong đêm khuya. Đây là dấu hiệu báo trước sẽ có ba người được vào cấm thành Lạp Tát.

Hôm sau chúng tôi nhận được tin hoàn toàn trái ngược với lời tiên đoán huyền bí trên. Mặc dù sau nhiều ngày mòn mỏi trông chờ, chỉ có mình tôi được chính quyền Tây Tạng cấp giấy phép cho vào Lạp Tát mà thôi. Nhiều năm qua của vào Tây Tạng đã bị đóng kín không phải chỉ bởi những lý do đã nêu trên mà còn vì có quá nhiều đơn của du khách muốn xin vào thăm xứ này. Vài năm trước, những người được cấp giấy phép đặt chân đến Tây Tạng đều nhận thấy họ cần phải kính trọng các phong tục và tín ngưỡng của dân chúng địa phương.

Chiếu khán gửi từ Lhasa (Lạp Tát) ngày 7 tháng 5 đến ngày 18 tháng 5 tôi mới nhận được tại Yatung. Thông thường nó được viết bằng tay trên một tấm giấy mỏng lớn, nội dung như sau:

"Xin thông báo cho những vị xã trưởng và nhân viên các quận, làng xã từ Yatung đến Lhasa (Lạp Tát) được biết ông

G. Tucci, người Ý Đại Lợi, đã được cấp chiếu khán vào Lạp Tát. Trên đường các quận ông ta đi ngang qua, xin quý vị vui lòng cung cấp đầy đủ thức ăn theo giá hiện hành cho bốn con ngựa để cỡi và hai con ngựa vận chuyển đồ đạc. Ngoài ra, nhiên liệu và các thực phẩm khác như trứng, sữa v.v... cũng xin bán cho ông với giá phải chăng. Xin quý vị đừng gây khó khăn và trở ngại gì cho cuộc hành trình của ông đến Lạp Tát. Chiếu khán này cấp để ông được phép vào thủ đô. Ngày 4 tháng 4 năm con Chuột".

Sau khi nhận được chiếu khán, chúng tôi liền ấn định ngày lên đường. Sự khó khăn của tôi không những chỉ vì số lượng quá nhiều ngựa và hàng hóa cồng kềnh phải mang theo đường xa mà chúng tôi còn bận nghĩ tới vấn đề cần xem chọn một ngày tốt cho cuộc khởi hành. Tại Ý Đại Lợi người ta hay tin dị đoan bảo rằng thứ ba và thứ sáu là hai ngày xấu cho việc cưới hỏi và xuất hành. Tôi thì chẳng bao giờ tin nhảm như thế, vẫn thường chọn các ngày đó để khai trương những công chuyện làm ăn buôn bán quan trọng. Nhưng ở đây thì mọi điều lại khác hẳn. Trước hết, đoàn du hành không phải chỉ có mình tôi mà rất đông người và tất cả ai cũng tin rằng nếu chọn ngày xấu để khởi hành thì đoàn chúng tôi sẽ gặp nhiều khó khăn.

Nếu không làm theo ý của những người này có nghĩa rằng tôi đã phá hủy niềm tin và thiện chí của họ. Cho nên tôi đã nhờ một nhà chiêm tinh xem lịch Tây Tạng và ông ta bảo rằng ngày tốt cho đoàn chúng tôi lên đường là thứ hai tuần sau 24 tháng 5 năm 1950. Tôi rất tiếc chỉ có hai ông Sirdar Benzing và Van Tendsin được phép đi theo tôi, còn một số bạn tôi không xin được chiếu khán nên đành phải ở lại. Riêng Lạt Ma Sangpo của tôi đã lên đường đi Lạp Tát trước để nghiên cứu tình hình và sắp xếp mọi chuyện cho tôi đến sau. Chúng tôi đã gia nhập với những đoàn du hành khác đi theo con đường nối liền Ấn Độ và Tây Tạng qua Sikkim để vào Lạp Tát (Lhasa).

Trên đường đi chúng tôi gặp các nhà buôn, tu sĩ, du khách hành hương, những vị Lạt Ma trụ trì các ngôi chùa lớn và nhiều nhân vật quan trọng khác. Chẳng hạn tại Yatung, tôi gặp nhà Phật Học danh tiếng, Lạt Ma Trommo ở chùa Dunkar. Trước lâu tôi đã gặp ông ta tại miền tây Tây Tạng. Lúc ấy ông đã già lắm rồi và được các Phật tử kính trọng xem như một trong những Lạt Ma đạo đức nhất Tây Tạng. Sau đó ông qua đời, và người ta tin rằng ông sẽ tái sinh lại ở một tỉnh biên giới nơi giáo phái Mũ Đỏ đang thịnh hành để tiếp tục công việc hoằng pháp độ sanh của ngài. Thật vậy, sau này Lạt Ma Trommo đã sinh ra làm đứa bé trong một gia đình quý tộc ở Sikkim. Lúc bấy giờ Lạt Ma mới 14 tuổi và đang được các vị Giáo thọ hướng dẫn dạy dỗ để có thể trở thành một danh tăng Tây Tạng về sau.

(Còn tiếp)



Bát Bát Trung Đạo

• Thích Như Điển

Chúng ta sống trong thế giới ngày hôm nay đã cách xa Đức Phật hơn 2500 năm lịch sử và cách xa Ngài Long Thọ (Nagajuna) tác giả của Trung Quán Luận là 1.800 năm. Nghĩa là Ngài sinh ra đời tại miền Nam Ấn Độ cách Phật xuất thế khoảng 700 năm; nhưng từ ấy đến nay giáo lý ấy vẫn còn có giá trị thực tiễn. Mặc dầu chúng ta đang sống trong một thế giới văn minh tinh thần và vật chất tại Âu Mỹ này.

Bát bát gồm có 8 loại không. Đó là: Bát sinh bất diệt, bát đoạn bất thường, bất nhất bất dị và bất khứ bất lai. Đây là 8 loại lập luận để thấy con đường trung đạo. Nghĩa là không phải cái này mà cũng chẳng phải cái kia. Thông thường chúng ta chấp có, chấp không, chấp còn chấp mất, chấp sinh chấp diệt, chấp đến chấp đi v.v... Vì lẽ ta dùng con mắt bình thường của thế gian để xem và phán xét như thế. Còn Bồ Tát nhìn sự vật của tâm thức trước và sau rốt không vô định, chẳng có giới hạn bởi thời gian và không gian; cho nên mới đưa ra lập luận ấy.

Thế nào là **bất sinh bất diệt**? Nghĩa là ta vốn chẳng sinh ra và cũng chẳng mất đi. Cái mà gọi là sinh đó, thật ra nó chỉ là một hiện tượng. Vì ta thấy có một con người, một sự vật hiện hữu ở đời này. Rồi sống một thời gian trên cõi thế để rồi một ngày nào đó ta phải ra đi; gọi việc ấy là mất; nhưng mất cái gì và còn cái gì? - Cái được gọi là mất đó thật sự ra nó cũng chỉ là một sự trả lại cho đất trời vạn vật; cho đất, nước, gió, lửa mà thôi. Vì khi ta sinh ra ta đã vay mượn của thiên nhiên vạn vật thì khi ta chết đi ta chỉ trả lại mà thôi. Do vậy mà dưới mắt Bồ Tát chẳng có sự sinh và chẳng có sự diệt. Ta mất chỗ này, ta sẽ hiện hữu ở nơi khác và từ nơi khác sẽ đến chốn này để tồn tại một thời gian; rồi một ngày nào đó sự hiện hữu ấy cũng phải thay đổi vậy.

Bát đoạn bất thường; nghĩa là chẳng mất mà cũng chẳng còn. Cái chẳng mất ấy chính là tâm thức của ta. Tâm ta giống như một dòng điện. Dòng điện ấy luôn luôn tồn tại ở mọi nơi, mọi chỗ và mọi hình thức khác nhau; nhưng khi một bóng đèn cháy rồi, ta không còn thấy ánh sáng nữa, ta gọi là mất; nhưng thực sự ra ánh sáng ấy vẫn còn, nó đang hiện hữu trong dòng điện ấy. Bằng chứng là nếu ta thay một bóng đèn khác thì nó sẽ sáng lên. Ánh sáng ấy nói là thường cũng không đúng, mà nói là mất cũng không đúng. Vì lẽ ánh sáng ấy chỉ thay đổi, xê dịch tùy thời mà thôi. Tâm thức ta cũng giống như vậy. Khi ta còn cảm giác thì bảo rằng ta biết. Khi hơi thở hết rồi thì gọi là chết, mà ngay cả hơi thở ấy cũng vay mượn của đất trời, chứ đâu có cái gì là của ta. Nó không có chủ thể thật sự. Khi hít không khí vào để nuôi dưỡng phổi, rồi thở không khí ra để tạo sự tuần hoàn. Khi không còn hít thở được nữa thì ta bảo rằng đã dứt sự sống. Tâm thức ấy thực sự ra không hoàn toàn là một tâm thức độc lập. Nếu ta là người thì tâm ta là người. Nếu ta là vật thì dòng tâm thức ấy sẽ thay đổi thành sự nhận biết của con vật, chứ không thể là sự nhận biết của con người được. Do vậy nếu nói tâm ấy thường còn là điều không đúng.

Như vậy tâm ấy sẽ đi về đâu? - Đó chỉ là một sự biến tướng của sự nhận thức. Khi làm chúng sanh thì tâm ấy là chúng sanh. Khi làm A La Hán thì tâm ấy sẽ chuyển đổi; khi làm Bồ Tát thì tâm ấy lại càng mạnh mẽ hơn để lao vào đời mà cứu độ chúng sanh. Khi thức đã chuyển thành trí trọn

vẹn thì tâm ấy là Niết Bàn, Vô Ngã, Chơn Như, Tịch Tĩnh. Cũng là một dòng nước; nhưng khi chảy đến chỗ đất lở thì ta thấy đục và khi chảy đến chỗ cát hoặc sỏi đá ta thấy trong. Sở dĩ ta thấy trong hay đục là do nhận thức chấp trước của mình mà có, chứ thật ra nước không trong mà cũng chẳng đục. Do vậy mà tâm này cũng chỉ thể thôi.

Bất nhất bất dị nghĩa là không phải một mà cũng chẳng phải khác. Điểm này hơi khó. Vì lẽ ít có loại triết học nào giống như triết học của Trung Quán. Đa phần các học thuyết khác đều dựa vào một đấng thần linh để làm chủ thể sinh ra vạn vật và có mọi quyền năng bắt buộc loài người phải tuân theo; nhưng ở giáo lý của Đức Phật không có điều đó. Có nghĩa là không ai sinh ra loài người cả. Ngoại trừ nghiệp lực của con người đã tự tạo trong quá khứ và chính nghiệp này đã và sẽ dẫn ta đi lên thiên đường hay xuống địa ngục mà thôi. Trong truyện Kiều phần hết có 4 câu thơ thật hay có thể diễn tả được tính cách này.

*"Đã mang lấy nghiệp vào thân
Cũng đừng trách trời xanh trời xa
Thiện căn vốn tại lòng ta
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài"*

Có lẽ nhờ tụng kinh Kim Cang 300 lần; mỗi lần ít nhất là một tiếng rưỡi đồng hồ; nên cụ Tiên Điền Nguyễn Du mới kết được truyện Kiều thâm thúy như vậy.

Rõ ràng là do nghiệp và vô minh tạo tác mà thành, rồi biến đổi; chứ tuyệt đối chẳng có cái gì sanh và bị sanh, ngoại trừ nghiệp lực chi phối. Điều quan trọng ở đây là gốc vốn thiện ở cõi lòng thì kết quả của nghiệp là thiện chứ không thể trái ngược lại. Nếu có, và chẳng đó chỉ là sự vay trả chưa xong của nhiều đời; nên bây giờ phải trả tiếp đó mà thôi.

Không khác mà cũng không nhiều hay không giống. Điều ấy có nghĩa là ngoài cái này không có cái kia; hoặc ngược lại. Như ngoài A không có B và ngoài B không có A.

Nhưng nguyên luận hay nhị nguyên luận và tam đoạn luận của Âu Châu cũng xuất hiện đồng thời với Trung Quán Luận nhưng không thể sánh bằng và Trung Quán Luận đã vượt lên trên tất cả mọi lập luận ấy vào những thời buổi ban đầu của thế kỷ thứ 2 sau Tây lịch.

Ở Âu Châu thời ấy chỉ có một vị thần sinh ra mọi sự thường phạt của thế gian. Điều này không có trong giáo lý Phật Giáo. Như vậy nó sẽ vô lý là ai đã tạo ra vị thần kia? Hay vị thần ấy tự sinh? Nếu tự sinh thì không đúng với luật tuần hoàn của vũ trụ và của khoa học.

Nhị nguyên luận có nghĩa là cái này có cho nên cái kia có. Nếu cái này không có thì cái kia không có. Ví dụ như A sinh ra B, rồi B sinh ra C. Nếu A không có thì B sẽ không có và dĩ nhiên là không có C. Nhưng câu hỏi được đặt ra cho phái nhị nguyên luận của Âu Châu là ai sinh ra A thì họ không trả lời rõ ràng.

Tam đoạn luận thì đa phần chúng ta đều biết. Đó là triết thuyết của Socrates người Hy Lạp, đương thời đã thuyết phục được Âu Châu là:

*"Tất cả mọi người đều phải chết
Tôi là người
Vậy tôi phải chết"*

Đây là một sự lập luận gián đoạn và chỉ có tính cách thời gian, chứ không có tính cách phổ quát. Còn Trung Quán Luận thì không giống như 3 loại lập luận của triết học Âu Châu thuở bây giờ. Ngài Long Thọ lập luận là: Trong cái này nó có cái kia và trong cái kia nó có cái này. Ta đang sống cũng có nghĩa là ta đang đi đến chỗ chết. Và sự sống chỉ là sự tiếp nối của cái này và cái kia trong một thời gian nhất định nào đó, rồi nó thay đổi.

Ví dụ như trong cây bao giờ cũng có hoa và trong đá bao giờ cũng có lửa. Về mùa đông ta không thấy hoa; nhưng khi xuân đến hoa kia lại khoe sắc thắm. Vậy hoa từ đâu mà có? Do biến thể của đất trời vạn vật và thiên nhiên; nhưng hoa chỉ trở khi có đầy đủ yếu tố thuận lợi. Phật tánh cũng giống như thế. Phật tánh ấy không ngoài mà cũng chẳng ở trong. Nhưng nếu đầy đủ yếu tố thì cái tánh Phật ấy sẽ thành Phật; chứ ta không cần đi tìm Phật ở bên ngoài.

Lửa cũng như thế, vốn tự có trong đá. Ta chỉ cần va chạm 2 hòn sỏi, cục đá với nhau thì ta sẽ có lửa. Điều kiện ắt có và đủ ở đây chính là động tác tạo lửa; cũng không phải vì ta làm cho va chạm mà có lửa. Vì lửa đã sẵn có; nhưng vì điều kiện lúc ấy đã chín muồi; nên lửa lại phát sanh. Phật tánh cũng giống như vậy. Do những tư lương Bồ Đề thành thực thì Phật tánh lại hiển lộ. Do vậy mà ta thấy có người đã thành Phật, mà có kẻ vẫn còn là chúng sanh.

Bất khứ bất lai là chẳng đến mà chẳng đi. Thân và tâm này thật ra cũng chẳng từ nơi nào đến mà cũng chẳng phải đi về đâu. Ví như gió thổi, mây bay. Ta ở đây thì có gió, cây bị động. Nên ta thấy có hiện tượng gió; nhưng gió bắt nguồn từ đâu và sẽ đi về đâu thì chẳng ai trả lời được. Tâm này cũng thế; nó hiện khi ta thức và nó ẩn khi ta ngủ. Nếu nói lúc ngủ không còn tâm thì tại sao khi ta thức, cái sự hiểu biết ấy nó lại hiện hữu và khi ta chết thì bảo là mất; nhưng cái biết ấy nó sẽ mất đi đâu và nó sẽ đi về đâu?

Vậy thì trước khi ta đến thế giới này, ta là ai? Và sau khi ta chết đi, ta sẽ đi về đâu? Theo lập luận của Ngài Long Thọ thì ta không đến mà ta cũng chẳng đi. Sở dĩ mà ta thấy có đến và có đi, vì ta thấy có sự hiện hữu của một con người, với thân tứ đại này; nhưng con người ấy nó sẽ không là gì cả so với cái to lớn của đất trời vạn vật và của không gian cũng như thời gian trong một hay nhiều kiếp lai sinh.

Trong thân thể của mình có sự vay mượn và sự hiện hữu của mẹ cha. Thế mà khi cha mẹ hay người thân mất ta bảo là không còn gì nữa. Đó là một sự ảo tưởng. Tại sao không còn? Thử hỏi dòng máu này, gương mặt kia từ đâu mà có, nếu không phải từ cha mẹ sinh? Do vậy mà ta bảo rằng mất; nhưng điều ấy chẳng mất; nó chẳng mất mà nó cũng chẳng còn. Vì nó phải bị chi phối bởi thời gian, nên phải chết và thay đổi dáng hình. Như vậy ta bảo rằng đi khuất hay đã mất; nhưng khuất cũng có nghĩa là sẽ hiện lại khi cần và cái mất ấy chỉ có tính cách tương đối, chứ chưa và không tuyệt đối. Vậy thì tâm này hay thức này nó chẳng từ đâu đến và khi mất đi thì nó cũng chẳng đi về đâu. Do vậy mà trong kinh Kim Cang, Phật dạy rằng:

"Quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc và vị lai tâm bất khả đắc". Nghĩa là tâm quá khứ đã chẳng được, tâm hiện tại cũng như thế và tâm vị lai thì biến đổi trong từng sát na sanh diệt. Vậy thì cái gì là có, cái gì là không? Cái gì còn và cái gì là mất? Dưới mắt của Bồ Tát thì mọi hiện tượng trong thời gian này chỉ là một sự biến tướng giống như người mang cặp kính nhiều màu. Khi đeo màu này thì ta thấy đối tượng là màu ấy. Khi ta thay đổi màu khác thì ta bảo rằng đối tượng kia đã đổi màu; nhưng trong thực tế thì đối tượng không thay đổi, chỉ có ta đang thay đổi vị thế của các cặp kính ấy.

Trung Đạo là nói về cái trí sở tác. Chính quán và Trung quán là nói về cái trí năng chứng ấy. Hơn nữa đối với thiên (lịch lạc) thì gọi là Trung, đối với tà thì gọi là chính. Trung Đạo ở đây có nghĩa là:

"Phi nhất, phi nhị thị vi trung đạo"

Nghĩa là: "Không một mà cũng chẳng hai, đó là con đường chính giữa"

Con đường chính giữa là con đường phủ nhận những loại cực đoan bên này hay bên kia, tốt hay xấu. Đây là cái lý. Còn điều chính yếu là nói về cái trí năng phân biệt mọi việc của tâm thức. Ta sẽ biết đâu là đúng và đâu là sai. Sở dĩ mà có sự sai đúng. Vì ta chấp vào chỗ thấy biết của mình làm chủ; nhưng thật sự ra sự thấy biết của mình căn cứ nơi cái gì để cho là đúng. Tất cả cũng chỉ là sự chấp ngã và

chấp tướng và ngay trong sự chấp đó cũng đã có sự thay đổi rồi; nên chẳng có gì là chân lý khi tâm ta vẫn còn vọng động và đối đãi. Cái tuyệt đối ở đây có nghĩa là mọi vật và mọi việc nó là: "như nhị". Như thế ấy đó. Cái gì đến cứ để cho nó đến. Cái gì đi hãy để cho nó đi. Hãy đừng tiếc thương, ái luyến. Cũng đừng sầu khổ, vẫn vương. Điều quan trọng là hãy biết chấp nhận sự thật của cuộc đời. Mà sự thật của cuộc đời là gì? - Là cái không to tướng, là cái không do mọi sự giả hợp mà thành. Sở dĩ ta khổ đau bởi vì ta thấy có. Bây giờ ta hiểu được lẽ trung đạo rồi thì có không nó cũng chẳng phải thực tướng nên ta không bị chi phối bởi đối tượng, mà ta phải làm chủ lại đối tượng. Do vậy mà Minh Châu Hương Hải Thiền Sư của Việt Nam chúng ta thời Trịnh Nguyễn phân tranh, nói rằng:

*"Có thời có tự mây may
Không thời cả thế gian này cũng không
Cho hay bóng nguyệt dòng sông
Nào ai hay biết có không là gì?"*

Có thì một chút cũng gọi là có, mà không thì to lớn bao nhiêu cũng gọi là không. Khi bóng trăng chiếu trên mặt nước thì ta bảo rằng có trăng, có nước và khi trăng di chuyển đi nơi khác, mặt nước vẫn còn đó; nhưng ta lại chẳng thấy trăng đâu, rồi ta lại nói không. Đây chỉ là một hiện tượng vẫn xoay của mặt trời, mặt trăng và quả đất. Còn ta, ta vẫn bị cái đến đi nó chi phối trong từng giờ từng phút như vậy.

Hai câu cuối mới thật là tuyệt vời. Giống như 2 câu thách đố của những hành giả tu hành. Đó là việc có không ấy ai biết được. Kẻ nào biết được thì chính kẻ ấy là kẻ hiểu đạo. Rõ được đường đi lối về của 2 nẻo tử sinh. Trong đời này chỉ có việc sinh và tử là quan trọng, mà biết được và làm chủ được chính mình, thì còn gì hơn được nữa.

Đối với những bậc giải thoát giác ngộ thì tâm thường tự tại an nhiên, tràm tịch. Tuyệt nhiên không gợn một chút phiền não nào. Còn tâm ta cũng vậy; nhưng chỉ toàn là bụi trần che phủ nên khi hành động một việc gì thì cũng chỉ toàn là khổ đau và sầu muộn. Ta đã biết mọi lý kỹ rồi. Bây giờ chỉ còn chấp nhận và thực hành thì mới có kết quả khả quan được. Nếu không hạ thủ công phu ngay từ bây giờ thì chẳng khác nào ta thấy một món ăn ngon mà ta chưa cầm đũa và chưa thưởng thức thì giá trị của món ăn ấy ta vẫn chưa cảm nhận được trọn vẹn nơi khẩu vị của mình. "Có thực mới vực được đạo" là vậy. Chữ thực ở đây không nhất thiết là ăn mà là chứng thực hay hiểu rõ được chân lý. Ấy là thực. Thực đây là hiểu sự thật của vạn pháp và rõ được đường đi lối về.

Giáo lý Trung Đạo này do Ngài Đại Luận Sư Long Thọ đã chủ trương, nhằm xiển dương tinh thần Đại Thừa Phật Giáo và lấy từ căn bản của Phật Giáo Nguyên Thủy. Ngay cả Phật Giáo Nguyên Thủy cũng chưa hẳn đã hoàn toàn chấp nhận quan điểm này; nhưng theo Ngài, Ngài bảo rằng: Tất cả nền giáo lý ấy mà không có một phái ngoại đạo nào phá vỡ được, thì đó chính là giáo lý của Đức Phật và là giáo lý của Đại Thừa". Nói như thế không sai. Vì lẽ cái này khi lớn lên không phải chỉ có một cái gốc, hay chỉ có một cành, mà cành ấy phải tỏa ra cành lá sum sê thì cây ấy được gọi là cây phát triển. Ở đây tinh thần Đại Thừa giáo cũng vậy, lấy những điểm chính trong giáo lý của Đức Phật để xiển dương tinh thần giác ngộ giải thoát. Tuy có đi ra ngoài khuôn mẫu; nhưng nó là sự phát triển của một thân cây, nhất là cây ấy đã có mấy ngàn năm lịch sử.

Viết xong trong khóa Tu Giới Duyên kỳ 7
tại Chùa Viên Giác Hannover từ ngày 1 đến 14 tháng 7 năm 2005



Đoàn Văn Thông

Chương VI Hiện tượng ma quỷ

(Tiếp theo VG số 147)

• Ma quá giang

Nhiều người đi trên đường khuya vắng đôi khi bất gặp ma và có khi trông rõ như người thật nên đôi lúc lại không nghĩ rằng mình đã gặp ma.

Trường hợp Richard Sage một người chuyên đi làm bằng xe ô-tô trên đường St. Mary's Lane gần Cranham ở Essex đã kể lại như sau: "Hôm ấy nhằm lễ Giáng Sinh, tôi cùng với 3 người bạn khác lái xe đi chơi. Thình lình trước mặt chúng tôi xuất hiện một người mà từ điện mạo đến cách ăn mặc giống hệt một nhà tu, ông ta đứng ngay giữa đường rồi bất thần biến mất. Người bạn ngồi phía trước tôi thấy rõ hồn ma ấy nhất nhưng khi hỏi lại thì chỉ có tôi và người bạn ấy là thấy hồn ma mặc áo nhà tu còn hai người kia lại không trông thấy. Điều kỳ lạ là đêm hôm sau lúc ấy là tháng 12.1979, cũng tại địa điểm này hình ảnh này lại hiện ra và lần này tôi lái xe một mình và tôi thấy người lạ ấy đứng ngay giữa đường như để cố tình cho tôi thấy rồi vụt biến mất.

Nhiều người cũng đã trông thấy hình ảnh ma quái xuất hiện bất thần ngay giữa đường vắng nhất là đêm khuya như thế. Dee Goss, người đã quả quyết mình trông thấy hồn ma đã mô tả lại như sau: "Tôi thấy con ma đội mũ trùm đầu, điều khủng khiếp là không có chân nên trông như lơ lửng, trôi nổi dật dờ ngang qua con đường ngay trước mặt chúng tôi, tôi đã thấy

hình ảnh này rất rõ, có thể phân biệt từng chi tiết".

Vào năm 1976, 1978 hồn ma trên còn được thấy lại nhiều lần trên đường và mới đây một hình ảnh về hồn ma với mũ trùm đầu lại xuất hiện và nhiều người đã thấy rõ ràng ngay trên đường vòng của xa lộ gần cầu Stocks ở phía nam Yorkshire (Anh Quốc). Hai người tuần cảnh ban đêm đã thấy một hồn ma với mũ trùm đầu (giống như hình ảnh đã thấy ở nhiều nơi) trên cầu Pearoyd, ngoài ra có đêm một trong 2 người lại còn thấy hình ảnh lạ lùng kỳ dị khi giữa đêm khuya thanh vắng bỗng có 3 đứa bé im lặng nhảy múa quanh cột điện cao thế.

Trong Modern Mysteries of Britain còn ghi nhận nhiều sự kiện đáng lưu ý về hồn ma xuất hiện trên đường, ở đây có sự khác biệt và linh hoạt hơn. Ấy là ma đón đường xin quá giang (người Anh, Mỹ thường gọi là Phantom hitch-briker) sau đây là vài trường hợp có thật đã xảy ra.

Năm 1951 tại Lakenheath, căn cứ không quân ở Suffolk một cảnh sát đã lái xe quanh căn cứ vào ban đêm và đã thấy một phi công trong bộ quân phục xuất hiện giữa đường và làm hiệu muốn quá giang xe. Người cảnh sát dừng xe lại để cho viên phi công bước lên. Viên phi công này xin mời lửa điếu thuốc nhưng khi ngọn lửa từ hộp quẹt lóe lên thì viên phi công bỗng biến mất, người cảnh sát kinh ngạc và rợn tóc gáy thấy cái ghế ngồi trong xe, nơi mà viên phi công vừa ngồi trống rỗng một cách dễ sợ. Về sau, qua cuộc điều tra, người ta được biết ở góc căn cứ này trước đây đã xảy ra một tai nạn thảm khốc, một chiếc quân xa đã đâm xam vào một viên phi công trẻ tuổi đang đứng trên đường đi bộ đến căn cứ. Nhìn ảnh chụp người lính không quân này, người cảnh sát lái xe đêm ấy đã khẳng định rằng đó chính là người đã xin quá giang và đã biến mất sau đó.

Trường hợp tương tự cũng đã xảy ra tại Oklahoma (Hoa Kỳ) vào mùa đông năm 1965. Lúc đó cô Mac Doria đang lái xe chạy trên xa lộ 20 hướng đông của đường Claremore thì gặp một cậu bé trạc 12 tuổi đứng bên đường đưa tay khoát khoát ra dấu chặn xe lại xin quá giang. Cô Mac Doria dừng xe lại hỏi cậu bé muốn về đâu, cậu bé đưa tay chỉ về phía trước nói: Nhà cháu ở đâu kia kia... Cô Mac Doria để cậu bé ra ngồi ở ghế sau, họ nói chuyện với nhau cho đến khi xe đến gần Pryor thì cậu bé ngỡ ý muốn xuống xe ở vị trí cống nước gần đó. Khi đó Mac Doria chạy xe chậm lại, cô lấy

làm lạ vì vùng này chẳng có nhà của gì cả còn cây cối thì thưa thớt, có nơi tro bụi trông hoang vu vắng vẻ vô cùng. Khi đó, Mac Doria hỏi cậu bé: "Nhà cháu ở đâu?". Cậu bé lại chỉ tay về phía trước và nói: "Nhà cháu ở kia kia!". Cô Mac Doria quay mặt về hướng mà cậu bé vừa chỉ nhưng chẳng thấy nhà của nào ngoài vùng đồng trống, cô ngạc nhiên quay lại thì không thấy cậu bé ở trong xe nữa. Quá kinh ngạc, cô vội ngừng xe lại, vậy cậu bé ra khỏi xe lúc nào? Cô Mac Doria cảm thấy hoang mang, cô cứ nghĩ là cậu bé đã nhảy ra khỏi xe rồi nhưng tại sao cửa xe vẫn còn đóng chặt? Cô lái xe chạy quanh nhiều vòng nơi vùng đồng trống cạnh xa lộ nhưng vô ích, hình bóng cậu bé vẫn biệt tăm... Điều kỳ lạ là lúc ấy cô không cảm thấy điều gì khiến phải lo sợ hay kinh hãi cả. Nhưng sau đó nghĩ lại cô mới cảm thấy rờn rợn trong người.

Hai năm sau, nhân lúc rảnh rỗi, gặp người đi thu tiền hơi đốt, cô Mac Doria kể cho anh ta nghe chuyện liên hệ đến việc cô gặp cậu bé xin quá giang và biến mất một cách lạ lùng ngày nào, thì người này cho biết là cậu bé mà cô gặp và đã chờ đi một đoạn đường là chuyện có thật và nhiều người lái xe qua đó cũng đã gặp trường hợp tương tự nghĩa là cậu bé xuất hiện ra hiệu xin quá giang xe về nhà nhưng nửa đường thì biến mất. Người đi thu tiền hơi đốt nói: "Tôi đã nghe chuyện về cậu bé này từ lâu. Đó chính là một hồn ma và sự việc này xảy ra lâu rồi, từ năm 1936 chớ không phải mới đây..."

Chuyện ma xin quá giang xảy ra không riêng gì tại một quốc gia nào. Nhiều tài liệu thu thập được từ những chứng nhân ở nhiều quốc gia khác nhau, họ là những người đã thấy rõ hồn ma và cũng chính họ đã chờ những ma đó đi một đoạn đường.



Khúc đường ma quái.

Tại Việt Nam không hiếm trường hợp này xảy ra. Một vài thí dụ điển hình mà chúng tôi xin lược kể ra đây đều là những trường hợp hoàn toàn có thật do các nhân chứng trong cuộc kể lại:

Ông Trùm Mày nhà ở Nam Giao, Huế, chuyên nghề chạy xe kéo, loại xe này rất phổ biến vào khoảng thời gian 1939 đến 1945. Một đêm nọ, trời gần khuya, ông Trùm Mày định kéo xe về nhà nghỉ nhưng tự nhiên thay vì kéo xe chạy về phía cầu Gia Hội để về Nam Giao (qua cầu Tràng Tiền), ông ta lại kéo xe chạy theo đường Hàng Đường để về Cống Kè Trại. Xe chạy một quãng, ông bỗng thấy một cô gái từ dưới bến sông Đông Ba bước lên, cô gái mặc bộ đồ trắng, đầu đội nón lá vừa bước lên vừa đưa tay vẫy vẫy ra hiệu xe dừng lại. Ông Trùm Mày vội vã ngừng xe, cô gái có vẻ hấp tấp vừa đưa tay chỉ về phía trước vừa nói - tiếng nói rất nhỏ như sợ có ai nghe: "Chờ tôi về gần bến đò chợ Bao Vinh". Ông Trùm Mày cố định thần nhìn cho kỹ mặt cô gái nhưng vì tóc cô gái để xóa nên chẳng thấy rõ mặt mày. Điều ông làm lạ là cô gái mảnh mai quá nên nhẹ tênh, ông kéo xe mà cảm thấy như chạy xe không. Qua khỏi Cống Kè Trại và chạy độ 20 phút nữa, ông nghe tiếng trống trời khuya vọng lại. Bất giác ông chạy chậm xe và ngoái cổ lại để hỏi chuyện cô gái, nhưng lạ lùng chưa, cô gái không còn nữa. Chỗ ngồi trên xe kéo trống không và yên lặng một cách dễ sợ. Ông Trùm Mày sợ quá đến nỗi nổi gai ốc toàn thân, ông cầm đầu quay xe lại và ba chân bốn cẳng kéo xe chạy thục mạng về nhà. Sáng mai lại, ông đem chuyện lạ hồi hôm kể lại cho ông Lý Trường ở làng Bình An nghe. Người lão bộc trong nhà ông Lý Trường cho biết ở quảng đường gần Cống Kè Trại đến bến đò Bao Vinh có một cái am nhỏ thờ cô gái bị chết trôi, trước đó độ 5 năm cô gái này bị chết nơi bến đò gần Cống Kè Trại, xác nổi lên tấp vào gần bờ, vướng vào gốc, rễ những cây già cổ nơi bến và nhiều đêm hay xuất hiện than khóc hay chặn người qua đường để hỏi thăm, chuyện trò hoặc xin đi nhờ nếu gặp ai có phương tiện chuyên chở đi qua đó. Theo người lão bộc (ông Ngọng) thì có lần hai người đánh xe bò qua đó cũng đã gặp cô gái từ dưới bến sông (Đông Ba) đi lên xin đi nhờ một đoạn đường. Khi xe đi được khoảng nửa tiếng thì bỗng nhiên họ nghe một tiếng "bòm" như có vật gì rơi xuống sông. Ngay lúc đó hai người đánh xe bò rớt tóc gáy vì cô gái ngồi trên xe đã biến mất tự bao giờ (lúc đó khoảng 1 giờ sáng).

Huế có một địa danh đặc biệt là Ô Hồ. Xóm Ô Hồ là nơi có nhiều ao hồ, nhiều nhà có vườn cây cối sầm uất âm u. Nơi đây thường phát xuất nhiều chuyện ma do bà con quanh vùng kể lại và họ khẳng định những chuyện ấy đều có thật.

Câu chuyện có thật sau đây đã xảy ra tại vùng Ô Hồ gần trường Tiểu Học Gia Hội (Huế). Anh Hình trước ở làng Đại Lược sau lên thành phố Huế làm nghề đạp xích-lô. Chuyện xảy ra vào mùa hè năm 1956. Ở Huế mùa hè trời rất nóng, anh Hình thường đạp xe đến quê khuya mới trở về nhà. Đêm đó, theo lời anh kể hình như là đêm rằm âm lịch, trời đầy trăng sao, anh đang đạp xe đi từ từ qua khỏi trường Tiểu Học Gia Hội và định tới chỗ quẹo sẽ đạp xe hướng về đường đi Mười Gian. Khi chiếc xích-lô vừa đến ngã ba thì anh thấy một người đàn bà đứng ngay nơi chỗ quẹo và đưa tay vẫy xe anh. Anh Hình vội vàng dừng xe lại. Dưới ánh trăng, anh thấy rõ gương mặt người đàn bà, rõ đến độ anh thấy nổi bật những dấu sẹo do bệnh đậu mùa để lại trên gương mặt người đàn bà. Anh hỏi: "Chị về đâu?" Người đàn bà vừa trả lời vừa bước lên xe: "Cho tôi đến chùa Bà". Khi xe sắp đến đường quẹo thì người đàn bà ra dấu ngừng xe và lấy trong ví ra hai tờ giấy bạc trao cho anh Hình rồi lăm lăm đi vào một khu vườn to lớn trồng toàn nhãn và vải. Anh Hình nhìn hai tờ giấy bạc loại 100 đồng và lấy làm lạ vì số tiền quá lớn cho một cuộc xe quá ngắn đường. Hay người đàn bà đã đưa nhầm, tưởng đó là giấy 10 đồng (bạc 10 đồng cũng vẫn lớn với thời đó). Vốn là người lương thiện, anh Hình nghĩ bụng, đến quê khuya, khu vườn nhà quá rộng và sâu hun hút không tiện vào kêu cửa, chỉ bằng để sáng mai đạp xe ngang qua nếu thuận tiện ghé lại xem thử ra sao. Thế rồi anh ta cất kỹ 2 tờ giấy bạc loại 100 đồng vào cái bóp để trong túi áo. Trước khi đạp xe về nhà, anh còn cẩn thận nhìn kỹ lại địa điểm mà người đàn bà có gương mặt rỗ hoa đã bước xuống xe để vào khu vườn sầm uất. Điều đáng nhớ là ngay tại đó có một cây vông đồng rất lớn.

Sáng hôm sau, khoảng 10 giờ, anh Hình đạp chiếc xích-lô đến địa điểm hồi hôm. Anh dừng xe lại bên cạnh cây vông đồng. Khu vườn rộng âm u và yên tĩnh quá anh đẩy xe vào vườn. Xa tít phía trong khu vườn là căn nhà xưa cổ, cửa đóng then cài. Có lẽ gia chủ đã đi vắng. Anh đẩy xe ra, quang cảnh yên lặng lạ thường qua một giàn hoa lài rũ xuống thấp lè tè có một ngôi mộ. Ngôi mộ này được chôn trong vườn

nhà. Trưa hôm đó anh ghé lại cái quán cơm gần Ô Hồ để ăn trưa. Khi mở cái bóp trả tiền anh ngạc nhiên không thấy hai tờ giấy bạc đâu cả. Tìm mãi cũng chỉ có những đồng bạc lẻ mà anh có từ trước. Nhưng trong ví lại có hai tờ giấy trắng dài bằng cỡ 2 tờ giấy bạc. Anh ngần ngừ suy nghĩ... Bỗng nhiên một cảm giác lạnh lạnh chạy dọc theo xương sống... như có một linh tính vụt đến... anh hỏi ngay người bán quán về cái khu vườn nơi gốc cây vông đồng và ngôi mộ trong vườn, thì người bán quán cho biết như sau: "Khu vườn đó là của ông Cả Để. Ông có người vợ bé, bà này ở chung với bà vợ lớn và bị bà vợ lớn của ông Cả Để ganh ghét, hành hạ đủ điều. Cách đây 2 năm, bà vợ bé bị bệnh đậu mùa, người trong nhà sợ bị lây tìm cách lánh xa. Sau đó bà vợ bé chết. Ông Cả Để thương tiếc vô cùng chôn ngay trong vườn... Hiện nay trong ngôi nhà ấy chỉ có một mình ông Cả Để thui thủi và sống qua ngày nhờ lợi nhuận thu hoạch trong vườn mà thôi. Bà vợ lớn thì đã bỏ vào Đà Nẵng lấy chồng khác. Ông Cả Để từ đó có vẻ tàng tàng như người mất trí...". Anh Hình nghe đến đó thì tự nhiên tay chân run rẩy, mặt mày tái mét. Lúc bấy giờ anh mới kể hết mọi sự cho người chủ quán nghe. Sau cùng người chủ quán nói: "Như vậy là anh gặp đúng bà vợ bé của ông Cả Để rồi! Với lại gương mặt rỗ hoa thì đích thị là bà ấy rồi... nhưng lại vong linh bà ấy, tuy rằng bà ấy trả cho anh hai tờ bạc giả, nhưng theo ôn mê tôi ngày trước thường kể thì những người đã giúp đỡ ma thường hay được phù trợ. Như anh đã có lần chở hồn ma bà vợ bé ông Cả Để, chắc anh cũng sẽ đất khách cho coi..."

Và quả thật, mấy tháng tiếp sau đó, anh Hình đã gặp may, chở được nhiều người và đôi khi còn được khách đi xe cho thêm tiền nữa.

Một trường hợp về "Ma Quá Giang" cũng đã được ghi nhận rõ ràng tại một địa điểm ở Nam Phi. Nhân chứng là một thanh niên tên là Dawie Van Jaarsveld. Chuyện có thật này đã xảy ra vào một đêm của tháng 4 năm 1978. Dawie Van Jaarsveld đêm đó lái chiếc mô-tô chạy trên đường. Khi gần De Rust anh bỗng thấy một cô gái đứng ngay giữa đường chặn xe anh lại và xin quá giang đến thành phố gần đó. Thật ra Dawie chỉ đoán vậy thôi vì chỉ nghe cô gái nói rất nhỏ giống như lầm thầm trong miệng và đưa tay chỉ về phía trước mà thôi. Dawie còn đưa mũ bảo vệ (loại mũ tròn đội đầu khi lái mô-tô chạy đường trường xa lộ) cho cô gái đội và luôn cả máy nghe nhạc gắn vào tai cho cô gái dùng. Chạy khoảng

10 dặm (10 miles) anh ta có cảm tưởng như bánh xe sau bị trượt nên ngừng lại để kiểm tra thử vỏ bánh xe. Nhưng lạ lùng thay, anh không thấy cô gái đâu nữa. Cái yên xe sau lưng trống rỗng và lạnh ngắt. Điều kỳ dị là cái mũ bảo vệ và bộ nghe nhạc lại buộc vào yên xe sau. Khi kể lại giai đoạn này cho mọi người nghe, Dawie đã nói như sau:

"Lúc ấy tóc tôi như dựng đứng cả lên và tôi rùng mình vì như có luồng hơi lạnh chạy dọc xương sống..."

Dawie tưởng rằng chỉ có một mình mình đã tiếp xúc với hồn ma và đã chở hồn ma đi một đoạn đường, nhưng sự thật, những người trong tiệm cà-phê Uniondale cũng đã thường nghe người đi đường ghé lại kể chuyện này. Ngày 12 tháng 5 năm 1976 nghĩa là trước Dawie 2 năm, một người tên là Anton Le Grange cũng đã chở hồn ma xin quá giang trên xe mình. Báo chí đã một thời đăng tải các tin kỳ lạ này. Sau đó qua những sự kiện báo chí đã đưa tin, một phi công đã khám phá ra một sự trùng hợp là người vợ chưa cưới của anh tên là Maria Roux đã chết trong xe hơi khi xe đâm sầm vào lề đường vào ngày 12 tháng 4 năm 1968 ngay tại địa điểm mà trước đây nhiều người lái xe đã dừng lại để hồn ma đi quá giang. Một bức ảnh chụp cô Maria Roux do người phi công cung cấp cho báo chí đã được những người từng ngừng xe lại giữa đường giúp cô gái quá giang nhận diện rõ ràng là họ đã thấy cô gái ấy trong đêm khuya có gương mặt giống cô Maria Roux. Điều đáng lưu ý nữa là ngay cả bộ quần áo của người chụp trong ảnh cũng giống quần áo cô gái mà họ đã gặp. Theo người phi công ấy thì cô Maria Roux tử nạn, cô mặc trên người bộ áo quần như đã chụp trong ảnh. Như vậy, phải chăng cô gái ấy chết vào ngày 12 tháng 4 năm 1968 gần De Rust và đã "hiện hồn" nhiều lần giữa đêm khuya để chặn các xe qua lại "xin quá giang" như các trường hợp đã kể trên? Điều đáng lưu tâm khác nữa là các lần xuất hiện thường ở vào khoảng tháng 4 hay tháng 5... Vào đêm 4 tháng 4 năm 1980, một thanh niên 20 tuổi tên là Andre Coetzee, đi trên chiếc xe mô-tô, khi ngang qua địa điểm mà hồn ma cô gái thường xuất hiện thì tự nhiên anh ta như cảm thấy có cái gì đó hoặc người nào đó lớn vờn trước mặt. Rồi bỗng nhiên anh có cảm giác lạ kỳ là như có cánh tay nào đó rất giá lạnh ôm ngang thắt lưng anh ngay từ phía sau tới và hình như có ai đó đang ngồi ở yên sau xe anh. Anh cố lấy can đảm rú ga cho xe vọt mạnh và khi tốc độ lên đến 100mph thì cảm

giác lạ sau lưng và ở thắt lưng mình hình như chấm dứt.

• Sự khác biệt giữa ma và người

Theo các nhà nghiên cứu về ma thì vấn đề ma và người chạm trán nhau không phải là chuyện hiếm trên thế giới. Thường thì sự bất gặp ấy xảy ra rất bất thình lình chớ không bao giờ được định trước cả. Điều đáng nói là các hồn ma hiếm khi tấn công hay gây tổn thương cho bất cứ người nào. Tuy nhiên giữa ma và người luôn luôn có sự ngăn cách lớn về thể chất, về môi trường sống, nghĩa là sự phân cách giữa cái sống và cái chết. Do đó khi đối diện, người sống thường thấy nhiều điều kỳ bí lạ lùng, đôi khi quái đản từ hồn ma mà họ gặp. Có khi hồn ma tạo những cử chỉ để dọa nạt hay trêu chọc, nhưng đôi khi vì thể chất khác biệt nhau nên trong sự thấy có những điểm khác lạ, dị kỳ tạo nên nỗi lo sợ, kinh hãi khiếp đảm ngay cả khi hồn ma xuất hiện một cách thăm lặng và hiền hòa.

Trong tài liệu "Ghosts and Hauntings" Colin Bord đã đưa ra một bằng chứng do James Harrelson, người đã cùng gia đình tổ chức buổi cắm trại ngoài trời và đã chạm trán với một hồn ma ngay giữa buổi trưa đứng bóng.

Tại California, gần Escondido đã có thời dân chúng quanh vùng đồn đại về "người đàn bà trắng" hay "Bạch Nữ" thường xuất hiện ở khu rừng có tên là rừng yêu tinh Elfin Forest. Nhiều người đã gặp hồn ma trắng này và James Harrelson là một trong những người thấy và kể lại rõ ràng như sau:

"Hôm ấy tôi tổ chức một buổi cắm trại ngoài trời với gia đình, trưa đó tôi đi dạo một mình gần bìa rừng, luôn tiện kiểm củi khô. Đi được khoảng một dặm, tôi cảm thấy mỗi chân nên ngồi xuống thảm cỏ nghỉ mệt. Thành linh tôi có cảm tưởng như có ai sờ nhẹ vào vai mình. Bất giác tôi nhìn lên thì thấy một người đàn bà đứng sừng sững ngay trước mặt trông có vẻ diêm dăm. Tôi khẽ mỉm cười với bà và cất tiếng chào hello... nhưng người đàn bà này vẫn như bất động và nhìn chăm chăm vào tôi như xoi bói khiến tôi cảm thấy như đôi mắt bà có cái tia nhìn xuyên sâu xoáy mạnh vào tận tâm hồn tôi, một cái nhìn lạ thường đến kinh dị mà tôi chưa bao giờ trông thấy. Tôi chưa kịp phản ứng thì người đàn bà ấy tự nhiên mờ dần... và lúc bấy giờ tôi mới thấy lạnh sau gáy vì biết rằng người đàn bà giống như sương khói trắng ấy không phải là con người thật của thế giới này... Tôi sợ đến quynh cả đôi chân và

cổ sức chạy một mạch đến nơi gia đình tôi đang tụ họp và tức khắc chở tất cả lên xe để rời khỏi khu rừng..."

Một nhân chứng khác đã trông thấy người đàn bà ma quái ấy là cô Roberta Boren, chính cô và cả chồng cô đều thấy rõ hồn ma mệnh danh là White Lady đi theo họ khi gần đến ngôi nhà thì bà ta lơ lửng như trôi nổi trên mặt đất rồi đi xuyên qua tường một cách lạ lùng. Một nhân chứng khác là Corrine Pleasant, người sống gần khu rừng Elfin Forest cũng đã mô tả rằng người đàn bà ma quái ấy đã thường di chuyển như trôi bèo bồng và cách xa mặt đất khoảng 15 inches (khoảng 40 phân tây).

Ở Colombia vào năm 1978 báo chí cũng như dân chúng đã loan truyền về sự xuất hiện của một hồn ma ở vùng rừng rậm nổi tiếng âm u ghê rợn gần Alto Anchicaya Dam. Theo lời những người đã thấy tận mắt hồn ma thì dạng thể là một người đàn ông nhưng cơ thể như phát huỳnh quang, sáng rõ, trong suốt đôi khi giống như mây trời, màu hơi trắng và ngả sang màu xanh lá cây. Craig C. Downer và người bạn đồng hành khi có việc ngang qua bìa rừng đã gặp hồn ma này và có lẽ cả hai người này là những người đầu tiên trông thấy, vì theo lời kể lại sau này của Downer thì trước khi anh và người bạn trông thấy hồn ma thì trước đó cách địa điểm này không xa đã xảy ra một tai nạn thảm khốc gần cây cầu nhỏ và người tử nạn giống hệt hồn ma đã xuất hiện.

Hai nhà sưu tập các hồn ma trên thế giới là Colin Bord và Janet đã ghi lại những hồn ma thường xuất hiện ở những địa điểm nào đó như nhà ở, hang động, nhà thờ, lâu đài xưa cổ, trường học, tòa đại sảnh, nhà ngục, rạp hát...

Thí dụ điển hình như tại nhà hát lớn ở Oshkosh, Wisconsin (Hoa Kỳ) thường xuất hiện hồn ma của cô gái trẻ. Theo lời đồn đại thì đây là hồn của một nữ danh ca bị thất bại trên bước đường công danh sự nghiệp của mình nên đã tự vẫn và đêm đêm thường hiện ra đi thơ thẩn một mình...

Còn nơi Tòa Thị Chính, ngay ở trung tâm nghệ thuật ở Littleton (Hoa Kỳ) và khách sạn Gadsden ở Douglas (Arizona) thường có bóng dáng một hồn ma mặc đồ kaki đi đi lại lại dọc theo hành lang.

(Còn tiếp)

THỨC THỨ TÁM

• T/S Lâm Như Tạng

(tiếp theo VG 147)

Thức Thứ Tám trong Kinh Lăng Già Tâm Ấn (Lankavatâra –sutra)

(8) Biển Sóng Tầng Thức

"Khi ấy, Bồ Tát Đại Huệ lại bạch Phật: Thế Tôn nói tướng tâm, ý, ý thức, năm pháp, ba tự tánh, việc sở hành của tất cả chư Phật, Bồ Tát cảnh giới sở duyên chẳng hòa hợp do tự tâm hiện v.v..."

Hiện bày tất cả (Phật) thuyết thành tướng chơn thật, tất cả Phật nói tâm. Vì các đại Bồ Tát ở trên núi Ma La Da nằm trong biển thuộc nước Lăng Già nói "Như Lai khen ngợi biển sóng Tầng Thức cảnh giới pháp thân".

Tâm, ý, ý thức, năm pháp, tự tánh ở đây muốn nói rộng về sanh nhơn của tám thức, để hiển bày một tâm chuyển biến thành tướng khác và chẳng khác, thành tựu biển sóng tầng thức cảnh giới pháp thân.

"Tất cả chư Phật nói v.v..." ý nói sở hành thánh trí của chư Phật, Bồ Tát lia tất cả tâm cảnh hiển bày chơn thật, đây là chư Phật dạy về Tâm. Biển sóng Tầng Thức cảnh giới pháp thân là hiện lượng của tự tâm toàn vọng, toàn chơn, chẳng phải chỗ nghĩ bàn được.

Năm pháp (danh, tướng, vọng tướng, chánh trí, như như), ba tự tánh (biến kế sở chấp, y tha khởi, viên thành thật) trong tâm, ý, thức y theo mê ngộ mà chuyển biến.

Lúc mê thì "như như" chuyển thành danh, tướng ... "Viên thành" chuyển thành biến kế và y tha. Khi ngộ thì danh tướng tức là như như, vọng tướng thành chánh trí... Đó gọi là chơn vọng lẫn hiển, danh khác nhưng thể đồng.

(9) Nhân duyên bất giác của Tám Thức

"Khi ấy, đức Thế Tôn bảo Bồ Tát Đại Huệ: Vì có bốn nhơn duyên nên nhãn thức chuyển.

Thế nào là bốn?

Nghĩa là:

- Tự tâm hiện nhiếp thọ bất giác
- Lỗi hư nguy tử vô thủy do tập khí chấp trước sắc
- Thức tánh tự tánh
- Muốn thấy các thứ sắc tướng.

Này Đại Huệ! Đó gọi là bốn thứ nhơn duyên dòng nước tầng thức và sóng chuyển thức sanh".

Đoạn trên nói về nguyên nhân sanh khởi của tám thức.

(a) Nhơn thứ nhất này chỉ trạng thái bất giác làm nghĩa nhơn duyên của tầng thức, chỉ ra rằng thức chẳng rời tâm. Vì bất giác mà tâm biến hiện ra thức tướng. Do đó nên nói dòng nước tầng thức và sóng chuyển thức sanh. Nước là chỉ cho tâm. Dòng nước nổi sóng chỉ cho tầng thức, chuyển thức.

Nhiếp thọ đây chỉ cho kiến phần và tướng phần của tầng thức. Kiến phần là năng nhiếp và tướng phần là sở nhiếp.

Trong phần (b) nói "hư nguy tử vô thủy" tức là chỉ cái sở hiện của bất giác. Do sở hiện biến ra trần cảnh thành tập khí sắc v.v.

Vì thức có công năng biểu biệt sự vật nên gọi là thức tánh. Do đó gọi là thức tánh tự tánh trong mục (c). Trong mục (d) có nói về "muốn thấy" đó là tác ý nên nói "Phù căn tiếp trần giảo ruổi theo sắc".

"Này Đại Huệ! Như nhãn thức sanh tất cả các căn, vi trần, lỗ chân lông đồng sanh. Theo thứ lớp cảnh giới sanh, cũng lại như thế. Thí như gương sáng hiện hình các sắc.

Đại Huệ! Ví như gió lớn thổi nước biển cả".

Các căn, lỗ chân lông thuộc về "căn". Vi trần thuộc về "trần". Mỗi thức phát sanh là do căn tiếp xúc với trần cảnh và theo thứ lớp mà sinh ra thức. Cũng lại như thế có nghĩa là sự phát sinh ra thức đều phải có những giai đoạn và thứ lớp riêng của từng thức. Mặc dù đối tượng và điều kiện của các căn có khác nhau nhưng vẫn có những giai đoạn giống nhau đó là căn, trần (đối tượng) và những điều kiện. Thức nào cũng phải như thế mới phát sinh ra biểu biệt với các pháp .

Thức thể là chơn tướng của tầng thức, do đó dùng gương và biển để thí dụ cho thức thể. Sắc và gió dụ cho sắc trần.

"Gió cảnh giới bên ngoài trôi dạt biển tâm, sóng thức không dừng. Nhơn và tướng sở tác có khác cùng chẳng khác. Hiệp với nghiệp sanh tướng vào sâu trong chấp trước, không thể rõ biết tự tánh sắc v.v... nên năm thức thân theo đó mà chuyển.

Này Đại Huệ! Liền đó ý thức cùng năm thức thân chung khởi. Do biết tướng phần đoạn sai biệt, chính là nhơn của ý thức."

Biển tâm tức là tầng thức. Gió cảnh giới bên ngoài là chỉ cho sáu trần. Sóng thức là bảy thức. Ví gió cảnh sáu trần trôi giạt biển tâm, khiến sóng bảy thức chuyển động không ngừng mà nhơn và tướng sở tác chẳng phải khác chẳng phải chẳng khác.

Tướng sở tác là tầng thức và chuyển thức đồng một chơn tánh nên chẳng phải khác. Mỗi thức có cảnh giới riêng biệt nên chẳng phải chẳng khác.

Các thức hiệp với phát nghiệp sanh tướng này và sâu trong chấp trước, không thể rõ biết tự tánh sắc v.v...

Tự tánh sắc... là do nội thức biến hiện làm tánh sắc... dường như có hiện tiền nhưng thật ra là không có.

Do bất giác Như Lai Tầng nên vọng động thành nghiệp mà khởi ra kiến phần và tướng phần. Hai phần này là sanh tướng của nghiệp.

Vì nhơn phần đoạn sai biệt nên sanh phân biệt, ý thức này lại lấy năm thức làm nhơn.

"Thân kia chuyển, kia chẳng khởi nghĩ là ta lần lượt làm nhơn nhau. Tự tâm hiện vọng tướng chấp trước chuyển, mà mỗi mỗi hoại tướng kia đều chuyển. Phân biệt cảnh giới phân đoạn sai biệt, gọi là kia chuyển".

"Thân kia" là chỉ cho tám thức thức. Tám thức lần lượt làm nhơn cho nhau mà chẳng khởi nghĩ tức là nói tám thức thức vốn không có tự tánh. Tuy vọng khởi chấp trước mỗi thức liễu biệt cảnh của nó mà tâm chẳng biết nghiệp, nghiệp chẳng biết tâm, thể hiện thời lạng lẽ, tướng sai biệt liền dứt nên kinh nói: "Tự tâm hiện vọng tướng chấp trước chuyển, mà mỗi mỗi hoại tướng kia đều chuyển". Hoại tướng tức vô sai biệt tướng. Từ nơi sai biệt tướng này các thức phát sinh rồi cũng theo đó mà tự diệt. Do đó vô sai biệt tướng cũng luôn luôn hiện tiền. Vì bất giác mê nên đối với phần đoạn sai biệt mỗi thức vẫn có liễu biệt cảnh của nó. Do đó trong kinh có câu: "Phân biệt cảnh giới phân đoạn sai biệt, gọi là kia chuyển".

(10) Tàng Thức vi tế đến bờ mé cứu cánh

"Như người tu hành nhập thiên tam muội, tập khí vi tế chuyển mà không hiểu biết, lại khởi nghĩ rằng: Thức diệt nhiên hậu nhập thiên chánh định. Song thật thức chẳng phải diệt mà nhập chánh định vì chúng tử tập khí chẳng diệt nên chẳng diệt. Bởi cảnh giới chuyển nhiếp thọ chẳng đủ nên diệt.

Đại Huệ! Như thế là tàng thức vi tế đến bờ mé cứu cánh. Trừ chư Phật và hàng Bồ Tát trụ địa, các bậc Thanh Văn, Duyên Giác và ngoại đạo tu hành được sức trí tuệ tam muội, tất cả không thể tính lường rành rõ”.

Khi diệt được những chủng tử hữu lậu trong tàng thức, lúc ấy tàng thức trở thành đại viên cảnh trí, đó là cảnh giới không thể nghĩ bàn, chỉ có bậc giác ngộ toàn triệt mới thấu hiểu được.

Muốn cùng tột bờ mé của tàng thức thì phải đạt được tự tâm. Lia vọng tưởng hư vọng mới biết lưu chú của tự tâm đều do bất giác mà phát hiện. Khi thấu rõ được bất giác thì giác được tự tâm.

(11) Kê phân biệt tám thức, lặp lại ý nghĩa đã nói

Khi ấy, Đức Thế Tôn muốn lặp lại ý nghĩa nói trên nên nói kệ như sau:

“Ví như sóng biển cả
Đây do gió mạnh thổi
Sóng to vỗ biển rộng
Không có khi đoạn dứt
Biển tàng thức thường trụ
Gió cảnh giới nổi dậy
Lớp lớp các sóng thức
Ao ạt mà chuyển sanh”

Đoạn này đưa ví dụ “biển cả” chỉ cho tàng thức, “gió mạnh” chỉ cho cảnh giới lục trần, “sóng” chỉ cho chuyển thức. Tàng thức là nhưn, trần cảnh làm duyên sinh ra bảy thức.

“Các thứ sắc xanh đỏ
Kha, sữa và đường phèn
Vị lạt các hoa quả
Nhật, nguyệt cùng ánh sáng
Chẳng khác không chẳng khác
Nước biển nổi sóng mòi
Bảy thức cũng như vậy
Tâm cùng hòa hợp sanh”

Đoạn này nói đến sắc, thanh, hương, vị, xúc, năm trần này đều do nội thức biến hiện. Mặt trời, mặt trăng cùng ánh sáng chẳng phải khác cũng không chẳng phải khác. Nước và sóng cũng chẳng phải một mà cũng chẳng phải khác. Tất cả đó là để chỉ cho chuyển thức và tàng thức.

“Ví như nước biển đời
Lớp lớp sóng mòi chuyển
Bảy thức cũng như vậy
Tâm cùng hòa hợp sanh
Là chỗ tàng thức kia
Bao nhiêu các thức chuyển
Là do ý thức kia
Suy nghĩ nghĩa các tướng
Tướng chẳng hoại có tám
Vô tướng cũng vô tướng
Ví như biển sóng mòi
Thế là không sai biệt
Các thức tâm như thế
Khác cũng không thể được”

Đây nói tàng thức, chuyển thức đều có hai tướng hoại và chẳng hoại. Đó là chỉ nghiệp tướng hoại, tự chơn tướng chẳng hoại.

Bài tụng nói “tướng chẳng hoại có tám” là chỉ chung các thức khi mê chơn mà chuyển, cả thể toàn chơn. Toàn thể không có sai biệt nên nói “chẳng hoại”, mê chơn sai biệt khởi nên nói “hoại”.

Câu “Không tướng cũng không tướng” có nghĩa rằng khi mê thì khởi lên sai biệt, ví như mắt bệnh thấy hoa đốm giữa hư không, trong đó không tướng năng và tướng sở.

Các câu sau là nói về thể của tàng thức, giống như đoạn trên đã phân tích.

“Tâm tên gom góp nghiệp
Ý tên rộng gom góp
Các thức, thức sở thức
Cảnh hiện thấy nói năm”

Thức Thứ Tám còn có tên là Tâm. Vì nó hay gom chứa các chủng tử, chứa nhóm các nghiệp nên gọi là “gom góp nghiệp”. Thức thứ bảy hay suy xét tâm tư nhưn pháp bên trong của nó nên còn có tên là Ý. Nó hay tạo ra nghiệp nhưn, chấp trước bản ngã, không được thanh tịnh nên nói “rộng gom góp”.

Sáu thức sau đều gọi là thức.

Do tiếp xúc, phân biệt năm trần, quá khứ, hiện tại, thông cả ba lượng nên gọi là Ý Thức. Năm căn tiếp xúc với năm trần sinh khởi biểu biệt nên sinh ra năm thức.

“Bồ Tát Đại Huệ dùng kệ hỏi Phật:
Xanh đỏ các sắc tướng
Chúng sanh phát các thức
Các thứ pháp như sóng
Thế nào cú xin nói?”

“Đức Thế Tôn dùng kệ đáp rằng:
Xanh đỏ các tạp sắc
Sóng mòi đều không có
Gom góp nghiệp nói Tâm
Khai ngộ các phàm phu
Nghiệp kia thầy không có
Tự tâm sở nhiếp ly
Sở nhiếp không sở nhiếp
Cùng sóng mòi kia đồng
Thọ dụng kiến lập thân
Là hiện thức chúng sanh
Nơi kia hiện các nghiệp
Thí như nước sóng mòi”

Trong bài tụng trên nói năng, sở, tâm, cảnh đều do thức biến hiện. Tụng nói “gom góp nghiệp nói Tâm” đó là tất cả nghiệp đều do tâm tạo. “Nghiệp kia thầy không có” đó là do bất giác mê tâm tạo nghiệp nhưng lúc ngộ, giải thoát thì tất cả đều không. “Sở nhiếp không sở nhiếp, cùng sóng mòi kia đồng” đó là hiện tiền thân căn và khí giới vẫn như sóng với nước vốn có hai nhưng đồng một thể.

“Bồ Tát Đại Huệ lại nói kệ hỏi:
Tánh biển cả sóng mòi
Nổi dậy khá phân biệt
Tàng cùng nghiệp như thế
Cớ sao chẳng hiểu biết?”

Đoạn này ý nói nước biển và sóng phân biệt rõ ràng, có thể thấy được nhưng thí dụ về tàng thức và nghiệp khó có thể hiểu biết được. Nghiệp ở đây là chuyển thức.

“Đức Thế Tôn dùng kệ đáp:
Phàm phu không trí tuệ
Tàng thức như biển cả
Nghiệp tướng ví sóng mòi
Y thí kia so hiểu”

Đối với phàm phu kém trí tuệ không thể nói thẳng do đó phải dùng thí dụ tàng và chuyển như trên để họ tự tìm hiểu, tự ngộ. Do đó đây không thể chỉ ra chơn thức.

“Mặt trời sáng đồng chiếu

Chúng sanh hạ trung thượng
Như Lai chiếu thể gian
Vì ngu nói chơn thật
Đã phân bộ các pháp
Cớ sao chẳng nói thật?"

"Phân bộ các pháp", Như Lai vì mục đích khai ngộ chúng sinh nhập Phật tri kiến nên chia ra nhiều thừa, năm thừa, ba thừa nhưng rốt cùng cũng chỉ hướng về Phật thừa .

"Đức Thế Tôn dùng kệ đáp:
Nếu nói chơn thật đó
Tâm kia không chơn thật
Thí như biển sóng mồi
Bóng trong gương và mộng
Tất cả đồng thời hiện
Tâm cảnh giới cũng thế
Vì cảnh giới chẳng đủ
Thứ lớp nghiệp chuyển sanh
Thức ấy thức, sở thức
Ý ấy ý vị nhiên
Năm thức do hiển hiện
Không có định thứ lớp
Thí như ông thợ vẽ
Và học trò thợ vẽ
Vãi, màu vẽ các hình
Ta nói cũng như thế
Màu sắc vốn không nét
Chẳng viết cũng chẳng lụa
Vì vui chúng sanh nên
Hòa lẫn vẽ các hình."

Sở dĩ Đức Phật không nói thẳng về chơn tánh vì tâm chúng sinh chẳng chơn thật nên không thể lĩnh ngộ được. Nghĩa là có mà không thể thấy tức đồng với không. Nếu chỉ điểm hiện lượng trước mắt thì chẳng phải tâm, chẳng phải thức ví dụ như đêm năm màu chỉ cho những người mù họ làm sao thấy được. Do đó nên Như Lai dùng cái phi tâm mà chỉ tâm như biển, gương; dùng phi thức mà chỉ ra thức như sóng biển, bóng trong gương, cảnh trong mộng.

Thức Thứ Tám chuyển sanh các thức đồng thời chóng hiện. Bày chuyển thức nương cảnh mà biến hiện, thức thứ sáu năng phân biệt, thức thứ bảy tác ý, năm thức trước đối trần thứ lớp biến hiện.

Đức Phật còn dùng những ẩn dụ như người vẽ dùng màu sắc mà vẽ hình. Hoặc cho là tâm mà đợi giác, hoặc cho là thức mà đợi không. Đây là nói những ẩn dụ dĩ tâm ẩn tâm không thể dùng ngôn ngữ mà diễn tả được, có mê có ngộ là bản tính của phàm phu nên trong tụng có câu "màu sắc vốn không nét, chẳng phải bút chẳng phải lụa, vì vui chúng sanh nên hòa lẫn vẽ các hình".

"Nói năng riêng lập bày
Chơn thật là danh tự
Phân biệt hợp nghiệp đầu
Tu hành bày chơn thật
Chơn thật chỗ tự ngộ
Giác tướng sở giác là
Đây vì Phật Tử nói"

Ví dụ như người uống nước lạnh, nóng tự biết, không phải danh tướng mà luận bàn ra được. Như giác và sở giác đều chẳng phải cảnh giới đó là vì Bồ Tát mà nói không phải hàng phàm phu hiểu được.

"Người ngu rộng phân biệt
Các thứ đều như huyền
Tuy nhiên không chơn thật
Như thế nói các thứ"

Tùy sự riêng lập bày
Nói ra không phải hợp
Nơi kia là chẳng nói
Cả thầy người bệnh kia
Thầy thuốc tùy dùng thuốc
Như Lai vì chúng sanh
Tùy tâm hợp lượng nói
Phi cảnh giới vọng tưởng
Thanh Văn chẳng có phần
Người ai hẳn nói ra
Cảnh giới của tự giác".

Nói ra không phải Như Lai nói pháp tùy căn cơ mà giải bày, nói pháp có thứ bậc cao thấp, có mật ngôn ẩn dụ, giống như thầy thuốc tùy bệnh trạng của từng người mà cho thuốc khác nhau.

(12) Ba tướng tư giác Thánh Trí

"Lại nữa, Đại Huệ! Đại Bồ Tát dựng lập tướng trí huệ, trụ rồi ở trên ba tướng thánh trí phải siêng tu học".

Những gì là ba tướng thánh trí phải siêng tu học?

Nghĩa là tướng vô sở hữu, tướng chỗ tất cả chư Phật tự nguyện, tướng tư giác thánh trí cứu cánh. Tu hành được đây rồi hay xả tướng tâm trí huệ lừa què, được địa thứ tám của bậc tối thắng tử, ở trên ba tướng kia do tu hành mà sanh".

"Đại Huệ! Tướng vô sở hữu ấy, là tướng của Thanh Văn, Duyên Giác và ngoại đạo, kia do tu tập mà sanh. Đại Huệ! Tướng chỗ tự nguyện ấy, là chỗ chư Phật trước tự nguyện tu sanh.

Đại Huệ! Tướng tư giác thánh trí cứu cánh ấy, là tất cả pháp tướng không có chỗ chấp trước được thân như huyền tam muội, chỗ chư Phật địa tiến thú tu hành mà sanh. Đại Huệ! Đây gọi là ba tướng thánh trí. Nếu người thành tựu ba tướng thánh trí này hay đến cảnh giới tư giác thánh trí cứu cánh.

Thế nên, Đại Huệ! Ba tướng thánh trí phải siêng tu học".

Trí lừa què khi chúng thất địa ngã chấp đã dứt, tất cả tâm dứt không còn khởi lại tương tự với nhị thừa, nên nói trí lừa què vào bát địa rồi mới xả.

"Tướng vô sở hữu" là quán không của nhị thừa.

"Tướng Phật trước tự nguyện", Kinh An Lạc nói: "Chưa qua khổ để khiến qua khổ để, chưa hiểu tập để khiến hiểu tập để, chưa an đạo để khiến an đạo để, chưa được diệt để khiến được diệt để".

Đoạn kinh này là tứ hoằng thệ, y nơi giáo biệt, viên đều duyên hai thứ tứ thánh để hữu tác vô tác. Đây là "tướng Phật trước tự nguyện".

"Tướng tư giác thánh trí cứu cánh" là ở tất cả chỗ chứng được cảnh giới tư tâm hiện tượng, đạt tất cả pháp không ngăn ngại, được thân như huyền viên mãn Phật địa. Đây gọi là sai biệt trí, nhưng không nói sai biệt mà nói Thánh trí cứu cánh.

Trong kinh Hoa Nghiêm, Thiên Tài Đồng Tử trải qua 110 thành học đạo Bồ Tát, khi đến chỗ Đức Di Lạc lại khiến trở lại yết kiến Đức Văn Thù Bồ Tát. Ngài nói: "Ông trước được gặp các thiên trí thức, nghe hạnh Bồ Tát, vào môn giải thoát, đầy đủ đại nguyện, đều là sức oai thần của Bồ Tát Văn Thù. Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi ở tất cả chỗ đều được giải thoát".

(còn tiếp)

Danke schön Deutschland

Thích Nhu Dien

Aus dem Vietnamesischen ins Deutsche übertragen von
Hanh Tan & Hanh Gioi

*
**

(Fortsetzung von VG Nr. 147)

Kapitel III

Wie ich die Deutschen sehe

In den letzten 25 Jahren habe ich die freie Luft in Deutschland atmen können; ich habe hier Brot und Kartoffeln aus der hiesigen Erde sowie Reis und andere importierte Produkte aus Asien gegessen. Diese Freiheit habe ich Deutschland zu danken. Wenn Deutschland mich und die anderen Flüchtlinge nicht aufgenommen hätte, wäre unser Leben nicht so sinnvoll verlaufen, und jede Entwicklung wäre sehr eingeschränkt gewesen. Deshalb soll jeder, der wie wir diesen Dank in sich trägt, Deutschland danken - dies ist eine Pflicht. Doch jede Gesellschaft hat ihre eigenen Facetten. Nur die Wahrheit und die Weisheit der Religion sind endgültig, doch diese Erkenntnis wird auch in der westlichen Kultur durch die Medien täglich negiert oder verhöhnt. Deshalb muss ich bereits an dieser Stelle betonen, dass das Folgende die subjektive Sichtweise eines Ausländers darstellt, die man mit Vorsicht genießen sollte.

Im Jahr 1975 - nach einem dreijährigen Aufenthalt in Japan - habe ich einen Artikel über die Japaner verfasst. Der Titel des Artikels war „Japan in meinen Augen“. Menschen anderer Länder amüsierten sich köstlich da meine Ansichten den ihren entsprachen. Doch die Japaner selbst waren nicht sehr begeistert darüber. Der Artikel endete mit der Aussage: „Die Japaner sind wie die Kirschblüten: sehr schön anzusehen, doch ohne Duft. Dies bedeutet, dass die Japaner sehr höflich und sehr nett sind; doch dies basiert nur auf einer diplomatischen Ebene und kommt nicht von Herzen. Jedes Volk hat seine eigene Mentalität, welche für die betreffende Nation kennzeichnend ist; doch es gibt auch viele Dinge, die von Individuen ausgehen. „Harakiri“ (ritueller Selbstmord durch Aufschlitzen des Bauches im Geist des Samurai) zum Beispiel wird heute so gut wie nicht mehr vollzogen. Man kennt dies durch den Kampfgeist der Japaner in dem Film „Kamikaze“. Die japanischen Soldaten wollten eher sterben als aufzugeben und besiegt zu werden, doch nach dem Abwurf zweier Atombomben auf Hiroshima und Nagasaki im August 1945 verloren sie diesen Kampfgeist. Dies spiegelt die Mentalität der Japaner wider.

Die Japaner sind sehr pünktlich, höflich und fleißig. Dies ist auch ein Merkmal der japanischen Mentalität. Wie sieht es bei den Deutschen in dieser Hinsicht aus? Als ich nach Deutschland kam, bemerkte ich, dass die Deutschen genauso sauber wie die Japaner sind. Beispielsweise werden die Fenster immer geputzt, ungeachtet ob sie sauber oder schmutzig sind. Die Sauberkeit der Glasscheiben beeindrückt die Passanten und betont den Fleiß der deutschen Hausfrauen. Wir Asiaten stufen dieses Verhalten unwillkürlich als „zu fleißig“ ein. Die Vietnamesen sind in dieser Hinsicht anders. Sie machen nur dort sauber, wo Schmutz ist. Die Fenster putzen sie nur einpaar Mal im Jahr. Sauberkeit und Fleiß sind positive Eigenschaften der Deutschen, doch diese Menschen sind vom Wesen her auch sehr verschlossen - wie ihr Haus. Diese Mentalität ist möglicherweise klimabedingt. Es ist sehr kalt in Europa; deshalb bleiben die

Menschen häufiger im Haus, wogegen in Südostasien die Menschen auf Grund des warmen Wetters sich eher draußen aufhalten. Ein Wochenende in der Stadtmitte spiegelt dies am deutlichsten wider. In Deutschland fällt die Stadt dann in Schlaf, und es bleibt ruhig bis zur vollkommenen Stille. In Südostasien dagegen lebt die Stadt gerade am Wochenende auf, die Leute gehen einkaufen, besuchen einander oder gehen einfach nach draußen, um dort ihre Zeit zu verbringen, und überall hört man lärmendes Gelächter. Deshalb ist die Stille in Deutschland am Wochenende für einen Ausländer sehr befremdlich, und er fragt sich dann, wie so ein Gemeinschaftsleben aussehen mag.

Die Deutschen grüßen sich kaum, wenn sie sich nicht kennen. Die Amerikaner sind da anders; als Grußwort gilt bei ihnen die Frage: „How do you do?“ („Wie geht es Ihnen?“). Bei Deutschen hört man als Fremder eine derartige Begrüßung selten. Asiaten haben bei jeder Begegnung stets ein Lächeln für unser Gegenüber. Auch solch eine Geste ist sehr selten bei Deutschen zu beobachten.

Obwohl die Deutschen als fleißig gelten, sind die Japaner umso mehr fleißiger. Was aber versteht man unter „fleißig“? Fleiß ist eine dauerhaft positive Einstellung zur Arbeit mit dem Ziel eines effektiven Arbeitsergebnisses. In Deutschland beginnt am Freitagnachmittag für die meisten Arbeitnehmer das erholsame Wochenende, während in Japan und anderen asiatischen Ländern die Arbeitnehmer bis zum Samstagnachmittag und manchmal sogar auch den ganzen Sonntag lang arbeiten müssen. In Deutschland würde dies eine Verletzung des Arbeitsgesetzes bedeuten.

In Deutschland gibt es auch sehr viele Feier- und Urlaubstage für die Arbeitnehmer, während in Asien nur ein bis zwei Wochen Urlaub im Jahr üblich sind. Bei Krankheit gelten dort die Tage des Arbeitsausfalls als Urlaubstage. So eine Regelung würde in Deutschland Empörung hervorrufen. Japaner würden bei einem Vorstellungsgespräch als ein für ihre Einstellung sprechendes Argument anführen, dass sie sich für eine positive Entwicklung des Unternehmens einsetzen würden, weil so die Existenz der eigenen Familie gesichert wird, weil sie sich eine gute Karriere versprechen, wenn das Unternehmen expandiert, und weil sie so zum guten Ruf des Unternehmens in der Wirtschaft beitragen. Dies sind die von einem japanischen Ingenieur oder Arbeiter genannten Gründe, wenn er sich um eine Stelle bewirbt. Einen solchen Charakterzug vermisste ich sehr bei den Vietnamesen. Sie beantworten die Frage nach ihrer Arbeit meist mit der Aussage: „Meine Arbeit ist sehr leicht, und doch verdiene ich viel Geld.“ Eine solche Antwort spiegelt Verantwortungslosigkeit wider. Die Japaner würden sagen: „Die Arbeit ist sehr mühsam, doch ich verdiene dementsprechenden Lohn.“ Die Deutschen dagegen würden wiederum anders beantworten: „Über den eigenen Lohn redet man nicht mit anderen Leuten!“ Eine Arbeitswoche in Deutschland umfasst in der Regel etwa 40 Stunden; doch die Tendenz, diese wöchentliche Stundenzahl auf 35 oder 30 zu reduzieren, ist in vielen Branchen groß. Die von Arbeitnehmern bzw. Gewerkschaften angestrebte Reduzierung der Arbeitszeit soll aber gleichzeitig den Verdienst des Einzelnen nicht beeinträchtigen! Ich weiß nicht, wie so etwas funktionieren kann, wenn das Wachstum der Wirtschaft gleichzeitig gesichert werden soll. In der westlichen Kultur werden jedoch die Bedürfnisse bzw. die Vorteile des Individuums als besonders wichtig angesehen, während in Asien mehr auf diejenigen der Gemeinschaft geachtet wird.

Die Deutschen kleiden sich sehr einfach, nicht so auffallend wie die Franzosen. Die Franzosen kleiden sich sehr schick und benehmen sich sehr höflich, doch in ihren Taschen ist nicht so viel Geld wie in denen der Deutschen. Die Deutschen haben Vertrauen in ihre Regierung, in die Unternehmen sowie in die Banken. Deshalb zahlen sie ihr Geld auf Konten ein, woraus sie selbst und auch der Staat Nutzen

ziehen können. In Asien – einschließlich Vietnam - hat man dagegen kein Vertrauen in die Regierung und in die Banken. Daher bewahren die Leute ihr Geld lieber im eigenen Haus auf oder aber beteiligen sich an einem Gruppenspartopf. Diese Vorgehensweise bringt weder den Verbrauchern noch dem Staat Nutzen, da der Staat dadurch keine Steuern einnehmen kann. Unter solchen Verhältnissen ist die Sicherheit des Geldes und seines Wertes als sehr gering einzuschätzen.

Auch die Mahlzeiten der Deutschen sind recht einfach. Die Leute benehmen sich sehr höflich beim Essen. Kein Lärm soll beim Benutzen der Bestecke oder beim Kauen entstehen. Die Japaner verhalten sich da ganz anders: Sie schlürfen sehr laut und schmatzen, um zu zeigen, dass ihnen das Essen gut schmeckt. Die Vietnamesen wiederum zeigen ein anderes Verhalten: Sie laden jeden Anwesenden persönlich ein, am Essen teilzunehmen, sie unterhalten sich laut während des Essens. Um Freundschaftlichkeit zu demonstrieren, legen sie gegenseitig Speisen auf den Teller des anderen.

Obwohl ich bereits lange in Deutschland lebe, empfinde ich bei manchen Begebenheiten stets das gleiche befremdliche Gefühl, nämlich wenn ich sehe, dass zwei Freunde im Restaurant nach einer gemeinsamen Mahlzeit getrennte Rechnungen bezahlen. In Vietnam würde der Eingeladene sich hierbei verletzt fühlen. Bei Vietnamesen gilt es fast als selbstverständlich, dass der Ältere für den Jüngeren, der Einladende für den Eingeladenen bezahlt. Dies ist nicht nur eine Geste der Großzügigkeit, sondern dient auch dem Schutz vor Missverständnissen. Geld ist ein Tabu in der westlichen Kultur, sogar innerhalb der Familie. Jeder - der Ehemann, die Ehefrau und jedes Kind - hat ein eigenes Konto. In Asien vertraut der Ehemann das ganze Geld der Ehefrau an, damit sie die Familieneinkünfte verwaltet. So wächst das gegenseitige Vertrauen und die Chance auf einen langen Bestand der Ehe. Es gibt in Asien weniger Scheidungen als in Deutschland und den USA. Ein Japaner nennt seine Ehefrau sinngemäß „Haus-in“, und betrachtet sie als ein weiblicher „General“, der für Ordnung in der Familie sorgt. Der Ehemann dagegen übernimmt Aufgaben außerhalb der Familie.

In der westlichen Gesellschaft wird die Gleichberechtigung zwischen Mann und Frau geachtet, was die hier zu verzeichnende Stellung der letzteren in Familie und Beruf verständlich macht. Doch die Frauen sind das schwache Geschlecht und brauchen daher Unterstützung. Die meisten Familienoberhäupter (nicht nur) in Deutschland sind männlich. Wenn allerdings der Ehemann stirbt, übernimmt die Ehefrau zusätzlich zu ihren eigenen auch seine Aufgaben. Es gibt nur wenige Ehen, in denen die Frauen als Oberhäupter fungieren und nicht die Männer.

Obwohl die Gleichberechtigung zwischen Mann und Frau in den USA, in Australien und in Frankreich seit mehr als 200 Jahren und in Deutschland seit mehr als 100 Jahren gesetzlich festgeschrieben ist, übernehmen die Frauen in diesen Ländern eher selten körperlich schwere Arbeiten oder politische Posten. Sie werden vielmehr ihrer biologischen Natur gerecht und übernehmen die Rolle der Mutter. Diese Rolle kann kein Mann seiner Frau abnehmen; deshalb ist es auch logisch, dass den Frauen in Asien die inneren Angelegenheiten der Familien anvertraut wurden.

Ich weiß nicht, wie galant die Franzosen sind, doch mir fällt es in Deutschland oft die Aufmerksamkeit und Höflichkeit von Männern gegenüber Frauen auf, wenn z. B. letzteren aus dem oder in den Mantel geholfen wird, oder diejenige von Gastgebern gegenüber ihren Gästen auf. Dies sind schöne Gesten der Deutschen. Es gibt kaum einen Vietnamesen, der zu einer solchen Geste bereit ist. Wer in Vietnam so agiert, ist mit Sicherheit durch die westliche Kultur beeinflusst. Die Japaner sind noch unhöflicher, denn bei

ihnen ist die Ehefrau verpflichtet, dem Ehemann aus dem Mantel und aus den Schuhen zu helfen.

Die Deutschen leben sehr sparsam; sie ernähren sich hauptsächlich von Brot und Kartoffeln. Die Franzosen, die Engländer, die Italiener und die Asiaten sind dagegen richtige Genießer. Andererseits sind die Wohnungen der Deutschen viel schöner als die der Asiaten oder der Afrikaner. Es gilt die ungeschriebene Regel, dass die Deutschen unter anderem arbeiten, um Geld für Urlaubsreisen zu verdienen. Jedoch nehmen sie oft einen Wohnwagen mit auf ihre Reise, um Hotelkosten zu sparen.

Die deutschen Autofahrer verhalten sich in der Regel höflich im Verkehr; sie hupen nicht wie diejenigen in Vietnam oder in Thailand. Sie halten Abstand und überholen nicht ohne triftigen Grund. Natürlich gibt es auch junge Deutsche, die sehr nachlässig fahren und Unfälle verursachen. In den deutschen Großstädten wie Berlin, Hamburg oder Frankfurt am Main ereignen sich jährlich genauso viele Unfälle wie in den asiatischen Städten.

Eine der besten Regelungen in Deutschland betrifft die Krankenversicherung. Jeder, der in Deutschland lebt, muss krankenversichert sein – sei es durch den Arbeitsgeber oder als privat versichert. Wenn die Person selbst nicht in der Lage ist, dann würde der Staat den Beitrag übernehmen (Sozialamt). In den USA sieht es diesbezüglich sehr schlecht aus. Wenn ein Patient ins Krankenhaus eingeliefert wird, stellt man zuerst die Frage nach seiner Krankenversicherung. Ohne Versicherung gibt es viele Schwierigkeiten bereits bei der Einlieferung, ungeachtet der Krankheit und Dringlichkeit.

In Vietnam ist die Situation heute - unter der kommunistischen Regierung - noch schlimmer; die größte Macht liegt beim Geld. Daher werden die Armen immer ärmer. Ihr Leben ist stets in Gefahr, weil sie sich keine medizinische Behandlung leisten können. In Deutschland würde so etwas niemandem geschehen.

Die Sozialversicherung in Deutschland ist also außerordentlich gut. Auch viele vietnamesische Flüchtlinge, die über 60 Jahre alt sind und keine Arbeitsstelle mehr finden können, werden vom Sozialamt bis zu ihrem Tode versorgt. In manchen Fällen übernimmt das Sozialamt sogar die Beerdingungskosten. Dies sind wirklich paradiesische Bedingungen, wohingegen die kommunistischen Länder, die sich selbst als Paradies bezeichnen, nichts für ihre Bevölkerung tun. Sie können nicht einmal ein Leinentuch für eine Beerdigung zur Verfügung stellen. Ein so armes Land wie Vietnam brächte, wenn seine Regierung nicht im Jahr 1986 die Strategie geändert hätte, der Bevölkerung nur Leid. Man proklamiert, dass alles der Bevölkerung gehört; lediglich die Bank wird als staatlich bezeichnet! So können die kommunistischen Parteimitglieder wohlhabend sein und auf Kosten der Bevölkerung leben. Deshalb erwachten viele Bürger aus ihrem Traum eines sozialistischen bzw. kommunistischen Paradieses und machten sich auf die Suche nach Freiheit.

In Deutschland sieht man selten Bettler oder Betrunkene auf der Straße. Sie betteln nicht etwa, weil sie arm sind, sondern weil sie ihre Sozialhilfe bereits für Alkohol und Nikotin verbraucht haben. Die Polizei verhaftet manchmal diese Menschen und bringt sie zu den Sozialeinrichtungen der Caritas oder anderer Verbände, damit ihnen dort geholfen wird.

Der Standard des Erziehungssystems in Deutschland ist viel höher als derjenige in den USA und in Japan. In Deutschland muss ein Schüler kein Schulgeld bezahlen. Erst wenn sie studieren, müssen die jungen Leute pro Jahr einen Beitrag in Höhe von weniger als 100 Euro für den Verwaltungsaufwand leisten. In Japan und in den USA gibt es zwar mehr Universitäten; doch viele davon sind privat und daher nicht für alle Studenten zugänglich. Ein Student in Japan oder in den USA muss manchmal bis zu 15.000 \$US Stu-

diengebühr zahlen. Natürlich gibt es auch in diesen Ländern staatliche Universitäten, doch die Aufnahmekriterien sind sehr hoch, und die Anzahl der Studienplätze ist sehr begrenzt.

Die älteste Universität in Deutschland ist diejenige der Stadt Heidelberg; sie wurde bereits im Jahr 1386 gegründet. Andere Universitäten folgten dann im 15. Jahrhundert, z.B. die Universität Leipzig im Jahr 1409 und die Universität Rostock im Jahr 1419. Im Jahr 1960 gab es in Deutschland 20 Universitäten. Im Wintersemester 1994/95 waren in Deutschland fast zwei Millionen Studenten immatrikuliert. Doch die Zahl der erfolgreichen Studienabsolventen ist sehr gering, denn es gibt keine zeitliche Begrenzung für ein Studium in Deutschland. Die Bedürftigen unter den Studenten können BAFöG-Mittel als zinslose Kredite beantragen; das Geld sollen sie in der Regel später zurückzahlen, wenn sie arbeiten und gut verdienen. Seit dem Jahr 2000 kann ein Student nur noch 10 Semester lang BAFöG-Unterstützung bekommen. In armen Ländern wie Vietnam erhalten nur sehr begabte Schüler Universitätsstipendien. In Deutschland dagegen hat jeder eine Chance auf seine Ausbildung; doch auf Grund der lockeren Bestimmungen fühlen sich viele Studenten nicht bemüht, ihr Studium so schnell wie möglich abzuschließen.

Ganz anders ist es in Japan. Die Studenten dort schließen ihr Studium prinzipiell nach 8 Semestern ab; für den akademischen Grad Master of Art studieren sie noch weitere 4 Semester; wer einen Dokortitel erlangen möchte, studiert noch weitere 6 bis 8 Semester. In der Regel überschreitet niemand diese Zeitgrenze, da die Studiengebühr so hoch ist und die Chancen auf dem Arbeitsmarkt für die Jüngeren günstiger sind.

Im Jahr 1994 studierten der Statistik zufolge 135.000 ausländische Studenten in Deutschland. Dies ist eine beachtliche Zahl, wenn man die Schwierigkeiten berücksichtigt, welche die deutsche Sprache den meisten Ausländern bereitet. Obwohl manche dieser jungen Leute Furcht vor Terror durch Rassisten in Deutschland haben, wagen sie das Studium für die eigene Zukunft. Außerdem vertrauen sie den deutschen Gesetzen. Alle Menschen - Deutsche wie Ausländer - möchten ein friedliches Leben. Doch im April 2002 tötete ein 19-jähriger Schüler in einem Gymnasium der Stadt Erfurt insgesamt 16 Menschen (samt Lehrer und Schüler) und dann sich selbst. Dieses Geschehen stellte die deutschen Politiker und die Welt vor die Frage, worunter die Ethik in der Schule so sehr litt, dass ein Mord geschehen konnte. Ebenfalls im Jahr 2002 überprüfte und verglich eine so genannte PISA-Gruppe die Lernpotentiale von Schülern vieler Länder. Leider lagen die deutschen Schüler weit unter dem ermittelten internationalen Durchschnitt. Deshalb wird überlegt, ob die deutschen Schüler nicht prinzipiell auch die nachmittags in der Schule verbringen sollten, wo sie entweder mehr Unterricht haben oder ihre Hausaufgaben erledigen, anstatt zu Hause mit Computerspielen sich beschäftigen.

Der jetzige Bundeskanzler Herr Schröder ist auch ein fleißiger Mensch. Sein Vater starb früh, er musste sein Studium selbst durch Arbeit finanzieren. Nach seiner Doktorarbeit trat er die SPD ein, wurde Ministerpräsident von Niedersachsen, dann wurde er als Kanzler im Jahr 1998 gewählt. Wie das Wahlergebnis zum Deutschen Bundestag 2002 aussehen wird, wissen wir noch nicht. Doch, wenn sie diese Zeilen lesen, steht das Wahlergebnis schon fest. Ich möchte am Beispiel von Herrn Schröder das Vorbild eines starken Willens erwähnen. Doch während Herr Schröder sein Kanzleramt führt, arbeitet sein Bruder als Straßenbauer und seine Schwester in den Geschäften. In den kommunistischen Ländern, wie Vietnam oder China, wären sein Bruder und seine Schwester der schweren Arbeit nicht mehr nötig, sondern würden ein luxuriöses Leben führen.

In Japan gibt es zwar wenig Taschendiebe, doch das Vermögen der Banden beträgt Billionen von US-Dollars. Auch in Deutschland gibt es selten Diebe, doch die Parteien, die Firmen und die Banken hintergehen die Finanzämter des Landes ebenfalls um Billionen Euro. Deshalb sage ich oft, dass es überall in der Samsara-Welt Schlechtigkeiten gibt.

Wenn wir ein Haus bauen wollen, ist zunächst nicht das Geld das Wichtigste, sondern eine Berechnung darüber, wie wir das Haus von der Bank finanziert bekommen können und wie wir das Geld später zurückzahlen können. Hieraus wird ersichtlich, dass nicht das Geld die Triebkraft ist, sondern der Wille. Wir erinnern uns wahrscheinlich alle daran, dass einige Lottogewinner, die nicht richtig mit ihrem gewonnenen Geld haushalten konnten, irgendwann tief verschuldet werden. Unser Wille bestimmt, ob wir Kanzler, König, Bodhisattva oder Buddha werden. Das Geld kann uns keine Menschenwürde verleihen.

Nach der deutschen Wiedervereinigung stellte die damalige Bundesregierung mehr als 2,4 Billionen DM (1,28 Billionen Euro) zur Restaurierung und Modernisierung der ostdeutschen Universitäten bereit, doch die Entwicklung der Erziehung dort verläuft immer noch sehr träge. Vielleicht ist dies eine Nachwirkung der Politik der alten DDR-Regierung. Im Winter 1994/95 waren 285.000 Studenten an ostdeutschen Universitäten immatrikuliert. Auch hier ist die Zahl der erfolgreichen Studienabsolventen sehr gering. Viele ostdeutsche Studenten und Arbeiter möchten gern in den Westen umsiedeln. Doch kleine Unterschiede, die durch ihre Lebensweise unter dem kommunistischen Regime entstanden, machen es für sie schwierig, im Westen einen Studienplatz oder eine Arbeitsstelle zu finden.

Die in Deutschland lebenden Ausländer haben beim Mieten von Wohnungen oder bei der Suche von Arbeitsplätzen oft Probleme. Auch wenn ein Zimmer noch frei ist, wird es dem Ausländer oft als bereits vermietet präsentiert. Nur ein Ausländer kann dieses Gefühl völlig verstehen. Obwohl es vor dem Gesetz keinen Unterschied zwischen Einheimischen und Ausländern gibt, sind die Letzteren immer im Nachteil. Vielleicht liegt das daran, dass die Ausländer die deutsche Sprache nicht so gut beherrschen und deshalb keine Chance gegen einen deutschen Mitbewerber haben.

Und wie steht es um die Ostdeutschen? Die Westdeutschen denken von sich, dass sie eine höhere Bildung genießen haben, reicher sind, und dass ihre Regierung in den 10 Jahren Einheit viele Erfolge erzielt hat. Viele Steuergelder wurden für den Wiederaufbau Ost verwendet; doch es gibt bis heute (2002) in vielen Bereichen noch immer keinen gleich hohen Standard in Ost- und Westdeutschland, um auf diese Weise in jeglicher Hinsicht einheitlich mit allen Nachbarländern Schritt halten zu können.

Am 30. April 1945 wurde das unter Hitler entstandene deutsche Nationalsozialistische Regime aufgelöst. An diesem Tag atmeten sowohl die Deutschen als auch die übrige Welt erleichtert auf. Genau 30 Jahre später, am 30. April 1975, wurde das demokratische Süd-Vietnam vom kommunistischen Nord-Vietnam eingenommen. Ein Vierteljahrhundert ist seither vergangen, doch die Lücke zwischen den Kulturen und Lebenseinstellungen der beiden Teile Vietnams konnte noch nicht geschlossen werden. Obwohl das Land jetzt unter einer einzigen Regierung steht, und obwohl viel in Nord-Vietnam investiert wurde, liegen zwischen Nord-Vietnam und Süd-Vietnam noch Welten. Beide Beispiele - Deutschland und Vietnam - haben uns deutlich gezeigt, dass Geld allein nicht alles überbrücken kann. Der Wille der Menschen ist umso wichtig, um in einem Land Wohlstand zu erreichen.

Ich glaube, dass sehr viele Menschen Deutschland als Urlaubsziel wählen, weil sie denken, dass es in Deutschland viel sicherer als in anderen europäischen Ländern ist. Die Großstädte in Deutschland sind auch nicht so dicht besiedelt

wie diejenigen anderen Länder; deshalb gibt es dort vergleichsweise weniger Probleme. Sogar in Berlin leben nur 3,5 Millionen Menschen. Dagegen leben mehr als 10 Millionen Menschen im Großraum Paris und genauso viele im Großraum London.

Die Kosten für die Lebenshaltung sind in Deutschland nicht niedriger als in England oder Frankreich, doch sicherlich niedriger als in den skandinavischen Ländern. Neuerdings kommen viele Japaner nach Europa, auch um Deutschland zu besuchen. Sie kommen um die alten deutschen Städte wie Heidelberg oder Trier zu besichtigen. Wer schon einmal in Japan war, kennt die hohen Preise dort. Ein guter Apfel kostet in Japan umgerechnet 8 \$US. Ein Frühstück im Hotel, das in Deutschland im Preis einer Übernachtung unbegriffen ist, kostet in Japan 20 \$US extra. Im Jahr 1972, als ich noch in Japan studierte, konnte man einen US-Dollar in 380 Yen umtauschen. Heute (2002) ist ein US-Dollar nur noch 120 Yen wert. Der heutige Wert des US-Dollars ist in den 30 Jahren um ein Drittel gesunken. Auf Grund der niedrigeren Preise verbringen immer mehr Japaner in anderen westlichen Ländern ihren Urlaub. Dagegen müssen Urlauber aus anderen Ländern in Japan immer gut rechnen können, ansonsten wird das Portmonee sehr schnell leer.

In den Gaststätten und Restaurants Japans findet sich meistens auf den Tischen eine Notiz: „Wir nehmen kein Trinkgeld!“ Ich denke, dass ein solcher Hinweis sich bei den dortigen hohen Preisen erübrigt, denn wer hat da noch Trinkgeld übrig?! In Indien, in Vietnam oder in Deutschland ist es dagegen eine Selbstverständlichkeit, der Bedienung Trinkgeld als eine Belohnung für den Service zu geben. In Japan gibt es diese Sitte nicht – möglicherweise aus Nationalstolz?! Ich war im Jahr 2002 eine Woche lang in Indien. Dort habe ich für eine ganze Woche nur etwa 100 \$US ausgegeben. In Japan dagegen habe ich Tausende von US-Dollars in nur vier Tagen ausgegeben. Ich glaube, dass die Preise in Japan auf der Welt am höchsten sind. Im internationalen Vergleich liegen die Preise in Deutschland etwa im Durchschnitt.

Fast jeder Nicht-Deutsche erkennt an Handelsmarken wie „Mercedes-Benz“, „BMW“, „Audi“ oder „Volkswagen“ sofort die Produkte aus Deutschland. Obwohl die deutschen Produkte hinsichtlich der Schönheit nicht mit den japanischen mithalten können, sind sie weit stabiler und von hoher Qualität. Die Deutschen streben danach, die von ihnen erreichte Qualität dauerhaft zu erhalten und damit ihren guten Ruf zu wahren. Die Vietnamesen sind da anders. Nach einem Erfolg geben sie meist ein billiges Produkt für das erfolgreiche aus, oder sie vermindern die Qualität der erzeugten Ware um auf diese Weise Kosten zu sparen.

Manche Ausländer sind stolz auf den Besitz eines deutschen Produkts. Sie stehen zum Beispiel selbstbewusst vor einem Mercedes, dessen Motor immer noch hervorragend funktioniert, obwohl der Wagen inzwischen gut 30 Jahre alt sein könnte. Sie meinen, dass sie klug bei der Wahl des Produkts waren. Eine Hausfrau kann ihrer Freundin gegenüber angeben, dass das immer noch scharfe Messer, das aus Deutschland kam, schon 25 Jahre alt ist. Dies ist ein Erfolg für Deutschland. Wenn ein Produkt in Deutschland fabriziert wird, dann wird es exakt nach der festgelegten Formel oder Methode - immer auf gleich hohem Niveau produziert. Keinem deutschen Produzenten würde es einfallen, minderwertige Materialien oder Rohstoffe zu verwenden, um die Herstellungskosten zu senken und dadurch mehr Gewinn zu erzielen. Ich glaube, dass die emotionale Kälte der Deutschen der Grund hierfür ist. Sie glauben einfach an die Qualität ihrer Ware: Wem es gefällt, der kauft es auch.

Die Deutschen der jüngeren Generation haben es viel leichter als ihre Vorfahren. Sie kennen nicht das vom Krieg

verursachte Leid und die Unterdrückung durch die faschistischen Machthaber Hitlers oder durch die Diktatur der Kommunisten in der ehemaligen DDR. Sie sind viel weicher und verborgener als die ältere Generation. In dieser modernen Zeit gehören Personen wie Punker oder Hippies und Vorgänge wie freizügiger Geschlechtsverkehr, Scheidung oder Heirat Gleichgeschlechtlicher zur Tagesordnung. Diese Erscheinungen sind nicht nur in Deutschland allein zu finden, sondern auch in anderen Ländern Europas und Amerikas sowie in asiatischen Ländern wie Japan, Korea, China, Vietnam oder Thailand.

In der Vergangenheit hatten die christlichen Kirchen große Macht über die Menschen in den westlichen Ländern. Inzwischen wich diese Macht den Menschenrechten. Deshalb wird die Freiheit jedes Individuum zu sehr geschützt. An Kanzler, Präsident, König oder Abgeordneten gerichtete Beschimpfungen sind eine der Folgen. Wenn es um Konkurrenz geht, wird der jeweilige Gegner rücksichtslos diffamiert und bloßgestellt. Die religiösen Institutionen haben hier kein Einfluss mehr, denn das Gesetz schützt die Freiheit der einzelnen Bürger.

Seit der Einweihung des Tempels „Pagode Vien Giac“ empfangen wir hier jährlich mehr als 100.000 Besucher - darunter viele Deutsche -, die an den großen Festen wie Neujahr, Tag des ersten Vollmonds, Vesakfest und Ullambanafest oder aber an Einführungen zur buddhistischen Praxis, an Lehrseminaren und an anderen Veranstaltungen teilnehmen. Wir wurden von den Medien gefilmt und interviewt. Oft kam die Frage der Fremdenfeindlichkeit zur Sprache; doch ich muss sagen, dass ich selbst bisher glücklicherweise keinen solchen Problemen begegnet bin. Wahrscheinlich haben die Deutschen verstanden, dass der Buddhismus eine friedliche Religion ist - eine Religion, die das Glück bringt und das Leiden lindert. Manche Deutsche möchten auch - wenn auch nur aus Neugier - wissen, was der Buddhismus überhaupt lehrt.

Wenn die Menschen nicht mehr mit ihrem Leben zurechtkommen, suchen sie Hilfe bei den Religionen. Die Religion ist eine der besten Therapien, um geistige Probleme zu lösen.

Diesen Abschnitt meines Buches habe ich dem Charakter der Deutschen gewidmet, wie ich ihn nach meinem subjektiven Erleben in den letzten 25 Jahren verstanden habe. Manche Vietnamesen meinen vielleicht, dass ich dabei die Deutschen zu sehr in Schutz nehme und die Vietnamesen entblöße. Vielleicht meinen dagegen manche Deutsche, dass ich die Mentalität der Deutschen nicht zutreffend beschreibe. Ich muss an dieser Stelle noch einmal betonen, dass die in diesem Abschnitt genannten Kennzeichen lediglich meinen persönlichen Standpunkt widerspiegeln, und dass ich für sie keinen Anspruch auf Allgemeingültigkeit erhebe. Bitte bedenken Sie, dass alle Phänomene so existieren, wie sie beschaffen sind!

(Fortsetzung folgt)

Impressum

**Congr. d. Verein. Vietn. Buddh. Kirche
Abteilung in der BRD
(gemeinnütziger Verein e.V.)**

Die Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen Vietnamflüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland

Verlag

c/o Viengiac Pagode,
Karlsruher Str. 6, 30519 Hannover
Tel. (0511) 879630. Fax. (0511) 8790963
Homepage: <http://www.viengiac.net>
E-Mail: viengiac@viengiac.net
E-Mail: baoviengiac@viengiac.de

Herausgeber:

Congr. d. Verein. Vietn. Buddh. Kirch e.V.

Redaktion:

Vietnamesisch-Buddhistisches Sozio-Kulturzentrum in der BRD (VIBUS)
Erscheinungsweise: 6 mal jährlich
Diese Zeitschrift wird kostenlos verschickt. Nachdruck nur mit schriftlicher Genehmigung der Redaktion erlaubt.



Trang Hoa Phượng

Mẫu tử

(Kính dâng hương hồn Má của con)

• Hồng Nhiên

Thời gian trôi qua thật nhanh, mới đó mà tôi đã mờ côi mẹ tròn 20 năm. Tôi cũng không quên được vào những mùa Vu Lan năm 1982-1983-1984, gia đình tôi về chùa Viên Giác, sau lễ cầu nguyện tôi đã được các cô trong Gia Đình Phật Tử cài lên áo tôi một đóa hoa hồng thật đẹp. Tôi nhìn sang người bạn đạo qui bên cạnh, hỏi nhỏ:

- Tại sao chị cài hoa trắng?

Chị bùi ngùi, nói:

- Mẹ tôi đã mất rồi, mẹ còn, mới được cài hoa hồng. Chị còn mẹ là có phúc lắm đó, còn tôi... ngày mẹ mất, tôi không về được.

Không ngờ, lời nói của chị ám ảnh tôi gần cả năm sau, vì trong thời gian qua má tôi đau yếu luôn. Cứ mỗi lá thư bên nhà chị tôi gửi qua đều có câu "bệnh của má ngày càng nặng, mỗi lần nhắc tới em là má khóc, má nhớ em lắm!...". Tôi đọc thư chị mà nước mắt chan hòa, tâm trạng tôi như người sợ giặc tới... Má tôi mất vào mùa Vu Lan năm 1985, năm ấy tôi về chùa được cài đóa hoa trắng, lòng bùi ngùi, nước mắt lăn tròn trên má. Người bạn đạo qui bên cạnh tôi những năm trước, bây giờ chị cầm tay tôi siết mạnh, không nói một lời nào.

Mặc dù thời gian qua quá lâu, nhưng đối với tôi không bao giờ quên được. Má tôi là một người đàn bà hiền lành, tận tụy suốt cả cuộc đời. Ngày tôi còn bé, má thường ôm tôi vào lòng, má nói "Má đi cấy ngoài ruộng về nhà, vài giờ sau là má sinh con" hoặc "Hồi con bốn, năm tuổi má bồng con chạy giặc, ban đêm không dám ngủ ở nhà, sợ giặc tới đốt phá, vậy mà nhà mình đã bị cháy đến 3 lần...".

Tôi là con út trong gia đình nên được cha mẹ cưng chiều, nhưng đến khi hiểu biết chút đỉnh, tôi không cảm thấy hạnh phúc chút nào, vì trong những lần ba má tôi không đồng ý với nhau một việc gì thì ba tôi là người quyết định, má tôi chỉ biết ngồi khóc, nếu có tôi thì bà ôm tôi, hai má con cùng khóc.

Tháng bảy trăng hội Vu Lan

Trông về quê mẹ muôn vàn nhớ thương...

Thật vậy, con người ai cũng do cha mẹ sinh ra. Người mẹ luôn kề cận bên con cái để nuôi dạy mà không bao giờ kể công lao. Người cha đi làm ra tiền để lo cho gia đình được cơm no, áo ấm. Công ơn cha mẹ ví như trời biển, như non cao đất rộng cũng không thể sánh bằng.

Cha tôi mất đã lâu, ngày ấy tôi còn ở quê nhà. Tôi đã có mặt lúc cha tôi trút hơi thở cuối cùng. Còn má tôi, người mà tôi thương yêu nhất đời lại không có mặt lúc bà nhắm mắt.

Tôi không làm sao quên được những năm tháng còn ở quê nhà, dù ngày ấy tôi đã thành gia thất, có con cái, nhưng đối với má tôi, bà vẫn xem tôi như ngày còn nhỏ dại.

Hồi ấy tôi đi dạy học ở xa, cứ mỗi cuối tuần, tôi thường về thăm má tôi. Bà cũng hay làm sẵn những món ăn mà tôi thích. Bà luôn miệng "con ăn cái này đi, còn cái kia đem về cho mấy đứa cháu...", rồi má tôi buột miệng "đạo này con ốm lắm". Nước mắt tôi chảy dài, vì tôi biết không còn mấy ngày nữa tôi sẽ đi xa. Chuyến đi này có thể gia đình tôi được đoàn tụ hoặc có thể làm mồi cho cá dữ, hay bị bắt lại cũng không chừng.

Má tôi cũng biết về sự quyết định của tôi, nhưng bà không muốn nhắc tới.

Một hôm, má tôi đến nhà người chị và người em trai út (lúc đó má tôi còn người chị thứ bảy, má tôi thứ tám và người em trai út thứ chín) để nghe lời khuyên của dì và cậu tôi ra sao.

Số là, cậu chín tôi, có người con rể làm chức vụ lớn trong chế độ mới ở thành phố Mỹ Tho, nhưng ông không dựa vào đó mà cản trở. Cậu khuyên má tôi:

- Chị ơi! Cháu nó đã có gia đình, có con cái, chồng đi đâu thì vợ phải theo đó, chị cản cháu, nó ở nhà không khác gì chị giữ được xác chứ không giữ được hồn. Vậy cứ để cho mẹ con cháu nó ra đi chị ạ!...

Chiều hôm đó má tôi về kể lại câu chuyện cho các anh chị tôi nghe. Từ đó má tôi ít buồn và các anh chị tôi cũng an tâm hơn.

Không ai nhắc nhở tới ngày ra đi tìm tự do của ba mẹ con tôi và ngày đến cũng đã đến.

Một buổi chiều còn vương nắng, đó là ngày 24.05.1979, tôi và hai con về thăm má tôi lần cuối, má tôi có vẻ bình thường, bà đem ra những thứ cần dùng cho mẹ con tôi, miệng luôn căn dặn:

- Nhớ đừng để hai cháu của mẹ đói khát nghe con!... Nhớ tới nơi bình an viết thư về cho má...

Má tôi còn nói, còn dặn dò đủ thứ. Tôi nghẹn ngào:

- Má ơi! Má có biết không, đâu phải ai ra đi như vậy rồi cũng tới nơi, biết bao nhiêu chiếc ghe vượt biên đã chìm ngoài biển cả, xác người làm mồi cho những loài cá dữ mà người ở nhà không biết được một tin tức nào.

Tôi cũng hơi ngạc nhiên về sự điềm nhiên của má, vì từ xưa đến giờ có chuyện buồn rầu thì má khóc, nhưng hôm nay má tôi lại bình tĩnh hơn bao giờ hết.

Tôi cố nén xúc động để từ giã má ra về. Đến ngã ba đường lớn tôi ngừng xe lại, tôi khóc, bây giờ tôi mới được tự do... khóc. Tôi nghĩ, chắc má tôi giờ này đang cô đơn ở nhà và bà cũng khóc như tôi.

Con gái tôi, nó đã hiểu ít nhiều về sự việc, nó nói nhỏ với tôi:

- Thôi về đi mẹ, coi chừng người ta để ý...

Đứa con trai của tôi mới tám tuổi nên nó còn vô tư, hỏi tôi:

- Sao mẹ khóc, bà ngoại đâu có la rầy gì mẹ đâu? à, mà bà ngoại cũng khóc, hồi này bà ngoại bảo con ra ngoài sau bà ôm hôn con, ngoại khóc làm con cũng khóc theo.

May mắn cho con gái và cháu ngoại của má ra đi không bị đói khát, không gặp bọn hải tặc cướp bóc, hiếp đáp, quấy nhiễu nên chỉ có 5 ngày là đến được một hòn đảo của nước Nam Dương (Indonesia).

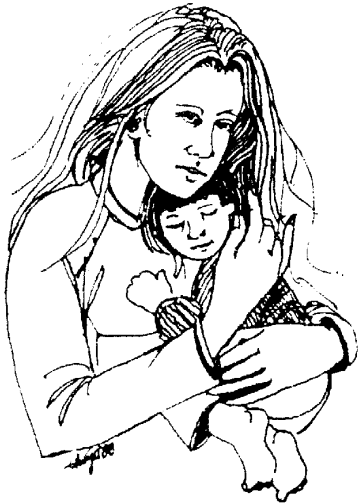
Ở quê nhà, sáu tháng trời má và chị đã ăn chay, cầu nguyện cho con và em, cháu được như ý.

Đã 26 năm trôi qua, tôi mới viết ra được lời này để sám hối, vì tôi là đứa con hay cãi cha mẹ. Khác với các anh chị tôi, từ cuộc hôn nhân đến đời sống của họ đều nghe lời cha mẹ. Riêng tôi, con út lại được cha mẹ cưng chiều. Tôi cũng không hiểu sao, dù tôi hay cãi, hay làm những chuyện trái ý mà ba má tôi vẫn thương tôi nhiều.

Sau bao năm xa cách quê hương, tôi đã trở về thăm lại nơi chôn nhau cắt rún. Cảnh cũ, người xưa đã quá nhiều thay đổi. Vườn trà ngày trước xanh tươi, mỗi độ xuân về chim én thường tới đậu vào cây đồng và làm tổ, còn dưới đất nhờ phân rác và cạnh mương nên được tưới nước hằng ngày. Các loại rau búp ngọt, ngò gai, rau dền v.v... đua nhau mọc tốt tươi, quanh năm ăn không hết.

Má tôi thường hay tự mình bắc thang lên thân cây đồng để hái trà, chứ không cho chị em tôi hái, bà sợ chúng tôi không biết cách hái sẽ làm chết dây trà của bà. Nay nhìn lại vườn xưa nhưng tôi quên hỏi:

Tại sao vườn trà không còn nữa, hàng cau cao ngắt đạo ấy đâu rồi?...



Chắc là chị tôi đã già không chăm sóc được hay tại chị không ăn trà như má tôi? Tôi không ngờ vườn trà ngày xưa ấy, bây giờ là hai nấm mộ. Một cái là nơi an nghỉ cuối cùng của má tôi và một cái là cốt của ba tôi được cải táng đem về nằm bên cạnh má tôi.

Tôi lặng lẽ đứng nhìn ngôi nhà lớn, nơi tôi thuở ấu thời có cha, có mẹ,

có anh chị sống quây quần trong ngôi nhà này. Bây giờ các anh chị tôi, ai cũng có gia đình và có nhà riêng, chỉ còn lại người chị lớn (cà) của tôi một mình ở giữ ngôi nhà này.

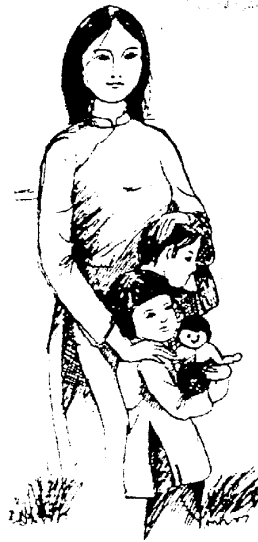
Ngày xưa, trước nhà là cái sân lớn lót gạch nâu. Đến mùa lúa chín, sân phơi đầy lúa, bên trong nhà dưới lúa chứa đầy bồ, dự trữ ăn cho cả năm chưa hết, còn lúa dư ngoài sân thì kêu người đến bán. Sau vụ lúa, sân trống, các bạn trẻ hàng xóm cứ mỗi buổi chiều trời mát, rủ nhau tụ tập lại đây, bày đủ các trò chơi, mãi mê đến tối mịt (không thấy đường) mới chịu tan hàng ai về nhà nấy. Vui làm sao khi nhà có lúa chứa đầy bồ, sung sướng nhất lúc các anh chị và tôi được cha mẹ may cho những bộ quần áo mới.

Hạnh phúc, yên vui của anh chị em tôi là thuở nhỏ được sống gần bên cha, bên mẹ. Dù rằng nơi quê tôi có cực khổ, gian lao hay vất vả, lam lũ bởi nắng, mưa và rộn ràng với công việc đồng áng, nhưng gia đình tôi tràn ngập tình thương.

Giờ đây nơi xứ lạ quê người, tuy đời sống của ai nấy không còn lo lắng như xưa và vật chất có dư thừa... nhưng tôi chẳng bao giờ tìm lại được những ngày thơ sống có cha, có mẹ ấy.

Nhớ má, con viết lời thương má, má!...

(Willich mùa Vu Lan 2005)



Báo Thức

(Thương tặng
hai bé Thy & Nhân)

KIM

Báo thức là công việc của tôi đấy! Vì tôi là một chiếc đồng hồ báo thức. Tôi làm việc cho mọi người, tôi sẽ reo to thật inh ỏi, gọi họ thức giấc vào bất cứ giờ nào mà người chủ đã dự định để thực hiện một công việc không muốn trễ nải hay không muốn lỡ hẹn. Họ chỉ việc lên dây thều và điều chỉnh những chiếc kim báo giờ cần thiết trên gương mặt tôi. Tôi cũng rất yêu mến những người chủ như vậy, nên tôi tự hứa với lòng mình sẽ không phụ lòng ai cả. Sau một ngày sinh hoạt với cuộc sống chung quanh: Có người phải lao động vất vả mệt nhọc, có người thì thành thợ nhàn nhã, nhưng khi đêm trở về ai cũng muốn nằm trên chiếc giường hoặc một chỗ ngả lưng để nghỉ ngơi, nhằm mục đích cho chân tay và các cơ bắp trên người cùng các hệ thống thần kinh giảm bớt căng thẳng. Họ sẽ chìm vào giấc ngủ, riêng tôi thì vẫn phải thức, để lắng nghe từng nhịp thở lên xuống theo thốn thức của mỗi con tim, qua đó tôi cũng đã hiểu được bao tâm tư của họ, có những niềm vui sướng và cũng bao buồn phiền chán nản. Đêm nào họ ngủ không được, họ nằm lắng nghe tiếng : "Tí tách! Tí tách -cũng chính là tiếng thở của tôi đấy!", rồi tôi cũng thức trắng đêm. Có lúc tôi được nghe từng lời tâm sự thầm kín, lời than vãn náo nùng. Mỗi người chủ đã cho tôi một vài dấu ấn khó quên, có chuyện cũng nên kể ra, có chuyện cần phải giữ kín. Nhưng trường hợp của hai cô con gái của ông bà chủ trong ngôi nhà mà tôi đang cư ngụ, đã để lại một kỷ niệm vui vui... tôi muốn chia sẻ với các bạn và tôi xin phép được kể ra đây nhé:

"Thy được mười hai tuổi, Nhân tám tuổi, cả hai đều đã đi học, nên tôi vẫn thường giúp họ, nhắc nhở họ nào giờ vui chơi, giờ học tập luôn cả giờ đến trường và giờ đi ngủ nữa. Thời gian làm việc căng thẳng nhất của tôi thường là những ngày trong tuần từ thứ hai đến thức bảy.

Nơi phòng ngủ, họ có giường riêng, nhưng đã mấy ngày rồi cứ trước giờ ngủ, hai chị em lại nằm chung một giường, họ bàn tán một việc gì đấy có vẻ bí mật, thăm thì nhỏ quá, nên tôi không thể nào nghe được. Thật là điều bất thường, sau thỏa thuận cả hai cô bé chính giờ báo thức sớm hơn mọi ngày. Lạ nhỉ! Ngày mai là ngày chủ nhật, họ thức dậy sớm làm gì. Còn tôi được đặt cạnh bên giường bé Nhân nữa. Chuyện gì phải đến rồi cũng sẽ đến. Hai cô bé thiếp dần vào giấc ngủ. Không biết bé Nhân đã nằm mơ thấy gì mà trên môi nở một nụ cười xinh lắm. Đến độ giữa đêm, Thy bỗng chòàng thức giấc, vội vàng gọi em:

- Nhân ơi! Đồng hồ reo chưa vậy?

Nhân trong cơn ngáy ngủ, nhưng cũng nhận thức được lời hỏi của chị mình, liền nhìn lên đồng hồ và bảo:

- Mới có ba giờ rưỡi sáng thôi! Mình ngủ tiếp chị Thy nhé!

Bị đánh thức bất ngờ, hai cô bé phải trăn trở, một lát sau mới trở lại giấc ngủ được. Tôi vẫn thức và kiên nhẫn hơn để xem chuyện gì sắp đến... Chiếc kim chỉ giờ đang tiến dần đến số đã được định, chiếc kim dài vừa chuyển vào vị trí số mười hai, thế là đúng sáu giờ sáng, tôi réo vang lên. Thy vội vàng bật người khỏi giường, trong khi ấy Nhân vẫn còn ngáy ngủ ngon lành, có lẽ vì đã bị đánh thức giữa đêm hay vì cô bé này đã quen giấc ngủ như những ngày cuối tuần, Thy đành bước sang giường em bấm tắt nút, ngân tiếng reo của tôi, nhẹ nhàng lay vai Nhân, khẽ bảo:

- Thức dậy đi Nhân!

Nhân ngo ngậy trong chiếc chăn, giọng nói nửa tỉnh nửa mê nũng nịu:

- Em còn muốn ngủ tiếp nữa.

Nhưng chẳng bao lâu thì cả hai chị em rời khỏi giường, cử chỉ rón rén thật nhẹ nhàng, hình như họ không muốn làm mất đi sự yên tĩnh chung quanh.

Sau khi đã rửa mặt đuổi cơn buồn ngủ đi. Thy và Nhân vào phòng bếp. Ô! Họ làm thức ăn sáng, Thy lấy trứng ra đánh cho tròn đỏ và tròn trắng hòa tan lẫn vào nhau. Rồi lấy chảo ra chiên trứng lên nữa, còn bé Nhân thì lấy bánh mì cho vào lò nướng. Tôi nghĩ thầm, chắc họ đói bụng nên ăn điểm tâm sớm, hay là họ sắp phải đi đâu đây. Nhưng không phải thế! Sau khi thực hiện các công việc trên, hai chị em lại chuẩn bị bàn ăn, họ lấy giấy lau miệng xếp thành một hình dạng đơn sơ nhưng cũng đủ kiểu cộ hơn ngày thường, bày các dao muổng ly tách đĩa lên bàn thật ngăn nắp, tất cả là bốn phần, vậy là họ chuẩn bị cho bốn người. Họ có khách đến thăm à!

Cả hai nhìn lên đồng hồ, Thy bảo em:

- Còn sớm lắm! Nhưng như vậy tốt hơn là mình làm không kịp.

Thy và Nhân nhìn nhau cười. Nhân chợt nhớ ra một điều, họ vào phòng ngủ của mình lấy ra một gói nho nhỏ xinh xắn đã được bao bọc bằng giấy màu và đặt vào vị trí thật dễ nhìn thấy trên bàn. Sau đó hai chị em lại đi nấu nước, pha một ấm trà, cùng chuẩn bị cà-phê sáng, cuối cùng là mở cửa sổ để không khí thoáng mát của buổi sáng lùa vào phòng. Đâu đây đã gọn gàng, họ gạt đầu tỏ vẻ vừa ý lắm. Thời gian lặng lẽ trôi qua gần hơn nửa giờ, bỗng cánh cửa phòng khách bật mở ra, ba mẹ hai cô bé bước vào, trên gương mặt họ thoáng ngạc nhiên, tiếng người mẹ nhẹ nhàng hỏi:

- Hai chị em làm gì mà thức dậy sớm quá vậy?

Ngừng lại, bà nhìn lên trên bàn ăn càng ngạc nhiên hơn, chẳng biết chuyện gì đã xảy ra. Thy và Nhân đến bên ba mẹ, cầm tay người vào chỗ ngồi. Thy, Nhân âu yếm nhìn mẹ nói:

-Ba mẹ ơi! Chúng con đã làm thức ăn điểm tâm rồi! Có trà và cà-phê nữa nè. Để chúng con mang lên, gia đình mình cùng ăn sáng và uống nhé!

Nghe nói đến cà-phê. Người mẹ suy nghĩ: "Từ trước đến nay, hai con mình có bao giờ tự pha cà-phê đâu!", rồi nhớ lại trưa hôm qua, Thy đã hỏi cách pha, đến lúc này với sự việc đã xảy ra, bà mới hiểu rõ ràng hơn.

Trong lúc ngồi ăn, Thy và Nhân có dịp thuật lại những chuẩn bị của hai chị em suốt mấy ngày qua, luôn việc Thy trong lúc vội vàng làm đánh rơi quả trứng xuống nền nhà văng tung tóe, hai chị em phải nhanh tay thu dọn sạch sẽ trở lại. Sau cùng là trao tặng mẹ gọi quà do chính tay bé Nhân được sự gợi ý của cô giáo trong trường và đã thực hiện vào các giờ thủ công. Còn Thy thì đem bằng kết quả

bài kiểm tra đạt điểm tốt để ba mẹ ký tên vào. Sau cùng thì hai cô bé hôn vào đôi má của người mẹ, hỏi:

- Mẹ ơi! Hôm nay là ngày gì? Mẹ biết không?

Người mẹ suy nghĩ một chút, rồi ôm chèo các con vào lòng, cảm động nói:

- Mẹ nhớ ra rồi! Hôm nay là "Ngày lễ dành riêng cho những người mẹ". Các con chu đáo quá ... đã đem đến cho mẹ một niềm vui bất ngờ. Mẹ cảm ơn các con nhiều lắm.

Ba ngồi đấy, xem ba mẹ con âu yếm mà vui lây với cảnh gia đình trong một buổi sáng tươi mát. Thy nhìn ánh mắt của ba, thăm đoán suy nghĩ của ba, nhưng không biết có đúng không, chợt ba lên tiếng:

- Đến lúc "Ngày lễ dành cho ba" thì... thì... đừng có bí mật như hôm nay nhé! Ba chỉ sợ các con mất ngủ thôi, chỉ cần ngoan ngoãn là ba mừng và vui lắm rồi!

Mẹ vội tiếp lời theo sau:

- Ngày ấy còn xa lắm!

Rồi nhìn qua hai chị em Thy, Nhân, mẹ mỉm cười, trong ấy có một sự nhắc nhở thầm: "Mẹ sẽ cùng tiếp tay với hai đứa thực hiện ngày ấy!".

Tôi bấy giờ mới thật sự hiểu được bao trăn trở của hai cô bé này. Họ "bí mật" nhưng cuối cùng vẫn phải "bật mí", còn tôi cũng vẫn mãi là một chiếc Đồng Hồ Báo Thức để tiếp tục lắng nghe những tiếng thao thức trong đêm tối và sẵn sàng réo vang khi người chủ cần đến. Tôi rất mừng mình đã giúp ích hai cô chủ nhỏ và vui lây cùng gia đình này.

(Áo quốc, viết xong ngày 05.07.2005)

Thơ



Ngày hiền mẫu

• Quảng Thọ

Hôm nay ngày Hiền Mẫu
Con không biết tặng gì
Tình mẹ thật bao la
Không có gì sánh bằng
Tình Mẹ thật hiền hòa
Không có gì mua được
Con tặng cho mẹ một tấm lòng
Tấm lòng của con hiếu thảo
Con tặng cho mẹ một tình thương
Tình thương của con dành cho mẹ.
Với con ngày nào cũng là ngày của mẹ.

Mẹ vắng nhà ngày bão

(Đặng Hiển)

Mấy ngày mẹ về quê
Là mấy ngày bão nổi
Con đường mẹ đi về
Còn mưa dài chặn lối.

Hai chiếc giường ướt một
Ba bố con nằm chung
Vẫn thấy trống phía trong
Nằm ấm mà thao thức

Nghĩ giờ này ở quê
Mẹ cũng không ngủ được
Thương bố con vụng về
Củ mìn thì lạt ướm.



Nhưng chị vẫn hái lá
Cho thỏ mẹ, thỏ con
Em thì chăm đàn ngỗng
Sáng lại chiều no bữa.
Bố đội nón đi chợ
Mua cá về nấu chua ...

Thế rồi cơn bão qua
Bầu trời xanh trở lại.
Mẹ về như nắng mới
Sáng ấm cả gian nhà.

Mutter ist an einem stürmischen Tag nicht zu Hause

Die Tage, an denen Mutter in ihre Heimat fährt
Sind Tage, an denen es stürmt.
Der Weg, auf dem Mutter nach Hause geht
Wird von einem Regenguss versperrt.
Von beiden Betten ist eines nass
Vater und wir Kinder liegen zusammen.
Wir fühlen uns immer noch leer im Innern
Liegen warm, aber schlaflos.

Denken daran, dass jetzt in der Heimat
Mutter auch nicht schlafen kann
An ihre tolpatschigen Kinder und den Vater denkt.
Das Feuerholz ist wieder nass.

Trotzdem pflückt meine große Schwester Blätter
Für die Hasenmutter und ihr Kind.
Ich passe auf die Gänseherde auf.
Morgens und abends sind wir satt
Vater setzt seinen Hut auf und geht zum Markt
Kauft Fisch um Saure Suppe zu kochen.

Das Gewitter ist vorbei,
Der Himmel ist wieder blau.
Mutter kommt nach Hause wie ein neuer Sonnenschein
Und wärmt das ganze Haus.
(Übersetzung von Nathalie Doan, 15 Jahre)



Cảm đề tượng

"Mẹ bỗng con vượt biển"

(Cho Điêu khắc gia Phạm Thế Trung - Canada SD)

Ngày xưa, thiếu phụ bế con
Chờ chồng, hóa đá, thành "HÒN VỌNG PHU"
Ngày nay, chồng bị đi tù
Bỗng con vượt biển, cho dù hiểm nguy!

Thân mẹ, mẹ có sá chi
Thương con thỏ dại tội gì gian nan!
Biển khơi, sóng cả phủ phàng
Cá xà, cá mập, cướp đàng như rươi.

Giặc, cá, giết hại từng người
Cộng sản giết hại đời đời cháu con.
Vậy nên mẹ phải lo toan
Đưa con lánh nạn, cho tròn lời cha.

Quê người tạm gọi là nhà
Nhà còn đâu nữa để mà tựa nương!
Dãi dầu một nắng hai sương
Lo cho con trẻ đến trưởng đũa tranh.

Thương mẹ, con cố học hành
Mai sau đỗ đạt, thành danh với đời.
Dạy con con hãy nhớ lời
Thay cha cứu nước, giúp người ấm no
Dân mình có được TỰ DO !

• GS. SUM DƯƠNG

Boat mother & son statue

(To sculptor Phạm Thê Dung - S.D.)

Long time ago, holding her son, a Vietnamese woman
Waited for her husband, and became a coast rock statue.
Today, the husband is put into hard brain-washing jail
The wife holding son, despite multiple dangers, crosses
ocean!

"Myself, my own body, oh my honey! I do not care
I love you very much, You, so little and innocent
On high seas, waves are often enormous and terrible
And the sharks, and the Vikings, always cruel and frequent !

But while the sharks and Vikings kill only person and person
Communists kill, oh! generation and generation !
So I do have the sacred duty to take you away
As your dear Dad wished at the time of separation.

In this foreign country, the dear Canada, our new one,
(Our country is no more, oh honey! where can we lean on?)
I must work very hard, night and day, sunny and foggy
To get money, and grow you up, and send you to schools.

If you love me, honey, try with all your strength to study
Get high graduations and successes in society
Then replace your father, save our dear and poor fatherland
Do that our countrymen have enough food and LIBERTY !"

Những ngôi Chùa trong lịch sử Phật Giáo Việt Nam

• Thiện Căn Phạm-Hồng-Sáu

Như chúng ta đã biết, trên những nẻo đường đất nước Việt Nam của chúng ta, từ những miền núi cao sâu, thâm u, tĩnh mịch đến cạnh những dòng sông, con suối nước chảy róc rách hiền hòa hoặc những nơi phố xá, thị thành huyên náo, những ngôi chùa, những ngọn tháp là những hình ảnh quen thân và gần gũi với mọi người.

Những lễ hội du sơn khấn Phật, những ngày lễ, vía người ta rủ nhau đi chùa, một bằng lai thanh tịnh tâm linh chỉ ở cửa Thiện mới có. Cho nên đạo Phật đã đi sâu vào lòng người qua nhiều thế hệ, mặc dù nước ta thuộc vùng nhiệt đới, nhiều mưa, bão lồm, lại thêm sự tàn phá của thời gian và chiến tranh loạn lạc triền miên. Việc giữ cho ngôi chùa, ngọn tháp còn vẻ đẹp cùng với những bảo vật được lưu tồn, thật là một điều đáng trọng của dân tộc cả quá khứ lẫn vị lai.

Những ngôi chùa, ngọn tháp ghi nhớ trong lòng mọi người không chỉ bởi phong cảnh đẹp giữa chốn đồng quê, nơi lam sơn cùng cốc, nơi suối nguồn, thác bạc luân chảy bốn mùa hay trong câu kinh, tiếng kệ, tiếng chuông, nhịp mõ, hương khói lúc cử hành nghi lễ... mà nó còn chứa đựng một kho tàng báu vật vô giá đã chinh phục được khách du lịch đến thăm quan cùng với các nhà khoa học khảo sát, sưu tầm. Thành quả này nhờ những người thợ tài hoa của nhiều thế hệ được thể hiện qua lối kiến trúc chùa, tháp, tượng thờ, phù điêu, chạm khắc, trang trí cây cảnh... và đó không chỉ là biểu trưng của tôn giáo Phật giáo mà còn biểu trưng cho cả nền văn hóa của dân tộc nữa.

Các vị Vua, Chúa, các vị Thiền sư, người của đời trước đã thể hiện sự tôn kính và niềm tin của mình vào đạo Phật bằng cách cho xây dựng chùa, tháp, miếu mộ v.v... để thờ. Phiên dịch kinh sách để cho mọi người theo đó làm lành, tránh dữ. Để người lãnh đạo lấy đức trị dân, tạo cho xã tắc thái bình, người bình dân lấy công bằng và bi đối xử, theo câu: "Đức năng thắng số, tích phúc gặp lành,.."

Như số báo Viên Giác trước đã nói. Đoàn quốc vương Nguyễn Hoàng dựng lại chùa Thiên Mục trên đồi Hà Khê, bên tả ngạn sông Hương ở Huế. Chúa Nguyễn Phúc Tần cho trùng tu lại. Và các vị vua nhà Nguyễn như: Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, Thành Thái cũng đều cho trùng tu lại các chùa, tháp. Riêng vua Thiệu Trị vào năm 1844 cho dựng tháp Phước Duyên bên cạnh chùa Thiên Mục.

Trong khi đó phái Tào Động ở Đàng Ngoài được Thiền sư Thủy Nguyệt truyền bá vào khoảng đời vua Lê Thế Tông (1573-1599). Thiền sư cũng là Tổ khai sơn chùa Hòe Nhại (Hồng Phúc Tự) ở Hàng Than, quận Ba Đình, Hà Nội.

Tương truyền chùa xây từ đời Lý và được sửa chữa nhiều lần. Theo bia dựng năm Chính Hòa 24 (1703) ghi rõ chùa được xây tại bến Đông Bộ Đầu, nơi diễn ra trận đánh quân Nguyên ngày 29.1.1258. Vào năm 1963 bên phải chùa có dựng tháp Ấn Quang để kỷ niệm sự tự thiêu của Hòa Thượng Thích Quảng Đức. Chùa Hòe Nhại là ngôi Tổ đình của phái Tào Động ở Đàng Ngoài.

Ở Đàng Trong, Thiền sư Thạch Liêm, người có công truyền bá phái Tào Động cũng được các chúa Nguyễn trọng đãi.

Chùa Sắc Tứ Báo Quốc

Chùa Báo Quốc tọa lạc trên đồi Hàm Long, đường Báo Quốc, phường Đức, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên.

Chùa do Hòa Thượng Giác Phong khai sơn vào khoảng năm 1674, đời Lê Gia Tông.

Năm 1747 chúa Nguyễn Phúc Khoát ban biển thép vàng khắc 5 chữ "Sắc Tứ Báo Quốc Tự" có ghi người cho khắc là "Quốc vương Từ Tế đạo nhân ngự đề". Đến thời Tây Sơn (1778-1802) chùa hoang phế và làm dùng nơi chứa diêm tiêu (thuốc súng). Năm 1808 Hoàng hậu Hiếu Khương cho trùng tu chùa, xây Tam quan và đổi tên là "Hàm Long Thiên Thọ Tự". Đại hồng chung, Bảo khánh cũng được đúc tại đây vào năm 1808.

Năm 1824 vua Minh Mạng lấy lại tên cũ của chùa là "Báo Quốc". Năm 1858 vua Tự Đức cho trùng tu lại. Năm 1885 chùa được trùng tu lại với qui mô lớn. Phía Bắc chùa có một cái giếng cổ gọi là giếng Hàm Long, nước trong mát, dân sở tại đã lấy nước này để dâng vua, vì thế thường gọi giếng này là giếng Cấm. Năm 1940 trường Cao đẳng Phật học được mở tại chùa Báo Quốc và chùa trở thành một trung tâm đào tạo Tăng, Ni cho Phật giáo. Đến năm 1957 chùa được tái thiết lại, song vẫn giữ lối kiến trúc cổ kính.

Chùa là một Phật học đường danh tiếng từ năm 1948 và từ năm 1959 đến 1975 (trong thời chính phủ VNCH) chùa đã mở thêm trường dạy học, lấy tên là Trung, Tiểu học Hàm Long.

Chùa Báo Quốc

Ở miền Bắc nước ta cũng có một ngôi chùa có tên gọi Báo Quốc, thuộc xã Lưu Xá, huyện Hưng Nhân, tỉnh Hưng Yên, nay thuộc huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Chùa do Lưu Ba, người em của Tiết độ sứ Lưu Khánh Đàm (thời Lý) có công đánh tan quân xâm lược trên sông Cầu, được vua thăng chức Thái phó, tước Quận công. Sau khi về trí sĩ, ông dựng chùa tại quê hương mình để tu hành và thờ tự. Vua Lý đến thăm ban cho chùa tên là "Báo Quốc" và sai dựng bia ghi tiểu sử của Ngài cùng với công lao đóng góp xây dựng của dân chúng địa phương.

Tham khảo và sưu tầm từ các sách danh lam Cổ tự, Đình, Chùa, Lăng, Miếu nổi tiếng tại Việt Nam

Luận chữ TU

Tu là ăn ở thật thà

Tu không nói dối một mà nói hai

Tu là biết lỗi sửa sai

Tu là trong sạch trong ngoài tịnh không

Từ xa xưa ta đã biết và nghe nói nhiều về chữ TU, nhưng có nhiều quan niệm khác nhau, mỗi người có một quan niệm, một cách nhìn dị biệt. Trong phạm vi bài này chúng ta cùng tìm hiểu nguồn gốc và ý nghĩa chữ Tu. Tại sao phải tu. Lợi ích của chữ Tu. Một vấn đề thường được nói đến trong cuộc sống thường nhật. Đa phần, khi nghe đến chữ Tu là lập tức trong đầu óc nảy sinh ra ý nghĩ: Tu là phải vào chùa, phải tụng kinh, gõ mõ, phải ăn chay... nghe nói đến tu là đã hình dung ngay ra các vị Tăng sĩ, các Ni sư, Ni cô... đầu tròn áo vuông.

Nghe thấy sợ quá! Tôi không dám tu đâu. Tôi không đủ khả năng, đức hạnh để đi tu đâu. Nghĩ thế, cũng không hoàn toàn sai; mà đó chỉ là một quan niệm, một cách nhìn phiến diện. Vấn đề tu hành dành cho cả hai giới: Tu sĩ và Tín đồ. (Phật tử xuất gia và Phật tử tại gia).

Thực ra nguồn gốc của chữ Tu từ Hán tự. Tu có nghĩa là sửa. Về phương diện vật chất, khi thấy một công trình kiến trúc bị hư hao, xuống cấp; người ta phải trùng tu, nghĩa là phải sửa chữa công trình đó cho tốt đẹp hơn, khang trang hơn, vững chắc hơn. Thí dụ: Chiếc xe hư không chạy được, ta phải sửa chữa thay thế cái gì hư để xe chạy lại tốt; cái nhà bị hư hại, dột nát, ta phải sửa chữa kèo, cột, mái nhà cho hết dột, thay thế chỗ hư hại để nhà được vững chắc hơn.

Ngoài ra chữ Tu còn có những từ ghép như: Tu-bổ là sửa chữa. Tu-chính là sửa đổi cho đúng, cho hợp. Tu-duỡng là giữ gìn và sửa đổi thêm cho tốt. Tu-giới là giới luật tu hành. Tu-viện là nơi tu hành. Tu-mi là đàn ông.

Như vậy, chữ tu rất gần gũi với chúng ta, nó ở quanh ta, cùng với chúng ta như hình với bóng suốt chiều dài trong cuộc sống của chúng ta.

Trên cõi đời, con người thường gặp nhiều phiền não, khổ đau đều do vô minh mà ra. Vì vô minh nên chúng ta mới tạo tác nhiều lỗi lầm, sai trái.

Vì vậy, ta cần phải tu sửa và phải học đạo để tránh mọi tội lỗi, hầu diệt trừ nghiệp chướng, phiền não và khổ đau.

Về phương diện tinh thần hay tâm linh chúng ta cần phải tu tâm dưỡng tánh. Ngoài ra, ta còn phải tu thân nữa. Người xưa đã dạy: "*Nhân vô thập toàn*" nghĩa là con người không ai hoàn toàn (muội phần) tốt cả. Vì là con người, nên không ai được toàn thiện, toàn mỹ. Bởi lẽ không hoàn toàn tốt, nên chúng ta thường vấp phải nhiều điều lầm lỗi. Do đó, chúng ta phải sửa cả thân và tâm.

Sự tu thân là một việc căn bản, chẳng những cho cá nhân, mà cho cả gia đình và Tổ Quốc. Dù sang hay hèn, giàu hay nghèo ai cũng phải tu thân hết; có bất bình đẳng về địa vị, nhưng về tư cách và đạo đức thì bình đẳng cả; chưa có bình đẳng về pháp luật, nhưng có bình đẳng về đạo đức.

Trong Khổng giáo - nơi Bộ Luận Ngữ đã xếp thành hệ thống với những câu: "Thành ý, Chính tâm, Tu thân, Tề gia, Trị quốc, Bình thiên hạ".

Muốn làm sáng cái đức của thiên hạ, thì trước hết phải trị nước mình. Muốn trị nước mình, thì trước hết phải tề nhà mình. Muốn tề nhà mình, thì trước hết phải sửa thân mình. Muốn sửa thân mình, thì trước hết phải chính cái tâm mình. Muốn chính cái tâm của mình, thì trước hết phải làm cho tinh thành ý của mình. Muốn làm cho tinh thành cái ý của mình, thì trước hết phải có tri thức xác đáng. Tri thức xác đáng ở chỗ xét kỹ mọi vật.

Con người từ vô thủy đã nằm sẵn trong tiềm thức 3 tên giặc độc. Đó là: Tham - Sân - Si. Chúng luôn rình rập và chờ dịp để dẫn dắt ta vào con đường sai trái, tội lỗi.

Thân thì tham ăn của ngon, mặc của tốt; giết hại loài vật để mong cầu thường thức món ngon vật lạ; giết hại đồng loại để chiếm đoạt vật chất của cải, đất đai. Chưa có xe, chưa có nhà thì ước mong có được chiếc xe để đi, cái nhà để ở. Khi đã có được chiếc xe, lại muốn có thêm một chiếc xe nữa tốt hơn, sang hơn. Khi đã có nhà rồi lại muốn tậu thêm cái nhà nữa cho thuê kiếm lời... và cứ như thế, lòng tham tăng trưởng. Nên có câu: "Lòng tham không có đáy" là vậy (tham tâm vô lượng). Được ai khen mình thì mình vui. Bị ai chê hoặc làm phật ý mình thì mình buồn, mình giận, mình tức. Ai hơn mình thì cũng bực, cũng tức, cũng ganh tị... Đó là nguyên nhân do tên giặc Sân nó dẫn dắt, sai sử. Còn tên giặc Si cũng rất nguy hiểm. Nó cũng là đồng minh liên kết với với 2 tên giặc Tham và Sân làm lu mờ, che lấp trí tuệ của ta, để làm cho chúng ta vướng vào những điều sai trái: gây nên bao tội lỗi mà chúng ta sẽ phải gánh chịu hậu quả nghiệp báo khôn lường.

Tu Tâm Dưỡng Tánh

Nói về Tu Tánh. Thí dụ: Mình có tánh lười biếng; phải cố gắng sửa tánh lười biếng thành tánh siêng năng, chăm chỉ, cần mẫn. Siêng năng học hành. Chăm chỉ làm việc. Cần mẫn với công việc. Hoặc giả mình có tánh ngủ trưa (ngủ trễ). Phải cố gắng sửa đổi thành tánh dậy sớm. Và luôn nhớ câu: "Giàu đâu đến kẻ ngủ trưa. Sang đâu đến kẻ say sưa tối ngày". Ví như mình có tánh hay nói. Gặp đâu nói đó, nói không phải nơi, không đúng lúc - mà ta thường nghe thiên hạ nói về người ưa nói nhiều là: Phát ngôn linh tinh. Vậy chúng ta nên giảm bớt lời nói lại. Chỉ nói khi nào cần và nói cho đúng nơi, đúng lúc. Cũng nên nhớ câu: Đa ngôn đa quá (nói nhiều lỗi nhiều). Vì nói nhiều quá, ắt sẽ không kiểm soát được những lời mình đã nói. Và như vậy, sẽ mắc nhiều sai trái.

Đã là con người thì ai cũng có nhiều tánh. Tánh tốt cũng có, tánh xấu cũng có; mà thường thường tánh xấu vẫn chiếm đa phần. Do đó, chúng ta cần phải sửa tánh xấu, để tánh tốt có tỷ số cao hơn.

Chúng ta cần phải "dưỡng tánh". Nghĩa là phải nuôi dưỡng, phát triển những đức tánh tốt đẹp như tánh Từ Bi, Hỷ Xả, tánh vô tư chính trực, tánh nhu hòa, hiền lương, tánh siêng năng cần mẫn v.v... Với mục đích chuyển hóa những tánh bất thiện như một vài tánh xấu thí dụ nêu trên. Hầu vun bồi cho cây Thiện Nghiệp ngày thêm viên mãn.

Về tu tâm - phần này khó hơn. Vì nó không có hiện tượng. Tánh thì có thể dễ nhận biết. Nhưng tâm thì khác, vì không có tướng hiển bày, nên ngoài mình ra không ai biết

được tâm của ta. Vì vậy, ca dao Việt Nam có câu: Dò sông dò biển dễ dò, nào ai lấy thước mà đo lòng người. Nên chỉ, sửa tâm - chỉ tự mình sửa tâm mình, chứ không ai có thể giúp chúng ta được. Thường thường chúng ta chỉ chú ý đến phần "sự" tức là phần hình tướng, hình thức bên ngoài của một người tu. Trong Phật giáo không chú trọng đến hình thức, hình tướng bên ngoài. Tuy nhiên, cũng cần phải có phần nào hình thức, hình tướng bên ngoài của một người tu. Chẳng hạn người tu cần phải ăn mặc chỉnh tề, đi đứng trang nghiêm, nói năng từ ái, hòa nhã, khiêm cung v.v... đồng thời cũng cần phải có chất lượng, nội dung bên trong - đó gọi là phần "lý"; cả hai phải được vẹn toàn, hầu được viên dung thì mới là tu đúng theo Chánh Pháp. Phần quan trọng hơn hết, chính là phần "lý" tức là phần nội tâm làm chủ yếu.

Trên nguyên tắc tu hành, điều cần nhất là phải sửa tâm và tánh. Nghĩa là cần phải thấy và biết rõ ràng, chính xác. Mà muốn biết tâm ở chỗ nào? Đầu là chỗ chân, già; động, tịnh? Phải biết cái chân tâm và cái giả tâm. Phải thấy cái động tâm và cái tịnh tâm. Tâm ta không bay đi đâu cả. Tâm ta ở ngay trong thân ta. Chúng ta hãy cố gắng giữ tâm an tịnh. Đừng để tâm ta rong ruổi, lang thang đến nơi vô định. Như vậy là chúng ta đã tiến tu và là một bước thành công trên hành trình tu tập. Để đối trị với Tham - Sân - Si. Chúng ta hãy thực hành Giới - Định - Huệ để chế ngự.

Trước hết chúng ta phải tiếp tục thiền định để cố gắng sửa đổi tâm tánh, phải quyết chí chừa bỏ những thói hư, tật xấu. Phải chiến thắng tam độc: Tham-Sân-Si và từ bỏ những lời nói độc ác, xảo trá, những tánh ghen ghét, đố kỵ và những việc làm hiểm độc, gian dối. Chúng ta phải cố gắng hết mình để giảm những điều xấu xa gian ác đến mức tối thiểu, và phát triển những điều tốt lành đến mức tối đa. Bất cứ điều gì chúng ta thấy và biết là tốt theo đúng với lương tâm, đạo đức, thì hãy tiếp tục thực hành và phát triển. Bất cứ điều gì xấu có hại cho mình và cho người ta hãy lánh xa và chế ngự giảm bớt đến mức tối thiểu. Khi chúng ta đã nhận biết được con đường tốt, ta cố gắng theo. Con đường xấu chúng ta cố gắng lánh xa. Đó là cách chúng ta đã chuyển hóa được ác nghiệp trở thành thiện nghiệp. Vì tu là chuyển nghiệp. Tục ngữ có câu: "Có chí thì nên". Quyết tâm lập nguyện, cố tâm thực hành thì việc gì cũng làm được chứ không có gì là khó cả.

Tóm lại chúng ta hãy học đạo tu theo giáo lý nhân quả của nhà Phật. Như câu tục ngữ: Ở hiền gặp lành. Gieo gió gặt bão. Gieo nhân nào gặt quả nấy. Cho nên sự lợi ích của việc tu hành thật là thù thắng và vi diệu. Nếu chúng ta tu và áp dụng theo đúng Chánh Pháp thì chúng ta có thể chuyển hóa từ cái xấu trở thành cái tốt, từ cái sai trở thành cái đúng, từ ác nghiệp chuyển đổi thành thiện nghiệp và phải biết sám hối để diệt trừ nghiệp chướng, khổ đau hầu được sống cuộc đời hạnh phúc và an lạc.

Đức Phật dạy:

*Hãy tự thấp đức, tự mình bước đi
Thấp sáng trí tuệ, ngọn đức Chánh Pháp.*

và lời Chư Tổ dạy:

*Tu mà không học là tu mù
Học mà không tu là tử sách
và câu:*

*Chú ác mạc tác. Chúng thiện phụng hành
Tự tịnh kỳ ý. Thị vi Phật giáo.*

Vậy Phật tử chúng ta hãy cố gắng tu sửa thân, tâm; gieo vào tàng thức những tư tưởng tốt lành, những mầm mống vi

● Đỗ Bình

Khách quê

*Gió thổi chiều xoay trên xứ mẹ
Em về thăm lại mấy hàng tre.
Thuở đi những tưởng tha hưởng mãi,
Đêm vẫn thềm nghe tiếng võng hè.*

*Đà Lạt sương mờ giăng phố núi
Bồng bềnh mây phủ nỗi buồn vui ?
Thác reo còn luyến thời con gái...
Hay đắm chìm theo giấc ngủ vui ?*

*Đứng giữa trời quê mà thấy lạ...
Phải chăng hồn nước đã bay xa ?
Người quen, lối cũ... bao kỷ niệm
Chẳng lẽ thời gian cũng xóa nhòa ?!*

*Tháng chín bên này hoa tím nụ,
Nhụy tàn ta cảm kiếp phù du.
Cửu Long bến nhạt màu nhung nhỏ,
Tráng sĩ dò ngang... bóng khuất mù !!!
(Thu Paris)*

tha... Chuyên tâm quán tưởng về những hạnh nguyện đã phát. Nhớ mãi hình ảnh của Đấng Đại Từ Bi Năng Hỷ Xả như ngọn đuốc soi đường; nhớ chuyên trì niệm Hồng danh Chư Phật, các chúng tử này sẽ tăng trưởng để một lúc nào đó thuận duyên phát sinh, hiện hành đưa ta đến bến bờ giải thoát.

Con người vốn cao quý, cần phải trau dồi đức hạnh để trở thành người toàn thiện. Cũng ví như hạt ngọc, mà thời nay người ta thường gọi là kim cương. Tôi còn nhớ ít câu trong bài học thuộc lòng khi tôi còn lúc tuổi thiếu thời:

*Ngọc kia chẳng giữa chẳng mài,
Cũng thành vô dụng cũng hoài ngọc đi.
Con người ta có khác gì,
Học hành quý giá ngu si hư đời.*

Và trong sách nho của Khổng Tử cũng có câu:

*Ngọc bất trác, bất thành khí,
Nhân bất học, bất tri lý.*

Vậy việc tu hành là cần thiết. Chúng ta hãy cố gắng dững mãnh, tinh tấn để tiến tu trên bước đường tìm cầu học đạo.

*Lênh đênh qua cửa Thần Phù,
Khéo tu thì nổi, vụng tu thì chìm.*

● Thiện Lâm PHẠM-VĂN-MỘC

Lời tâm sự của mây

**Thân tặng Chú Thiện Châu và gia đình,
nhân ngày Chú thí phát xuất gia 03.7.05**

*Nước vẫn chảy trôi mòn bao phiến đá
Bước lãng du chạnh nhớ tuổi xa người
Tóc điểm trắng theo thời gian tàn phá
Biết bao giờ dừng nghỉ bóng mây trôi!*

Cuộc đời chúng mình trôi nổi như những áng mây, đến rồi đi, tụ rồi tán, từ khung trời quá khứ đến hiện tại. Bây giờ đang sống nơi này rồi không biết sẽ về đâu, vẫn như mây nước bèo trôi. Nước từ trên nguồn thì sẽ trôi về biển, còn mây trên trời thì sẽ bay về đâu? Thời gian dường như cũng trôi, bỏ lại sau lưng những tháng ngày nhọc nhằn, phiền muộn, để rồi bước đời cứ phải phân vân. Ngã rẽ nào cho tương lai còn lại sẽ gặp gỡ hạnh phúc an vui, mà hơn nữa đời nhìn lên mái tóc đã điểm nhiều sợi trắng. Nhìn về dĩ vãng thì trùng điệp những hận thù, mất mát và khổ đau. Hiện tại nơi đây cũng như sống trong giấc mộng, không thấy đâu là bến bờ, là nguồn cội cho một buổi mai về thăm lại một lần. Thân như cây chùm gối, hút nhựa cây người, bám đời vào nơi chốn lạ, nhưng vẫn phải kéo lê cuộc sống như những người mộng du, vô cảm.

Bây giờ ngồi đây, viết những dòng này sau khi lên chùa Viên Giác trở về, lòng tôi vẫn nhớ lại những ngày... Ngày ấy tuy đã xa, những hơn hai mươi năm, thời gian đi thật chóng, nhưng kỷ niệm giữa anh và tôi vẫn còn như lớp lán đầu đây. Như một sự tình cờ trong cuộc sống, bất chợt một gặp gỡ và thân quen. Sau ngày đổi đời, thì người nào cũng chạy theo cơn khủng hoảng với cái ăn cái mặc. Những nhu cầu cần thiết nhất của con người, nếu thiếu thì không thể sống. Tuy nhiên chúng ta gặp nhau trong một hoàn cảnh không phải thế. Cái hoàn cảnh mà tưởng là một giấc mơ ấy, lại dẫn dắt chúng mình đi về một phương trời vô định. Như một sự tình cờ từng bước từ bất ngờ này, đến những ngạc nhiên khác, để rồi rồi cuộc lại phiêu bạt đến đây. Một nơi chốn khác biệt từ ngôn ngữ, đến văn hóa và con người như cảm tưởng đang lạc vào một hành tinh xa lạ nào.

Ngày ấy tôi và anh làm thủy thủ cho một chiếc ghe chở hàng đường sông tại Tổ hợp Thị Nghè, mà chủ ghe là một tổ chức vượt biên. Chỉ biết thế thôi, vì thời buổi tai vách mạch rừng, biết làm gì nhiều cho mang họa vào thân phải không anh? Anh gia đình đông con, trong thời gian học tập cải tạo, nhờ vợ ở nhà tần tảo nuôi con, đến khi trở về anh vẫn không thể nào tìm được việc làm để đỡ đần cho gia đình. Sự túng quẫn về tinh thần và vật chất, đã làm cho nhiều người điên đảo, nhưng chẳng khiến anh quẩn trí, tuy cuộc sống không vui. Mà làm sao vui được, khi đường đường là một đấng nam nhi (một Sĩ quan biệt phái ngành giáo dục) nhưng sau ngày đổi đời lại phải ăn bám vợ con! Không riêng gì anh mà nhiều người phải gặp cảnh phụ phàng như vậy. Còn tôi tuy còn thông thả một mình, nhưng cũng sau ngày ấy không còn nơi chốn để trở về. Vì quê tôi bị chiến tranh tàn phá, người người

ly tán trôi giạt đi tám hướng tứ phương. Tôi cũng theo dòng thác ấy mà trôi bạt kỳ hồ, nhờ quý nhơn giúp đỡ nên bám được chiếc phao. May mắn còn sống sót đến bây giờ, nhưng thể xác và tinh thần đã mang nhiều thương tích. Những thương tích đã mọc rễ đâm chồi vào tâm thức, không bao giờ phai nhòa nổi kinh hoàng mà bây giờ nếu nhắc lại, chắc không khỏi rùng mình. Thời gian chưa bào mòn những phiền não, chưa xóa hết những tui nhục đớn đau mà chúng mình phải trải qua trong hơn nửa đời của kiếp sống.

Ngày ra đi anh chỉ mang theo hai đứa con nhỏ mới lên hai tuổi. Trên đảo Palawan, Philippines, anh làm gà trống nuôi con, trông thật thương cảm vô cùng. Nhưng nghĩ lại cũng may cho anh còn có con nhỏ đang bám vào lòng, nên không bị Hải tặc xô xuống biển. Còn tôi cũng may mắn với những ngày tháng lênh đênh trên bến sông Thị Nghè, cứ mỗi buổi chiều xuống tắm rồi lên ngồi đu giầy sau sợi xích giữ bánh lái, nên khi gặp nạn tôi đã nhớ lại chỗ ẩn núp ấy, và bấy giờ mới được thoát thân.

Tháng ngày đợi chờ đi định cư, tuy không phải làm việc gì nặng nhọc, nhưng những lo lắng buồn nhớ cũng đã làm chùn lòng biết bao người. Họ chưa thể hình dung về tương lai như thế nào, đời sống sẽ ra sao, chỉ biết bây giờ ra vào nơi xóm lá tạm cư trên ốc đảo này. Riết rồi thấy dửng dưng, tâm hồn như đã trở thành chai đá, không còn gì mơ ước cũng chẳng còn gì mến yêu.

Ngày đến dung thân nơi xứ người, anh với tôi lại có duyên gặp nhau. Lại thấy ngỡ ngàng khi đón nhận tình thương của những người xa lạ, khác giống nòi, khác văn hóa. Thế mà họ lại thương xót chúng mình nên đã cho một chốn nương thân. Nghĩ lại mà tui hổ cho dân tộc Việt Nam chúng ta, cùng là đồng bào ruột thịt mà đem lòng kỳ thị Bắc-Nam, mang ý thức hệ Quốc-Cộng (mà những chủ nghĩa ấy đâu có phải ông bà chúng ta sinh ra đâu?), để rồi bây giờ lại nở xua đuổi nhau thậm tệ đến tuyệt tình!

Được biết bây giờ nơi quê hương thứ hai này đã có những sinh hoạt về tôn giáo, nên anh và tôi đã dò dẫm kiếm tìm. Và cũng thật là kỳ diệu, chúng mình đã gặp được Thầy cũng như đã có một mái chùa để che chở tâm linh. Từ ấy, chúng mình có duyên với Đạo. Bây giờ, tuy vẫn chưa hiểu nghĩa những thâm thâm vi diệu của lẽ sắc không, lý vô thường nhưng chúng ta cũng có thể tự hào đã có chút vốn liếng để làm hành trang trên bước đường tu học đạo giải thoát. Và giờ đây trong những lần đến chùa không còn bỏ ngỡ, vì chưa quen với sinh hoạt nơi chốn thiền môn nên thường hay bối rối như thuở ban đầu.

Tôi tuy chưa được tinh tấn như anh, vì còn ham mê văn nghệ vẫn gừng, bạn bè đàn đúm, nên tự cảm thấy mình đang dừng bước. Nhưng một hôm, tôi chợt thức tỉnh nhìn lại những nghiệp dĩ mình đã tạo, thấy vô cùng nguy hại nên tôi đã dứt khoát từ bỏ tất cả. Từ đầu năm nay, tôi đã phát nguyện bỏ uống rượu, bỏ hút thuốc để tìm lại tuổi thơ vô tư ngày nào... (như Tất Đạt ngày xưa chợt nhìn xuống dòng sông mà thấy lại được bản lai diện mục. Hay tìm lại con người chân thật của chính mình qua Der Weg nach Innen của Hermann Hesse (Câu Chuyện Dòng Sông do Phùng Thăng và Phùng Khánh dịch). Nghĩ lại thật vô cùng khó khăn khi chuyển hóa những nghiệp xấu, nó như đám cỏ dại mọc chen trong ruộng lúa, nhổ đằng này lại mọc đằng kia. Tôi đã từng nhổ cỏ nhiều lần, nhưng ruộng lúa của mình vẫn còn chen chân rất nhiều cỏ dại. Tuy thế tôi vẫn kiên trì với những thử thách, để chứng nghiệm câu nói của cổ nhân: *Tự thắng mình là chiến công oanh liệt nhất.*

Tôi cũng đang cố gắng để bắt kịp bước anh, vì tôi biết con đường anh đã chọn thật lý tưởng. Con đường ấy sẽ giải thoát mọi khổ đau và phiền muộn của một kiếp nhân sinh.

Tôi tin như vậy, vì chặng đường anh đi qua đã gặp nhiều phong ba, thế mà anh đã chu toàn mọi bổn phận. Nên giờ đây không còn gì để ân hận hoặc nuối tiếc nữa.

Vài tháng trước đây anh đã về quê thăm mẹ, và chuẩn bị cho những vương bận ở ngoài đời từ nay thôi không còn vương nữa. Sự chuẩn bị từ lâu, nhưng không thể xóa đi những cảm giác của người thân, đã và đang nghĩ rồi đây có một cái gì như sẽ đem đến cho đời sống gia đình một chút xuyên xao về tinh thần. Lý trí đã dứt khoát với sự đồng ý của mọi người, nhưng còn về tình cảm của con người nó cũng cần sự tham dự để được chia phần. Và vì thế mà đưa đến trong tâm hồn mỗi người những áng mây dĩ vãng trôi giạt vào chiếm ngự một góc, che choán lòng bao dung, độ lượng. Vì tình cảm nó luôn vẫn có lý của nó, như quê hương và mẹ vẫn còn đó, còn mãi muôn đời:

*Mẹ vẫn đợi quên mỗi mòn thân phận
Mùa qua xanh như nhấc mãi một thời
Cây phượng chín đỏ ngời bên tuổi dại
Vẫn bay hoài trong thăm thẳm hồn tôi*

Phượng của sân trường, hay phượng của đầu làng vẫn luôn làm rạng rỡ thêm tuổi hồng. Như bóng mát che cho tuổi thơ chúng mình tung tăng nhảy nhót, và làm vơi đi niềm hắt hiu của bóng mẹ luôn tựa cửa ngóng trông. Phượng trời ấy đã từng làm nghiêng lòng của chúng mình mỗi khi hoài niệm.

Qua khung cảnh ấy, tôi như đang cảm nhận rằng anh còn có mẹ để về thăm, để thương yêu. Còn tôi không còn mẹ nữa thì biết về thăm ai? Nghĩ lại chỉ thấy thương mẹ tôi một đời lận đận, lúc còn tuổi thanh xuân, mẹ tôi đã gánh gồng chạy loạn. Những ngày ấy thật kinh hoàng, quê hương bị loạn lạc đao binh. Người người phải bỏ nhà cửa để tản cư lên miền cao, tránh giặc Pháp đi ruộng. Một vài tháng yên ổn lại trở về, lại cốc đất vườn trước, xốt cỏ vườn sau để cắm lên vài gốc sắn, ít vòng khoai. Trong thời gian chờ đợi phải đi đào củ éo củ mài để ăn cho qua ngày đoạn tháng. May trong vườn cũ còn sót lại dăm ba gốc mít, mấy bụi chè, thơm hái trái mang ra chợ bán mới có tiền để mua mắm muối. Rồi đến ngày tôi được sinh ra đời, thì quê mình bị Nhật đảo chánh Pháp, làm rối loạn không biết bao cuộc sống cứ tưởng đã được ẩn náu và yên thân. Đã quen trốn tránh giặc cũ, nay lại phải đương đầu với giặc mới khó khăn hơn, nên gian nguy vẫn còn đeo đuổi như hình với bóng.

Mẹ tôi mất trong thời buổi chiến tranh, trong giai đoạn ly tán nên tôi không gặp được mẹ tôi. Thật là một niềm đớn đau mà mấy chục năm rồi tôi vẫn còn mang nặng.

Bây giờ mỗi lần lên chùa trong các dịp lễ Vu Lan Báo Hiếu, tôi chỉ được đeo lên ngực một hoa Trắng mà lòng thêm xót xa đau buồn. Nhìn thiên hạ được cài hoa Hồng mà mình thấy tủi thân vô vàn. Ước gì được trở về với tuổi bé thơ để không còn cảm thấy bơ vơ như hiện tại.

Bây giờ thì chúng ta đã có cơ hội lên chùa để tu học, để vơi bớt niềm đau dĩ vãng, hầu tạo cho mình một cuộc sống hạnh phúc an vui. Và lần này tôi lại được chứng kiến một ngày trọng đại nhất của đời anh. Tôi rất cảm động khi nhìn hình ảnh anh khoác áo nâu sòng trong ngày đầu nương thân nơi cửa Phật. Một cảm giác nửa buồn nửa vui. Buồn khi nghe lời phát biểu của những đứa con anh: - *Ba ơi, bây giờ ba đã nương theo Phật, tuy chúng con đã khôn lớn rồi, nhưng không sao khỏi cảm thấy bơ vơ ...* nghe sao mà xa xót cả cõi lòng, như đang rơi rụng cả châu thân. Tuy không nặng nề sầu thảm như khi có người thân mới qua đời, cũng không phải một nỗi buồn man mác khi người yêu thương đã chia tay. Nhưng có một chút gì đó không thể giải thích được với một nỗi buồn tuy nhẹ nhàng nhưng quay quắt rất đời của

con người khi cảm thấy như mất mát, thiếu vắng một cái gì thân thương, triu mến.

Nhưng rồi tôi lại cảm thấy vui khi biết anh đã chọn một con đường để đi, tuy tôi cũng nghĩ rằng việc đi tu không phải là chuyện dễ dàng. Vì con người chúng ta khi sinh ra đã từng có và nuôi dưỡng cái tự ngã lớn dần. Bây giờ không mấy ai một sớm một chiều mà có thể bỏ đi để chọn một con đường khác đây gian nan hơn thế nữa. Dù rằng bổn phận đối với gia đình đã làm tròn, con cái đã trưởng thành. Cuộc sống hiện tại xem như được an cư lạc nghiệp. Cho nên quyết định xuất gia của anh không phải để lánh đời vì thất chí, cũng không phải dịp để nghỉ ngơi. Mà quyết dấn thân vào con đường lý tưởng. Con đường lý tưởng ấy tôi chưa từng đi qua, nhưng biết sẽ vô cùng gian nan gặp mấy lần ngoài đời, nếu không quyết chí thì cũng khó có thể lập thân để phụng đạo giúp đời. Đang lúc những suy nghĩ vẩn vơ, với những hiện tượng trước mắt, khiến lòng tôi chùng xuống vì một nỗi buồn vu vơ nào, chợt bừng tỉnh khi nghe Thầy Phương Trưởng gọi lên chúc mừng. Tôi biết chúc mừng gì đây, trong khi lòng tôi cũng đang ngóng trông mãi.

Tôi chưa bình tâm trước cảm giác phân vân, trước sự thay đổi đột ngột và chưa hiểu nghĩa đạo và tình đời, nên đã vội vàng chúc mừng "đạo hữu" một cách rất thường tình, trong lúc anh đã thay đổi từ một Phật tử tại gia trở thành chú Diệu trong chùa. Lời vô tình của tôi như một chướng ngại làm mọi người ngỡ ngàng, như một níu kéo làm mất đi một phần thông dong tự tại, mà đáng lẽ phải giúp thêm cho anh làm hành trang để lên đường. Vì sự lên đường lần này hết sức quan trọng, một ý chí vững chắc, một quyết tâm buông bỏ. Tất cả anh đã chuẩn bị từ lâu, tôi cũng đã biết. Thế mà vẫn thấy còn điều gì không ổn khi phải đối diện với thực tại. Hay là quan niệm thường tình của con người đã nhiễm trước từ lâu, cứ thấy cái gì hơi khác với bình thường thì đâm ra dị ứng.

Thôi thì tôi xin sám hối và đổi cách xưng hô cho đúng với ngôn ngữ của chốn thiền môn: *Xin chúc mừng Chú Thiện Châu và nguyện cầu chú Phật chú Bồ Tát gia hộ cho Chú luôn tinh tấn trên con đường lý tưởng mà chú đang theo.*

Kỳ này tôi về chùa chỉ tham dự được hai ngày tu gieo duyên, nhưng may mắn được tham dự nhiều buổi lễ quan trọng như Đại Giới Đàn Đôn Hậu, lễ xuất gia, lễ thọ Bồ Tát giới và Trai đàn chẩn tế cô hồn...

Trời đã vào hạ từ lâu, nhưng buổi sáng tại chùa Viên Giác vẫn còn gây gây lạnh, cái lạnh chỉ đơn man, nhưng cũng làm cho hồn tôi phiêu phiêu. Tôi ra ngoài hành lang sân chùa để hưởng cái không khí thanh khiết của ban mai, lòng lâng lâng nhìn lên bức tượng Quán Thế Âm Bồ Tát, tay cầm bình nước Cam Lộ như đang rưới xuống thế gian một nguồn hạnh lạc vô biên.

*Bình minh đợi nắng rơi hàng phượng cũ
Thấp tình lên cho đẹp một phượng chiều*

Tôi viết lời tâm sự của mây như thấp lại một chút tình. Chút tình hoài niệm trong anh trong tôi, cho dù bây giờ nó đã đi vào dĩ vãng, nhưng vĩnh viễn sẽ không bao giờ phai mờ. Vì ý niệm về cuộc đời, về dĩ vãng, và tương lai vẫn còn đầy ấp trong chúng ta như một trời mây nước. Như nhiên liệu dự trữ để thấp sáng thiên nhiên muôn thuở. Quá thì cứ thấp lên một lần cho đầu tuổi hồng đã bay xa, mà tâm tay với, nhưng vẫn còn đầu đây ngày tháng mộng mơ, mà trong đó có tuổi thơ chúng mình đã reo vui dưới một góc trường làng trên quê hương của ngày xưa nơi chốn cũ.

(Reutlingen Mùa Vu Lan 2005)



Thích Như Tịnh

Khi những hạt nắng hạ yếu dần, cái oi bức của mùa hè không còn nữa mà thay vào đó là sự mát dịu của đất trời, đâu đây một vài chiếc lá vàng rơi. Tất cả như báo hiệu mùa thu đã trở về.

Mùa thu trở về với sự êm dịu của nó khiến cho mỗi người con Phật chúng ta nhớ đến một ngày lễ quan trọng trong năm. Đó là ngày rằm tháng bảy - Lễ Vu Lan Báo Ân Cha Mẹ. Đây là một ngày lễ truyền thống của Phật giáo mà ngày nay được phổ cập trong quần chúng và được xem như ngày lễ về Mẹ của dân tộc.

Đối với người con Phật thì lễ Vu Lan là ngày để tưởng nhớ đến công đức sanh thành giáo dưỡng của cha mẹ hiện tiền cũng như cha mẹ nhiều đời nhiều kiếp. Và đây cũng là ngày biểu hiện sự hiếu hạnh, là ngày hội của những người con hiếu.

Mỗi khi nhắc đến hai chữ Vu Lan là chúng ta liên tưởng đến sự tích ngài Mục Kiền Liên vào ngục cứu mẫu thân. Hay nói đến những gương hiếu hạnh thì chúng ta nhắc đến ngài Diệu Thiện dùng mắt của mình chữa bệnh cho vua cha. Ngài Xá Lợi Phất trước khi viên tịch còn thuyết pháp cho mẫu thân, khiến cho mẹ ngài dứt bỏ phàm tâm, đạt được thánh quả, vĩnh viễn thoát ly sanh tử luân hồi. Những tấm gương đại hiếu ấy vẫn luôn sáng chói để cho mỗi chúng ta soi rọi lấy chính mình và thực tập theo hạnh nguyện cao cả ấy.

Thông thường khi nói đến lễ Vu Lan, chúng ta chỉ nói về những người con hiếu chú chưa tô đậm, khắc họa rõ nét công ơn sâu dày của cha mẹ. Đặc biệt trong dòng sử Phật, có những người mẹ ngoài cái công ơn sanh thành còn có công lao rất lớn trong việc tác thành đạo nghiệp cho con. Hun đúc cho con thành những bậc "**Phật Pháp Đổng Lương**" và hy sinh tất cả để con hoàn thành sứ mệnh thiêng liêng "**Thiện Long Thánh Chủng**". Những người mẹ này đã tạo nên những huyền thoại diệu kỳ trong dòng sử hoàng truyền chánh pháp.

Chúng ta ai cũng biết rằng ngài Cừu Ma La Thập là một nhà phiên dịch tài ba thời Diêu Tần tại Trung Hoa. Ngài có công lớn trong việc phiên dịch kinh điển

từ Phạn ngữ sang Hán văn và làm cho Phật giáo tại Trung Hoa một thời hưng thịnh. Nhưng mấy ai biết được người hun đúc nên thiên tài vĩ đại ấy chính là mẹ ngài. Mẹ ngài là Công chúa nước Quy Tư và cha là người Thiên Trúc. Sau khi sanh ngài một thời gian thì mẹ ngài xuất gia và tu hành chứng thánh quả. Năm lên 7 tuổi thì La Thập theo mẹ xuất gia. Vì muốn con mình trở thành pháp khí trong nhà Phật nên mẹ ngài không quản nệ hà dẫn ngài đi khắp vùng Tây Vực để học đạo. Nghe nơi đâu có bậc Đạo sư tuyên giảng giáo nghĩa Đại Thừa thì bà liền đưa ngài đến theo học. Vì thế chẳng bao lâu ngài La Thập đọc thông hết tất cả các sách vở, am hiểu giáo nghĩa Đại Thừa và được người đương thời gọi là Đồng Thọ. Nghĩa là đứa trẻ mà có trí tuệ của bậc Thánh. Như vậy sự thành tựu đạo nghiệp của Ngài ngoài cái trí tuệ bẩm sinh còn có công lao giáo dưỡng rất lớn của người mẹ vậy.

Một người mẹ khả kính mà chúng ta phải luôn nhớ đến, đó là thân mẫu của Ngài Lục Tổ Huệ Năng. Đọc Pháp Bảo Đàn kinh, chúng ta biết gia cảnh của ngài Huệ Năng rất là đơn chiếc. Nhà chỉ có một mẹ một con và đời sống kinh tế chỉ trông chờ vào gánh củi của Huệ Năng. Thế mà sau khi nghe xong một câu kinh Kim Cang thì Ngài quyết chí xuất gia. Được một thiện hữu giúp cho 10 lượng bạc, Ngài đem về an trí cho mẹ già và ra đi tìm sư học đạo. Từ đó chúng ta không còn nghe nhắc tới mẹ Ngài nữa. Chúng ta không ai biết được số phận của Lữ mẫu như thế nào? Bà sống ra sao sau khi Huệ Năng đi vắng? Ai là người nâng đỡ bà trong những lúc ốm đau hay trái gió trở trời...

Ở đây chúng ta đặt một câu hỏi: Liệu rằng trên thế gian này có được mấy người có tấm lòng hy sinh cao cả như Lữ mẫu? Nếu bà không ưng thuận thì Huệ Năng vẫn là anh tiều phu ở chân núi Linh Nam mà thôi. Thế nhưng Lữ mẫu chấp nhận tất cả để cho con được toại nguyện. Bà đã hy sinh một người con của mình nhưng dâng hiến cho đời một bậc Đại Sĩ. Và chắc hẳn cho đến lúc lia đời bà cũng không gặp được mặt của người con trai duy nhất! Ôi! Có sự hy sinh nào cao cả hơn thế nữa. Tấm gương ấy mãi là một điểm son sáng chói trong dòng sử Phật.

Lại như mẹ của ngài Hám Sơn đã cống hiến cho Phật giáo một viên ngọc quý. Sự thành tựu của ngài Hám Sơn đều bắt nguồn từ sự giáo dục của mẹ Ngài. So ra bà chẳng khác gì mẹ của ngài Mạnh Tử vậy.

Thuở thiếu thời ngài Hám Sơn chỉ thích lê lững cùng chúng bạn chứ không chịu học hành. Mẹ Ngài thấy thế liền gọi Ngài sang theo học cùng một ông đồ bên kia sông và cho ở hẳn bên ấy. Vì nhớ mẹ nên Ngài trở về nhà thăm thì bà dùng roi đánh và lôi xuống thuyền bắt phải qua sông. Khi Ngài qua đến bên kia sông thì bà đứng bên này khóc sụt sùi. Bà ngoại ngài hỏi tại sao có sự mâu thuẫn như vậy. Mẹ ngài trở

lời: Nó là con trai thì phải có ý chí và tự lập. Nếu nuông chiều thì nó sẽ hư hỏng, sau này còn giúp ích gì cho đời được nữa. Chính nhờ sự giáo dục này mà Ngài chú tâm học tập và chẳng bao lâu thông thuộc Tú Thư, Ngũ Kinh của Khổng Mạnh. Cho đến khi Ngài xin xuất gia thì ban đầu bà không chịu. Ngài hỏi lý do thì bà trả lời: Nếu con xuất gia tu hành chơn chánh thì cha mẹ được phước. Bằng ngược lại thì cha mẹ càng thêm tổn phước. Nghe vậy, Ngài thưa với mẹ rằng: Trong đời này con chỉ làm Phật làm Tổ mà thôi. Và Ngài đã thực hiện lời hứa của mình một cách trọn vẹn.

Qua đây ta thấy phương pháp giáo dục của mẹ ngài Hám Sơn thật là tuyệt diệu. Ngay từ nhỏ đã dạy cho con sự tự lập và cầu tiến. Đã không biết bao đêm bà khóc thầm vì thương nhớ con thơ nhưng khi gặp mặt thì tỏ thái độ nghiêm khắc để con chăm lo học tập. Bà có một nghị lực quả thật phi thường. Bà đã làm được một điều mà không hẳn bà mẹ nào cũng làm được.

Trên đây chúng ta chỉ đơn cử và sơ lược một vài tấm gương Hiền Mẫu trong dòng sử Phật. Họ đã đóng góp một phần không nhỏ trong sự nghiệp hoàng dương chánh pháp. Và những người con của họ đã báo hiếu đúng theo tinh thần của Phật giáo. Nghĩa là nỗ lực tu tập, chúng đắc Thánh quả và hóa độ chúng sanh.

Xuyên suốt trên 25 thế kỷ truyền thừa, lịch sử Phật giáo ghi nhận không biết bao nhiêu tấm gương như mẹ ngài La Thập, Huệ Năng, Hám Sơn v.v... Hiện tại cũng có những người mẹ già đời theo bước đường tu học của những người con. Trực tiếp hay gián tiếp giữ gìn đạo hạnh cho con, giúp con vực dậy niềm tin sau những lúc nản lòng. Và tương lai ắt hẳn sẽ không thiếu những bà mẹ như vậy.

Hình ảnh người mẹ đã đi vào trang sử Phật và trở thành những huyền thoại bất tử. Sự hy sinh thầm lặng của họ như những cung đàn vô âm nhưng vẫn mãi vang vọng ngàn sau. Ôi! Có ngôn từ nào để mà tán thán công đức cao đầy ấy. Ngôn ngữ trầm phù của thế gian làm sao diễn đạt được tiếng "Mẹ" thân yêu.

*Ngôn ngữ trầm gian là tui rách
Chúa sao đầy hai tiếng Mẹ ơi!
Văn tự cổ xe mòn xước xước
Đường về quê mẹ ngàn trùng xa khơi
(Vũ Hoàng Chương)*

Mùa Vu Lan trở về, chúng ta nhắc lại tích truyện của những Hiền Mẫu và Hiếu Tử trong lịch sử Phật Giáo cũng không ngoài mục đích "**Ôn Cố Tri Tân**". **Ôn Cố** thì chúng ta đã làm rồi. Còn **Tri Tân** chúng ta tính sao đây? •

Colombo Sri Lanka:

Phật Giáo tôn vinh giá trị những bà mẹ



Vai trò của người mẹ trong quan niệm của Phật giáo giữ một địa vị cao cả có nhiều trách nhiệm rất đáng được tôn trọng. Nếu một người phụ nữ đã sống qua đời sống trong gia đình và làm tròn trách nhiệm người mẹ, bà có thể hiên ngang chấp nhận danh dự và trách nhiệm xứng đáng đó. Do trách

nhệm nổi bật và vị thế đáng tôn kính của người mẹ mà Đức Phật đã vinh danh vị thế của giới phụ nữ trong xã hội.

Một người không có gì quý báu hơn là hãnh diện và tôn kính người mẹ của chính mình, đặc biệt là bà đã làm tròn trách nhiệm của người mẹ. Đó là một người mẹ trong số những bà mẹ đáng được tôn thờ ngay cả trên cõi trời. (janani janmabhumis ca svargatabi gariyasi).

Địa vị đặc biệt đáng tôn kính của người mẹ trong Phật giáo đã được vinh danh khi đề cập đến "cha mẹ" (mata-pitaro) thì tiếng Phạn đã để chữ mẹ ở phía trước và gọi là "mẹ cha" (mata: mẹ, pitaro: cha). Cái vị thế ưu tiên này trong Phạn ngữ không bao giờ người cha được hưởng, vì trong chế độ mẫu hệ người cha được coi là người thứ yếu trong việc chăm sóc dạy dỗ con cái. Đây là điểm sáng và giá trị cao cho những người mẹ và với nhiệm vụ khó khăn nặng nề rất đáng được hưởng nó.

Trong Phật Giáo điểm chính yếu và cần thiết của người mẹ tốt là người phụ nữ đó phải là một người vợ tốt và đảm đang. Nếu người chồng không làm tròn phận sự thì người vợ có thể không có sự giúp đỡ, nhưng thông thường, người vợ giỏi phải là người có khả năng hướng dẫn người chồng trở về con đường đúng, ngoại trừ một vài trường hợp đặc biệt.

Khả năng này là vũ khí quan trọng mà người phụ nữ có thể có được phần là do tánh bản sanh và phần khác là do được hun đúc, dạy dỗ, trau dồi một cách đúng đắn. Nhưng về mặt khác, nếu bà mẹ bỏ bê trách nhiệm thiêng liêng của mình thì hầu như mọi người đều thất bại trong cuộc sống, đặc biệt là những đứa con, là những người sẽ góp mặt trong thế hệ tương lai của chúng ta.

Sự thành công của những bà mẹ điểm căn bản nhưt là tùy thuộc vào sự giáo dục thích đáng trong gia đình, việc này được dẫn chứng qua sự giảng dạy của Đức

Phật trong kinh Thi Ca La Việt, phẩm thứ 31 của bộ kinh Trường Bộ, đó là một bài học thật sự giúp cho sự thành công của đời sống gia đình.

Bôn phận chính của người mẹ (cùng với người cha) là phải dạy dỗ những đứa con tránh phạm những tật xấu xuyên qua những giới điều và xuyên qua những thực hành và phải thuyết phục chúng làm những việc tốt như là cách cư xử, cho những đứa trẻ được giáo huấn, lập gia đình cho chúng được an cư và giúp chúng được thừa kế tài sản đúng lúc.

Xuyên qua tất cả những lời giáo huấn, Đức Phật đã nói rõ về mối tương quan giữa người mẹ và con cái. Người mẹ là người tốt nhất trong những người bạn tốt, trong những người thân tốt, và trong những người lão niên đáng kính.

Không có sự che chở của bà mẹ đời sống của những đứa trẻ có thể gặp nhiều sự nguy hiểm, bởi vì không gì có thể bằng tình mẫu tử. Sự hiểu biết đạo Phật được dùng trong những nụ cười hiểu biết, trong kinh Từ Bi kinh (Metta Sutta) "Giống như người mẹ bảo vệ đứa con ruột của mình ngay cả trong đời sống khó khăn của bà".

*"Người mẹ âu yếm nhìn vào đứa con,
xúc cảm, hân hoan dâng ngập cõi lòng."*

Đức Phật đã thừa nhận chức vụ độc nhất vô nhị là chức vụ người mẹ bởi vì sự hiểu biết và thông hiểu của Ngài đối với những liên hệ của loài người. Một lần có một vị thần đến gặp Ngài và hỏi rằng: "Ai là người bạn tốt nhất mà người ta có trong gia đình". Đức Phật trả lời rằng: "Người mẹ là một người bạn tốt nhất trong gia đình".

Thật vậy, đi xa hơn trong bài thảo luận này đã là trọng tâm rõ ràng và đáng khao khát về khía cạnh bổn phận của bà mẹ, cái địa vị chung đáng có từ người mẹ. Nhưng, khi người mẹ thất bại trong bổn phận của bà, dù cố ý hay vô tình, việc đó sẽ phá hủy cả cuộc sống của những đứa con bất hạnh, bởi vì không gì khác trên cõi đời này có thể thay thế người mẹ ruột của mình để bảo vệ, ấp ủ cho người con. Mặc dù rất hiếm, nhưng sự tối tăm này, sự thiếu ý thức của một số các bà mẹ trong xã hội bây giờ không phải là không có.

Do đó, một lần nữa dù đây không phải là đi ngược lại sự tôn vinh giá trị độc nhất vô nhị của người mẹ trong nền văn minh của đời sống nhân loại, nhưng những đứa trẻ sanh ra ngoài ý muốn của bà mẹ có thể trở thành nạn nhân của những hoàn cảnh đau thương.

Thứ nhất, mất mẹ là mất đi người thầy dạy dỗ đầu đời của đứa con. Khi đứa trẻ trở thành nạn nhân của một thảm kịch vì bị người mẹ bỏ bê hoặc bị đối đãi tàn nhẫn, bất bình thường, thì thật là một sự mất mát, bất hạnh lớn lao vô chùng, không ai có thể đền bồi thay thế được, ngay cả người cha và cả những anh chị em trong gia đình cũng không thể thay thế được.

Nếu nạn nhân là đứa trẻ sanh ra yếu đuối nó sẽ lớn lên như là một đứa khờ dại và gánh nặng cho xã hội. Mặt khác, nếu nó là một người có sức khỏe khi sanh

ra, nó có thể trở nên một thành phần xấu trong xã hội, gây nên tội ác, trả thù để báo thù những người chung quanh, đó là tạo nên những khó khăn cho tất cả mọi vấn đề. Cái tài năng nếu có của đứa trẻ sẽ bị lu mờ, cơ hội cho sự phát triển thích đáng sẽ bị lãng phí. Đời sống của nó có thể trở thành nghèo khổ. Tất cả điều này xảy ra chỉ vì người mẹ đã thất bại trong bổn phận đối với con cái, gia đình và xã hội.

Mặc dù phần lớn người cha là người kiếm tiền nuôi gia đình, nhưng vai trò của người mẹ vượt hẳn vai trò của người cha trong việc dạy dỗ, giáo dục cho con cái. Đứa trẻ được nuôi dưỡng khỏe mạnh, gia đình an vui, việc giúp đỡ nhau trong nhà là bổn phận của những người trong gia đình, v.v... Phần lớn mọi việc tùy thuộc chính vào sự khéo léo của người mẹ trong sự điều hành những việc trong nhà. Thật vậy vấn đề chính của người mẹ là liên quan tới sự che chở cho con cái, ở một điểm nào đặc tính của người mẹ gọi là hầu như là một sự quan tâm cẩn thận. Người đời thường nói rằng:

*"Nếu người mẹ tốt thì con gái của bà cũng tốt,
cũng giống như bột gừng sẽ luôn luôn giữ được mùi
gừng, nếu đó là gừng tốt". "Nếu người mẹ chết, cái gì
có thể trông cậy vào từ người cha?"*

Bên cạnh vấn đề của những đứa trẻ mà người mẹ không muốn có sự hiện diện của nó, người mẹ này được người ta gọi là người "bất nhân" trong thành ngữ của nhân gian, cũng có một số những người mẹ đã nhận ra sự sai lầm của mình khi thương ghét trong số những đứa con của mình, việc này đã tạo ra những vấn đề lo ngại, đặc biệt cho những tương quan giữa anh em, đây là nguồn gốc gây chia rẽ giữa anh em. Một người mẹ được yêu thương phải là người mẹ công bình cho tất cả con cái của mình.

Đứng trước sự thảo luận rõ ràng chứng tỏ sự chứng minh của Đức Phật là đúng trong tính dễ tha thứ của bà mẹ là điểm cao vững chắc và gọi những bà mẹ với sự tôn kính bằng từ "matugama".

Trong một lỗi thông thường, đặc biệt tại Tích Lan, là những đứa trẻ phải chịu gánh nặng trong một gia đình nghèo khó, chật vật, có nhiều gánh nặng. Thông thường những người già trong gia đình thì bị hy sinh cho gia đình. Đây không phải không công bằng nhưng tội lỗi vì nó dễ gây trở ngại và dễ phát triển lòng thù hận là nguồn gốc của tội ác cá nhân. Nó rất dễ dàng phát sinh ra sự hận thù đối với toàn thể gia đình với những hậu quả đau buồn phải làm cho mọi người quan tâm tới. Chỉ có những bà mẹ ngu dốt và độc ác mới làm như thế.

Cuộc thảo luận vừa rồi đã chứng minh rõ ràng là Đức Phật đã vinh danh vai trò của người mẹ và ban cho tất cả những người mẹ một danh từ đáng kính ngưỡng gọi là sự kính trọng bà mẹ bằng từ "Matugama".

* Viết bởi A.G.S. Kariyawasam, Lanka Daily News. Published on BNN in celebration of Mother's Day.

Minh Hạnh dịch
(Nguồn: roomdieuphap)

Làm bàn về Mẹ



● Mạnh Bích

Tôi vừa đọc trong quyển *Cổ học tinh hoa* một câu chuyện có tựa đề là: «*Phải giữ tấm lòng trong sạch*». Tấm lòng trong sạch này của một người phụ nữ, một người mẹ Tàu đời xưa. Chuyện như thế này:

"*Quân nước Tề kéo sang đánh nước Lỗ. Khi đến chỗ giáp giới, trông thấy một người đàn bà một tay bồng một đứa bé, một tay dắt một đứa nữa. Người đàn bà thấy quân kéo tới vội vàng bỏ đứa đang bồng trên tay xuống, mà bồng đứa đang dắt rồi chạy trốn vào trong núi. Đứa bé kia chạy theo khóc, người đàn bà cứ chạy không ngoảnh lại.*

Một viên tướng nước Tề cho bắt đến hỏi:

- Đứa bé nàng bế trên tay là con ai? Còn đứa nàng bỏ liều là con ai?

Người đàn bà thưa:

- Đứa tôi bế là con anh cả tôi, đứa bỏ lại là con tôi. Tôi thấy quân lính kéo đến, sức tôi không thể bảo toàn được cả hai đứa cho nên tôi đành phải bỏ con tôi lại.

Viên tướng nước Tề lại hỏi:

- Mẹ mà dứt tình yêu thương với con thì đau xót lắm. Nay bà bỏ con mình lại mà chạy lấy con anh là có làm sao?

Người đàn bà thưa:

- Con tôi là tình riêng, con anh tôi là nghĩa công. Con để tuy đau xót thật nhưng đối với việc nghĩa lý thì tình làm sao. Cho nên tôi đành bỏ liều con tôi mà làm việc «nghĩa». Tôi không thể nào chịu tiếng vô nghĩa mà vác mặt sống ở với nước tôi được.

Viên tướng nước Tề dừng quân lại, sai người tâu với vua Tề rằng:

- Nước Lỗ chưa thể đánh bại được. Quân ta mới đến chỗ cương giới, đã thấy con mẹ đàn bà xó rừng còn biết làm điều nghĩa, chẳng chịu đem tình riêng mà hại nghĩa công, huống chi là những bậc quan lại, sĩ phu trong nước. Xin kéo quân về.

Vua Tề cho là phải".

Chuyện ấy là chuyện đời xưa của Tàu, xảy ra trong thời chiến tranh hỗn loạn, đạo lý thường bị dao động, suy đồi. Người đời sau kể lại để suy gẫm về cái tinh hoa của đạo lý Trung Hoa nhưng cái lỗi đề cập đến tam cương ngũ thường của Khổng giáo ấy làm cho tôi thấy hơi... khó chịu. Tôi không đồng ý với lối dùng «tình nghĩa mẹ con» để tôn vinh «điều nghĩa» như vậy. Tôi thấy có một cái gì đấy không ổn. Còn đối với đạo lý Việt Nam thì không hợp tí nào cả.

Không ổn vì đem «tình mẹ con» ra để nói chuyện cương thường theo khuôn phép tôn quân phong kiến. «Điều nghĩa» trong câu chuyện kể trên nằm trong khuôn phép tư duy của sĩ phu, quan lại liên quan mật thiết với tinh thần tôn quân. Điều nghĩa ấy có lẽ chưa phải là «điều nghĩa»

trong tâm lý người dân thường Á Đông. Không ổn vì «tình mẹ con» là một thứ tình cảm thiêng liêng, riêng biệt, không nên xem thường, không thể nào đem «đặt thành vấn đề» trong một trường hợp đặc biệt phong kiến tôn quân như vậy.

Đối với đạo lý Việt Nam, chuyện «chẳng chịu đem tình riêng mà hại nghĩa công» này không thuận hợp tí nào cả. Đạo lý Việt Nam, dù có chịu ảnh hưởng Tàu thật đấy, nhưng không bao giờ đặt «tình mẹ con» vào những tình huống như vậy để tôn vinh «việc nghĩa». Khi nói đến «điều nghĩa», người Việt Nam có nói đến tình nhà nợ nước, có nói đến tình sâu nghĩa nặng. Trong vấn đề «tình nhà nợ nước», ta có nói đến tình nhà chứ không động đến tình mẹ con. Trong vấn đề «tình sâu nghĩa nặng», có tình vợ chồng với nguồn ân bể ái, tình nghĩa mặn nồng chứ không động đến nghĩa mẹ. Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra. Cái «nghĩa mẹ» ấy nằm trong «đạo» trời đất của Việt Nam ta. Nó nằm trong những điều kiện tất yếu để bảo tồn giống người. Không có cái «nghĩa mẹ» ấy thì đứa con chết lập tức. Đứa con không biết đến «nghĩa mẹ» thì sẽ đi đến chỗ tuyệt vọng. Đây là *lẽ uyên nguyên trong đạo lý Việt Nam*.

Đem so sánh chuyện *tình riêng* và *nghĩa công* trong đạo lý Tàu với đạo đức Việt Nam có liên quan đến «tình mẹ con», tôi xin mời quý vị nghiêm xét cái bản sắc của «*tình mẹ Việt Nam*» qua chuyện Hoàng Sầm do tiền bối Lãng Nhân kể lại trong tập «*Giai thoại Làng Nho*» :

"*Thời Mạc Đăng Dung. Nguyễn Doãn Dịch làm tới chức Thượng Thư, cáo lão về trí sĩ. Theo lệ, quan địa phương các xã cho dân phu đi đón rước. Hoàng Sầm, nhà nghèo, mồ côi cha, sinh sống bằng nghề cày thuê cuốc mướn, là dân phu «được» chỉ định việc khiêng vồng cho cô gái út của quan Thượng.*

«*Trong lúc khiêng phải gò lưng rứt cổ, Sầm vô tình nhìn vào trong vồng, thấy tiểu thư là một giai nhân kiều diễm, lòng thấy nao nao... Khi đám rước về tới làng, quan Thượng cho mọi người giải tán, Sầm lui thui về nhà, nổi riêng tự đứng canh cánh. Rồi từ đó biếng ăn mất ngủ, chẳng bao lâu đã phải nằm liệt giường.*

Bà mẹ thấy con ốm nặng tưởng bị ma làm nên sắm lễ cúng giải nhưng bệnh tình Sầm không thuyên giảm chút nào. Bà mẹ rất lấy làm lo. Sầm bèn thú thực là vì tương tư cô con gái quan Thượng mà thành bệnh, chỉ có làm thế nào lấy được cô ấy thì mới mong khỏi.

Nghe sự lạ lùng, nghĩ con nói mê, bà mẹ lúc đầu còn ừ ào cho qua chuyện, nhưng sau đó, luôn mấy hôm, hể mở mắt lúc nào, Sầm lại hỏi mẹ xem đã đem trâu cau đi chưa. Thấy mẹ nấn ná mãi, Sầm liền vùng dậy, trèo lên cây cau, cắt một buồng đem xuống, khẩn khoản xin mẹ đưa sang nhà quan Thượng dạm hỏi.

- Con ơi, đứa mồi chực chòi mâm son, không được đâu, chẳng bố mua cười với làng xóm.

Bà mẹ kiểm lời an ủi thêm nhưng Sầm vẫn nặng nài nỉ:

- Việc vợ chồng là hệ trọng, mẹ đi thì mới xong được. Con tin tưởng thế nào quan Thượng cũng ưng cho.

Vừa thương con, vừa thực thà, bà cụ phải chiều lòng, khệ nệ tay xách buồng cau sang nhà quan Thượng. Tới nơi, cứ đứng rụt rè ở ngoài cổng suốt buổi không dám tiến bước. Mãi quá trưa, người nhà thấy lạ chạy ra hỏi, bà mới ấp úng nói là có việc xin trình. Cụ Thượng cho gọi vào. Bà đặt buồng cau trên án, vái chào và ngấp ngừng kể rõ nguồn cơn:

- Chúng tôi phận hèn, khi nào dám làm chuyện vượt bậc như thế này. Chỉ vì chồng không may mất sớm, được một mụn con, nay nó lại dở hơi. Nhưng thương quá phải chiều ý, xin cụ lớn soi xét.

Tưởng thế nào quan Thượng cũng quở mắng, không ngờ nghe xong, quan lại vui vẻ nói:

- Không hề chi. Con gái ta gả cho con trai bà cũng được nhưng cốt nhất con bà phải là người có học. Vậy bà hãy dẫn nó sang đây để ta coi xem thế nào đã.

Bà cụ vái tạ lui về. Hôm sau đưa Sầm sang. Ngồi trên sập trong màn trông ra, thấy Sầm mặc áo ngắn, đóng khố, người đen xấu song hai mắt sáng như sao, lại ra vẻ hiên ngang, cụ Thượng có thiện cảm ngay. Nhưng đến khi hỏi đến sức học thì chữ nhất Sầm cũng chưa biết. Cụ Thượng liền bảo:

- Con gái một quan đại thần khó có thể sánh đôi cùng một tên dốt nát. Vậy anh hãy về, cố gắng học tập, lập được công danh rồi trở lại đây ta sẽ chu toàn.

Sầm sụp lạy thưa «Kính vâng lời dạy».

Sầm hết lòng học tập, ba năm sau đỗ thủ khoa kỳ Thi Hương, đến khoa Mậu Tuất (1538) đỗ Thám Hoa (mới 27 tuổi). Quan Thượng, như đã hứa, chấp nhận Sầm làm con rể.

Ở đây, thiết tưởng không phải chỗ để bàn về cái «siêu đẳng tuyệt cú» của áng văn này của vị tiền bối thâm nho Lãng Nhân. Với câu chuyện Hoàng Sầm, kỹ thuật diễn đạt tinh hoa của Việt Nho quả thật là xuất sắc khó có người sánh kịp. Chỉ cần mấy dòng nhận định ngắn gọn về «đầu óc» của bà mẹ và mấy câu đối đáp giữa một «người mẹ» và một «người cha», vị túc nho Lãng Nhân đã giải cho chúng ta hiểu được cái uyên thâm của đạo lý Việt Nam. Trước cái «tin tưởng» của con mình (Hoàng Sầm tin rằng việc được chỉ định khiêng vồng cho «nàng» tiểu thư là duyên số đã đưa hai sinh linh lại gần nhau, là sự tơ hồng của ông Tơ bà Nguyệt trói buộc hai con người với nhau), bà mẹ «vừa thương con, vừa thực thà» chỉ biết làm theo đòi hỏi của nó. Câu nói để bộc bạch tình thương con «*thương quá phải chiều ý*» của người-mẹ (bà mẹ quê thường dân) làm cho người-cha (vị Thượng thư) xúc động. Ông rất cảm kích bởi cái hoàn cảnh «*chồng không may mất sớm, nó lại dờ hơi*» của người đàn bà tầm thường kia. Bà chính là người mẹ Việt Nam biết hành động theo nghĩa cương thường «*phu tử tòng tử; chồng chết theo con*» của Việt Nho. Chữ tòng của bà có cái ý nghĩa đơn thuần chất phác là làm theo «tiếng nói của tình mẹ thương con» hay nói cho rạch ròi hơn, làm theo «tiếng gọi của lương tâm».

Về phần bà-mẹ đã vậy, còn về phía ông-con Hoàng Sầm thì sao? Trong chữ «nghĩa mẹ» của Việt Nam, có «lòng biết ơn mẹ» của người con. *Đấy là tình nghĩa Việt Nam*. Việt Nam ta luôn luôn ghép *tình* và *nghĩa* với nhau. Tất cả đạo lý, đạo đức Việt Nam được xây dựng trên hai nguyên tắc «*tình*» và «*nghĩa*» này. Cho nên, vì thương mẹ đã không sợ «*mua cưới với làng xóm*» hoặc «*quan Thượng quở mắng*», Hoàng Sầm «*hết lòng học tập*» ba năm sau đỗ thủ khoa kỳ thi cử nhân (thi hương), bảy năm sau đỗ thám hoa (thi hội).

**

Nhưng cái đẹp, cái hay của bài này vẫn chưa nói lên được trọn vẹn, sâu sắc «*tình mẹ con*» thuần túy, chính thống Việt Nam bằng bài hát dân gian «*Con cò mà đi ăn đêm*». Bài ca dao đã được đem giảng dạy cho lớp tuổi đồng ấu, trong quyển Quốc văn Giáo khoa thư để gọi là vỡ lòng, khai trí cho tuổi ấu thơ. Bài ấy vốn vẹn có mấy câu này:

Con cò mà đi ăn đêm

Đâu phải càngh mem lộn cổ xuống ao

«Ông ơi, Ông vớt tôi nao

Tôi có lòng nào ông hãy xáo măng

Có xáo thì xáo nước trong

Đừng xáo nước đục đau lòng cò con»

Về phương diện văn chương, tưởng không có bài thơ lục bát nào tuyệt hảo đến vậy. Lời đã đẹp mà ý thì quá hay vì nó vừa thi vị, vừa chất chứa đầy đủ ý nghĩa đạo đức, triết lý cổ truyền Việt Nam. Người đàn bà đơn côi (ở đây được biểu tượng bằng hình ảnh «con cò») trong cái tâm cảnh phải thay chồng nuôi con, giữa những hệ lụy, gian truân, thử thách của cuộc đời (trong bài này được tóm gọn trong ba chữ «*đi ăn đêm*» gợi lên trong tâm trí người nghe lắm xót xa, bi thảm) được đem dùng làm tiền đề. Nếu không may, số phận run rui, xô đẩy Bà rơi xuống hố lằm lổ - xa rời nghĩa mẹ - thì Bà sẽ gọi Ông (Trời) giải cứu. Giải nỗi oan khiên, cứu khỏi ô nhục. Bà sẵn sàng chịu mọi sự trừng phạt - dù sự lổ lằm mà bà đã phạm phải là do sự yếu mềm tự nhiên hoặc vì hoàn cảnh trở trêu - nhưng Bà xin Ông (Trời) hãy thương xót đàn con của Bà. Thân của Bà không đáng kể, chỉ có đàn con của Bà là quan trọng.

Đấy là *nghĩa mẹ*. Nó «*như nước trong nguồn chảy ra*» mãi mãi, vô tận, không lúc nào với cạn, không bao giờ bị một trở ngại nào ngăn chặn; «*nước*» ấy là «*nước mắt* chảy xuôi xuống» của các bậc mẹ cha; nước ấy vừa là nguồn sống tinh thần bất diệt kết nối người-mẹ với người-con, vừa là mối tình cảm trong suốt, đậm đà, triền miên nhất giữa hai con-người. Đấy là *tình mẹ con* Việt Nam, thứ tình cảm thiêng liêng trói buộc người phụ nữ Việt Nam vào cái sinh linh mà mình đã chịu trách nhiệm nuôi nấng sau khi đã đưa nó vào cuộc sống giữa Trời.

«*Nghĩa mẹ*» ấy được nuôi dưỡng từ lúc mầm sống của người con bắt đầu sinh động cho đến khi đứa con đã thành nhân. Nhiệm vụ thiêng liêng «*chín tháng mười ngày mang nặng đẻ đau*» phải được chu toàn vì «*nghĩa mẹ*» phải được thể hiện bằng sự ước muốn «*mẹ tròn con vuông*» và được biểu lộ bằng những qui luật của việc thai giáo:

Khi thai mới có, mẹ phải giữ giang

Ăn chớ ăn phàm, nói chớ nói tục

Sách hay mẹ đọc, truyện hay mẹ xem...

Ngoài sự tâm niệm ấy, trong mọi sinh hoạt hằng ngày, bà-mẹ cũng phải nhớ năm lòng bổn phận của mình đối với cái bào thai:

Chớ vin cao cũng đừng mang nặng...

Đừng ăn đồ cay đắng canh riêu

Đừng ăn ít, chớ ăn nhiều

Nuôi từ trong dạ khỏi điều lo sau...

Nhưng chưa đủ. Khi hình ảnh người-con đã hiện thực, «*nghĩa mẹ*» còn nặng nề hơn:

Con thơ đại sớm hôm sẵn sóc

Cặn kẽ từng sợi tóc đường tơ...

Nuôi con rút ruột con tằm

Áp ôm bú mớm tháng ngày đầy vơi

Nghĩ đến cái «*nghĩa mẹ*» bao la, cao dày như vậy, tất nhiên người-con Việt Nam phải tự nguyện «*thờ Mẹ kính Cha*» để tròn «*đạo con*».

**

Tiếp theo, để làm sáng tỏ ý nghĩa chữ «*Mẹ*» trong tâm linh người Việt, xin được bàn rộng thêm.

Đối với mọi sinh linh vạn vật, ý thức «*Mẹ*» gợi lên nghĩa vụ sinh sản của người-nữ để tiếp nối dòng giống của Sự Vật và Con Người. Chữ *Mẹ* được nhắc đến trong bất cứ tín ngưỡng nào:

- Thần đạo Nhật tôn vinh Thái dương Thần nữ để củng cố lòng tự hào dân tộc.

- Vũ trụ quan của Tàu dùng bà Nữ Oa «*đội đá vá trời*» để nói đến vai trò người-nữ bên cạnh bào huynh Phục Hi trong công cuộc tạo dựng giang sơn, cơ đồ.

- Ấn Độ có Nữ thần Shiva chủ động việc sinh hóa của con-người.

- Ai cập có bà Isis (có vùng gọi là Osiris hoặc Seth)

- Phương Tây có Đức Mẹ Maria v.v...

Tất cả các tín ngưỡng ấy đều muốn xác định nguồn gốc và sự sinh sản của giống người bằng hình ảnh của Người-Mẹ.

Đức Hồng-y de Cabrières nhận định rằng: «Cái nôi đích thực của Con-Người là trái tim của Bà-Mẹ - *le vrai berceau de l'Homme, c'est le coeur de la Mère*».

Trong Đạo giáo, Lão Tử cũng xem Đạo (nguồn gốc của Sự Vật) là *huyền tấn*, người-nữ tạo sinh mẫu nhiệm.

Về tâm linh, Việt-Nam-ta cũng nghĩ gần như vậy. Ý thức «Mẹ» được đem vào tâm linh bằng huyền thoại Bà Âu-Cơ. Bà là Tiên, Bà là bạn đời, bạn đường của Lạc Long quân, điều ấy không quan trọng. Điều cần hiểu, cần nhớ là Bà Âu Cơ «sinh ra một bọc có trăm trứng». Trăm trứng ấy đến đời bây giờ sinh sôi ra thành cả trăm triệu người. Trăm trứng ấy nằm trong một cái bọc, cho nên tất cả người Việt chúng ta xem nhau là «đồng bào». Huyền thoại Bà Âu Cơ nhắc nhở cho chúng ta nhớ rằng dân tộc Việt có một Bà Mẹ. Bà Âu Cơ là Mẹ Việt Nam, là quốc mẫu. Tư duy cận đại đã truy xét nhân dạng đích thực của Bà và Bà có thể được đứng vào hàng khai quốc công thần của dân tộc Việt Nam.

Nhưng vấn đề đặt ra trong bài này không hẳn như vậy. Chúng ta đang nghiêm xét «tình mẹ con». Vậy chữ Mẹ trong tâm lý người Việt có ý nghĩa gì?

Hình ảnh của Bà Âu Cơ với danh hiệu «Mẹ Việt Nam» trong con tim, trong tâm hồn của người Việt Nam biểu tượng cho cái gì, cho việc gì? Như trên đã nói: *Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra*. Nghĩa mẹ là lý đương nhiên hoàn toàn thuận hợp với Đạo Trời. Nếu ý thức Lão-giáo xem Cội Nguồn của Sự Sống (Đạo = con đường = sự sinh biến của sự vật) là huyền tấn, trong khi văn chương Khổng-giáo gọi bà-mẹ là Tử Mẫu và lý thuyết Phật giáo tôn Đức Phật Quan Âm lên hàng một Đức Mẹ Từ Bi Cứu Khổ Cứu Nạn thì giữa vùng tâm linh, trong tâm tưởng của người Việt Nam, chữ «Mẹ» được nói đến một cách thường xuyên, được quyện vào từng câu ngạn ngữ, từng lời ca dao, từng bài đồng dao dưới dạng «nghĩa mẹ».

Trong thi ca, điều khắc, hình ảnh của «Mẹ» cũng được nhiều nghệ sĩ tôn vinh qua những lời thơ đậm đà ân tình của người-con dâng lên bà-mẹ, qua hình ảnh của mẹ bằng con. Vì trong tinh thần này, «nghĩa mẹ» trở thành vấn đề «tình mẹ con». Tình mẹ con là một thứ tình cảm thiêng liêng ràng buộc, gắn bó bà-mẹ vào người-con. Vì nghĩa mẹ là vấn đề *nhiệm vụ của người-mẹ* đối với cái sinh linh mà mình có trách nhiệm đưa vào cuộc sống giữa Trời, cho nên nghĩa mẹ đặt vào đề *tiếng gọi lương tâm* của người-con.

Do đây ca dao Việt Nam hát:

Một lòng «thờ mẹ» kính cha

Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con

Và đạo lý của ta xác định rằng cái «nghĩa mẹ» nó vừa bao trùm trọn khắp đời sống của ta vừa đưa ta về với đạo Trời huyền nhiệm. Nói rõ hơn, trong bài ca dao, những chữ Mẹ và Cha đặt vấn đề «Đạo con» vì trong lẽ sinh tồn của vạn vật, phải có hai đấng thiêng liêng hợp sức nhau, sự vật mới thành hình được: Một vị là CHA gieo mầm sống, một vị là MẸ lo việc sinh sản. Sinh vật Người có Cha có Mẹ thì Con-Người phải hiểu rằng mình phải có cái «đạo-con». Cái «đạo con» chỉ đơn thuần, giản dị, tầm thường là *lòng biết ơn* của một Con-Người đối với những «kẻ» đã sinh sản ra mình. Giữ được «đạo con» là sống hợp với Lẽ Trời, là sống xứng đáng với danh vị Người, thể thôi!

Để bàn rộng thêm: Dòng giống là sự nối tiếp, trường tồn của một loại sinh vật người xuất hiện ở một vùng đất. Từ

Biển Mẹ

*Ôn mẹ dài như sông, rộng như biển
Lòng mẹ bao dung như lòng vũ trụ đất trời*

Ngày mẹ hiền hòa

Đêm mẹ lo lắng

Giọt nước mắt mặn nồng nuôi nắng con thơ

Thuở mẹ mồi mòn

Buồn mẹ quá vắng

Chiều mẹ đi mây trời mưa ướt mắt

Nghĩa sinh thành mang nặng một mình con ?

Biết nơi đâu con gọi lời cầu nguyện

Đất trời xa giấu kín một nỗi niềm

Ngày con bệnh mẹ cầm tay cố mỉm nụ cười

Nay tay con không đủ ấm giữ tay mẹ hiền

Hoàng thiên hè Hoàng thiên

Bạc một mái đầu - đau buốt con tìm

Ôn sinh thành con xin gói kín

Thả theo sông mong về Biển Mẹ Hiền

Tạ bút, dâng Cố Mẫu Bà N.T.D.T.

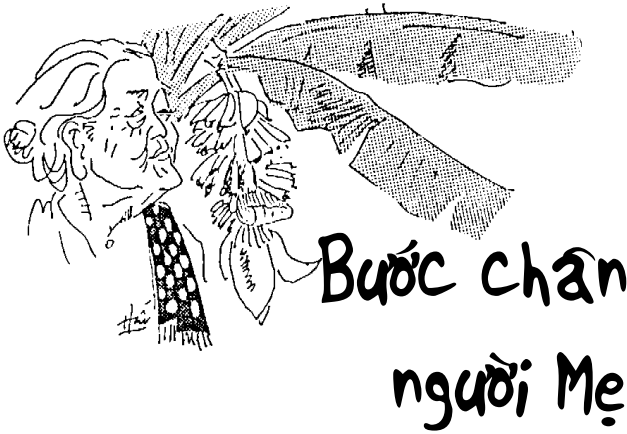
(Những ngày đầu năm 2005)

● **Lê Nhất Lang**

đấy mới có dân tộc, mới có quê hương, tổ quốc. Dân tộc Việt Nam tự xem là con cháu của CHA Hùng, MẸ Âu Cơ. Từ "một trăm trứng", hiện nay dân tộc ta sinh sôi nảy nở thành tám chục triệu sinh linh. Vùng đất của quốc tổ Hùng Vương tạo dựng cho ta, của Mẫu quốc Âu Cơ gìn giữ cho ta là Quê Hương, là Tổ Quốc của ta. Dân Do Thái, lưu vong gần nửa thế kỷ, cũng tìm về sống trên quê hương của họ. Một người Do Thái nào hiện nay đang sinh sống trên một vùng đất nào cũng hướng vọng về quê hương của họ, cũng hãnh diện với dòng dõi của họ, vì họ xem đấy là "đạo con" của họ. Một người Tàu nào, sống tại một lục địa nào, trong bất cứ một xứ nào trên Trái đất này cũng vẫn cố giữ được tập tục, ngôn ngữ của mình, vì đấy là tinh thần trân trọng dòng giống, đấy là lẽ sống của họ.

Vậy đối với Mẹ Việt Nam, ta có nên giữ một cái "đạo con" không, có cần tỏ lòng "thờ mẹ" không? Đối với Tổ quốc Việt Nam, ta cần phải tôn quý, "kính cha" không? Đối với giống dòng "da vàng, mũi tẹt" của ta, ta có nên trân trọng "cho tròn đạo hiếu" không? Câu trả lời có sẵn trong lòng, trong tâm khảm của bất cứ người Việt Nam nào còn hãnh diện với dòng giống của mình.

(Belleville, Paris tiết mẫn thu



Bước chân người Mẹ

● Thơ Chi Việt

Một ngày của cuối mùa hạ năm nào đó ở bang Seattle thuộc miền Tây Bắc Mỹ xa xôi, có một người mẹ già mang trong lòng nỗi buồn riêng. Bà đang đi trong những con đường náo nhiệt, ồn ào tiếng người ở khu down town. Từ các cửa tiệm bán sách báo, tranh ảnh, bà muốn lựa một tấm thiệp để chúc mừng sinh nhật một đứa con trai mà bà thương yêu đang ở tại quê nhà.

Trước rừng thiệp đủ màu sắc, đủ hình ảnh, bà phân vân chọn lựa. Ô! một cái thiệp màu nâu nhạt với những hàng chữ đập vào mắt bà, hàng chữ viết bằng tiếng Mỹ, nhưng bà có thể hiểu và đọc một cách dễ dàng. Qua đây từ năm bà 63 tuổi, bà chỉ có số vốn Pháp ngữ được học chương trình Pháp từ hồi còn trẻ, nên ở đây với thứ ngôn ngữ bà còn rất xa lạ.

Nhưng bà là người tháo vát và ham học hỏi. Bà đã lặn lội đi học thêm, lang thang tìm hiểu khắp chốn trong thành phố nơi bà cư ngụ, bằng phương tiện xe bus, tiếp xúc nói chuyện với người dân bản xứ nên chỉ trong vòng 10 năm bà có thể nói và nghe được tiếng Mỹ. Thật khó tìm được một người già ở số tuổi 73 như bà. Nhìn tấm thiệp có màu nâu nhạt, làm nền là nét phác họa dọc ngang của bản đồ thế giới. Đậm nét là những hàng chữ, ý nghĩa thật hợp ý của bà, những lời thâm tình của một người mẹ muốn gửi đến con của mình:

Son,

There are so many things I want for you, so many wishes in my heart as I watch you grow into you own life...

I wish you a world of adventure and experience and also the serenity that comes from listening to you inner voice as the world rushes around you...

I wish you the strength to face challenges with confidence along with the wisdom to choose you battles carefully...

I wish you the satisfaction of seeing your goals archived and also the true contentment that is born of simple things work well-done, friends well-loved, moments caught and cherished...

And my greatest wish is that you will always remember how much you are loved for you are a

good and caring person... a man I am proud to have for a son.

Happy Birthday.

Rồi sau đó, nhớ những nét bản đồ trên tấm thiệp, chợt một ý nghĩ đến với bà, sao mình không đi thử một vài nước để hỏi các bà mẹ khác có đồng ý giống mình với những lời trên tấm thiệp không. Nhưng bắt đầu đi đâu trước đây. Bà nhớ tới đứa con gái của bà ở Âu châu, nước Pháp, nên lên đường. Bà gặp lại con gái đang cư ngụ tại một tỉnh thuộc miền Đông Bắc Pháp. Đọc tấm thiệp, biết ý định của bà muốn đi một vài nước - "Được má à! Nhưng trước hết má cho con được chuyển thử sang tiếng Việt của mình nha má, con sẽ cố gắng dịch không sai lắm với ý chính":

Con trai,

Trong lòng mẹ có rất nhiều điều muốn nói với con, cũng như mẹ đã nhìn con dần lớn lên trong đời.

Mẹ thương chúc con có một đời sống khám phá và đầy kinh nghiệm, đồng thời với sự yên tĩnh lắng nghe tiếng lòng con, khi mà mọi người đang quay cuồng chung quanh con.

Mẹ thương chúc con có sự dũng mãnh để đối diện với những sự thách đố với lòng tự tin, cũng như với sự khôn ngoan để lựa chọn cách chống trả một cách cẩn thận.

Mẹ thương chúc con được thành tựu tốt đẹp những điều con ấp ủ trong đời, cũng như có được niềm vui thật sự đưa đến từ những việc giản dị được làm trọn vẹn, từ những người bạn chân thành, những cơ hội đã được nắm giữ và được yêu quý...

Và lời mong muốn lớn nhất của mẹ là con luôn nhớ rằng: Con đã được THƯƠNG YÊU biết bao bởi vì con là một người tốt và ân cần... là một người đàn ông mà mẹ rất hạnh diện là con của mẹ.

Chúc sinh nhật con.

Rồi đứa cháu ngoại thứ nhì đọc xong tấm thiệp thích thú reo lên: "Bà ngoại để cháu dịch ra tiếng Pháp thử xem, và cháu cũng mong là cháu sẽ dịch được đúng, cháu chắc những bà mẹ người Pháp họ cũng muốn nói với con của họ như vậy". Nước Pháp thuộc về Tây Âu, giới hạn phía Tây Bắc bởi Bắc Hải và biển Manche, phía Tây bởi Đại Tây Dương, phía Tây Nam bởi Tây Ban Nha, phía Nam bởi Địa Trung Hải, phía Đông Nam bởi Ý Đại Lợi, phía Đông bởi Thụy Sĩ, phía Đông Bắc bởi Tây Đức, Lục Xâm Bào và Bỉ. Có Ba Lê là kinh đô ánh sáng, tháp Eiffel là kỳ quan nhân tạo.

Fils,

Il y a tant de choses que je veux pour toi, tant de souhaits dans mon cœur alors que je te regarde grandir dans ta propre vie...

Je te souhaite un monde d'aventure et d'expérience et également la sérénité qui vient de ta voix intérieure pendant que le monde se presse autour de toi...

Je te souhaite la force de faire face aux obstacles avec confiance ainsi que la sagesse de choisir tes combats prudemment...

Je te souhaite la satisfaction de voir tes buts atteints et aussi le vrai plaisir venant des choses simples bien faites, de vrais amis, de moments saisis et chéris...

Et mon plus grand souhait est que tu te souviennes toujours combien tu es aimé parce que tu es une personne affectueuse et attentionnée... un homme que je suis fière d'avoir pour fils.

Joyeux anniversaire.

Nước bà tới đầu tiên là nước Lục Xâm Bảo vì tỉnh con gái bà ở sát với biên giới, L.X.B là một nước nhỏ, về phía Tây và Bắc giáp với Bỉ quốc, phía Đông giáp với Đức quốc và phía Nam giáp với Pháp quốc. Bà tới thủ đô thuộc vùng l'Alzette, tiến vào một công viên có rất nhiều hoa đủ màu sắc, bà thấy một thiếu phụ đang dắt một bé gái đi dạo, tươi cười chào: "Moien" và cho biết ý định - "Ồ! những lời thật đẹp, tôi cũng muốn gởi cho con trai lớn, sắp đến sinh nhật của anh ta rồi:

Jong...

Et get sou vill Sachen dei ech gären fir dech hätt, sou vill wensch hun ech a mengem Herz, während dem ech dech gesin an dein eigent Liewen erop woussen...

Ech wenschen dir eng Welt voller Aventuren an Erfahrungen op dei vun denger ennerer Stemm kennt, all dat während dem eis Welt em dech dreint...

Ech wenschen die Stärkt, Erausfuderungen mat vill Selbstbewostsin unzehuelen an die Weisheet, dir deng Kämpf egenständeg eraus kennen ze sichen...

Ech wenschen die Zefriddenheet, dass de deng Zieler ereschst, an och die Zefriddenheet die aus einfach an gudd gemachten Arbechten kennt . An mein greissten Wonsch ass, dass du dech emmer dorun erennerst wie gären mir dech hun, well du bass eng gudd an einfühlsam Persoun... een Mann, wou ech stolz sin, als Jong ze hun.

Alles Guddes zu dengem Geburtsdaag

Thăng đường bà qua tới nước Đức. Đức quốc lúc 1949 đã bị chia hai, Tây Đức theo chính thể Cộng Hòa liên bang và Đông Đức theo Cộng Sản và năm 1989 chế độ Cộng Sản sụp đổ, 2 miền Đông Tây thống nhất thành một. Bà vào thủ đô Berlin, tới một ngôi nhà xinh xắn, có một bà đang đứng trước cửa -: "Guten Tag! - Bà muốn gì?" - "Ồ! Được chứ, tiếc rằng sinh nhật con trai lớn tôi vừa qua, nhưng không sao tôi còn một đứa con trai nữa, sinh nhật của cháu sẽ 2 tháng nữa":

Sohn...

Es gibt so viele Dinge, die ich für Dich möchte, so viele Wünsche in meinem Herzen, während ich Dich in Dein eigenes Leben hineinwachsen sehe...

Ich wünsche Dir eine Welt von Abenteuern und Erfahrung und ebenso die Klarheit, die vom Hören auf Deine innere Stimme kommt, während die Welt um Dich herum eilt...

Ich wünsche Dir die Stärke, Herausforderungen mit Selbstbewusstsein anzunehmen und die Weisheit, Deine Kämpfe sorgfältig auszusuchen...

Ich wünsche Dir Befriedigung, Deine Ziele erreicht zu sehen und auch die wahre Zufriedenheit, die aus einfachen gut gemachten Arbeiten kommt, geliebten Freunden, eingefangenen und geschätzten Momenten. Und mein größter Wunsch ist, dass Du Dich immer daran erinnerst, wie sehr Du geliebt wirst, denn Du bist eine gute und einfühlsame Person... ein Mann, den ich stolz bin, als Sohn zu haben.

Alles Gute zum Geburtstag.

Bà tiếp tục đi qua Thụy Sĩ để vào Ý Đại Lợi vì ở đó bà có người cháu cư ngụ. Ý Đại Lợi ở về phía Nam Âu Châu, gồm một phần đất liền về phía Bắc và một bán đảo chạy dài về phía Tây Bắc và Đông Nam với 2 đảo lớn là Sicile và Sardaigne. Trong một vườn cam rộng lớn, trái chín vàng đầy trên cây. Những người đàn bà đang thu hoạch trái chín vào giỏ lớn. Bà đi tới trước một người có nụ cười hiền hòa: "Buon Giorno" và cho biết ý định - "A! Lời cho con thật hay, nhưng rất tiếc tôi chỉ có 2 đứa con gái, mà không sao những lời này cho con gái cũng được vậy":

Figlio,

Ci sono tante cose che desidero per te, ho tanti desideri nel moi cuore, mentre ti vedo crescere nella tua propria vita...

Ti auguro un mondo di avventure, d'esperienze e ancora la serenità che viene della tua voce dal profondo di te mentre il mondo ti stringe attorno.

Ti auguro la forza di far fronte a tutto ostacolo con fiducia e con sagesza scegliere le tue lotte con prudenza.

Ti auguro che tu abbia la sodisfazione di giungere le vette desiderate e anche il piacere vero che viene delle semplici cose ben fatte, e di conoscere dei veri amici, e dei momenti colti e amati...

Il mio più grande augurio è che sempre tu ricordi quanto sei amato, perchè tu sei una persona affettuosa e attentiva... Un uomo che io son fiero di avere per figlio.

Buon Compleanno

Nhìn qua eo biển Adriaque là nước Nam Tư. Con gái bà có người bạn xứ Slovénie là 1 trong 6 liên bang Cộng Hòa Nam Tư, nằm về phía Tây Bắc của nước. Thủ đô là Ljubljana. Ghé đến một cánh đồng trồng khoai rộng bao la, thấp thoáng có ngôi nhà lớn, ánh nắng chiếu xuyên qua hàng cây trước nhà. Một người đàn bà vóc dáng khỏe mạnh - "Dober Dan! Bà muốn gì?" - "Ồ!", một thoáng buồn trên nét mặt bà ta: - "Con trai tôi đã mất 2 năm rồi, nhưng may mắn tôi còn có được mấy đứa cháu rất dễ thương, tôi sẽ để chúc cho các cháu của tôi":

Sin,

Je toliko stvari ki hočem zate, toliko želja v mojem srcu torej ko te gledam rasti v tvojem posbnem življenju...

Želim ti en svet dogodiščine in izkušnje in tudi notranji mir; ki izide iz tvojega notranjega glasa med tem čašom ko se svet stiska okoli tebe...

Želim ti moč da prenešaš težave z zaupanjem im modrastjo izbereš spopad in da izbereš bitko z modrastjo in previdnostjo...

Želim ti zadovoljstvo da vidiš cilj in tudi pravo veselje do preprostih stvari, pravih prijatejev de zgrabiš trenutke in jih ljubiš...

In moja največja želja je da se ti za vedno spominjaš koloko si priljubljen, ti si dobra in preprosta oseba, človek katerega sem jaz ponosem imeti za sina.

Vse najboljše za rojstni dan.

Trở về nước Pháp bà xuống miền Nam vượt qua biên giới vào lãnh thổ của Tây Ban Nha, vì cháu ngoại bà có bạn là người xứ đó. Tây Ban Nha là một bán đảo, bờ phía Đông Bắc bởi nước Pháp, phía Tây bởi Bồ Đào Nha, phía Tây Bắc và Tây Nam bởi Đại Tây Dương và phía Đông và Đông Nam bởi Địa Trung Hải? Thủ đô là Madrid. Bà tới tỉnh Badajoz nơi cư ngụ của gia đình, một ngôi nhà lớn mà tường toàn bằng đá trắng. Một người đàn ông trạc tuổi trung niên đang cuốc cỏ dại chung quanh những khóm hoa hồng. - "Ola! Rất hân hạnh được biết bà"...- "Ồ! Được chứ, nhưng 4 đứa con của tôi đã không có mẹ từ 10 năm nay, tôi có thể thay thế mẹ chúng nó để nói được không":

Hijo

Hay tantas cosas que quiero para...Tantos deseos en mi corazón, mientras que te observo crecer en tu vida...

Yo te deseo un mundo de aventura y de experiencias y también la serenidad en tu interior, Mientras que el mundo se levanta n torno a ti.

Te deseo, la fuerza para hacer frente a los obstáculos con confianza, así como la sabiduría para decidir con prudencia todos los contratiempos que la vida te presenta.

Te deseo, la satisfacción de ver tus objetivos alcanzados y también la satisfacción que te dan las cosas simples, del trabajo bien hecho, de los verdaderos amigos, de momentos vividos y queridos

Y mi mayor deseo es que tu siempre te acuerdes que te quiero, como a alguien muy especial y amado para mí.

Tú eres un hombre, del cual estoy orgulloso de tener como hijo.

Feliz Cumpleanos.

Tuổi già cũng làm bà hơi mỗi mệt, nên bà, không đi tiếp nữa, mà trở về nhà con gái. Tại nhà bà gặp bạn gái của con là người xứ Congo "Mbote! Bà khỏe không?" Cô ta thấy hiền, nói tiếng Pháp trôi chảy, cô cho biết nước cô trước gọi là Congo sau đổi lại là Zaire, rồi cuối cùng trở lại là "Congo Dân Chủ". Hoàn cảnh cô cũng tội nghiệp, có chồng ở xứ rồi sanh con chỉ toàn là 4 đứa con gái, nên bị chồng lấy vợ khác trả cô về gia đình. Đọc những lời trên tấm thiệp cô nói:

"Gái trai gì cũng giống nhau lòng người mẹ luôn muốn những điều tốt cho con mình, để cháu viết thư tiếng Lingala là tiếng của xứ cháu xem sao":

Mwana na ngai,

Nazali na makanisi mingi ya malamu ponayo, makabo mingi etondi na motema na ngai tango nazali komona yo na kati ya bomoi na yo nazali kotombela yo mokili ya koluka na ya misala na pe ya kimia yo ewuti na kati na yo na tango oyo mokili ezali kotambola zinga zinga na yo.

Nazali kotombela yo makasi ya kolenda na tango ya mikakatano pe ozala na kondima, na pe mokalamusi ya kapona na bokebi misala oyo ekoki na yo.

Nazali kotombela esengo ya komona suka ya misala na yo, na pe bosepeli na yo na makabo ya mike, kati na baninga ya solo solo pen a bileko ya bolingo.

Elikia monene po ya ngai ezali ete oyebaka tango youso na makanisi na yo, boni boni nalingi yo mingi ,zambi ozali moto ya bolingo mpe ya malamu moto oyo nazali na esengo mingi te azali mwana na ngai.

Mbotama elamu.

Rồi sau đó có một người bạn khác, là một người Trung Hoa sinh sống ở Việt Nam, nên nói tiếng Việt rất rành. Năm 75 cũng ra đi tỵ nạn Cộng Sản như những người Việt tỵ nạn khác. Nghe giải thích những lời trên tấm thiệp, bà ta nói, "Tôi cũng muốn viết thư tiếng nước tôi xem sao":

吾儿：

眼见你逐渐成长，慈母内心千言万语要与你叙谈。

亲爱的孩儿：母亲祝你一生充满活力，丰富经验，以虚心平静的心情对待一切周遭群众。

祝你具有勇气，聪勉、理智、自信，谨慎地应付任何事情。

祝你一生美满幸福，真诚待人，尤其儿需牢记：

孩儿得到母爱，因为儿是一位殷勤诚实的好人----- 是让母亲感到自豪的好儿子。

祝福你生日快乐！

母亲

Sau đó người mẹ trở về nơi cư ngụ, nhớ lại những lời của những người bạn mà bà đã gặp trên bước đường đi. Tuy bà ghi lại mà không biết có đúng ý với những lời trong tấm thiệp cũng như có sai lỗi văn phạm hay ngữ vựng, nhưng lòng bà thấy rất hân hoan. Những người làm cha mẹ trên trái đất này luôn có một tình yêu bao la dành cho các con của họ. Họ sanh ra các con, nuôi dưỡng, dạy dỗ, và mong cho con cái của họ thành những người hữu ích. Bà muốn ghi thêm vào tấm thiệp một câu chúc nữa: "Xin cho con có lòng tin tưởng ở những Đấng thiêng liêng cao cả để noi theo gương các Đấng sống đời thiện lương với tâm đạo hạnh".

(Viết thay cho má ở Seattle - Hoa Kỳ)



Tản mạn về Mẹ (nhân mùa Vu Lan)

● *Hư Thân Huỳnh Trung Chánh*

Vào mỗi mùa Vu Lan, tôi thường viết những truyện ngắn tưởng tượng về những bà mẹ, còn nhắc về người mẹ thật của tôi, tôi chỉ viết một lần trong tùy bút “Tản mạn về Cần Thơ”, để ghi lại quãng thời ấu thơ hạnh phúc nhất đời, một năm học duy nhất mà tôi được sống ấm êm trong vòng tay của mẹ.

Tôi mất cha khi vừa tròn tròn sáu tuổi. Thuở đó, tình hình an ninh kém cỏi, thương ông bà ngoại tôi sống đơn chiếc, mẹ tôi dẫn con cô gái út về quê nhà tại Cao Lãnh chăm sóc ông bà. Phần hai đứa con trai, bà gửi mỗi đứa một nơi - thường là các bà dì - để “ăn nhờ ở đậu” đi học. Tôi quen thui thủi sống một mình từ lúc mới tập tễnh học lớp một, mỗi năm chỉ gặp mẹ tối đa hai lần, còn anh em có khi hàng mấy năm trời vẫn chưa thấy mặt nhau, nhưng càng xa nhau thì chúng tôi càng thương mẹ, thương anh thương em.

Sau năm 1975, anh em chúng tôi dùm bọc dắt dìu nhau, đưa mẹ đi vượt biên. Em gái tôi đã lập gia đình tại Thụy Sĩ từ lâu, còn hai anh em tôi, tuy đồng định cư tại Hoa Kỳ, nhưng mỗi đứa lập nghiệp một phương, phương Đông và Tây cách nhau hàng ngàn dặm khiến cho bà mẹ, sống với đứa nầy thì nhớ đứa kia, đi qua lại hụt cả hơi!

Mẹ tôi năm nay đã ngoài 88 tuổi, những năm gần đây chân bà đã yếu, phải lần vách hay nương gậy mà đi, nhưng may mắn bà vẫn có thể lo việc vệ sinh và tắm rửa một mình. Được như vậy, là nhờ anh tôi rất hiếu thảo và chu đáo chăm sóc. Cả nhà giữ một chế độ ăn uống kiêng cử đặc biệt với những thức ăn toàn loại phẩm chất dinh dưỡng khỏe mạnh, ngoài ra, anh cũng cho bà giữ thời khóa vận động chân tay nghiêm ngặt. Chương trình vận động tay chân của bà mỗi ngày 3 lần, mỗi lần gồm có 3 mục: a. tập bốn động tác khí công cải tiến nhẹ, mỗi động tác 10 lần, b. đi bộ (lần vách đi) 10 vòng, c. lái xe (nương theo loại khung có hai bánh xe đẩy đi) 10 vòng. Mẹ tôi vốn dễ dãi và bên bỉ chịu đựng, nên dù bà mệt mỗi chán ngán vận động lắm, nhưng vẫn chiều ý con cái gắng sức mà tập, bà chỉ lẩm thảm thở than: “Hồi nhỏ mình tập nó đi, bây giờ nó bắt mình tập đi, đúng là bị quả báo!”. Lòng dạ tôi mềm yếu, mỗi khi được ủy thác trông chừng bà vận động, theo dõi bà chừng nửa chương

trình thì đã thấy chân tay bà lết bết, hơi thở phì phò, mặt mày buồn hiu, tôi thương quá, lánh đi nơi khác để cho bà tùy ý muốn làm sao thì làm. Tôi biết mình yếu ớt như vậy là hơi phụ lòng anh tôi, nhưng quả thật tôi không thể cố gắng nổi. Mẹ tôi mà sống với tôi, chắc chắn là tôi sẽ không nỡ ép bà vận động, và như vậy có lẽ bà đã ngồi liệt một chỗ từ lâu rồi.

Mấy năm nay, chân yếu không còn đủ sức đi lại chia xẻ thời gian với các con, mẹ tôi thường trực sống với anh tôi, và hàng năm tôi đến thăm bà đôi lần, mỗi lần lưu lại một hoặc hai tháng cho anh tôi thoải mái đi nghỉ hè, và tôi cũng thoải mái có được những giờ phút riêng tư “hủ hỉ” với mẹ. Ông anh tôi tính “siêu cẩn thận”, lần nào cũng vậy anh dặn dò nhắc tới nhắc lui hàng trăm lần thời dụng biểu và những điều cần thiết cho việc săn sóc mẹ, tuy vậy anh vẫn chưa hài lòng, nên trước khi đi anh còn trao cho chiếc cầm nang, để mở ra xem xét lại từng mục kèo quên.

May mắn là về phương diện thực đơn thì tôi không bị ràng buộc quá đáng. Lần nào, bà xă tôi cũng ưu ái chuẩn bị cho tôi một va-li thức ăn đặc biệt, gồm toàn những món ăn có thể thiếu tiêu chuẩn bổ dưỡng, nhưng rất hợp khẩu vị của bà: Tôm kho tàu, cá kèo kho, mắm chưng... Những món ăn nầy gợi cho mẹ tôi nhớ lại hình ảnh quê hương xa xưa, nhất là khoảng thời gian trẻ trung khi mới về nhà chồng. Lần nào cũng vậy, mẹ tôi, mắt sáng ngời gắp con cá kèo, giẻ miếng tôm đỏ au hay vớt miếng mắm vào chén cơm, rồi cười cười nhắc nhở: “Ồ Cổ Chiên mình, cá kèo dầy dầy ở ven sông, người ta chê cá kèo, lòng tong, lục chót không ăn, nhưng bây giờ, thì nó là món ăn hiếm có con há!...”, “Mắm lóc, nội con làm cả lu ăn suốt năm chẳng hết”, “Ừ! Tôm càng ở Cổ Chiên mình nhiều lắm, thằng Xê nhảy xuống sông lặn một hơi, trồi lên hai tay cầm hai con. Còn vào mùa dõ chà thì tôm càng nhiều quá ăn không xuể, mình phải phơi khô, phải kho tàu như vậy nè để ăn được nhiều ngày...”.

Lúc sau nầy, mẹ tôi lảm cẩm quên trước quên sau, chỉ có khoảng thời gian ấu thời và thời gian mới lập gia đình theo chồng về Cổ Chiên là còn nhớ rất rõ. Tôi biết bà thích chuyện xa xưa, nên mỗi khi bà nhắc nhở đến Cổ Chiên tôi thường nói đùa: “Đằng đó, ở Cổ Chiên có cá sấu không...?”. Đây là câu đầu tiên mà mẹ tôi ấp úng hỏi “trống” cha tôi trong ngày lễ “coi mắt” khoảng 70 năm về trước, tới giờ nầy mà khi nghe nhắc lại bà vẫn còn sung sướng vừa then thùng như một thiếu nữ đang xuân. Bà cười hi hi: “Ai biết gì đâu, nghe xứ Cổ Chiên lạ hoắc, tưởng chỗ cộp beo, cá sấu gi ở chớ!”.

Năm xưa, nội tôi được người mai mối hướng dẫn đến nhà ngoại tôi để xin kết nghĩa suôi gia. Sau khi bàn luận và cân nhắc tuổi tác các con gái gia chủ, nội bỗng nghĩ ý chọn mẹ tôi làm dâu, mặc dù trước đó người mai mối không hề đề cập gì về mẹ tôi cả. Mẹ tôi đang lúi húi phụ giúp người nhà chuẩn bị bếp núc đãi khách, bỗng bị bà ngoại ra lệnh cấp tốc chỉnh trang lại y phục, bung nước trà mời khách. Mẹ tôi ơ hờ theo lệnh ngoại. Mẹ vừa trở xuống bếp chừng 10 phút, thì cha mẹ hai bên đã long

trọng tác thành đôi lúa. Khi ngoại thông báo cho mẹ quyết định này, mẹ tôi chung hững chẳng biết người chồng tương lai của mình mặt mũi ra sao nữa, nhưng phận làm con “cha mẹ đặt đâu, con ngồi đó!” mẹ tôi đâu dám hó hé gì. Sau đó, ngoại mới sắp xếp cho “hai đứa nhỏ” được trò chuyện riêng. Mẹ ngồi trước mặt cha tôi, thẹn thùng, sợ sệt, bối rối ngổn ngang, cúi gằm mặt chẳng dám ngẩng nhìn, ba hỏi câu nào thì trả lời “trống trống” câu đó. Sau cùng, bậm gan lăm lăm bà mới hỏi câu đầu tiên mà tôi lặp lại để gheo bà ở trên.

Quê ngoại tôi tại Hòa An, Cao Lãnh thuộc vùng nước ngọt, xóm làng gần gũi, vườn cây trái xanh um, còn quê nội tôi là một cù lao nhỏ, nằm ở vàm sông Cổ Chiên, tuy thuộc quận châu thành tỉnh Trà Vinh, nhưng vị trí sát biển nên nước lợ mặn quanh năm cây ăn trái hiếm hoi, xóm làng thưa thớt. Ngoại tôi tin tưởng ông mai, một nhà giáo đứng đắn trong vùng nên không dò xét kỹ, cứ đình ninh Cổ Chiên thuộc quận châu thành phải là chốn thị tứ, chững đưa con gái về nhà chồng, thấy cảnh hoang vắng đìu hiu, toàn là ruộng lúa chen lẫn với rừng dừa nước, ngoại xót thương con gái đã khóc ròng, trong khi mẹ tôi lại tỏ vẻ bình thản. Có thể là bà đã phải gắng gượng đè nén tiếng nức nở để tránh gây khổ đau thêm cho Ông Bà ngoại chăng?

Khi tôi nghe mẹ kể đến chuyện này, tôi thường gheo bà: “Má vừa gặp ba đã thương tức khắc, thương quá xá cỡ rồi! ba sống ở đâu thì quyết chí theo ở đó, hùm beo cá sấu còn chẳng sợ huống gì rừng lá! phải không má?”. Mẹ tôi dễ tánh nên tôi mới dám “cà rơn” với bà, tuy là lời nói giỡn nhưng nó lại phản ảnh khá chính xác mối tình yêu tha thiết thâm trọng hy hữu của bà dành cho chồng. Có lần bà chị họ tôi nghe tôi nói câu này, cười hề hề theo kiểu “biết rồi! khổ lắm! nói mãi!” rồi lên tiếng: “Còn phải nói gì nữa. Nếu mợ không thương cậu sâu đậm, thì làm sao chịu nổi cảnh trung trinh góa bụa thờ chồng được?”. Thật ra, chuyện mà tôi muốn nói ở đây là tình yêu của mẹ tôi trải qua những năm tháng dài mù mịt - cha chết khi mẹ mới 29 tuổi, tính ra đã 60 năm rồi -, mà vẫn còn sâu đậm tha thiết như thời trẻ trung mới là hy hữu, mới là đặc biệt. Cho nên, dù tuổi đã kề cận 90, quên trước quên sau, mà khi nhắc đến thời gian chung sống với chồng tại Cổ Chiên thì bà có thể thuật linh hoạt hàng trăm thứ chuyện, từ sinh hoạt linh tinh giỗ Tết cúng kiến, chuyện làm dâu, em chồng, cho đến chuyện bà con lối xóm, ông cầu, ông nói liệu, chuyện lúa thóc, tôm cua..., chẳng chuyện nào bà quên cả. Mà hễ câu chuyện nào liên quan đến chồng, thì giọng nói của bà lúc đó tức thời biến đổi thành tha thiết trang trọng, tình nghĩa tràn đầy. Mấy ngày qua, mỗi khi tôi rót nước cam cho bà, bà đều tươi cười nói: “Ồ Cổ Chiên mình làm gì có cam, ba con phải mua cam tận chợ Trà Vinh để vắt nước đó!”. Đây là mẩu chuyện mới nghe lần đầu, nhưng tôi ơ hồ chẳng để ý. Chừng nghe liên tiếp vài mươi lần, tôi quan sát kỹ thái độ vui tươi của bà khi nói ra câu đó thì mới hiểu ra. Ở lứa tuổi mẹ tôi, vợ chồng thương yêu chiều chuộng nhau là việc phải giấu kín, do đó, bà chẳng hề nhắc nhở chuyện này với ai. Và bây giờ, đợi đến hơn 60 mươi năm sau bà mới dám thổ lộ cho tôi

nghe, mà niềm hạnh phúc được chồng cưng “mua cam tận chợ Trà Vinh về vắt nước” vẫn còn miên man trong lòng. (Tôi nghĩ một bà vợ dẫu được ông chồng đối cả sự nghiệp để mua hột xoàn dâng tặng, chưa chắc đã hạnh phúc bằng mẹ tôi được ly nước cam ngày xưa của ba tôi đâu!).

Mẹ tôi hay quên, nhưng đầu óc vẫn còn sáng suốt, bà thường nhìn cái già nua lom khom của mình với nụ cười hóm hỉnh. Bà tự chọc què sức khỏe yếu ớt mình là “không nghe lời”, là “sanh tật”, nên thường cười hề hà than : “Cái tay bữa nay không chịu nghe lời má...” hoặc : “Độ rày, má già nên hay sanh tật quá!”.

Mẹ tôi quả thật có rất nhiều tật, mà đối với tôi thì tật nào cũng đáng quý và dễ thương vô cùng. Tật lâu đời và lớn nhất của bà là tật tận tụy hy sinh cho mọi người mà chẳng hề kể lể thở than. Sau năm 1945, vùng quê Cao Lãnh kém an ninh, hoa lợi lúa ruộng suy giảm, khả năng thuê mướn người giúp đỡ khó khăn, trong khi ông bà ngoại lại già yếu, bệnh hoạn liên miên. Mẹ tôi có bảy chị em gái, nhưng chẳng ai có điều kiện và thiện chí để về quê chăm sóc cha mẹ già, nên bà đành hy sinh lãnh nhiệm vụ này ròng rã hàng mười mấy năm trời mà chẳng hề được chị em nào gánh vác cho một tháng. Trong thời điểm này, phải kể đến những lúc cực kỳ gian khổ, khi bà ngoại bị nằm liệt hơn 3 năm, ông ngoại cũng không xê dịch trong 6 tháng, mẹ tôi ngày đêm túi bụi lo cơm nước, lo đút từng miếng cơm, từng ngụm nước, nài nỉ từng viên thuốc, lo việc tiêu tiểu, tắm rửa, lại phải bù đầu chăm sóc nhà cửa ruộng vườn, chắt mót từng nải chuối, buồng cau... để có thêm hoa lợi. Mẹ tôi cực khổ dường ấy, nhưng luôn luôn cẩn rắng chịu đựng, chẳng một lời thở than, cũng chẳng hề dựa vào công lao của mình để suy bì, hay trách cứ nặng nhẹ chị em nào cả. Thuở nhỏ, tôi rất ám ức “tật” này, nên cảm ràm: “Má cực khổ phải nói ra cho mấy dì biết, nếu không, ai cũng tưởng má sung sướng lắm!”, mẹ tôi cười hí xả rồi thôi. Mẹ bền bỉ phụng dưỡng ngoại, cho đến khi ông bà lần lượt từ trần, thì mới lặng lẽ về Sài Gòn chung sống với các con, để lại nhà cửa ruộng vườn của ngoại cho bà chị gánh vác.

Với anh em chúng tôi cũng vậy, bà trọn đời xả thân tận tụy phục vụ, thương yêu chăm sóc, mà cũng chẳng bao giờ kể lể công ơn hay thở than mỗi mệ. Đến khi lũ cháu ra đời, tánh bà cũng chẳng khác, khi có cơ hội thì bà tức thời thương yêu chí thiết, chiều chuộng hết mình, chăm sóc nâng niu từng li từng tí. Các con tôi một mực thương quý nội và thường nhắc lại những ngày sống chung được nội thăm dò nhu cầu từng đứa để lăng xăng phục vụ, hay cặm cụi làm đủ loại bánh, gọt sẵn đủ loại trái cây để nài nỉ, dụ dỗ chúng ăn. Thời còn ở Việt Nam, em gái tôi xuất ngoại giao hai con gái bé bỏng cho ngoại nuôi giữ mấy năm trời, bà sẵn sàng dang tay đùm bọc, nâng niu như bảo vật. Đến khi anh tôi vượt biên còn kẹt lại đứa con gái mới lên 4 tuổi, cũng yên tâm phú thác cho bà nhận lãnh. Cháu bé bất ngờ bị đau sốt xuất huyết nặng phải đưa vào bệnh viện Triều Châu cứu cấp. Thời đó, thuốc Tây khan hiếm, bác sĩ nguy chỉ còn mấy móng, dịch sốt xuất huyết hoành hành dữ dội khiến tỷ lệ

trẻ em tử vong rất cao, vì vậy bệnh viện Triều Châu đông nghẹt bệnh nhân, cháu bé còn có chỗ nằm, mẹ tôi phải ngồi chồm chấp canh chừng cháu không phải một hai giờ mà là suốt bốn ngày đêm. Lúc đó, hàng ngày tôi phải đi học tập thật chuyên cần, sáu giờ chiều mới có thể đến thay thế cho bà đôi giờ để bà tắm rửa tạm nghỉ ngơi lấy sức mà thôi. Sau khi mạng sống của cháu được cứu vãn thì mẹ tôi cũng gần hụt hơi. Tôi biết nếu mẹ tôi lơ là một chút thì mạng sống của cháu khó an toàn. Thời gian sau, tôi đưa mẹ và cháu đi vượt biên thành công, mẹ tôi bàn giao cháu cho anh tôi với nụ cười, và tánh nào tật ấy, bà không hề kể lể những nỗi nhọc nhằn của mình. Anh có nghe cháu đau thì bất quá nghĩ rằng đó là chỉ chuyện ẩm đầu, sổ mũi, uống một viên aspirine là xong, chớ đâu tưởng tượng hoàn cảnh thập tử nhất sinh của cháu ngày đó.

Giờ đây, tuổi ngày càng cao thì mẹ tôi – theo nguyên văn từ ngữ bà xử dụng – lại càng sanh tật nhiều thứ lắm. Tật hay quên, tật chân tay yếu ớt, tật mắt kém đọc viết, khó khăn... Vì sợ bà sanh tật thành linh, nên anh em chúng tôi thay phiên nhau trông chừng bà ngày đêm, nhất là lúc bà tắm, sợ bà sanh tật té nên túc trực ở ngoài nghe ngóng. Bà tắm xong, chúng tôi xấy tóc, gỡ đầu cho bà, kéo bà sanh tật cảm lạnh thì nguy. Một hôm sau khi gỡ tóc cho mẹ, sẵn thấy có đôi vợ, tôi mang cho bà. Tôi bỗng ngẩn người, khi nhìn thấy móng chân của bà dài ngoằn, có móng như bấu vào thịt. Thì ra, tuy bà còn có thể tự cắt móng tay, nhưng bà đã “sanh tật” không thể cúi xuống để cắt móng chân được. Tôi sẵn sóc mẹ mà không để ý điều này, nên vừa xót xa vừa xấu hổ, lên tiếng hỏi bà: “Sao má không bảo tụi con cắt móng chân cho má”. Bà cười hồn nhiên: “Mấy người giàu sang, ăn không ngồi rồi, để móng tay móng chân năm này tháng nọ, mà có sao đâu?”.

Mấy hôm trước, tôi túc trực bên ngoài khi bà tắm, nhưng chờ khá lâu vẫn không nghe xối nước. Việc tắm rửa của bà kéo dài là chuyện rất bình thường vì lẽ nội cái việc lụm khụm cởi đồ ra và bận đồ vào cũng tốn rất nhiều sức lực và thời giờ rồi. Tôi lên tiếng hỏi dò vài lần thì bà trả lời bình thường, mà tiếng nước vẫn im bật một cách lạ lùng. Hơn hai giờ sau, bà mới mở cửa bước ra, mặt hơi giận, lầm bầm: “Bữa nay, sao cái chân sanh tật cụt ngắn hà! bước vào bồn tắm hoài không được, nên đâu có tắm!”. Bồn tắm cao, tôi biết mẹ phải khó khăn mới đỡ chân lên vừa đủ để bước vào, nhưng vẫn làm lơ cho bà có cơ hội cố gắng vận động tối đa. Tôi an ủi: “Chuyện đó dễ mà, để ngày mai con sắp xếp lại, rồi má sẽ bước vào bồn tắm dễ ợt hà!”. Lâu lắm rồi tôi mới thấy mẹ tôi lộ vẻ buồn, bà than: “Sao má sống lâu quá vậy? Má đâu muốn sống dai như vậy, con ạ!”. Tôi an ủi mẹ theo tinh thần đạo Chúa của bà: “Minh đâu có thể mong muốn chuyện gì được má! Chúa bảo sống đến đâu thì mình sống đến đó thôi, phải không má?”. “Ừ!”. Tuy bà “Ừ”, nhưng nhận thấy bà vẫn chưa vui, tôi giả giọng con nít lên tiếng: “Má nó chết, thì ai nuôi nó! hu hu!”, nhờ vậy mẹ tôi cười tươi lên. (Nguyên thuở mẹ còn ấu thơ, chừng năm sáu tuổi, một hôm bà chứng kiến bầy chó vật con gà mẹ chết. Bà khóc suốt suốt, dỗ mãi không nín và cứ

thắc mắc hỏi ngoại: “Má nó chết thì ai nuôi nó!”. Ngoại bực mình quá nói: “Má nó chết thì mây nuôi nó!”. Vậy mà mẹ tôi đồng ý, nín khóc, rồi mỗi ngày đứng ra “chít chiu” săn sóc đám gà con cho đến khi chúng lớn thành gà giò. Chuyện này là một trong những chuyện hiếm hoi tại Cao Lãnh mà mẹ tôi kể lại. Một hôm mẹ tôi và dì Năm – một bà 88, một bà 90 tuổi – được con cháu sắp xếp cho điện thoại thăm nhau, hai bà nói chuyện nào cũng trớt quớt, nhưng vừa nhắc đến vụ “Mẹ nó chết, ai nuôi nó”, hai bà rộn ràng tranh kể lại cho nhau nghe và đồng hớn hỏ vui cười).

Ngày hôm sau, tôi nhắc cái ghế đặt sát bồn tắm, bà ngồi trên ghế đỡ chân bỏ qua bồn, rồi đứng dậy tắm dễ dàng, nên mẹ tôi rất hài lòng. Tật “chân cụt” lần này thì giải quyết được, nhưng chắc chắn bà còn sanh tật dài dài, và đó là điều khiến cho tôi lo lắng triền miên. Hồi tôi đang học lớp năm, có lần tôi bị nổi dòi trên háng, mẹ tôi bảo tôi cởi quần ra để bà xức thuốc. Tôi mắc cỡ còn vùng vằng thì bà nạt dùa: “Tao là má mày, tao sanh mày ra mà mắc cỡ nỗi gì”. Hôm qua, tôi đã nhắc lại chuyện này cho mẹ tôi nghe, để chuẩn bị, có ngày nào đó, tôi phải săn sóc mẹ, mà mẹ mắc cỡ thì tôi sẽ lập lại tương tự như vậy: “Con là con của má! từ bụng má chui ra, mà má mắc cỡ nỗi gì!”.

Mấy năm trước, tôi có viết truyện ngắn tựa đề “Lấy chồng xa xứ”, theo đó, người con gái sau khi hiểu được công ơn cha mẹ như trời như biển sức mình không thể báo đền chữ hiếu, bèn cất tiếng thở than qua điệu ru em

: *Cha mẹ ơi! sanh con là gái*

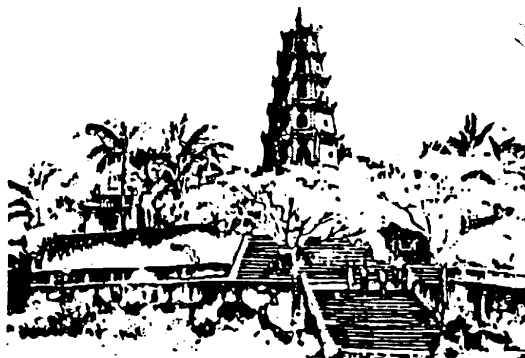
Biết chừng nào trả ngài mẹ cha

Chừng nào cho cá hóa rồng

Đền ơn cha mẹ, âm bằng thuở xưa.

Thật ra, tôi đã viết bài này cho chính tôi, và đây là tiếng than của tôi khi nghĩ đến sự hiếu dưỡng nan giải của mình đối với mẹ. Bạn đọc có thể chế giễu tôi: “Cha nầy, đàn ông mà mượn giọng đàn bà tâm sự thì yếu quá! tệ quá!”. Các anh các chị biết không? tôi nghĩ rằng vì tôi là đàn ông nên sự tình mới trở nên tồi tệ. Giả dụ tôi là đàn bà, thì tôi có thể chăm sóc mẹ chu đáo những chuyện thân mật: Tắm rửa, thay quần áo... thì tốt đẹp cho mẹ con tôi biết là bao nhiêu.

(Còn tiếp)





Bông hồng thôi cài áo

Trước 1975, nơi thị xã Nguyên ở, hàng năm cứ vào đầu tháng 7 âm lịch, trên các góc đường của ngã tư lại thấy xuất hiện các anh chị trong Gia Đình Phật Tử làm công tác cài hoa lên áo cho dân phố, nhân mùa Vu Lan về.

Đây là bông hồng nhỏ nhỏ xinh xinh được làm bằng giấy nhún, cắt dán rất khéo. Tuy hoa chỉ lớn bằng đầu ngón tay, cuống hoa còn điểm thêm chiếc lá xanh trông rất dễ thương. Đặc biệt những đóa hoa này chỉ gồm hai màu: Màu hồng dành cho những ai có điểm phúc còn Mẹ và màu trắng cho những người kém may mắn vì Mẹ đã qua đời. Hơn 30 năm trôi qua, Nguyên vẫn chưa quên những hình ảnh đầm ấm mang nhiều nghĩa đó.

Được sinh ra trong một gia đình ít "nhân số" lại là con út nên Nguyên được bố mẹ và chị thương yêu nuông chiều lắm. Đây là khoảng thời gian sung sướng và hạnh phúc nhất của Nguyên. Tiếc thay bố Nguyên lại mất sớm, Mẹ phải thay bố gác vác, tảo tần sớm hôm để chị em Nguyên luôn được đầy đủ từ vật chất đến tinh thần như lúc bố còn sống. Vì thế, tuy rất đau buồn về mất bố, Nguyên lại thấy gần gũi với mẹ hơn, như thể mẹ cố gắng bù đắp vào mối tình phụ tử mà chị em Nguyên vừa bị mất. Ở lứa tuổi ăn chưa no, lo chưa tới, Nguyên tiếp tục bồi lội trong dòng suối yêu thương, săn sóc, bảo bọc của mẹ, của chị. Để rồi những tháng bảy Vu Lan, Nguyên vẫn thấy cảm động, sung sướng và hạnh diện vô cùng khi được cài đóa hoa màu hồng xinh xắn lên ngực áo.

Rồi một hôm, tình cờ Nguyên mua được cuốn "Bông Hồng Cài Áo" của Thiền sư Nhất Hạnh. Cuốn sách đã ít nhiều làm xáo trộn quang đời hoa niên bình an, vô tư lự của Nguyên. Cô bắt đầu suy nghĩ và thấy lo sợ - dù chỉ là mơ hồ, dù chỉ thoáng qua. Cái ngày bất hạnh khi mẹ không còn nữa. Cứ mỗi lần đem ra đọc, Nguyên lại chảy nước mắt, bồi hồi xúc động! Lối hành văn giản dị như những lời tâm sự nhưng đã gói ghém được những điều muốn viết, muốn diễn đạt như những tiếng chuông muốn nhắc nhở cho Nguyên, cho những ai có điểm phúc còn được sống bên mẹ. Nên biết trân quý mỗi tình mẫu tử thiêng liêng mà ta chỉ có được một lần trong đời - một lần thôi - một khi đã mất không bao giờ ta có thể tìm lại được nữa!

Một người bạn học rất thân của chị Nguyên có bà mẹ vừa qua đời. Thịnh thoảng chị đến nhà Nguyên trong chiếc áo dài đen, đầu chít vành tang trắng dài tới tận

lưng. Lần nào hai chị cũng vào phòng thăm thì nói chuyện và khóc với nhau hàng giờ. Niên học sau chị ấy phải nghỉ học, ở nhà lo cơm nước và chăm sóc đàn em còn nhỏ dại. Lâu lâu chị ghé chơi, Nguyên thấy người chị như quắt lại, khuôn mặt thật buồn và già hẳn đi, mất hết những nét trẻ trung, tươi vui như ngày nào. Mỗi lần gặp chị, Nguyên lại thấy buồn, thấy sợ về những điều mà thường không dám nghĩ tới.

Rồi nước mất nhà tan, thêm một lần mẹ mất trắng của cải, chỉ có điều an ủi là mấy mẹ con vẫn bên nhau, đi đến đâu cũng có nhau. Trong mọi tình huống mẹ Nguyên vẫn luôn là cây cổ thụ che chở, là mái nhà vững chắc cho chị em Nguyên an tâm trú ngụ. Bao nhiêu thăng trầm, lo buồn, nuôi tiếc tưởng đã có lúc quật ngã được mẹ nhưng có lẽ lòng thương con vô bờ bến đã giúp người vượt qua được mọi gian truân, những trận đau nguy kịch để tiếp tục sống cho con, vì con.

Rồi tình thế bất buộc, một lần nữa mẹ Nguyên phải dứt áo bỏ lại quê hương, thân bằng, quyến thuộc, mang chị em Nguyên ra đi, không ngoài mục đích mưu cầu tự do, hạnh phúc cho các con. Nơi quê người, không thân nhân, không người bảo trợ, chị em Nguyên phải đi làm ngay để có phương tiện sinh sống. Trên xứ lạ với muôn vàn khó khăn, từ ngôn ngữ đến phong tục tập quán, từ cách sống đến suy nghĩ của người dân bản xứ quá khác biệt, chị em Nguyên còn chơi với lạ lắm khi phải hội nhập vào cuộc sống mới hướng chỉ những người lớn tuổi như mẹ Nguyên còn cô đơn lạc lõng biết chừng nào! Nhất là khi đông về tuyết rơi giá rét kéo theo những căn bệnh già không làm sao tránh được, nhưng mẹ Nguyên vẫn không một lời than van, suốt ngày dọn dẹp lau chùi nhà cửa và lo cơm nước cho con rất tận tình. Có những lúc thấy tóc mẹ như bạc hơn, lưng mẹ như còng hơn, Nguyên lại xót xa lo sợ. Lo sợ thể thôi rồi lại quay cuồng với cuộc sống, với tình cảm riêng tư của mình.

Chưa kịp đền ơn đáp nghĩa và dù rất thương mẹ, Nguyên đã vội lập gia đình, mẹ lại mang thêm gánh nặng cho cho cháu. Cả nhà đang sum họp yên vui, những tưởng cuộc đời sẽ êm đềm mãi như thế để chị em Nguyên vẫn được sống bên mẹ, vẫn được hưởng những ân sủng ngọt bùi, những thương yêu vô điều kiện của mẹ. Thì đại nạn kia đã đến, đến thật bất ngờ là Nguyên không tin đó là sự thật. Nguyên tưởng mình đang mơ, một giấc mơ hãi hùng nhất của đời người, nhưng khi nhìn thân thể mẹ im lìm bất động thì Nguyên biết chắc rằng từ nay mẹ con đôi đường cách biệt, vĩnh viễn chia lìa. Từ nay cho đến cuối đời mình không bao giờ Nguyên còn gặp lại người mẹ yêu dấu nữa. Bao nhiêu nước mắt vẫn không sao vui được nỗi đau đớn, lòng thương tiếc trong Nguyên. Bây giờ Nguyên mới thấu hiểu được sự bất hạnh của người con khi mồ côi mẹ. Đó là niềm đau đã đạt tới tột đỉnh, là nỗi cô đơn khủng khiếp mất mát tận cùng. Cũng từ ngày ấy Nguyên như một đứa bé còi cọc, không lớn nổi mà đã già, hay tủi thân khi nhớ đến mẹ,

đến những ân tình và kỷ niệm, đến những ngày vui đã qua không bao giờ trở lại khi nghe ai đó nhắc đến mẹ yêu. Bây giờ Nguyên mới nhận thấy những lời thầy Nhất Hạnh viết là đúng: "Lớn đến cách mấy mà mất mẹ thì cũng như không lớn, cũng thấy bơ vơ lạc lõng, cũng không hơn gì trẻ mồ côi!".

Ngày nhị thất của mẹ, tình cờ Nguyên mua lại được cuốn "Bông Hồng Cài Áo". Cuốn sách được in lại như xưa, từ khuôn khổ đến cách trình bày vẫn là tấm bìa trắng đơn sơ có một bông hồng với nét vẽ hơi ngả sang màu tím. Mỗi bận đem ra đọc, Nguyên vẫn chảy nước mắt, bồi hồi xúc động. Có khác chăng là giờ đây lòng Nguyên thổn thức ở một hoàn cảnh khác, một tâm trạng khác, hoàn cảnh của đứa con mồ côi mẹ, là tâm trạng tiếc thương những ân tình của đứa con mất cái diễm phúc còn mẹ. Thế là hết, từ nay về sau Nguyên không còn được cài đóa hoa màu hồng với nụ cười rạng rỡ trên môi và Nguyên đã không cảm được nước mát trong những buổi lễ bông hồng cài áo tổ chức tại chùa nữa !

Hơn 10 năm trôi qua, nỗi cô đơn và sự mất mát kia tuy không còn xôn xao như ban đầu, nhưng trong một góc của hồn Nguyên, chúng vẫn lặng yên mà âm ỉ, đậm thấm mà rõ ràng. Để nhiều đêm trong giấc mơ, Nguyên vẫn nước mắt ngán dài, ướt đầm mặt gối vì bỗng hiện về những kỷ niệm êm đềm xưa cùng những khuôn mặt thân yêu cũ của một thời yêu thương, hạnh phúc đã qua và đã chìm sâu khuất lấp.

Ngày mẹ mất, Nguyên như chênh vênh hụt hẫng, Nguyên đã bám vào Phật Pháp như một cứu cánh giúp cô vượt qua cơn nghiệt ngã của cuộc đời. Hôm nay Nguyên biết tới và đến với Tam Bảo là nhờ mẹ hay nói đúng hơn từ sự ra đi của mẹ. Ấu đó cũng là duyên lành, làm món quà tinh thần vô giá cuối cùng mà mẹ đã tặng cho Nguyên.

Lúc mẹ còn sinh tiền, vào mùa báo hiếu, Nguyên không biết cầu an cho mẹ được tăng phước thọ, sống lâu trăm tuổi; điều này cứ làm Nguyên ray rứt ân hận mãi. Để bây giờ khi mẹ mất rồi, Nguyên mới biết hồi hướng những công đức có được để cầu siêu cho mẹ, dù muộn màng chậm trễ nhưng vẫn còn hơn không!

"Cầu xin chư Phật mười phương, chư Đại Bồ Tát từ bi thương xót gia hộ cho hương linh cho mẹ chúng con được siêu sanh Tịnh Độ.

Cám ơn bố mẹ đã sinh ra con.

Cám ơn tất cả những ân tình mà bố mẹ đã cho con từ thương yêu, lo lắng đến khổ đau cũng vì con.

Như con- luôn luôn hành diện là gạch nối yêu thương cuối cùng của bố mẹ".

Mùa Vu Lan Ất Dậu
Hoàng Thị Doãn
 München - ĐQ



An Vui Nơi Đây

(tặng nhà thơ "ba mươi năm viễn xứ")

*Ta đã đứng trên đây bờ duyên áo
 Nhìn đàn người trôi chảy mãi mù khơi
 Một chút thương yêu hướng về bên đó
 Nhỏ giọt hồng cho thấm mát ngàn nơi*

*Hãy tươi vui những cành hoa khô héo
 Nhựa trong cây và lộc nhú mầm xanh
 Đồi dù thế, nhưng ta đừng uỷ mị
 Sống để vui cho trọn kiếp làm người*

*Mai ta ở nơi này hay nơi khác
 Cũng đừng buồn sự cách biệt chia ly
 Đến và Đi là sự thường nhân thế
 Hiểu và Thương là chất liệu Tử Bi*

*Giọt nước Tử bi hận thù dập tắt
 Sóng gió nào cũng chỉ có một khi
 Đùng ôm mãi cõi lòng ta tan nát
 Khối hận ngàn năm đem lại những gì ?*

*Nắng đã vườn hàng cây ôm muôn lá
 Hoa cỏ tươi vui, chim gọi réo vang
 Hãy tiếp xúc để thấy lòng ấm áp
 Tùng nụ xanh đời bao phủ quanh đây*

*Màu nhiệm thay! trong cuộc sống vườn đây
 Đùng xa cách để cõi lòng mù mịt
 Giọt Nước Cành Dưỡng bao giờ tẩy sạch
 Cho hôm nay hay cho mãi ngàn sau ?*

*Thở anh đó, đọc nghe buồn quá đời
 Những ngày xanh xa mất hưởng tưởng lai
 Tuổi về chiều ngày một gần đến lại
 Đốt thời gian trong nhung nhỏ những gì ?*

*Quê hương đó, nơi chốn này cũng vậy
 Sống đừng buồn và chết sẽ an vui !
 Nơi bến đỗ vẫn con thuyền chờ đợi
 Bát Nhà thuyền hay Tịnh Độ nơi đây !*

● **Viên Như**

hiếu thảo



● Đặng Đình Hùng

(Tiếp theo VG số 142)

Sự tiến bộ văn minh của nhân loại ngày nay, đã làm cho nhiều người chạy đua theo sự thụ hưởng vật chất, mà đôi khi không còn thiết tha gì đến luân lý và đạo đức của con người. Ngay cả đến người Á Đông chúng ta, có người còn quan niệm rằng, việc thờ cúng ông bà cha mẹ, không cần phải lập bàn thờ ở nhà, mà nên đưa hình của những người đã khuất vào trong chùa. Hằng ngày hương linh của những người đã khuất, sẽ được nghe kinh kệ và dần dần từ đó, việc thờ cúng, hương hỏa, giỗ quai ông bà, cha mẹ, đôi khi là công việc và bổn phận của chùa chiền.

*Cấp công cha mẹ sinh thành,
Ôn cao nghĩa rộng, thôi đành kiếp sau.*

*Cha mẹ nuôi con bằng trời bằng bể,
Con nuôi cha mẹ con kể từng ngày.*

*Cha mẹ thương con như biển hồ lai láng,
Con nuôi cha mẹ kể tháng kể ngày.
(Con nuôi cha mẹ tính tháng tính ngày)*

*Chết ba năm sống lại một giờ,
Để coi người nghĩa phụng thờ ra sao.*

*Lúc sống thì chẳng cho ăn,
Đến khi chết xuống làm văn tế ruồi.*

*Ngày sau con tế ba bò,
Sao bằng lúc sống con cho lấy chồng.*

*Sống thì chẳng cho ăn nào,
Chết thì cúng giỗ mâm cao cỗ đầy.*

*Sống thời con chẳng cho ăn,
Chết thì xôi thịt làm văn tế ruồi.*

*Thấp nhang cho sáng bàn thờ,
Kéo cha mẹ quở: Không nhờ rế con.*

Có nhiều đứa con ngỗ nghịch, chẳng những không chịu nghe lời cha mẹ, mà chúng còn có những hành động hay những lời nói để làm cho cha mẹ thêm buồn và khổ. Chúng đã quên và phản bội lại công ơn sanh thành, dưỡng dục của cha mẹ. Phải chăng đó là cái nhân mà chúng đã gieo ở kiếp này và cái quả mà chúng sẽ phải trả ở kiếp sau.

Tục ngữ ta có câu:

Dưỡng nam bất giáo như dưỡng lư, Dưỡng nữ bất giáo như dưỡng trư.

Có nghĩa là:

Nuôi đứa con trai hủ hổng, vô giáo dục, thì chẳng khác nào như nuôi một con lử. Nuôi một đứa con gái hủ hổng, vô giáo dục, thì chẳng khác nào như nuôi một con heo.

Con cút cụt đuôi, ai nuôi mày lồn ?

- Dạ thưa bà, con lồn mình ên.

(- Dạ thưa thầy con lồn mình con)

Mẹ già hết gạo treo niêu,

Mà anh khăn đỏ khăn điều vắt vai.

Niêu: Cái nồi nhỏ.

Trách cha trách mẹ tôi nay,

Sinh tôi sao chẳng chọn ngày mà sinh.

Xưa kia ai cấm duyên bà,

Bây giờ bà già bà cấm duyên tôi.

Những đứa con bất hiếu, chúng đã nghĩ rằng hành động của chúng là đúng, vì chúng chưa bị tấu tai bởi những lời lên án của xã hội:

*Giở tay với chẳng khỏi đầu,
Con người bí ối ai cầu làm chi.*

*Loài người đạo thảo không rành,
Sánh loài cầm thú khác mình bao nhiêu .
(Ví loài cầm thú khác mình bao nhiêu)*

Người cha là trụ cột trong gia đình, vì người cha phải làm lụng cực khổ để kiếm tiền lo cho sự sống của gia đình, nên ít khi được gần gũi con cái cho bằng người mẹ. Nhưng bổn phận làm con phải biết thương cha, phải lo đền đáp công ơn sanh thành của cha, vì không có cha làm sao con cái được lớn khôn.

Thật đáng thương thay cho số phận của những đứa con ngoan hiền, dễ thương, lại bị chiến tranh vô tình cướp mất đi người cha thân yêu từ thuở mới chào đời. Có trong trường hợp bị mồ côi cha, mới biết thiếu bóng người cha, là thiếu đi khoảng hạnh phúc to lớn trong cuộc đời: "Con có cha như nhà có nóc"

Bạc bầy đầu sánh vàng muối,
Mồ côi đầu sánh bằng người có cha.

Cau non khéo bửa cũng giầy,
Trầu têm cánh phụng cho thầy ăn đêm.

Thầy : Ở câu ca dao trên có nghĩa là cha.

Còn cha gót đỏ như son,
Đến khi cha chết gót con như bùn.
(Đến khi cha thác gót con như bùn)

Còn cha nhiều kẻ yêu vì,
Một mai cha thác ai thì yêu con ?

Gió Bắc lạnh lùng mưa rung lá hẹ,
Cảm thương người có mẹ không cha.

Gió Bắc: Gió lạnh thổi vào mùa đông.

Gió đùng đùng mưa rung lá hẹ,
Cảm thương người có mẹ không cha.

Mưa lâm râm ướt nhăm lá hẹ,
Em thương người có mẹ không cha.

Thú nhất thì giết mất cha,
Thú nhì buồn vãi, thú ba ngược đò.

Buôn vãi : Sự buồn bán trên bộ, phải gánh gồng nhọc nhằn.

Đau thương thay cho những đứa con thật xấu số, bị mất đi người mẹ hiền thân yêu. Mất mẹ là mất đi tất cả những gì cao quý nhất trong cuộc đời: "Mồ côi cha ăn cơm với cá, mồ côi mẹ lót lá nằm đống". Tạo hóa đã đặt cho người mẹ chẳng những chỉ có sự mang nặng đẻ đau, mà còn có sự khéo léo để nuôi con, còn người cha thì nuôi con rất là vụng về: "Cha sanh chẳng tày mẹ đống".

Những ai còn mẹ, tức là còn được cái diễm phúc thật quý giá nhất trong đời, phải cố gắng gìn giữ lấy, đừng ham chạy đuổi theo những ảo tưởng quá xa ngoài tầm tay. Lỡ một mai người mẹ hiền chết đi, phải sống trong cảnh mồ côi mẹ, lúc đó dù có hối hận cũng đã muộn màng: "Con có mẹ như măng ấp bẹ".

Đối với những đứa con ngộ nghịch có thể chửi mẹ hay bỏ mẹ, nhưng không có người mẹ nào đành nỡ bỏ con mình, mẹ vẫn ngậm đắng nuốt cay, chịu đựng tất cả, không một lời than trách gì với con: "Con lên ba con chửi mẹ cưỡi, Con lên mười con chửi mẹ khóc".

Ba tiền một khứa cá buôi,
Cũng mua cho được mà nuôi mẹ già.

Tiền: Đơn vị tiền tệ cũ ngày xưa. 1 Tiền bằng 60 đồng tiền kẽm, bằng 1/10 của một Quan xưa và bằng 2 đồng xu (2/100 đồng bạc của ngân hàng Đông Dương) thời Pháp thuộc.

Cá Buôi: Tên của một loại cá có hình dạng giống như cá Chép, sống ở những vùng nước ngọt, thịt hiền và rất thơm ngon.

Cây khô chứa để mọc chồi,
Mẹ già chứa để ỏ đỏi với con.

Chiều chiều xách giỏ hái rau,
Ngó lên má mẹ ruột đau như dằm.

Đói lòng ăn bát cháo môn,
Để cơm nuôi mẹ cho tròn hiếu trung.

Đói lòng ăn hột chà là,
Để cơm nuôi mẹ, mẹ già yếu răng.

Chà là: Loại cây rất cao đến khoảng hơn 10 thước, trái tròn, dài, hột cứng, vỏ mỏng, có vị ngọt.

Lên chùa thấy Phật muốn tu,
Về nhà thấy mẹ công phu chứa đền.

Công phu: Công việc cực nhọc, khó khăn, tỉ mỉ; lễ Phật ở trong chùa vào buổi sáng sớm và lúc xế chiều.

Mẹ già như chuối chín cây,
Gió đưa trái rụng con rày mồ côi.

Mẹ già như chuối già hưởng,
Như xôi nếp mật như đường mía lau.

Chuối già hưởng: Giống chuối có hương vị thơm ngon và ngọt hơn các giống chuối khác.

Mía lau: Tên của giống mía có thân nhỏ bằng khoảng ngón tay; thường dùng để nấu chung với rễ tranh, đường phèn làm nước mát uống.

Mẹ già ở chốn lều tranh,
Đói no chẳng biết rách lành chẳng hay.

Mẹ già ở tấm lều tranh,
Sớm thăm tối viếng mỗi đàn dạ con.

Ngồi buồn nhỏ mẹ ta xưa,
Miệng nhai cơm búng, lưỡi lửa cá xướng.

Cơm búng: Cơm được người mẹ nhai trong miệng cho nhuyễn trước khi đút cho trẻ con ăn.

Tôm càng lột vỏ bỏ đuôi,
Giã gạo cho trắng mà nuôi mẹ già.

Tôm càng: Tên của một loại tôm có thân hình lớn, càng to và dài; thịt ăn rất ngon.

Tôm rần bóc vỏ bỏ đuôi,
Gạo thơm nàng Quốc anh nuôi mẹ già.

Gạo thơm nàng Quốc: Tên của một giống lúa thơm ngon trồng ở vùng An Giang.

Trời mưa cho ướt lá dứa,
Cho tưới lá cải, cho vữa lòng em.
Cho em hái đợt rau dền,
Nấu tô canh nắm dâng lên mẹ già.

Vắng nghe chim vịt kêu chiều,
Bâng khuâng nhớ mẹ chín chiều ruột đau.

Trong hoàn cảnh góa vợ, người chồng phải vừa lo làm lụng vất vả để kiếm tiền nuôi con, lại còn phải lo săn sóc đàn con. Phần nhiều thì người đàn ông không thể chịu đựng được lâu dài cái cảnh: "Gà trống nuôi con", nên phải lấy thêm vợ thứ để có người đàn bà lo cho con cái. Nếu người cha tìm được một hạnh phúc mới, thì những đứa con bị mồ côi mẹ cũng bắt đầu sống với một xót xa mới: "Con ai người ấy xót".

Có trong hoàn cảnh mồ côi mẹ và phải sống với dì ghẻ, mới biết rằng không ai thương mình bao la cho bằng mẹ ruột của mình. Lúc đó mới biết thương mẹ hiền, người đã mang nặng đẻ đau, đã sanh ra mình và đã chịu đựng mọi đau khổ, không một lời than vãn để lo cho con được đến ngày khôn lớn: "Cây không trồng không tiếc, con không đẻ không thương".

Nếu những ai có đọc qua tác phẩm "Thoát Ly" của Khải Hưng, chắc chắn sẽ thương hại cho số phận hẩm hiu của Hồng, một cô gái bị mồ côi mẹ, đang ở vào lứa tuổi mới lớn, nhưng những mộng đẹp của tương lai bị khóa kín bởi một thảm trạng gia đình "mẹ ghẻ con chồng".

Những ngày nong thả sống chung với gia đình của người chị ruột là Hào và được bên cạnh người bạn học là Nga ở Hà Nội, Hồng như con chim nhỏ vừa mới được xổ lồng. Tuy thời gian quá ngắn ngủi, nhưng Hồng cũng tìm được hạnh phúc nho nhỏ bên tình thương của người chị ruột, để bù đắp cho những ngày dài đọa đày trong địa ngục của gia đình, bên cạnh người dì ghẻ độc ác.

Hình ảnh người mẹ hiền bị đánh vào ngực đến phải lâm bệnh rồi chết, đã in sâu vào ký ức của Hồng. Vì nàng thương người mẹ hiền đã khuất, thương người cha ruột còn sống, nên nàng phải chịu đựng đủ mọi sự hành hạ, mọi thủ đoạn độc ác của người dì ghẻ. Nàng phải cắn răng chịu đựng, vì nàng còn nuôi niềm hy vọng, sẽ có một ngày được "thoát ly" khỏi sự hành hạ của người dì ghẻ. Trong lúc lâm bệnh nặng, Hồng đã cố nói hai tiếng "thoát ly" sau cùng, để rồi nàng được tự toại nguyện, thoát khỏi cái địa ngục của gia đình.

Cái thảm trạng "mẹ ghẻ con chồng" một mặt bị lên án, một mặt lại được dung dưỡng mà mãi cho đến ngày nay, ở xã hội Việt Nam vẫn còn tồn tại. Nói đến "mẹ ghẻ con chồng" là phải nghĩ ngay đến sự đau khổ của những đứa trẻ bị mồ côi mẹ, chúng chẳng khác nào như cái sọt rác, mà người mẹ ghẻ cùng với những đứa em một cha khác mẹ, luôn vút vào đó những thứ cay đắng, ác nghiệt...

Gió đưa bụi trúc ngã quỳ,
Thương cha phải chịu lụy dì, dì ỏi.

Mấy đời bánh đúc có xương,

Mấy đời dì ghẻ lại thương con chồng.

Mấy đời sấm trước có mưa,
Mấy đời dì ghẻ có ủa con chồng.

Mẹ gà con vịt chít chiu,
Mấy đời dì ghẻ nâng niu con chồng.

Ở các nước Âu Mỹ, mà điển hình như ở Đức, những đứa trẻ mồ côi được may mắn sống trong các gia đình cha mẹ nuôi là người Đức, chúng được săn sóc, cung chiều chẳng khác nào như con ruột. Nhất là được làm con nuôi trong các gia đình người Đức hiếm muộn, đôi khi chúng con được cha mẹ nuôi, nuôi dưỡng và chăm sóc chẳng khác nào như cha mẹ ruột.

Thật đáng thương thay cho những đứa trẻ mồ côi ở Việt Nam, phần nhiều chúng đã bị chiến tranh cướp mất đi cha mẹ thân yêu. Nếu còn có bà con thân thuộc, thì may ra chúng sẽ còn có nơi để nương tựa, không thì chúng phải sống nhờ vào lòng tốt của tình bà con láng giềng: "Nhất cận thân, nhì cận lân". Nhiều đứa trẻ phải bơ vơ, tự lo tạo lập lấy cuộc sống, tự lo liệu lấy tương lai, rồi những lúc bệnh đau cũng phải một mình tự lo săn sóc lấy. Xã hội tuy rộng lớn, đông người, nhưng không có ai dư thừa tình thương để bố thí cho những kẻ thật khốn cùng, đó là những đứa trẻ bị người ta gán cho cái tên: Trẻ bụi đời!

Khi đọc qua bài "Nỗi đau quê hương tôi" của Diệu Nguyên, đăng trong báo Viên Giác số 111, trang 92-93, phát hành tháng 6 năm 1999, tôi cảm thấy sức tưởng tượng của tôi nhỏ bé hơn sự đau khổ thực tế của đứa nhỏ trong câu chuyện, một câu chuyện có thật, nhưng không phải do chiến tranh tạo ra, mà là do thiên tai. Mới khoảng bảy tám tuổi, cha và nhà cửa bị nước cuốn trôi, không có bà con thân thuộc, đứa em ở với người mẹ bị bệnh nằm trong nhà thương, không tiền mua thuốc lo cho mẹ, hai anh em phải chịu đói suốt hai ngày...

Nếu lỡ như mẹ đứa bé qua đời, thì với số tuổi "hì mũi chưa sạch", làm sao mà nó có thể tự lo được gì cho thân nó, rồi thêm em của nó? Chúng sẽ bơ vơ giữa chợ đời... Bao nhiêu đó chắc cũng đủ để cho những đứa con ngộ nghịch kịp thời lo ăn năn hối cải, sớm quay trở về với mái ấm gia đình, lo phụng dưỡng mẹ cha và lo đền đáp công ơn sanh thành dưỡng dục:

Có cha có mẹ thì hôn,
Không cha không mẹ như đờn đứt dây.

Con vượn bồng con lên non hái trái,
Anh cảm thương nàng phận gái mồ côi.

Chí công thương kẻ mồ côi,
Như bèo cạn nước biết trôi ngã nào.

Mất cha con sống u ồ,
Mất mẹ con sống bỏ vỏ một mình.

Nước chảy ra thương cha nhỏ mẹ,
Nước chảy vào thương kẻ mồ côi.

Mồ côi ba thú mồ côi,
Thú ăn bát sứt, thú ngồi chiếu manh.

Bát sứt: Chén, tô bể.

Chiếu manh: Chiếu rách; chiếu loại xấu nhất đan bằng lác vụn.

*Thân em như lọ hỏng trầm,
Không cha không mẹ muôn phần cậy anh.*

Theo lời dạy của Ngài Mạnh Tử (Mạnh Kha 372 - 289 trước Thiên Chúa giáo), có ba tội bị coi là bất hiếu, mà tội bị xem nặng nhất, là không có con trai để nối dõi tông đường: "*Bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại*". Ba tội bị coi là bất hiếu:

- Cha mẹ sống không phụng dưỡng,
- Cha mẹ chết làm nhục tới vong linh các người,
- Không có con nối dõi tông đường.

Người Việt Nam chúng ta thờ phụng ông bà tổ tiên. Theo quan niệm của cổ nhân, thì bốn phận thờ cúng ông bà tổ tiên, là phải do chính con cháu mang cùng chung huyết thống với những người đã khuất đảm đang.

Một câu chuyện có thật đã xảy ra tại Mỹ Tho trước đây khoảng vài năm, mà có lẽ những vị nào có thân nhân sống ở Mỹ Tho chắc đã được nghe qua. Khi người vợ sanh đứa con đầu lòng là gái, người chồng lấy xe đạp chở vợ và con từ bệnh viện về nhà, sau đó người chồng không hề săn sóc hay ngó ngàng gì đến đứa nhỏ. Đến khi sanh đứa thứ nhì cũng là gái, người chồng cũng hất hủi vợ và con y như lần trước. Nhưng khi người vợ sanh đứa con thứ ba là trai, người chồng thuê xe xích lô đưa vợ con về nhà và ở nhà, đứa con trai được người chồng yêu thương và được săn sóc thật chu đáo.

Ngày xưa, theo quan niệm của cổ nhân: "*Thú nhứt để con trai, thú hai để ông Nghè*", vì lễ do mà sau khi lấy nhau, đôi vợ chồng nào cũng đều mong muốn sinh được đứa con trai đầu lòng, trước là để nối dõi tông đường, sau là để có người lo phần hương khói bàn thờ ông bà: "*Trưởng nam nào có gì đâu, Một trăm cái giỏ để đầu trưởng nam*".

Trong gia đình, người con gái cũng có thể lo việc phụng thờ tổ tiên. Nhưng ở vào xã hội xưa, cổ nhân cho rằng, con gái thuộc bên ngoại, không phải là người nối dõi tông đường: "*Nữ sanh ngoại tộc*". Sau này khi có con, chúng sẽ mang họ ngoại. Theo quan niệm của cổ nhân, những người thuộc họ ngoại mà lo việc hương hỏa, sẽ làm cho hương linh của người đã khuất, không thể về phối hưởng được:

*Cồng cọc bắt cá dưới sông,
Mấy đời cháu ngoại giỏ ông bao giờ.*

Cồng cọc: Tên của một loại chim có lông đen, cẳng cao, phía dưới dạ mỏ có cái bọc; sống ở những nơi có nước như: ao, sông, rạch... để bắt cá ăn.

(Còn tiếp)

Nhớ nhà Mẹ

Tặng các Tân khoa và tốt nghiệp Đại Học.



Mẹ, mẹ là người con yêu bậc nhất!
Mẹ cho con trọn hết cả kiếp người
Từ trong bụng mẹ đến lúc chào đời
Con khôn lớn trong vòng nôi của mẹ
Dòng sữa ngọt chất chiu cho con trẻ
Bên khô cho bé, bên ướt mẹ nằm.

Nhà mình quá nghèo, cơm không đủ ăn!
Cha đi lính, rồi lâu năm bị cải tạo.
Lặn lội thân cò, mẹ chạy từng lon gạo
Phần thăm nuôi chồng,
Phần rau cháo nuôi con.
Làm than cơ cực, lòng mẹ vẫn sắt son!
Thay chồng nuôi con đến ngày khôn lớn.

Mẹ vỗ về khuyên lơn con khuya sớm
Con ơi! Nên nhớ lời này:
*Cơm cha, áo mẹ, chữ thầy
Lo sao đẹp mặt nở mày mẹ cha,
Học đặng như gấm thêu hoa,
Có văn, có chất mới ra con người!*

Không học người cười. Cuộc đời khốn đốn!
Phải ráng học! Học đến nơi đến chốn!
Quê hương, gia đình, cuộc sống điểm trang.

Ngày tốt nghiệp áo mào thên thang
Mẹ nhìn con như cánh diều bay bổng!
Sân trường Đại Học dường như không đủ rộng
Cho con cất cánh! Cho lòng mẹ chơi với!
Mẹ! Mẹ ơi! Con yêu mẹ nhất đời!

*Còn mẹ còn tất cả
Mất mẹ con biết ngã về đâu?
Từ bây giờ hay mãi mãi về sau
Mẹ vẫn giữ vẫn giành ngôi bá chủ!*

Bửu Truyền (5/2005)



Tình Mẹ trong thi ca

● Nguyễn Quý Đại

(Kính dâng một bông hồng tưởng nhớ Mẹ)

Mẹ mang nặng đẻ đau, rồi lo cho con từ bé đến ngày lớn khôn. Chúa Kitô, Phật Thích Ca... là những người con tâm linh của Thượng Đế cũng chào đời trong vòng tay của Mẹ và nghe lời ru ả ời ngọt ngào bên chiếc nôi nhỏ bé. Tình mẹ là biểu tượng thiêng liêng cao đẹp nhất, truyền thống thờ mẹ kính cha đã in sâu vào tâm hồn của người dân Việt và văn hóa dân tộc Việt Nam.

Ca dao so sánh công cha cao như núi, để thể hiện sự tôn kính Cha là cột trụ trong gia đình, nghĩa Mẹ như nước trong nguồn bất tận. Nước âm thầm chảy qua bao nhiêu ghềnh thác rồi trôi về biển cả, sánh nghĩa Mẹ với nước trong nguồn phù hợp với sự tận tụy dưỡng nuôi, yêu thương con không bờ bến... Người Tây phương thường gọi Vaterland / Fatherland để chỉ quê cha, người Việt Nam mình gọi quê Cha, đất Tổ, và quê Mẹ, đất Mẹ, tiếng Mẹ đẻ. Để tôn vinh công ơn sinh thành, dưỡng dục của cha mẹ, ca dao có câu :

*Công cha như núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.*

Tình yêu của cha cũng bao la, tha thiết lo lắng cho con nên người, nhưng sâu kín trong lòng, không như mẹ bộc lộ tình cảm bằng những cử chỉ vuốt ve, âu yếm, nên các con thường gần gũi mẹ hơn cha. Những vui buồn trong đời sống các con thường thì thầm bày tỏ với mẹ. Lỡ như mẹ không đồng ý thì mẹ cũng không la rầy hay phê phán nghiêm khắc như cha. Nhìn bên ngoài tình cha có vẻ khô cứng, thiếu mềm mại; không thể sánh với tình mẹ ôn nhu, dịu dàng tha thiết như trong nhạc phẩm **Lòng Mẹ** của Y Vân:

*Lòng mẹ bao la như biển Thái Bình rạt rào
Tình mẹ tha thiết như dòng suối hiền ngọt ngào
Lời mẹ êm ái như đồng lúa chiều rì rào
Tiếng ru bên thềm trăng tà soi bóng mẹ yêu.*

*Lòng mẹ thương con như vầng trăng tròn mùa thu
Tình mẹ yêu mến như làn gió đùa mặt hồ*

*Lời ru man mác êm như sáo diều dật dờ
Nắng mưa sớm chiều vui cùng tiếng hát trẻ thơ*

*Thương con thao thức bao đêm trường
Con đà yên giấc mẹ hiền vui sướng biết bao
Thương con khuya sớm bao tháng ngày.
Lặn lội gieo neo nuôi con tới ngày lớn khôn*

*Dù cho mưa gió không quản thân gầy mẹ hiền.
Một sương hai nắng cho bạc mái đầu buồn phiền
Ngày đêm sớm tối vui cùng con nhỏ một niềm
Tiếng ru êm đềm mẹ hiền năm tháng triền miên....*

Những ai may mắn còn mẹ, được cài lên áo hoa hồng đỏ để thấy đời mình còn diễm phúc vui tươi. Đã mất mẹ không bao giờ tìm lại được tình yêu bao la, tha thiết ấy. Nếu ta đứng hàng giờ trước ngôi mộ đá rêu phong, đặt những đóa hoa tươi, đốt nén nhang thơm chỉ là phần hình thức, lễ nghi... Kỷ niệm những ngày dài hạnh phúc tuổi thơ mình đã sống trong mái ấm gia đình với tình yêu thương của cha mẹ đã đi vào thế giới xa xôi...

*Gió mùa thu mẹ ru con ngủ
Năm canh chày thức đủ năm canh
Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa
Miệng nhai cơm búng, lưỡi lừa cá xương.
(Ca dao)*

Cuộc đời 30.4.1975 không ai ngờ những gì đã xảy ra? Nhiều người đã không làm tròn bổn phận phụng dưỡng mẹ già, ngược lại mẹ phải tảo tần nuôi con, nuôi cháu, thăm con trong trại cải tạo trên núi rừng, qua những đường dài hoang vắng, hiểm nguy. Tuổi già ngày tháng sức khỏe hao mòn, lúc ốm đau cho đến lúc ra đi vĩnh viễn về bên kia thế giới, không gặp các con trai của mẹ !! Tình yêu của mẹ như những vì sao trên trời không đếm được trong muôn ngàn thiên thể mệnh mông. Thiếu tình mẹ như bầu trời thiếu ánh sao đêm!! Trịnh Công Sơn nhắc đến gia tài của Mẹ Việt Nam, một người Mẹ Việt Nam làm lụi, mất mát sau chiến tranh, nhưng đó cũng là hình ảnh thảm thương, đau khổ của cả một dân tộc sau cơn binh đao, khói lửa... Con người Việt Nam đã kiệt quệ, xác xơ sau mỗi lần chinh chiến.

*Một ngàn năm nô lệ giặc Tàu
Một trăm năm đô hộ giặc Tây
20 mười năm nội chiến từng ngày
Gia tài của mẹ, một rừng xương khô
Già tài của mẹ, một núi đầy mồ*

Vào ngày Rằm tháng bảy là lễ Vu Lan Bồn (Ullambana) theo kinh điển Tôn giả Mục Kiền Liên, lo cứu mẹ là bà Thanh Đề thoát khỏi cảnh khổ ở địa ngục. Và cầu nguyện cho chúng sinh được siêu thoát, khỏi vòng sinh tử luân hồi. Trong ngày lễ này người ta thường cài lên áo một đóa hoa hồng hay hoa cẩm chướng màu đỏ hay hoa màu trắng để tưởng nhớ đến Mẹ hiền. Người được hoa trắng sẽ thấy xót xa, nhớ thương mẹ đã mất. Người được hoa hồng đỏ sẽ thấy sung sướng mình còn mẹ, và sẽ cố gắng để làm vui lòng mẹ, một ngày nào đó mẹ cũng phải ra đi theo luật tạo hóa „cát bụi trở về với cát bụi“ khỏi hồi hận lúc còn tại thế không làm tròn bổn

phận và hiếu thảo. Thiền sư Thích Nhất Hạnh làm bài thơ bông hồng cài áo. Phạm Thế Mỹ phổ nhạc

*Một bông hồng cho em
Một bông hồng cho anh
Và một bông hồng cho những ai
Cho những ai đang còn mẹ
Đang còn mẹ để lòng vui sướng hơn
Rủi mai này mẹ hiền có mất đi
Như đoá hoa không mặt trời
Như trẻ thơ không nụ cười
Ngỡ đời mình không lớn khôn thêm
Như bầu trời thiếu ánh sao đêm*

*Mẹ, mẹ là dòng suối dịu hiền
Mẹ, mẹ là bài hát thần tiên
Là bóng mát trên cao
Là mắt sáng hơn sao
Là ánh đuốc trong đêm khi lạc lối*

*Mẹ, mẹ là lọn mía ngọt ngào
Mẹ, mẹ là nải chuối buồng cau
Là tiếng dế đêm thâu
Là nắng ấm nương dâu
Là vốn liếng yêu thương cho cuộc đời*

Rồi một chiều nào đó anh về nhìn mẹ yêu, nhìn thật lâu

Rồi nói, nói với mẹ rằng "Mẹ ơi, Mẹ ơi, mẹ có biết hay không?"

-Biết gì? Biết là, biết là con thương mẹ không?..

*Đóa hoa màu hồng vừa cài lên áo đó anh
Đóa hoa màu hồng vừa cài lên áo đó em
Thì xin anh, thì xin em
Hãy cùng tôi vui sướng đi...*

Đời sống người Việt Nam khác với người Tây phương, ở Việt Nam cha mẹ con, cháu thường sống chung trong một đại gia đình, dù nghèo hay giàu gia đình lúc nào cũng sống bên nhau, nên không cần dành một ngày nào riêng cho Mẹ ? Mỗi năm vào lễ Vu Lan nhắc nhở các con nhớ ngày tình yêu cao cả của mẹ, nhà thơ Tuy Anh trong những ngày xa quê hương mang nỗi buồn mênh mông ngút ngàn thương nhớ:

*Bài „Bông hồng cài áo"
Mỗi năm nghe một lần
Mỗi lần thêm nhức nhối
Như xé nát tim gan...
Tuy Anh (trong tập Trầm Ngải Thiết Tha)*

Hình ảnh về Mẹ còn mãi trong lòng, nên thi nhân đã gửi tâm sự mình qua những vần thơ ngọt ngào, và chỉ biết nhắn gửi các em cắt dâng mẹ một cành hồng tươi hương sắc:

*Hắn em tôi còn nhớ
Cắt dâng mẹ cành hồng
Từ vườn hoa đầu ngõ
Vẫn ngọt ngào đơm bông
Hoa thay lòng tưởng nhớ
Của đứa con phiêu bồng
Hoa thay dòng lệ nhỏ
Thương nhớ mẹ vô cùng
Tuỳ Anh trong tập Trầm ngải thiết tha*

Đời sống Tây phương cha mẹ dù tuổi già nặng nề nhưng vẫn sống riêng. Con cháu bận rộn công việc nhưng hằng năm đều có ngày tưởng nhớ ghi ơn mẹ. Sau lễ Phục Sinh 20 ngày tính từ Lễ Tro vào ngày thứ Tư tuần Thánh, có thánh lễ vinh danh Mẹ. Ở Đức thường tổ chức ngày lễ Mẹ vào Chúa nhật (Mothering Sunday) thứ 2 tháng 5, Âu Châu nhiều nước cũng tổ chức cùng thời gian trên.

Theo lịch sử truyền thống ngày lễ của Mẹ ở Hoa Kỳ (theo cuốn American Book of Days) có trước thời gian nội chiến (Civil war) vào năm 1872 người đầu tiên đưa đề nghị ngày tưởng nhớ tình mẹ tại Boston Massachusetts là bà Julia Ward Howe đã vận động chọn ngày Chúa nhật thứ 2 tháng 5 và khởi đầu cài hoa cẩm chướng (Carnation, Nelke, Oeillet) để tưởng nhớ mẹ, hoa cẩm chướng biểu tượng cho người mẹ là loài hoa nở quanh năm, cánh hoa mỏng và thoảng hương thơm nhẹ.

Mãi cho đến năm 1907 bà Anna Jarvis (01.05.1864) ở Webster bắt đầu cổ động thêm cho ngày của mẹ ở Philadelphia, hai năm sau vào ngày 10.5.1908 sau khi mẹ của bà là Anna Reese Jarvis qua đời vào ngày 09.5.1907. Tại nhà thờ ở Grafton (West Virginia) và Philadelphia cử hành thánh lễ cho ngày vinh danh mẹ. Từ đó ngày của mẹ được lan rộng ra tại Hoa Kỳ và thế giới. Nhưng mãi đến năm 1910 ở tiểu bang West Virginia mới công nhận ngày dành để tưởng nhớ về mẹ, sau đó các tiểu bang Oklahoma, Washington, Alabama, Texas hưởng ứng. Mãi cho đến ngày 09.5.1914 Tổng thống thứ 28 Thomas Woodrow Wilson (1856-1924) ký quyết định chung thông qua Quốc Hội công báo ngày „ Mother's Day, là ngày quốc lễ của Hoa Kỳ vào Chúa Nhật thứ 2 tháng 5.

Ở Việt Nam không có một ngày riêng cho cha mẹ, nhưng theo truyền thống lâu đời, hằng năm có ngày giỗ để kính nhớ người đã mất trong đó có ngày cho mẹ cho cha.

Riêng ở Pháp năm 1917 tại Paris tổ chức lễ Mẹ cho những gia đình đông con, nhưng lễ Mẹ chính thức công báo vào ngày 20.4.1926. Anh Quốc từ năm 1910 gọi là ngày Mother's Day / Mutter Tag, nhà thờ có Thánh lễ tạ ơn để tưởng nhớ và vinh danh Mẹ hiền vào Chúa Nhật IV mùa chay. Ở Á Căn Đình thì vào Chúa Nhật thứ 2 tháng 10.

*Dâng mẹ đôi tim nhỏ
Dâng mẹ tình yêu lên ngôi
Dâng mẹ cuộc sống tương lai...
(Tình hồng dâng Mẹ của Văn Chi)*

*Mẹ vẫn ngồi đan một nỗi buồn
Bên đời gió tạt với mưa tuôn
Con đi góp lá nghìn phương lại
Đốt lửa cho đời tan khói sương*

*Tiếng mẹ nghe như tiếng nghẹn-ngào
Tiếng Người hay chỉ tiếng chiêm-bao
Mẹ xa xôi quá làm sao với
Biết đến bao giờ trông thấy nhau
(Trần Trung Đạo)*

Thời gian trôi qua không đợi chờ, đã 30 năm chúng ta xa xứ để rồi xót xa thân phận kiếp sống lưu vong. Những lúc nhớ về tình mẹ thật lớn lao.

Tình mẹ là gốc của mọi tình cảm thương yêu. Không có mẹ sẽ thiếu tất cả tình yêu trên cõi đời này:

*Bàn tay chặt chiu vô vàn yêu thương
Mẹ như lá hoa thơm vườn nhân ái
Tình quê hương vương vấn bước chân phiêu bồng
Lặng sâu trong tiếng ru dịu êm
Lời buồn ru ca dao hôm nào vọng vang
Mẹ đắng cay trong thẳm lặng đếm hư không
Niềm thương quê tề tái trái tim u hoài
Xót xa thương thân phận lưu vong
(Vương Ngọc Long)*

Ước mơ ngày về thăm mẹ đã vĩnh viễn không bao giờ đến, bởi vì trong ngày tưởng nhớ mẹ, thi sĩ Tù Anh đã cài hoa màu trắng. Mẹ đã rời bỏ quê hương nhọc nhằn sau cuộc đời, con cháu phân ly, nỗi buồn anh cũng là nỗi chung của chúng ta khi rời bỏ quê hương vương vấn tình mẹ:

*Mẹ ơi con mẹ chưa về
Bao năm lưu lạc bên
lề cuộc vui
Tiếng cười không giấu
ngậm ngùi
Tiếng vui tắt nghẹn
bên đời buồn tênh..
Tù Anh (trong thi
tập Khúc Hát Tiêu Dao)*

Không có tình yêu nào có thể sánh với tình mẹ, thi sĩ Trường Đình ví tình yêu mẹ là những tháng ngày cần thiết của đời người, Mẹ là ánh sáng là giọt sương mai, là tiếng chim hót trên cành buổi sáng:

*Mẹ là mùa xuân trên
cánh chim bay
Mẹ là mùa đông tóc bạc như mây
Mẹ là mùa thu, niềm đau gió cát
Mẹ là mưa hạ, hạt nhòa nắng cay*

*Mẹ là trời xanh cho nắng vươn cao
Mẹ là biển đông sóng gọi xô xao*

*Mẹ là bình nguyên tình yêu bát ngát
Mẹ là ngân hà, lòng mẹ bao la ...
(Trường Đình)*

Tâm trạng của các thi nhân đều nhạy cảm, nhà thơ Vương Ngọc Long đã không giấu được ngậm ngùi, nỗi nhớ về mẹ thiết tha. Mẹ và quê hương là những kỳ quan tuyệt thế đã trở thành thiêng liêng, nhiệm mầu muôn thuở. Lúc con ốm đau sốt, khóc la thì mẹ đã chạy tới bên nôi ru con, hay bỗng bế đầu đêm. Mẹ như một thiên thần dịu hiền:

*Con đau mẹ thức đủ năm canh
Vỗ nhẹ ru con giấc mộng lành
Đãi nắng dầm mưa công dưỡng dục
Banh da xẻ thịt nghĩa sinh thành*

*Con, thân mắng dạy, nương bờ đậu
Mẹ, bóng tre gầy, phủ mái xanh
Mẹ dắt con qua vườn Đạo Hạnh
Bông hoa Tử Mẫu nở muôn cành
Mẹ đem huyền thoại ru tình núi sông*

*Nước mắt mẹ có còn không?
Hay đã cạn mất trong lòng suối khô ?
Mẹ ân tình vẫn nguyên sơ
Bụi trần luân chẳng hoen mờ vết son
Bình nhiên như cánh sen non
Thơm tâm tử lượng ngát hồn đại quang
(Vương Ngọc Long)*

Kho tàng thi ca bình dân, cũng như những nhạc phẩm thời đại. Ca tụng những lời như ngàn đời nhớ ơn mẹ, bởi vì mẹ đã cho các con hành trang lên đường, thành công với tràn đầy ước mong. Đối với cha mẹ, các con phải lấy chữ hiếu làm đầu, phụng dưỡng cha mẹ cho phải đạo làm người:

*Nuôi con khó nhọc đến
giờ,
Trường thành, con phải
biết thờ hai thân*

Con cháu hiếu thảo phụng dưỡng ông bà, cha mẹ, để an ủi Người chỉ một phần nhỏ bé tình cảm, sự hy sinh của cha mẹ thật mệnh mông vô tận:

*Ơn cha nặng lắm ai ơi
Nghĩa mẹ bằng trời, chín
tháng cưu mang*

*Ơn cha, nghĩa mẹ nặng triu
Ra công báo đáp, ít nhiều phận con*

Hay

*Mẹ cha là biển, là trời
Làm sao con dám cãi lời mẹ cha.
Thương mẹ, nhớ cha như kim châm vào da,
Nghĩ đến chùng nào, lụy hạ tuôn rơi
Một mai gặt lúa đem về,
Thờ cha, kính mẹ nhiều bề hiếu trung
Bao giờ cho cá hóa long
Đền ơn cha mẹ ẵm bồng ngày xưa*

Tình mẹ như hơi thở, sưởi ấm lòng các con trong những ngày xa quê hương. Trên bước chân phiêu giạt xứ người, thời gian âm thầm trôi qua những tháng ngày phiêu muộn nhớ thương, tưởng nhớ về Mẹ, từ trái tim và nước mắt các con xin dâng lên Mẹ những lời cầu nguyện trân trọng nhất. Công cha nghĩa mẹ thật bao la tình sâu nghĩa nặng, các dân tộc trên thế giới dù khác nhau Tôn giáo, nhưng đều có ngày tôn vinh mẹ dưới nhiều hình thức khác nhau, để nhắc nhở đến công ơn sinh thành dưỡng dục. •



Nội



● Tiểu Tử

- Nội xuống kia!
- Nội xuống! Ê! Nội xuống!
- Nội xuống!

Bầy con tôi reo mừng, chạy ủa ra ngõ. Ngoài đó, tiếng xích-lô máy cũng vừa tắt.

Trong buồng, vợ tôi gom vội mấy giấy tờ hồ sơ nhét vào xách tay, nhìn tôi, im lặng. Tôi hiểu: Bà già xuống như vậy, làm sao giấu được chuyện tôi và hai đứa lớn sẽ vượt biên? Sáng sớm mai là đi rồi ...

Tôi choàng tay ôm vai vợ tôi, siết nhẹ:

- Không sao đâu. Để anh lựa lúc nói chuyện đó với má.

Khi vợ chồng tôi bước ra hiên nhà thì bầy nhỏ cũng vừa vào tới sân. Đứa xách giỏ, đứa xách bao, đứa ôm gói, hí hửng vui mừng. Bởi vì mỗi lần bà nội chúng nó từ Gò Dầu xuống thăm đều có mang theo rất nhiều đồ ăn, bánh trái thịt thà... Những ngày sau đó, mâm cơm dưa muối thường ngày được thay thế bằng những món ăn do tay bà nội tụi nó nấu nướng nêm-nếm. Nhờ vậy, mấy bữa cơm có cái phong vị của ngày xưa thuở mà miền Nam chưa mất vào tay Việt Cộng... Mấy con tôi thường gọi đùa bà Nội bằng «Trưởng ban Hậu cần» hoặc chị «nuôi» và lâu lâu hay trông có bà nội xuống. Và lúc nào câu chào mừng của chúng nó cũng đều giống như nhau: «Nội mạnh hả Nội? Nội có đem gì xuống ăn không Nội?». Mới đầu, tôi nghe chướng tai, nhưng sống trong sự thiếu thốn triền miên của chế độ xã hội chủ nghĩa, lần hồi chính bản thân tôi cũng chỉ nghĩ đến miếng ăn thôi!

Con gái út tôi, mười một tuổi, một tay xách giỏ trầu của bà nội, một tay cặp-kè với bà nó đi vào như hai người bạn. Bà nó cung nó nhứt nhà. Lúc nào xuống, cũng ngủ chung với nó để nghe nó kể chuyện. Nó thích bà nội ở điều đó và thường nói: «Ở nhà này chỉ có nội là thích nghe em kể chuyện thôi!». Thật ra, nó có lối kể chuyện không đầu không đuôi làm mấy anh mấy chị nó bực. Trái lại, bà nó cho đó là một thi vị của tuổi thơ, nên hay biểu nó kể chuyện cho bà nghe, để lâu lâu bà cười chảy nước mắt.

Tôi hỏi má tôi:

- Sao bữa nay xuống trưa vậy nội?

Vợ chồng tôi hay gọi má tôi bằng «nội» như các con. Nói theo tụi nó, riết rồi quen miệng. Lâu lâu, chúng tôi cũng có gọi bằng «má» nhưng sao vẫn không nghe

đám-ấm nồng-nàn bằng tiếng «nội» của các con. Hồi cha tôi còn sống, tụi nhỏ còn gọi rõ ra «ông nội» hay «bà nội». Cha tôi mất đi, ít lâu sau, chúng nó chỉ còn dùng có tiếng «nội» ngắn gọn để gọi bà của chúng nó, ngắn gọn nhưng âm thanh lại đầy triu mến. Má tôi bước vào nhà, vừa cởi áo bà ba vừa trả lời:

- Thôi đi mây ơi!... Mấy thằng công an ở Trảng Bàng mắc dịch! Tao lên xe hồi sáng chó bộ. Tới trạm Trảng Bàng tụi nó xét thấy tao có đem một lon *ghi-gô* mỡ nước, vậy là bắt tao ở lại. Nói phải quấy bao nhiêu cũng không nghe. Cứ để quyết là tao đi buôn lậu!

Rồi má tôi liệng cái áo lên thành ghế bàn ăn, nói mà tôi có cảm tưởng như bà đang phân trần ở Trảng Bàng:

- Đi buôn lậu cái gì mà chỉ có một lon mỡ nước? Ai đó nghĩ coi! Nội tiền xe đi xuống đi lên cũng hơn tiền lon mỡ rồi. Đi buôn kiểu gì mà ngu dại vậy hổng biết!

- Ủa? Rồi làm sao nội đi được? Bộ tụi nó giữ lại lon mỡ hả nội? Con gái lớn tôi chen vào.

- Dễ hôn! Nội đâu có để cho tụi nó «ăn» lon mỡ, con! Mỡ heo nội thắng đem xuống cho tụi con chó bộ.

Ngừng lại, hớp một hớp nước mát mà con út vừa đem ra, xong bà kể tiếp, trong lúc các con tôi quây quần lại nghe:

- Cái rồi... cứ dan ca riết làm nội phát ghét, nội đổ lì, ngồi lại đó đợi tụi nó muốn giải đi đâu thì giải.

Nghe đến đây, bầy con tôi cười thích thú. Bởi vì tụi nó từng nghe ông nội tụi nó kể những chuyện «gan cùng mình» của bà nội hồi xưa khi cùng chồng vào khu kháng chiến, nhứt là giai đoạn trở về hoạt động ngầm ở thành phố sau này, trước Hiệp định Genève...

Con út nóng nảy giục:

- Rồi sao nữa nội?

- Cái rồi... lối mười một mười hai giờ gì đó nội hổng biết nữa. Ờ... cỡ đứng bóng à. Có thằng cán bộ đạp xe đi ngang. Nó đi qua khỏi rồi chớ, nhưng chắc nó nhìn thấy nội nên hoành xe lại chào hỏi: «Ủa? Bà Tám đi đâu mà ngồi đó vậy?». Nội nhìn ra là thằng Kiểu con thầy giáo Chén ở Tha La, tụi bây không biết đâu. Kể nội kể hết đầu đuôi câu chuyện cho nó nghe. Nó cười ngất. Rồi nhờ nó can thiệp nên nội mới đi được đó. Lên xe thì đã trưa rồi... Ti! Kiểm cây quạt cho nội, con!

Ti là tên con út. Cây quạt là miếng mo cau mà má tôi cắt, vanh thành hình rồi đem ép giữa hai tấm thớt dày cho nó bớt cong. Má tôi đem từ Gò Dầu xuống bốn năm cây quạt mo phân phát cho mấy cháu, nói: «Nội thấy ba má tụi con gõ bán hết quạt máy, nội mới làm thứ này đem xuống cho tụi con xài. Kệ nó, xấu xấu vậy chớ nó lâu rách».

Con út cầm quạt ra đứng cạnh nội quạt nhẹ nhàng mà mặt mày tươi rói: Tối nay nó có «bạn» ngủ chung để kể chuyện! Vợ tôi đem áo bà ba của má tôi vào buồng mấy đứa con gái, từ trong đó hỏi vọng ra:

- Nội ăn gì chưa nội?

- Khỏi lo! Tao ăn rồi. Để tao tìm miếng trầu rồi tao với mấy đứa nhỏ soạn đồ ra coi có hư bề gì không cái đã.

Rồi mấy bà cháu kéo nhau ra nhà sau. Tôi nhìn theo má tôi mà bỗng nghe lòng dào dạt. Từ bao nhiêu năm nay, trên người má tôi chẳng có gì thay đổi. Vẫn loại

quần vải đen lưng gút, vãn áo túi trắng ngắn tay có hai cái túi thật đặc biệt do má tôi tự cắt may: Miệng túi cao lên tới ngực chớ không nằm dưới eo hông như những áo túi thường thấy. Mấy đứa nhỏ hay đùa: «Cha... bộ sợ chúng nó móc túi hay sao mà nội làm túi sâu vậy nội?». Má tôi cười: «Ậy! Vậy chớ túi này chứa nhiều thứ quý lắm à bây». Những thứ gì không biết, chớ thấy má tôi còn cẩn thận ghim miệng túi lại bằng cây kim tây!

Tôi là con một của má tôi. Vậy mà sau khi cha tôi chết đem về chôn ở Gò Dầu, quê tôi, má tôi ở luôn trên đó. Nói là để chăm sóc mồ mả và vườn tược cây trái. Thật ra, tại vì má tôi không thích ở Sài Gòn, mặc dù rất thương mấy đứa cháu. Hồi còn ở chung với vợ chồng tôi để tránh pháo kích - dạo đó, Việt cộng hay bắn hỏa tiễn vào Gò Dầu về đêm - má tôi thường chất lưỡi nói: «Thiệt... không biết cái xứ gì mà ăn rồi cứ đi ra đi vô, hồng làm gì ráo». Cái «xứ» Sài Gòn, đối với má tôi, nó «tù chân tù tay» lắm, trong lúc ở Gò Dầu má tôi có nhà cửa đất đai rộng rãi, cây trái xum xuê, và dù đã cao niên, má tôi vẫn thường xuyên xách cuốc xách dao ra làm vườn, làm cỏ. Và lại chung quanh đất má tôi, là nhà đất của các anh bà con bên ngoại của tôi, thành ra má tôi qua lại cũng gần. Các anh chị bà con tới lui thăm viếng giúp đỡ cũng dễ. Cho nên, dù ở một mình trên đó, má tôi vẫn không thấy cô đơn hiu quạnh. Lâu lâu nhớ bầy con tôi thì xuống chơi với chúng nó năm bảy bữa rồi về. Má tôi hay nói đùa là «đi đổi gió»!

Mấy năm sau ngày mất nước, cuộc sống của gia đình tôi càng ngày càng bần hàn. Cũng như thiên hạ, vợ chồng tôi bán đồ đạc trong nhà lần lần để ăn. Má tôi biết như vậy nên xuống thăm mấy đứa nhỏ thường hơn, để mang «cái gì để ăn» cho chúng nó. Nhiều khi nằm đêm tôi ứa nước mắt mà nghĩ rằng lẽ ra tôi phải nuôi má tôi chớ, dù gì tôi cũng mới ngoài bốn mươi lăm còn má tôi thì tuổi đã về chiều. Vậy mà bây giờ, mặc dù là công nhân viên nhà nước xã hội chủ nghĩa với lương kỹ sư «bạc hai trên sáu», tôi đã không nuôi nổi má tôi, mà trái lại chính má tôi phải cắt-ca cắt-củm mang đồ ăn xuống tiếp tế cho gia đình tôi, giống như má tôi mớm cơm đút cháo cho tôi thuở tôi còn thơ ấu! Thật là một «cuộc đổi đời» (Việt Cộng thường rêu rao: «Cách mạng là một cuộc đổi đời»). Nhưng cuộc đổi đời của mẹ con tôi thì thật là vừa chua cay vừa hài hước!

Lắm khi tôi tự hỏi: «Rồi sẽ đi đến đâu?». Bấy giờ tôi đã trở thành «Trưởng ban Văn nghệ» của cơ quan, một lối đi «ngang» mà nhờ đó tôi còn được ở lại với sở cũ. Bởi vì mấy chục năm kinh nghiệm trong nghề nghiệp chánh của tôi, nhà nước cách mạng cho là vô dụng, không «đạt yêu cầu». Thành ra, tối ngày tôi chỉ lo cho đoàn «nghệ dư» của cơ quan tập dượt hát múa. Thật là hề. Còn về phần các con tôi, tương lai gần như là đi đánh giặc Kampuchia, tương lai xa hơn thì thật là mù mịt!

Trong lúc tôi không có lối thoát thì một người bạn đề nghị giúp chúng tôi vượt biên, nhưng chỉ đi được có ba người. Vậy là chúng tôi lấy quyết định cho hai đứa lớn đi theo tôi. Chuyện này, chúng tôi giấu má tôi và mấy đứa nhỏ, kể cả hai đứa đã được chọn. Phần vì sợ đổ bể, phần vì sợ má tôi lo. Ai chẳng biết vượt biên là một sự liều lĩnh vô cùng. Rủi đi không thoát là bị tù đày chẳng

biết ở đâu, may mà đi thoát cũng chưa chắc là sẽ đến bờ đến bến. Người ta nói trong số những người đi thoát, hai phần ba bị mất tích luôn. Thành ra, «vượt biên» là đi vào miền vô định...

Theo chương trình thì sáng sớm ngày rằm cha con tôi đi xe đò xuống Cần Thơ rồi từ đó có người rước qua sông Ông Đốc để xuất hành ngay trong đêm đó. Tôi thắc mắc hỏi: «Tổ chức gì mà đi chui nhằm ngày rằm cha nội?». Bạn tôi cười: «Ai cũng nghĩ như anh hết. Tụi Việt Cộng cũng vậy. Cho nên hễ có trăng sáng là tụi nó nằm nhà nhậu, không đi tuần đi rôn gì hết. Hiểu chưa?»

Bữa nay là mười bốn ta nhằm ngày thứ bảy, vợ chồng tôi định không nói gì hết, chờ sáng sớm mai gọi hai đứa lớn dậy đi với tôi xuống Cần Thơ. Như vậy là chúng nó sẽ hiểu. Và như vậy là kín đáo nhưt, an toàn nhưt. Rồi sau đó vợ tôi sẽ liệu cách nhắn tin về cho má tôi hay. Chùng đó thì «sự đã rồi»...

Bây giờ thì má tôi đã có mặt ở đây, giấu cũng không được. Đành phải nói cho má tôi biết. Nhưng nói lúc nào đây? Và nói làm sao đây? Liệu má tôi có biết cho rằng tôi không còn con đường nào khác? Liệu má tôi có chấp nhận cho tôi không giữ tròn đạo hiếu chỉ vì lo tương lai cho các con? Liệu má tôi... liệu má tôi... Tôi phân vân tự đặt nhiều câu hỏi để chẳng thấy ở đâu câu trả lời...

Tôi ngồi xuống thêm nhà, nhìn ra sân. Ở đó, bờ cỏ lá gừng xanh muốt ngày xưa đã bị chúng tôi đào lên đắp thành luống để trồng chút đỉnh khoai mì, một ít khoai lang, vài hàng bắp. Không có bao nhiêu nhưng vẫn phải có. Cho nó giống với người ta, bởi vì nhà nào cũng phải «tặng gia» cho đúng «đường lối của nhà nước». Thật ra, trồng trọt bao nhiêu đó, nếu có... trúng mùa đi nữa, thì cũng không đủ cho bầy con tôi «nhét kẽ răng»! Vậy mà tên công an phường, trong một dịp ghé thăm, đã tấm tắc khen: «Anh chị công tác tốt đấy chú. Tặng gia khá nhất khu phố đấy! Các cháu tha hồ mà ăn». Anh ta không biết rằng mấy nhà hàng xóm của tôi, muốn «tặng gia», họ đã phải đào cả sân xi-măng hoặc sân lót gạch, thì lấy gì để «làm tốt»?

Khi tôi trở vào nhà thì con út đang gãi lưng cho nội. Nó vén áo túi nội lên đến vai, để lộ cái lưng gầy nhom, cong cong và hai cái vú teo nhách. Tôi tự hỏi: «Lạ quá! Chỉ có mình mình bú hồi đó mà sao làm teo vú nội đến như vậy được?». Rồi tôi bồi hồi cảm động khi nghĩ rằng chính hai cái núm đen đó đã nuôi tôi lớn lên với dòng sữa ấm, vậy mà chẳng bao giờ nghe má tôi kể kể công lao. Tôi cảm thấy thương má tôi vô cùng. Tôi len lén từ phía sau lòn tay mân vú má tôi một cái. Má tôi giật mình, rút cổ lại:

- Đùng! Nhột! Thằng chơi đại mậy!

Rồi má tôi cười văng cốt trâu. Con Ti la lên:

- Má ơi! Coi ba mần vú nội nè!

Tôi cười há hê thích thú. Trong khoảnh khắc thật ngắn ngủi đó, tôi bắt gặp lại những rung động nhẹ nhàng sung sướng khi tôi mân vú mẹ thuở tôi mới lên ba lên năm... Và cũng trong khoảnh khắc đó, tôi đã quên mất rằng má tôi đã gần tám mươi mà tôi thì trên đầu đã hai thứ tóc! Và cũng quên mất rằng từ ngày mai trở đi, có thể tôi sẽ không bao giờ còn gặp lại má tôi nữa, để

măn vú khi bắt chợt thấy má tôi nhờ cháu nội gãi lưng như hôm nay...

Chiều hôm đó, khi ngồi vào bàn ăn, mắt bầy con tôi sáng rõ. Bữa cơm thật tươi mát, đầy đủ món ăn như khi xưa. Có gà nấu canh chua lá giang, một loại dây leo có vị chua thật ngọt ngào mà hình như chỉ ở miệt quê tôi mới có. Món này, bà nội mấy đứa nhỏ nấu thật đậm đà. Bà thường nói: «Canh chua phải nêm cho cứng cứng nó mới ngon». Mà thật vậy. Tô canh nóng hổi, bốc lên mùi thơm đặc biệt của thịt gà lẫn với mùi chua ngọt của lá giang, mùi mặn đậm thấm của nước mắm và mùi tiêu mùi hành... Húp vào một miếng canh chua, phải nghe đầu lưỡi ngậy ngậy cứng cứng và chân tóc trên đầu tăng tăng, như vậy mới đúng. Nằm cạnh tô canh chua là tô cá kèo kho tiêu mà khi mang đặt lên bàn ăn nó hãy còn sôi kêu lộp-bộp, bốc mùi thơm phức vừa mặn vừa nồng cay lại vừa béo, bởi vì trong cá kèo có lớp mỡ và trước khi bắc xuống, bà nội có cho vào một muống mỡ nước gọi là «để cho nó dần»! Đặc biệt, khi làm cá kèo, bà không mổ bụng cá, thành ra khi cắn vào đó, mật cá bể ra dâng dâng nhẹ nhàng làm tăng vị bùi của miếng cá lên gấp bội. Ngoài hai món chánh ra, còn một đĩa măng luộc, tuy là một món phụ nhưng cũng không kém phần hấp dẫn nhờ ở chỗ sau khi luộc rồi măng được chiên lại với tỏi nên ngả màu vàng sậm thật là đậm đà...

Sau khi và vài miếng, vợ tôi nhìn tôi rồi rót nước mắt. Nội hỏi:

- Bộ cay hả?

Vợ tôi “dạ”, tiếng “dạ” nằm đâu trong cổ. Rồi buông đĩa, máu máo chạy ra nhà sau. Tôi hiểu. Bữa cơm này là bữa cơm cuối cùng, bữa cơm mà cả gia đình còn sum họp bên nhau. Rồi sẽ không còn bữa cơm nào như vậy nữa. Gia đình sẽ chia hai. Những người đi, rồi sẽ sống hay chết? Còn những người ở lại, ai biết sẽ còn tan tác đến đâu? Tôi làm thình, cầm đầu ăn lia lịa như mình đang đói lắm. Thật ra, tôi đang cần nuốt thật nhanh thật nhiều, mỗi một miếng nuốt phải thật đầy cổ họng... để dè xuống, nén xuống một cái gì đang trào trực từ dưới dâng lên. Mắt tôi nhìn đồ ăn, nhìn chén cơm, nhìn đôi đứa, để khỏi phải nhìn má tôi hay nhìn bầy con, ngần đó khuôn mặt thân yêu mà có thể tôi sẽ vĩnh viễn không còn thấy lại nữa. Trong đầu tôi chợt hiện ra hình ảnh người đang hấp hối, trong giây phút cuối cùng lưỡi đã cứng đờ mắt đã dại, vậy mà họ vẫn nhìn nuốt những người thương để rồi chảy nước mắt trước khi tắt thở. Rồi tôi thấy tôi cũng giống như người đang hấp hối, không phải chết ở thể xác mà là chết ở tâm hồn, cũng một lần vĩnh biệt, và cũng sẽ bước vào một cõi u-minh nào đó, một cõi thật mơ hồ mà mình không hình dung được, không chủ động được!

Má tôi gấp cho tôi một cái bụng cá to bằng ngón tay cái:

- Nè! Ngon lắm! Ăn đi! Để rồi mai mốt hồng chắc gì có mà ăn!

Ý má tôi muốn nói rằng ở với Việt Cộng riết rồi đến loại cá kèo cũng sẽ khan hiếm như các loại cá khác. Nhưng trong trường hợp của tôi, lời má tôi nói lại có ý nghĩa của lời tổng biệt. Nó giống như: “Má cho con ăn lần này lần cuối. Ăn đi con! Ăn cho ngon đi con!”. Tôi

ngậm miếng cá mà nước mắt trào ra, không kèm lại được. Nếu không có mặt bầy con tôi, có lẽ tôi đã cầm lấy bàn tay của má tôi mà khóc, khóc thật tự do, khóc thật lớn, để voi bốt nổi thống khổ đã dẫn vật tôi từ bao nhiêu lâu nay... Đàng này, tôi không làm như vậy được. Cho nên tôi trạo trực nuốt miếng cá mà cảm thấy như nó thật đầy xương xóc!

Má tôi nhìn tôi ngạc nhiên:

- Ủa? Mà cũng bị cay nữa sao?

Rồi bà chồm tới nhìn vào tô cá. Các con tôi nhao nhao lên:

- Đầu có cay, nội.

- Con ăn đầu thấy cay. Hai có nghe cay hôn Hai?

- Chắc ba má bị gì chó cay đầu mà cay.

- Con ăn được mà nội. Có cay đâu?

Các con tôi đâu có biết rằng cái cay của tôi không nằm trên đầu lưỡi, mà nó nằm trong đáy lòng. Cái cay đó cũng bắt trào nước mắt!

Tôi đặt chuyện, nói tránh đi:

- Hôm rày nóng trong mình, lưỡi của ba bị lở, nên ăn cái gì mặn nó rát.

Rồi tôi nhai thật chậm để có thời gian cho sự xúc động lắng xuống. Miếng cơm trong miệng nghe như là sượng sỏi, nuốt không trôi...

Sau bữa cơm, bà cháu kéo hết vào buồng tụi con gái để chuyện trò. Thịnh thoảng nghe cười vang trong đó. Chen trong tiếng cười trong trẻo của các con, có tiếng cười khọt khọt của nội, tiếng cười mà miếng trầu đang nhai kèm lại trong cổ họng, vì sợ văng cốt trầu. Những thanh âm đó toát ra một sự vô tư, nhưng lại nghe đầy hạnh phúc. Lúc này, có nên nói chuyện vượt biên với má tôi hay không? Tội nghiệp bầy con, tội nghiệp nội... Ngoài phòng khách, tôi đi tới đi lui suy nghĩ đắn đo. Vợ tôi còn lục đục sau bếp, và cho dù vợ tôi có mặt ở đây cũng không giúp gì tôi được với tâm sự rối bời như mớ bông bong. Tôi bèn vào buồng ngủ, trải chiếu dưới gạch -từ lâu rồi, vợ chồng tôi không còn giường tủ gì hết- rồi tắt đèn nằm trong bóng tối, gác tay lên trán mà thở dài...

Thời gian đi qua... Trăng đã lên nên tôi thấy cửa sổ được vẽ những lần ngang song song trắng đục. Trong phòng bóng tối cũng lợt đi. Không còn nghe tiếng cười nói ở phòng bên và tôi nghĩ chắc đêm nay vợ tôi ngủ với hai đứa lớn ngoài phòng khách, để trần trọc suốt đêm chờ sáng.

Bỗng cửa phòng tôi nhẹ mở, vừa đủ để tôi nhìn thấy bóng má tôi lom khom hướng vào trong hồi nhỏ:

- Ba con Ti ngủ chưa vậy?

Tôi hơi ngạc nhiên, nhưng cũng trả lời nho nhỏ vừa đủ nghe:

- Dạ chưa, má.

Má tôi bước vào đóng cửa lại, rồi mò mẫm ngồi xuống cạnh tôi, tay cầm quạt mo quạt nhẹ nhẹ lên mình tôi, nói:

- Coi bộ nực hả mậy?

- Dạ. Nhưng rồi riết cũng quen, má à.

Tôi nói như vậy mà trong đầu nhớ lại hình ảnh tôi và thằng con trai hề hụi tháo gỡ mấy cây quạt trần để mang đi bán. Im lặng một lúc. Tay má tôi vẫn quạt đều. Rồi má tôi hỏi:

- Tụi bây còn gì để bán nữa hông?

- Dạ...

Tôi không biết trả lời làm sao nữa. Chiếc xe hơi bây giờ chỉ còn lại cái sườn, không ai chịu chở đi. Trong nhà bây giờ chỉ còn bộ bàn ăn, cái tủ thờ nhỏ và bộ xa-lông mây "sút cắm gậy gong". Ngoài ra, trên tường có chân dung "Bác Hồ" dệt bằng lụa và nhiều "bằng khen", "bằng lao động tiên tiến"... những thứ mà nhà nào cũng có hết, cho chưa chắc gì có ai thèm lấy! Bỗng tôi nhớ có một hôm tôi nói với bầy con tôi: "Ba tự hào đã giữ tròn liêm sỉ từ mấy chục năm nay. Bây giờ, đổi lấy cái gì ăn cũng không được, đem ra chợ trời bán cũng chẳng có ai mua. Sao ba thấy thương các con và tụi cho ba quá!". Lúc đó, tôi tưởng tượng thấy tôi đứng ở chợ trời, dưới chân có tấm bảng để "Bán cái liêm sỉ, loại chánh cống. Bảo đảm đã hai mươi năm chưa sút mẻ". Thật là khủng nhưng cũng thật là chua chát!

Nghe tôi "dạ" rồi nín luôn, má tôi hiểu, nên nói:

- Rồi mấy phải tính làm sao chớ chẳng lẽ cứ như vậy hoài à? Tao thấy bầy tụi bây càng ngày càng trộm lờ, còn mậy thì cứ làm thịnh tao rầu hết sức.

Má tôi ngừng một chút, có lẽ để lấy một quyết định:

- Tao xuống kỳ này, cốt ý là để nói hết cho mậy nghe. Tao già rồi, mai mốt cũng theo ông theo bà. Mà đừng lo cho tao. Lo cho bầy con mậy kia. Chớ đừng vì tao mà bắt mấy đứa nhỏ phải hy sinh tương lai của tụi nó. Mậy liệu mà đi, đi! Kiếm đường mà kéo bầy con mậy đi, đi! Ở đây riết rồi chết cả chùm. Không chết trận trên Miền thì cũng chết khủng chết đói. Thà tụi bây đi để tao còn thấy chút đỉnh gì hy vọng mà sống thêm vài năm nữa. Mà hiểu hông?

Nghe má tôi nói, tôi rớt nước mắt. Chuyện mà bao lâu nay tôi không dám nói với má tôi thì bây giờ chính má tôi lại mở ngỏ khai nguồn. Và tôi thật xúc động với hình ảnh bà mẹ già phải đẩy đứa con duy nhất đi vượt biên để vui mà sống với ít nhiều hy vọng! Thật là ngược đời: Có người mẹ nào lại muốn xa con? Chỉ có ở chế độ xã hội chủ nghĩa mới xảy ra những chuyện "đổi đời" như vậy!

Tôi nắm bàn tay không cầm quạt của má tôi, lắc nhẹ:

- Má à! Lâu nay con giấu má. Bây giờ má nói, con mới nói. Sáng sớm mai này, con và hai đứa lớn sẽ xuống Cần Thơ để vượt biên.

Tôi nghe tiếng cây quạt mo rơi xuống gạch. Rồi yên lặng. Một lúc lâu sau, má tôi mới nói:

- Vậy hà...

Tôi nghe có cái gì nghẹn ngang trong cổ. Tôi nuốt xuống mấy lần, rồi cố gắng nói:

- Con đi không biết sống hay chết. Con gởi má vợ con và ba đứa nhỏ, có bề gì xin má thương tụi nó...

Nói tới đó, tôi nghẹn ngào rồi òa lên khóc ngất. Tôi nghe có tiếng quạt phe phẩy lại, nhanh nhanh, và bàn tay má tôi vuốt tóc tôi liên tục giống như hồi nhỏ má tôi vỗ về tôi để tôi nín khóc.

Một lúc sau, má tôi nói:

- Thôi ngủ đi, để mai còn dậy sớm.

Rồi bước ra đóng nhẹ cửa lại. Sau đó, có tiếng chẹt diêm quạt rồi một ánh sáng vàng vọt rung rinh lòn vào khuôn cửa, tôi biết má tôi vừa thắp đèn cây trên bàn thờ.

Tiếp theo là mùi khói nhang, chắc bà nội mấy đứa nhỏ đang cầu nguyện ngoài đó.

Tôi thở dài, quay mặt vào vách, nhắm mắt mà nghe chơi vui, giống như đang nằm trong một cơn mộng...

Năm giờ sáng hôm sau, má tôi kêu tôi dậy đi. Hai con tôi đã sẵn sàng, mỗi đứa một túi nhỏ quần áo. Chúng nó không có vẻ gì ngạc nhiên hay xúc động hết. Có lẽ mẹ tụi nó đã gọi dậy từ ba bốn giờ sáng để giăng giải và chuẩn bị tinh thần. Riêng tôi, thật là trầm tĩnh. Nước mắt đêm qua đã giúp tôi lấy lại quân bình. Thật là mẫu nhiệm!

Tôi vào buồng hôn nhẹ mấy đứa nhỏ đang ngủ say, xong ôm vợ tôi, ôm má tôi. Hai người thật là can đảm, không mảy may bịn rịn.

Tôi chỉ nói có mấy tiếng:

- Con đi nghe má!

-Anh đi nghe em!

Rồi bước ra khỏi cổng.

Lần đó, tôi đi thoát.

Rồi phải ba bốn năm sau, tôi mới chạy chọt được cho vợ con tôi rời Việt Nam sang sum họp với tôi ở Pháp. Má tôi ở lại một mình.

Mấy ngày đầu gặp lại nhau, vợ con tôi kể chuyện "bên nhà" cho tôi nghe, hết chuyện này bắt qua chuyện nọ. Bà Nội được nhắc tới nhiều nhứt và những chuyện về bà nội được kể đi kể lại thường nhứt.

Tụi nó kể:

"Ba đi rồi, mấy bữa sau cơ quan chỗ ba làm việc cho người đến kiểm. Tụi con trốn trong buồng, để một mình nội ra. Nội nói rằng nội nhờ ba về Tây Ninh rước ông Tư xuống bởi vì trên đó đang bị Cao Miên pháo kích tới bời, tới nay sao không thấy tin tức gì hết, không biết ba còn sống hay chết nữa. Nói rồi, nội khóc thật muối mẫn làm mấy cán bộ trong cơ quan tin thiệt, họ an ủi nội mấy câu rồi từ đó không thấy trở lại nữa".

Rồi tụi nó kết câu chuyện với giọng đầy thán phục: "Nội hay thiệt!".

Nghe kể chuyện, tôi bồi hồi xúc động. Tôi biết lúc đó má tôi khóc thiệt chớ không phải giả khóc như các con tôi nghĩ. Bởi vì, trong hai trường hợp dù sự việc xảy ra có khác nhau, nhưng hoàn cảnh sau đó vẫn giống nhau y hệt. "Ba con Ti đi không biết sống hay chết" vẫn là câu hỏi lớn đè nặng tâm tư của má tôi. Bề ngoài má tôi làm ra vẻ bình tĩnh để an lòng con dâu và cháu nội, nhưng là một cái vỏ mỏng manh mà trong khi kể chuyện cho các cán bộ, nó đã có dịp bề tung ra cho ưu tư dâng đầy nước mắt...

"Rồi sau đó -tụi con tôi kể tiếp- nội ở lại nhà mình để chờ tin tức và cũng để ra tiếp chuyện hàng xóm và chánh quyền địa phương, chớ má thì ngày nào cũng đi chùa, còn tụi con nội sợ nói hé ra là mang họa cả đám. Lâu lâu, nội về Gò Dầu bán đồ rồi mua thịt thà đem xuống tiếp tế cho tụi con. Thấy nội già mà lên lên xuống xuống xe cộ cực nhọc quá, tụi con có can ngăn nhưng nội nói nội còn mạnh lắm, nội còn sống tới ngày con Ti lấy chồng nội mới chịu theo ông theo bà!".

Tôi biết: Má tôi là cây cau già - quá già, quá cũ - nhưng vẫn cố bám lấy đất chỉ vì trên thân cây còn mấy dây trầu... Hình ảnh đó bỗng làm tôi ứa nước mắt. Thương má tôi và nhớ cả quê hương. Cái quê hương tuyệt đẹp của tôi mà Việt Cộng đã cướp mất. Cái quê hương mà trên đó tôi không còn quyền sống như ý mình muốn, phát biểu những gì mình nghĩ, ca tụng những gì mình thích. Ở đó, ở quê hương tôi, tôi còn bà mẹ già, bà mẹ tám mươi đã cắt ruột đuối con đi, bỏ quê hương mà đi, để bà còn chút gì hy vọng sống thêm vài ba năm nữa! Bây giờ, vợ con tôi cũng đã đi hết. Má tôi còn lại một mình. Thân cây cau giờ đã nhẵn dây trầu, thêm tuổi đời một nắng hai mưa. Con biết! Má ơi! Con biết: Cây cau già bây giờ đang nhớ thất thểu mấy dây trầu non...

Theo lời các con tôi kể lại, hôm tiếp được điện tín của bạn tôi ở Pháp đánh về báo tin tôi và hai đứa lớn đã tới Mã Lai bình yên, cả nhà tung bừng như hội. Tụi nó nói: "Nội vội vàng vào mặc áo rồi quì trước bàn thờ Phật gõ chuông liên hồi. Đã giấu không cho ai biết mà nội gõ chuông giống như báo tin vui cho hàng xóm!".

"Mấy hôm sau, bỗng có công-an phường lại nhà. Công an đến nhà là lúc nào cũng có chuyện gì đó cho nên nội có hơi lo. Thấy dạng tên công an ngoài ngõ, trong này nội niệm Phật để tự trấn an. Sau đó, nội cũng kể chuyện ba về Tây Ninh rồi nội kết rằng ba đã chết ở trên đó. Rồi nội khóc..."

Mấy con tôi đâu biết rằng đối với má tôi, dù tôi còn sống, sống mà vĩnh viễn không bao giờ thấy lại nhau nữa thì cũng giống như là tôi đã chết.

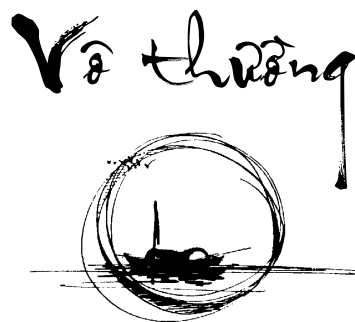
"Sau đó nội than không biết rồi sẽ ở với ai, rồi ai sẽ nuôi nội, bởi vì má buồn rầu đã bỏ nhà đi mất. Nghe vậy, tên công an vội vàng an ủi:

- Bà cụ đừng có lo! Rồi chúng cháu sẽ đem bà cụ về ở với chúng cháu. Cứ yên chí!". Sau khi tên công an ra về, nội vào buồng kể lại chuyện đó cho tụi con nghe, rồi nói: "Nội nghe thằng công an đòi đưa nội về nuôi mà nội muốn xỉu luôn! Không phải vì cảm động mà vì sợ! Ở với tụi nó, thà chết sướng hơn!".

Vợ con tôi được đi chánh thức nên hôm ra đi bạn bè thân quyến đến chia tay đầy nhà. Lúc mẹ con nó quì xuống lạy má tôi để giã biệt -hay đứng ra để vĩnh biệt- tất cả mọi người đều khóc. Đó là lần cuối cùng mà má tôi khóc với bấy cháu nội. Và tôi nghĩ rằng má tôi khóc mà không cần tìm hiểu tại sao mình khóc, chỉ thấy cần khóc cho nó hả, chỉ thấy càng khóc thân thể càng nhẹ đi, làm như thịt da tan ra thành nước mắt, thứ nước thật nhiệm mầu mà Trời ban cho con người để nói lên tiếng nói đầy cảm lặng.

Bấy bạn học của các con tôi đứng thành hai hàng dài, chuyên nước mắt cho nhau để tiễn đưa tụi nó ra xe ngoài ngõ. Tôi hình dung thấy những cặp mắt thơ ngây mọng đỏ nhìn các con tôi đi mà nửa hồn tê-dại, không biết thương cho bạn mình đi hay thương cho thân phận mình, người ở lại với đầy chua xót...

Mấy con tôi nói: "Nội không theo ra phi trường. Nội ở nhà để gõ chuông cầu nguyện".



*Trăng rằm như ngọc minh châu
Mở hồ nghe thoảng hương ngâu quê nhà
Mẹ ơi! Con nhỏ thiết tha
Vàng trắng của mẹ con ta thuở nào ...*

*Nồi đây bát ngát hương rừng
Hỏi đâu hương buổi giữa thung lũng này?
Vườn xưa chìm giữa biển mây
Chìm luôn cả những chuỗi ngày ấu thơ*

*Dõi theo bóng nhận lưng trời
Có về nơi ấy cho tôi nhận cùng
Phưởng đoài ngòi ngóng phượng đông
Tôi thêm một chút hương nồng vườn quê*

*Tôi như hạt cát dạt dờ
Trôi theo biển cả qua bờ đại dương
Sóng dồn quanh giục khẩn trường
Lắng nghe tiếng sóng vô thường mà ghê !*

● **Vân Nương**

Tôi làm việc ở Côte d'Ivoire (Phi Châu), cách xa vợ con bằng một lục địa, và cách xa mẹ tôi bằng nửa quả địa cầu. Những lúc buồn trống vắng, tôi hay ra một bãi hoang gần sở làm để ngồi nhìn biển cả. Mặt nước vượt ve chân cát, tiếng sóng nhẹ nghe như thì thào... những thứ đó làm như chỉ dành cho riêng tôi. Tự nhiên tôi cảm thấy như được vỗ về an ủi. Những lúc đó, sao tôi nhớ má tôi vô cùng. Trên đời này má tôi là người duy nhất an ủi tôi từ thuở tôi còn ấu thơ cho đến khi trên đầu tôi đã hai thứ tóc. Ngay đến đêm cuối cùng trên quê hương, cũng chính trong vòng tay khắng khịu của má tôi mà tôi khóc, khi gọi vợ gọi con... Lúc nào tôi cũng tìm thấy ở má tôi một tình thương thật rộng rãi bao la, thật vô cùng sâu đậm, giống như đại dương mà tôi đang nhìn trước mặt.

Bây giờ tôi hiểu tại sao tôi hay ra ngồi đây để nhìn biển cả... •

Mẹ ! Cuộc đời, quê hương và thân phận



(Đoạn văn cho mùa Vu Lan để kính dâng hương hồn Mẹ tôi, và những bà Mẹ Việt Nam suốt một đời tận-tụy hy-sinh cho dân con!)

Trần Sơn-Hạ & Trần Ngọc Nguyên Vũ

Thì thôi tóc ấy phù-vân

Thì thôi lệ ấy còn ngần dáng sương

Thì thôi mù phố xe đường

Thôi thì thôi nhé đoạn trường thế thôi...

Phạm Thiên-Thư

**

Mẹ người đất Ninh Giang thuộc địa phận tỉnh Thái Bình miền Bắc nước Việt Nam. Một vùng đất kỳ-tú với lũy tre xanh bao bọc những cánh đồng lúa, nương dâu ngút-ngàn xanh thẳm, và những con sông đào quanh co uốn khúc, mà nội-tổ bốn đời của mẹ từ miền Phúc Kiến, Trung Hoa, nơi có những bài ca nổi tiếng thoang-thoảng đong-đưa theo ánh mắt đa-tình, đã một chiều dừng bước giang-hồ, đắm hồn vào với những âm-thanh và hình ảnh tuyệt-vời của vùng đất lạ, để nhận nơi đây làm miền quê-ngoại, quyết dồn hết tâm-huyết, phát-huy nghề thuốc gia-truyền, và dạy võ nghệ để thực-hành câu "cứu nhân độ-thế" của dòng họ. Thế rồi trải qua những tháng năm dài vun trồng tưới bón, cây nhân duyên đã đâm chồi nảy lộc trên vùng đất mới. Đến đời thứ ba, thì một chàng thiếu-niên tuấn-tú, văn võ song toàn, cùng với phong-độ hào-sảng, gia-bào của dòng họ Lý đã lọt vào con mắt tinh đời của lão ông điền-chủ họ Dư của làng Tranh, chỉ cách Ninh Giang một chuyến dò ngang; để rồi tới một ngày đôi trai tài gái sắc của hai họ Lý & Dư đã được kết hợp như một kỳ-duyên, và một người con gái cực kỳ thông-minh, và xinh đẹp đã được sinh ra để sau này điếm tô cho đời bằng những đường nét đan-thanh trong cuộc sống.

Mẹ lớn lên và trưởng-thành trong thời ly-loạn:

"Thuở trời đất nổi cơn gió bụi
Khách má hồng nhiều nỗi truân-chuyên

Xanh kia thăm thẳm từng trên
Kìa ai gây dựng cho nên nỗi này" (1)

Cho nên phận hồng-nhan đã sớm phải hứng chịu biết bao nhiêu những lao-đao, lận-đận trong cuộc sống. Nổi trôi cùng với những thăng trầm của lịch-sử dân-tộc, như chịu một định-mệnh khắc-nghiệt đã dành riêng cho những con người tài sắc mà trong thuyết "Tài mệnh tương đố" của Cự Nguyễn-Du đã nói:

"Trăm năm trong cõi người ta
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau".

Tuổi ấu-thơ ngà ngọc, lựa là ôi sao quá ngắn ngủi; người con gái ở tuổi xuân thì như bông hướng-dương đang độ triển-khai hương sắc, đã làm say mê bao gã trai làng gần xa, ngày đêm ngơ-ngẩn chỉ mong tìm đường bấn tiếng đưa tin. Nhưng gia-pháp cực kỳ nghiêm-minh, tuổi mười lăm như trăng tròn vằng-vặc treo lơ-lửng giữa vòm trời, chỉ tỏa ánh sáng dịu-dàng long-lanh trên sóng nước, mà chẳng để cho đám lục-bình trôi giạt làm mờ nhạt ánh trăng thanh. Tiếng lành đồn xa, một ngày đã tới tai Cự cử Đạm, vùng Nam Định. Nghe danh của Lý gia vùng Ninh Giang nên đã lần tìm đến để làm quen. Thế rồi anh hùng ngộ anh hùng, trong ba ngày ba đêm thỏa tình tâm-sự luận-bàn về võ nghệ và thế cuộc cổ kim; lúc cạnh chung trà, khi bên mâm rượu, hai người tưởng như là mình đã gặp nhau tự thuở nào:

"Tri-kỷ tương phùng như sương khói
Trăng tàn chưa nghĩ chuyện chia tay"

Đứng hầu cha và khách quý, cô gái cưng của Lý lão giúp mẹ đảm-đang sai khiến gia-nhân hết lòng cung-phụng cha già và khách lạ. Trong lúc say-sưa bình thơ, luận võ, khách cũng đôi lần kín đáo thử tài cô con gái rượu của nhà họ Lý, và cô gái cũng đã làm sảng sốt Cự Cử vùng Nam Định qua tài ứng đối, và cung cách đoan-trang của mình. Cự Cử hết lòng khen ngợi và quý mến; rồi trong câu chuyện, chủ, khách cũng đã xa gần bàn đến việc se kết sợi tơ hồng cho đôi trẻ. Rồi thì ước ao của khách như một tiền-duyên định sẵn, chỉ đợi ngày lành tháng tốt để kết hợp suôi-gia. Tin người con gái họ Lý sắp sang sông để làm dâu nhà người khác, đã làm xôn-xao cả làng trên xóm dưới. Thế là từ nay, vào những đêm trăng tròn, nhìn lên đầu ngọn tre, những chàng trai đa tình của các làng Tranh, làng Nhổng, làng Nhảy đã không còn thấy vầng trăng vằng-vặc để mà ước, mà mơ "Vầng trăng ai xẻ làm đôi - Nửa soi gối chiếu nửa soi dặm trường" (2) nữa. Và cũng vào những đêm trăng huyền-hoặc, trên dòng sông, bên bờ ruộng, người ta cũng không còn nghe thấy những điệu hát câu hò ví von đưa đẩy:

"Hỡi cô tát nước bên đàng
Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi" (3)

Ngày nước dâu là ngày vui mừng, náo-nhiệt của hai họ, nhưng cũng là ngày cô gái mười lăm biết thế nào là cảnh biệt-ly, xa cách. Nhưng những giọt nước

mắt vu-quy chảy trên đôi má hồng, chỉ càng làm tăng thêm vẻ đẹp náo-nùng của cô dâu trong ngày cưới, lẫn lộn với những tiếng cười khúc-khích trên chóc của các cô phù-dâu, và tiếng mẹ đổ-dành khuyên bảo:

*"Gái lớn ai không phải lấy chồng
Can gì mà khóc nín đi không
Nín đi! Mặc áo ra chào họ
Rõ quý con tôi các chị trông"* (4)

Nhưng đã có mấy ai hiểu được tâm-tình thâm-kín của một người mẹ đối với con nó sâu đậm đến như thế nào; tươi cười ngoài mặt với mọi người, mà đau đớn xót-xa ở bên trong. Cũng bởi chỉ có người mẹ mới hiểu, và cảm-thông được nỗi lòng của con gái lúc từ giã gia-đình để về nhà chồng. Con thuyền hoa đang đậu chờ nơi bến. Cô gái vừa độ xuân thì ngập-ngừng bịn-rịn, lạy mẹ lạy cha, từ biệt các anh chị và cậu em trai út để bước xuống thuyền trong tiếng pháo nổ ran, làm bao nhiêu cặp mắt nhìn theo ngấn-ngờ nuôi-tiếc. Trong đó có cậu em trai đã lên nhà ra núp ở cổng làng, để được nhìn chị một lần cuối bước xuống thuyền, xuôi dòng về đống bến vu-quy:

*"Chị tôi nước mắt đầm đìa
Chào hai họ để đi về nhà ai
Mẹ trông theo mẹ thở dài"*

*Dây pháo đỏ bỗng ngang trời nổ ran
Tôi ra đứng ở đầu làng
Ngồi trông theo chị khuất ngàn dâu thưa"* (5)

Xác pháo tung bay tưng bừng như cánh bướm trong ngày cưới, mà sao trông tan tác như lòng của mẹ, của em, và của những chàng trai si tình bị hụt lừa sai duyên.

**

Ngày về nhà chồng cũng chính là ngày mẹ rời bỏ gia-đình, cha mẹ và anh chị em để bước chân vào một thế giới mới. Thế giới của "nhà chồng". Thế-hệ của mẹ là thế-hệ của những người con gái được nuôi-dưỡng và vun trồng bằng lễ-giáo của những "tam tông tứ đức". Ở nhà thì nghe lời cha, mẹ. Đến khi về nhà chồng thì người phụ-nữ Việt-Nam phải coi giang-sơn nhà chồng như nhà mình. Hai tiếng "làm dâu" như một bản án oan khuất của một phiên tòa trong một xã-hội khắc-nghiệt, đã nhốt người đàn bà Việt-Nam vào cái khuôn khổ định sẵn ngàn đời trong một ngôi nhà tù khổng lồ không lối thoát, và chốn ngục tù vô hình này đã buộc chặt cuộc đời của mẹ trong trách-nhiệm làm dâu, làm vợ và làm mẹ... Cũng vì được nuôi-dưỡng và trưởng-thành trong cái môi-trường cổ-điển đó, mà mẹ đã chấp nhận nó như một vinh-dự của một người "dâu ngoan", một người "vợ hiền", để suốt đời chỉ biết chịu-đựng và hy-sinh, chiều chuộng cha mẹ chồng, vun bồi cho giang-sơn nhà chồng... không một lời than-van oán trách, cho dù có phải gặp những trở-trêu, và nghịch-cảnh.

Mẹ đã sinh ra tất cả 13 người con, nhưng định-mệnh cay-nghiệt đã cướp đi của mẹ 2 người để còn lại một đàn con 11 đứa. Mười ba lần sinh nở, là đủ

mười ba lần mẹ một mình âm-thầm lần bước trong cuộc hành-trình vượt cạn. Mẹ đã phải mím môi, trợn mắt, bấm chân để vượt qua những quãng đường dài đau đớn như xé nát cả ruột gan và tưởng chừng như vô-tận:

*"Đàn ông đi biển có đôi
Đàn bà vượt cạn mồ côi một mình"* (6).

Nhưng cái đau đớn về thể xác qua những lần sinh nở, cũng chưa khủng-khiếp bằng cái đau đớn về tinh-thần; khi mẹ, người thiếu-phụ chỉ mới có mười sáu tuổi đầu, lặng người qua ánh mắt lạc thần, nhìn đứa con trai đầu lòng trút hơi thở cuối cùng trong vòng tay bất-lực của mình. Và

*"Rồi cứ thế dòng đời xuôi ngược mãi
Mẹ trải đời dâu bể với chồng con..."*

Mẹ thật sự đã trải qua nhiều đổi thay dâu bể của cuộc đời qua gần một thế-kỷ. Thời son trẻ, mẹ đã sớm hy-sinh đôi "mắt biếc má hồng", và gạt bỏ những mộng-mơ lãng-mạn của một đời con gái, để sẵn tay vén sống, bước trên những quãng đường đời lầy lội... Nhưng thân mình chẳng quản gian-nan, con đường chông gai trước mặt không làm mẹ nản lòng, sờn chí, mà lúc nào cũng chỉ muốn quay lại đằng sau như đợi như chờ, để vỗ về an-ùi, diu-dắt những ai còn đang bị chùn chân, ngập bước...

Tháng Ba năm đói (1945), một mình mẹ đảm đang cai-quản những kho thóc gạo đầy ắp; nhưng định-mệnh nghiệt-ngã đã phủ trùm lên đầu cả một dân-tộc, thóc lúa ê-hề mà người dân phải chịu chết đói vì chính-sách tàn độc của đám con cháu Thái-Dương Thần Nữ, đã lấy thóc gạo đốt thay than củi, để làm kiệt-quệ nguồn sinh-lực của một quốc-gia; kết quả là hằng triệu người miền Bắc bị chết đói, tiếng than khóc và mùi tử-khí xông thấu trời xanh... Trong những giờ phút tang tóc và đen tối của lịch-sử dân-tộc, mẹ đã can-đảm đứng ra rải gạo cứu giúp những kẻ đói khát khốn cùng. Hằng ngày sai khiến gia-nhân nấu cháo phát-chẩn nuôi sống những người còn thoi thóp, mà chẳng ngại thân mình sẽ lãnh hậu-quả ra sao từ đám quân-phiệt ngày đêm kiểm-soát gặt gạo, làm gợi đến hình ảnh Phật Bà Quan-Âm với nhành dương-liễu rải nước cam-lồ cứu khổ chúng-sinh...

Thế rồi kháng-chiến bùng nổ khắp nơi. Lệnh tản-cư và "tiêu-thổ kháng-chiến" của Việt Minh đẩy bố mẹ và gia-đình vào hết thảm-họa này đến hiểm-nguy khác. Bố mẹ đã phải bỏ cửa bỏ nhà, ruộng vườn tài-sản để ra đi với hai bàn tay trắng, cùng với người em trai đa tài đa cảm, đã hết lòng gắn bó với anh chị; một vai đeo cây đàn, một vai gánh hai cháu về vùng quê lánh nạn, để bắt đầu cho một kiếp sống đọa-đày triền-miên khổ-ải... Cũng bắt đầu từ đó, cuộc đời mẹ như một cánh bèo nổi trôi trên những dòng sông đời cuộn cuộn chảy:

*"Thuyền đời chở mẹ bao nhiêu chuyến
Qua những dòng sông lạ bến bờ
Mẹ vẫn mỉm cười coi thế sự
Thăng-trầm như những truyện trong mơ"*.

Nhưng cho dù ở trong hoàn cảnh nào đi chăng nữa, thì bao giờ mẹ cũng xả thân như một con cò vượt cánh ra để bao bọc đàn con; không, mà còn hơn thế nữa; bởi vì:

*"Cánh cò che nắng che mưa
Mẹ tôi che cả bốn mùa gió sương"*

... Rồi thì tới một ngày hồi-cư về Hà Nội, bố mẹ những tưởng là mình đã trải qua hết thời kỳ đen tối, và cũng đã nhiều đêm thì-thăm toan tính ước-mơ gây-dựng lại sự-nghiệp tương-lai cho đàn con; nhưng chẳng bao lâu thì lại một lần tay trắng để cất bước di-cư... Hiệp-định Genève 1954, cái mốc thời-gian đánh dấu một vết hằn trên trang sử của đời người và của cả một dân-tộc, với dòng sông Bến Hải tủi hờn ngăn cách. Cũng ở thời điểm này, mẹ đã đón nhận hung tin của người em trai yêu quý; để nước mắt của người chị lại một lần nữa đổ xuống như bão như mưa. Việt Minh Cộng Sản đã cướp đi của mẹ người em trai tuấn-tú với bản án tử-hình "thành phần tiểu-tư-sản" gắn trên ngực. Hung tin này cùng với kinh-nghiệm chung sống ở những vùng Cộng-Sản kiểm-soát trong thời kỳ tản-cư, đủ để thúc đẩy bố mẹ phải bỏ lại tất cả để ra đi, mong làm lại những gì đã mất. Đất nước chia đôi. Từ đó đôi bờ cách biệt. Vào đến vùng đất mới phi-nhiều của miền Nam ngút-ngàn sông nước, chưa kịp hít thở luồng không-khí tự-do, mẹ đã vội gào lên những tiếng kêu khóc thống-thiết, xót-xa khi phải nhìn lần thứ nhì, đứa con trai mới mở mắt chào đời vừa trả nốt cái nghiệp-quả cho gia-đình, dòng họ trong cuộc di-cư vĩ-đại của cả một dân-tộc.

"Tự thuở vào đời, lần lượt từng đứa con đã được ấp ủ và nuôi dưỡng bằng những dòng sữa tươi mát chảy ra từ thân thể, và những lời ru ngọt ngào, thơm ngát như vị mật ong rừng của mẹ, cho đến ngày các con lớn khôn... Nhưng chưa ai được một lần báo đền công ơn sinh-dưỡng của song thân, thì các con của mẹ đã phải lao mình vào cuộc sống hiểm-nguy để bảo-vệ cho cái lý-tưởng tự-do của dân-tộc. Mẹ có tất cả 4 người con đi lính. Rải đều cho các quân binh-chủng trong "Quân-Lực Việt-Nam Cộng-Hòa". Đứa Không-Quân, đứa Hải-Quân đứa Bộ-Binh miệt-mài nơi trận địa, khắp 4 vùng chiến-thuật, từ tận mũi Cà Mau vượt qua bên kia dòng sông Bến-Hải. Kể từ trước Tết Mậu-Thân 68 đến sau Mùa Hè 72, đã biết bao lần mẹ mòn mỏi, hao gầy, tựa cửa đón chờ từng đứa con yêu trở về từ cõi chết... Thế mà màu-nhiệm thay, trải qua hơn mười năm chiến trận, đàn con yêu quý của mẹ vẫn vẹn toàn, không sút mẻ. Thật là đúng với câu "Phúc Đức Tại Mẫu"; nhưng đã làm cho người con dâu trưởng của mẹ phải chịu làm một "Hòn Vọng Phu" cuối thế-kỷ thứ 20, với hơn mười năm bầm-dập cuộc đời, "mười năm nước mắt vẫn thường thay canh" (7); qua những đêm dài thao-thức, thấp-thỏm đợi chờ tin mừng, tin dữ của chồng, của những đứa em, cho tới ngày tàn cuộc chiến...

"Phúc bất trùng lai - Họa vô đơn chí", cuối tháng Tư năm 1975, sau một đêm kinh-hoàng đón nhận những lần đạn thù tàn-độc, hần-học trút lên đầu những người dân lành vô tội. Bố mẹ cùng gia-đình lại một lần nữa bỏ lại tất cả để cất bước ra đi, nương nhờ ẩn nấu nơi xứ lạ quê người... để tránh cái bóng

ma quái của của bọn Cộng-Sản vô thần, vô gia-đình vô tổ-quốc. Sau lần di-tàn vĩ-đại này, bố mẹ như đã thấm mệt với cuộc đời, muốn dừng bước nơi đây, để nhận Hoa Kỳ làm miền quê-hương thứ hai, và để nhìn con cháu lần lượt lớn khôn như những nhú măng non đang đâm chồi nảy lộc. Thế mà trên bước đường luân-lạc, bố mẹ vẫn còn phải trải qua thêm những bước nhọc nhằn trong cuộc sống, từ Đông qua Tây... Cho tới một ngày có mưa bay làm cay đôi mắt, có gió thổi làm lạnh lòng người, Bố đã buông tay để về cõi vĩnh hằng cao diệu vợi, bỏ lại cho mẹ cả một "tình kiếp nghiệt-ngã đọa-dày" nơi cõi thế. Ôi! Cuộc đời của mẹ, đời một người con gái từ lúc bắt đầu biết mộng-mơ cũng là lúc bắt đầu biết thế nào là đau thương, phiền muộn; đã phải đắm mình vào trong bể nước mắt của khổ hải trầm-luân; cho đến lúc cuối đời vẫn còn phải sùng-sững vượt tầm lưng còng, đứng thẳng cho đàn con tựa nhờ, nương náu:

*"Giọt lệ mẹ già như hạt ngọc
Nhỏ xuống cho lòng con xót-xa
Thân xác bố tan vào cát bụi
Mẹ đứng mây che bóng xế tà"*

Ôi! Sao chữ hiếu của mẹ đã quá nặng nề, và dài dang-dặc, trải qua suốt cả một kiếp người. Mẹ là bà mẹ "Phù sa":

*"Bao nhiêu năm lận đận
Chưa được mấy lúc mừng" (8),*

vậy mà mẹ chẳng bao giờ than trách, chỉ sống với tình thương:

*"Ngày xưa ru con bằng thơ
Bây giờ mẹ dạy con lời đạo gia
Tâm Vô Lượng: Từ, Bi, Hỷ, Xả
Miệng vui tươi niệm Đức Di-Đà".*

Thật vậy, mẹ chẳng những tiếp tục sống với tình thương, mà còn đem tình thương reo rắc qua những sinh-hoạt trong cộng-đồng và ngoài xã-hội. Mẹ đã chẳng quản thân già mệt mỏi yếu đau, mà hòa mình vào với những "hội-hè đình-đám" của các Hội Đền Hùng, Quốc-Tổ Vọng-Tử, Hội Đền Quan Tuần, Ban Tụng-Niệm để tiếp tục duy-trì văn-hóa, phong-tục cổ-truyền của dân-tộc Việt Nam nơi xứ lạ, quê người. Mẹ đã và vẫn tiếp-tục bồi đắp phù-sa tình thương trong lòng con cháu: Chẳng khác nào như một "Bồ Đề Tát Đỏa" xuống trần gian để dìu dắt chúng sinh vượt qua bể khổ:

*"Mẹ ngồi tụng-niệm trong am vắng
Riu-rít bên ngoài chim líu-lo
Lời kinh trầm-mặc truyền tâm-cảm
Đưa bước nhân-gian một chuyến đò"*

Nhưng cõi Ta Bà chẳng phải là nơi vĩnh-hằng của Bồ-tát, cho nên từ những tháng năm cuối của cuộc đời, sức khỏe của mẹ đã suy kém, với căn bệnh ngặt nghèo vô phương cứu chữa, mà mẹ đã và đang quẫn-quại để chống chọi với tử-thần... Bi hùng thay, trong cơn đau đớn của xác thân phàm tục mẹ vẫn mỉm cười chịu-đựng những đọa đày của cuộc sống

mà chẳng hề hé môi than-vãn. Nếu thuốc trần không trị nổi căn bệnh trầm kha, thì đã có liều tâm-thang huyền-nhiệm giúp mẹ vừa hùng dũng vượt qua từng chặng đường ngăn ngai của tử thần, vừa tính toán lo toan cho con cháu; vun bồi cho đứa này, bù đắp cho đứa kia. Mẹ đã để lại cho đàn con cháu một gia-sản khổng lồ, mà chúng con chỉ sợ suốt cả đời cũng không đủ tài đức và khả-năng để tiêu dùng cho hết. Đó là "Nụ cười hiền dịu với tha-nhân - Là dung thứ, là tấm lòng quảng-đại." Quỳ bên giường bệnh của mẹ mà con cháu như chết cả cõi lòng. Đầu óc trống rỗng của đám cháu con đang gào lên những tiếng kêu bi-thương, thống-thiết. Ôi! Sao con tạo vẫn vô-tình, tàn-nhân bắt mẹ phải trải thêm nhiều thử-thách:

"Thật vàng chẳng phải thau dẫu
Mà đem thử lửa cho đau lòng vàng" (9)

... Mẹ ơi! Chúng con biết làm gì đây để gánh những đau đớn thay cho mẹ:

"Ai cấp lửa trời soi nhân thế
Con chịu mù lòa sáng thế gian
Mẹ đã vì ai nơi cõi tục
Đường trần chở nặng những gian-nan"

Ngày xưa khi sinh ra các con, mẹ một mình vượt cạn; bây giờ đến phút cuối đời, con cháu đầy đàn mà cũng chỉ một mình mẹ lần bước tìm về nơi huyệt mộ cõi u minh, như lần thử thách cuối cùng dành cho một Bồ-Tát: "Con quỳ lạy mẹ muôn ngàn lạy - Để đáp đền ơn dưỡng-dục này!".

Phải chăng mẹ đã và đang sống cuộc đời của một Bồ-Đề Tát-Đỏa" mà tự tiền kiếp nào đã có lời thệ nguyện thương xót trần gian hơn cả luyến mến thiên đường:

"Cây bưởi trắng ngát hương đời
Nụ là tay Phật chỉ người qua sông
Ngón tay nở nụ đào hồng
Cầm nghiêng Tịnh-Độ một phương diêu vời" (10)

Mùa Vu-Lan năm Phật lịch 2549.

**Nam-Mô Sa-Bà Giáo-Chủ
Bổn Sư Thích-Ca Mâu-Ni Phật
Nam-Mô U-Minh Giáo-Chủ Bản-Tôn
Địa-Tạng Vương Bồ-Tát
Nam-Mô Mục-Kiều-Liên Bồ-Tát**

Chú-Thích:

- (1) Chinh Phụ Ngâm của Đặng Trần Côn. Bản dịch của Bà Đoàn Thị Điểm.
(2), (3), (6), (9) Ca-Dao Tục-ngữ Việt Nam
(4), (5), (7) Thơ Nguyễn Bính.
(8) "Bà Mẹ Phù Sa" Nhạc Phạm Duy
(10) Thơ Phạm Thiên-Thư

Thơ ● Tuệ Nga

Qua biển nhỏ



Vượt qua biển nhỏ tôi về
Thấy khu vườn nhỏ nằm nghe gió buồn
Thấy cây Ngâu nặng trĩu sương
Thấy hàng bóng Bụt nhện vương tơ trời

Là bao nhiêu nỗi bồi hồi
Thấy tôi ngơ ngẩn giữa trời có hương
Mảnh vườn năm cũ, ôi thương
Rong rêu phủ kín con đường ngày xưa

Tôi nghe vời vời âm thừa
Bao nhiêu thương nhớ cho vừa, ôi quê
Những đêm trăng sáng, thơ về
Đã thành cổ tích bốn bề lặng câm !

Tôi đi từng bước âm thầm
Vượt qua biển nhỏ mấy lần thăm quê
Vào mở hồn mộng lệ thê
Vào mở tôi đã thăm quê bao lần !
Bằng khoáng giữa cõi hồng trần
Thực, Hư, Chân Giả ngại ngần bước ai
Non sông vẫn khối sầu dài ...



Lại gặp bên nhau

● Trần Thị Hương Cau

Bảo hôn nhẹ lên trán Phượng, chúc ngủ ngon rồi trở mình quay lưng về phía vợ. Chỉ vài phút sau, Phượng đã nghe tiếng ngáy đều đều của chồng. Ngay sau giây phút thỏa mãn là anh ấy có thể rơi ngay vào giấc ngủ ngon lành như một đứa bé vừa được bú no nê, còn cô thì mãi thao thức với những trăn trở cồn cào. Phượng kéo chăn lên tận cằm, trời mới chớm thu mà đã hiu hắt lạnh. Còn đâu cái nóng thiêu người ở quê nhà mà cô vừa rời bỏ sau lưng. Thói quen trong những đêm mất ngủ đưa đẩy tâm tư Phượng bỗng bỗng chìm vào vùng ký ức êm ả

.... Tiếng chuông reng làm cả lớp hồi sinh sau hai giờ học khô khan dài dằng dẳng trong không khí oi ả của những ngày đầu hạ. Phượng thức tay vào hông Hằng, đùa:

- Chưa tỉnh hả nhỏ?

Hằng chép miệng than phiền:

- Đứa nào có sáng kiến gọi môn "Công nghệ kim loại" là "Cơm nguội hâm lại" thiệt là đúng hết sức. Môn học gì mà chán ngán y như nhai cơm nguội!

Thấy Phượng chỉ cười nhẹ, Hằng thêm:

- Cả lớp ngủ gà ngủ gục hết chỉ còn mi là ngồi nghiêm chính học hành.

- Con khỉ! Ta cũng riu cả mắt nhưng bị lão thầy chiếu tướng quá nên phải ráng trợn mắt ốc bươu lên. Tối hôm qua nóng quá hay sao mà trần trọc cả đêm...

Hằng hốt ngang:

- Chớ không phải mi mất ngủ vì vừa nhận được thư của Lam?

Thấy bạn im lặng Hằng biết mình đoán trúng nên đổi giọng gay gắt:

- Thôi mi ơi, ta thấy mi rầu rĩ tới đây là đủ rồi đó nghe Phượng! Tung hê hết đi. Đời đã hết đàn ông đâu, nhất là đối với một đứa đẹp nghiêng thùng đổ rác như mi thì ta bảo đảm trong chớp nhoáng mi sẽ tìm được một người tài ba bằng mấy lần ông Lam. Như lão thầy dạy Công nghệ của bọn mình nãy giờ nhìn mi mê mết đó thôi. Tội gì cứ khư khư tiếc nhớ một người không giữ được chữ tín!

Đúng là hôm qua Phượng vừa nhận được thư Lam. Vẫn là những thương nhớ triền miên anh dành cho Phượng. Họ yêu nhau năm năm trời khi Phượng hãy còn

là cô học trò lớp mười ngày thơ ngoan hiền như trang giấy trắng còn Lam thì từ một thị xã khô cằn ngoài miền Trung khăn gói vào Sài Gòn học đại học. Lam là con trưởng một gia đình nghèo đông em, cha đã qua đời. Anh vừa đi học vừa làm thêm, khi thì kèm trẻ, khi thì sửa xe và có khi làm cả thợ hồ để tự kiếm sống. Đến dạy Phượng học, khâm phục trước nghị lực, thông minh cũng như sự tháo vát của Lam, cô đã yêu anh. Năm năm qua họ có với nhau bao nhiêu là kỷ niệm dịu ngọt lẫn hứa hẹn đầm thắm cho tương lai đôi lứa khi Phượng ra trường. Bất ngờ Lam lại được đi tu nghiệp tại Đức hai năm nhờ học bổng dành cho những người tốt nghiệp Cử nhân xuất sắc trong viện.

- Chỉ hai năm thôi, thời gian sẽ qua mau lắm, ráng chờ anh nghe Phượng!

Lam đã nói vậy khi họ đi chơi với nhau lần cuối cùng trước khi Lam rời thành phố. Để tránh sự buồn bã của ngày ly biệt, Phượng còn nghịch ngợm:

- Anh không biết chỗ mấy con bạn em ngoài Bắc vào có câu: *Có người yêu để đi Tây. Như rim (dream) không khóa để ngay bờ hồ !*

Phượng nhớ Lam còn trách ghờ này mà Phượng vẫn còn đùa được trong khi anh đang tính chuyện rất nghiêm túc:

- Hai năm nữa em sẽ học xong còn anh qua đó sẽ cố học và dành dụm để khi về đủ tiền cho hai đứa mình gây dựng gia đình. Anh chỉ lo về phía em bởi vì... Phượng quá đẹp mà anh lại ở quá xa.

Phượng dụi mặt vào vai Lam tìm sự gắn gũi thân thương. Anh trầm tĩnh già dặn so với lứa tuổi. Có lẽ vì cuộc sống quá sức chật vật, đẩy rẫy những lo toan đã lấn át đi nhiều bản tính hồn nhiên tuổi trẻ trong anh. Lam có biết đâu, chính vì vậy mà Phượng đã yêu anh với niềm tin yêu tuyệt đối mà không một chàng trai nào dù có hào hoa phong nhã đi mấy nữa vẫn không làm cô ngả nghiêng được.

Lam đi rồi, Phượng nâng niu trân trọng từng chút kỷ vật còn sót lại. Trong ngăn kéo bàn học, Phượng âm thầm gìn giữ cái bật lửa rẻ tiền và hai điều thuốc nhàu nát để mỗi lần nhớ Lam, cô lại lấy ra ngắm nghía. Phượng đắm mê những chùm thơ tình da diết, tưởng như người ta đã viết dùm cho tâm sự của mình:

Sài gòn thu về anh thân yêu ơi

Cơn bão rớt chạy ngang thành phố đẹp

Bão trong mắt nên mắt thành màu tím

Bão là mưa nên mắt ướt đợi chờ

Thu Sài Gòn vẫn là thu rất mưa

Những hạnh phúc như dòng mưa đổ xuống

Mọc thành cây nắm ngọt giữa trời

Như em bao giờ chỉ cũng có anh thôi

Những chấp nhận đắng cay và thua thiệt

Những rạn nứt và trăm điều bi thiết

Chảy thành sông thành biển cuốn trôi rừng

Anh ở đâu, tình yêu rục rữa

Thành tro than đốt cháy buổi đầu

Thu Sài Gòn vẫn là thu bão

Chuyển đến đời những biển nhớ lao đao...

(Phạm Thị Ngọc Liên)

Phượng đợi đúng hai mùa xuân, chăm chỉ học hành và thao thức viết thư cho người yêu, không đặt chân tới một chỗ vui chơi tiệc tùng nào. Khi mùa đông đến, Phượng hăm hở đi mua len về cặm cũi đan một chiếc cổ lọ màu đồng đỏ với những mũi thừng xoắn xuýt như mong ước cột chặt đời lứa đôi, gửi đến cho Lam. Đạo ấy, Hằng vẫn thường cằn nhằn bạn:

- Nhỏ làm gì mà cặm cung giữ vậy? Bộ trước khi đi lão Lam có bắt mi thể độc là không được bay nhảy hả? Khùng! Đời là phải "vui đâu - chầu đấy", nhớ chưa!

Phượng muốn giải thích cho bạn về cái *thú đau thương* được sống với người yêu trong nỗi nhớ mênh mang đầy đê mê chất ngất. Nhưng thôi, nói ra nhiều khi Hằng không hiểu lại cười là Phượng *mát* dây cũng nên. Chơi với nhau từ hồi còn trung học, rất thân tuy tính tình hai đứa lại trái hẳn như mặt trời mặt trăng. Hè đến, Phượng đi học làm bánh, nấu ăn thì Hằng đi học nhảy. Phượng thích yên tĩnh đắm mình vào những trang sách thì Hằng lại thích lăn xả đến những nơi đông hội rộn ràng. Nhưng họ vẫn khăng khít, vẫn lắng nghe và thực lòng chia sẻ với nhau trong bất kỳ một niềm vui hay nỗi buồn đến với một trong hai người bọn họ.

Ba tháng trước, lá thư định mệnh đã đến với Phượng. Thời hạn hai năm đã qua, thay vì trở về, Lam quyết định kết hôn với một người đàn bà bản xứ đã nặng lòng yêu anh để anh có điều kiện ở lại Đức và qua đó là phương tiện để anh có thể tiếp tục phụ giúp bầy em nheo nhóc một cách hiệu quả nhất. Anh không yêu bà ta nhưng anh phải chung sống đủ bốn năm theo luật định để được lưu trú vĩnh viễn rồi sau đó mới có thể ly dị được. Lam mong Phượng ráng đặt mình vào những khó khăn của anh để thông cảm và chờ đợi thêm bốn năm nữa rồi sẽ có ngày họ được đoàn tụ đời đời. Thoạt đầu, Phượng tưởng mình có thể phát điên lên vì uất ức trước mối chân tình đã không được trân trọng nhưng dần dà bình tĩnh lại, Phượng thấy nếu mình là Lam, chưa chắc gì mình có thể thanh thoi để yên tâm lo toan cho hạnh phúc cá nhân mà không nghĩ ngợi đến gánh nặng gia đình. Cha mất, mẹ Lam một mình tần tảo nuôi sáu con. Chỉ có Lam là vào được đại học còn cả bầy em thì ở nhà phụ mẹ làm rẫy. Phượng đã có lần theo Lam về thăm gia đình anh. Cái nghèo trần trụi từ mái tôn dột nát, bốn vách lá hở hang thông thoáng đến nền đất lấm bụi khiến Phượng bàng hoàng, tiếp đó là những đôi mắt, những đôi mắt đói khát sâu hóm trên gương mặt đen đúa hốc hác của đàn trẻ lại khiến Phượng bui ngủi và cuối cùng là cảnh tranh giành nhau ăn những thứ bánh trái giản dị mà Lam mang về đã khiến Phượng rưng rưng. Mỗi lần nhớ lại những hình ảnh đó cũng đủ để thuyết phục Phượng trong giây lát là Lam đã quyết định không sai. Trong cán cân tình cảm, Phượng biết mình không là một trọng lượng đáng kể nào cả so với tình nặng nghĩa sâu của cả gia đình Lam, vậy thì đành phải đau đớn chấp nhận cái tình huống oái oăm vây chặt đời mình chứ than trách gì nữa. Giá như vì một lý do nào khác mà Lam nhất thiết phải vắng mặt một thời gian dài như thế, Phượng nghĩ là mình sẵn lòng chờ đợi như mẹ đã chờ đợi cha suốt tám năm lao tù cải tạo. Còn nay Phượng chỉ ngự trị được

trong tim của Lam trong khi người đàn bà kia lại sở hữu toàn bộ con người bằng xương bằng thịt của anh thì đó là cả một sự châm biếm đầy tính chất bi hài trong định nghĩa tình yêu mà mỗi lần nghĩ đến, chính Phượng cũng thấy mỉa mai, chua xót, không biết mình có đủ cảm thông để vô vô chờ đợi Lam tiếp tục hay không? Phượng vật vờ sống như người mộng du không định hướng, không cần một lời lý giải hay khuyên nhủ của ai cả, mặc cho dòng đời đưa đẩy mình đi.

Thần thờ, Phượng thu dọn sách vở cùng bạn ra về. Hôm nay thứ bảy, mọi người đều hớn hở sắp đặt cho một cuối tuần giải trí vui nhộn. Chạy xe song song, Hằng đề nghị:

- Ê, tối nay con Lan Anh bên khoa Điện mời hai đứa mình đi dự sinh nhật đó. Ta lại đang muốn nhân tiện chuẩn tới thăm ông Kiệt vì độ này bố mẹ ta canh ta giữ quá, không đi đâu được. Yêu mà không gặp được nhau nên hôm nào ta cũng phải rên hừ hừ: *Đêm qua ba bốn lần mơ, chiêm bao thấy bậu, dậy rồi chiếu không*. Phượng nè, nhờ mi tối nay ghé ngang rủ ta một tiếng để ta ra khỏi nhà được không?

Phượng biết bạn muốn nhờ mình làm bình phong để có thể đến với tình nhân nên giãi bày:

- Thôi đi, lỡ mà bên nhà chồng mi biết là phiền lắm. Còn có mấy tháng nữa là sang bên đó rồi mà Hằng.

Hằng bí môi:

- Lo bò trắng răng. Cả năm nay có sao đâu!

Đúng là chưa sao cả vì chỗ hẹn của Hằng và ông Kiệt là căn nhà lụp xụp của người họa sĩ nghèo trong một ngõ hẻm lầy lội phía sau cổng xe lửa số sáu. Phượng đã có lần cùng Hằng đến đó. Đường dẫn vào nhà Kiệt vòng vèo như trận đồ bát quái với những mái tôn vá vứu nhô ra vào khắp khểnh. Một bầy choai choai mặt mũi lác cắc đàn dúm hút thuốc lá, thấy hai cô gái liền buông lời chọc ghẹo tục tĩu. Đã đến quen mà Hằng cũng phải dò dẫm mãi mới tìm ra nhà. Phía sau nhà là một ruộng rau muống cạn đại chang và trên đầu dây điện cao thế kêu o o như gầm gừ đe dọa. Kêu mãi nhà họa sĩ mới ra mở cửa với đôi mắt đỏ kè ngái ngủ trong bộ bà ba trắng nhàu nát. Quan sát ông Kiệt, Phượng phải nhủ thầm, ông ta hội đủ ba điều kiện để chúng tỏ ông là một họa sĩ chân chính! Thứ nhất là vì ông đã ngủ đến tận chiều tà, thứ hai là mái tóc rối bù được cột túm lại bằng một sợi cao su vắt vẻo sau lưng và thứ ba là nghèo xơ xác. Con Hằng nổi tiếng chơi bạo liều lĩnh trong trường đã biến mất. Trước mắt Phượng bây giờ là một cô bé Hằng hiền thực vừa líu lo dọn dẹp nhà cửa vừa bày ra bàn các thứ bánh trái mà hai đứa đã khổ công đi cả buổi trưa mua sắm, khiêng vác kệ nệ như cho cả chục người ăn, vừa sùng kính ngược nhìn nhà họa sĩ ốm o gầy gò như đang mang một thứ bệnh trầm kha nào đó. Ông Kiệt rất ít nói, chỉ ừ hừ khi cần và cũng chỉ mở miệng khi cho thức ăn vào. khắp bốn bức tường treo tranh la liệt. Toàn là tranh lập thể với những mảng màu chói chang mạnh bạo hoàn toàn trái ngược với vóc dáng của nhà họa sĩ khiến Phượng phải chóng mặt nghĩ thầm: Ông ấy phải đến mấy xú lạnh may ra mới có khách hàng tiêu thụ nổi tranh của ông, chứ nếu mang trang trí những tấm thảm lửa này trong các phòng khách

nhìn sang căn nhà Sầm Nơn xa xa, Chau Rết nhớ Lại, nhớ gương mặt Lại thanh thoát, cử chỉ nhã nhặn, cười tươi như bánh bò bông, nhưng Lại cao sang quá, người đẹp Việt Nam như Lại làm sao về làm dâu ở Sóc Xà Lôn hẻo lánh nghèo nàn. Chau Rết cứ mơ, bạn bè đều tốt với Chau Rết, nếu lỡ dở cũng không ai chế nhạo, chưa có đứa nào chê Chau Rết "Mai Liên" (Miên lai) hay chết đuối. Lại vẫn niềm nở, không hiểu xã giao hay chân tình với Chau Rết. Sự vui vẻ dành cho mọi người, điều này Chau Rết khó hiểu nổi. Nhà Lại là tiệm may, phải chiều khách, nhứt là giới lính tráng ở xa đi hành quân ngang, mang áo lành lặn nhờ Lại vá, để có cơ hội ngồi nói chuyện hàng giờ, Lại vừa may vừa tiếp chuyện.

Biến cố gây sự hiểu lầm to tát cho gia đình Rết là ngày Lại biếu Rết (hay cho ba má Rết) gói bánh chợ, bánh bò, bánh da lợn, bánh men sau buổi cúng cơm. Pù Khét và Ì O sung sướng vô cùng, con mình được bạn gái Việt Nam ở chợ cho bánh. "Con nhỏ đó trắng không?". Ì O hỏi, khi mấy đứa cháu giành ăn bánh chợ muốn đánh lợn. "Lấy gì cho lại?". Không lẽ gởi bánh thốt nốt, bánh gói, bánh ống? Sóc này có ba thứ bánh, màu tối sậm, so với bánh chợ màu mè sao được. Lại là cái bánh bò bông, Sầm Nơn là cái bánh thốt nốt. Lại trắng trẻo, cổ tay đeo sợi dây bạc đẹp và thanh nhã, tóc dài vuốt trên vai, lơ là. Sầm Nơn da bánh thốt nốt, có bao nhiêu nữ trang bằng vàng đeo hết lên người vào dịp đám cưới, lễ lộc nào hoa tai, dây chuyền, neo, kiềng chân... vàng hực.

Chau Rết đã dặn dĩ ở chợ, dám theo bạn uống cà-phê, lén phi phà thuốc lá, để tỏ ra mình cũng như ai. Đối diện với Lại, Rết luống cuống, tay chân làm như dư thừa, muốn nói văn chương mà vốn liếng học giờ giảng văn trốn đầu mất, lâu lâu nhớ một câu thơ mà ấp úng, ngượng ngập không ra lời, chưa dám gọi Lại là "em". Ôi! Tiếng "em" nghe thân ái mà phát ngôn chưa được.

Buổi Liên Hoàn Tất Niên, như thường lệ, Rết là Trưởng Ban Khánh Tiết, dọn bàn ghế, treo hoa kết tụi, vẽ bảng mừng Xuân. Khi treo tấm bảng "Hàng Hoang Tất Niên", thầy cô nhìn đoán không ra Rết muốn nói gì. "Liên Hoàn" hay "Hàng Hoang" cũng giống nhau mà.

Lúc học sinh đệm đàn hát tặng thầy cô, Rết đứng sau nhịp chân trong bản hợp ca "Ly Rượu Mừng", miệng lép nhép, đóng góp chương trình văn nghệ như ai. Lại được bạn đề cử lên. Tiếng hát Lại đưa Chau Rết gần Việt Nam hơn, khúc ca "Nụ Tầm Xuân" gì đó. Nụ tầm xuân ở ngoài Bắc, Chau Rết lơ mơ theo tiếng Lại hát, cảm tưởng Lại hát cho riêng mình nghe. Cây quạt máy thổi tóc Lại bay bồng bênh, Lại hát mái tóc dài ra sau, Chau Rết tấm tắc, lìm dim, gật gật như thường thức, "Dó! Việt Nam hay quá". Bản nhạc sắp chấm dứt, tiếng hát nhỏ dần sang điệp khúc chót "... *Tình chung muôn đời ta đắp xây, Tình chung muôn đời ta đắp...*". Lại chưa kịp hát dứt chữ "xây" cuối cùng. Chau Rết đã xón xác hét lên, vừa vỗ tay lộp bộp.

* *

Bốn năm qua, Chau Rết hăng hái hưởng cái Tết cuối cùng của đời học sinh ở chợ quận với các bạn. Tất cả học sinh Đệ Tứ năm đó, dù trai hay gái đều tỏ vẻ rất trưởng thành, đàn anh trong trường mà. Có đứa đã được nhận chân dạy học ở các xã ấp xa. Chau Rết ở lại chợ ba ngày ăn Tết Việt Nam, nghỉ đêm thoải mái ở nhà bạn học. Chau Rết là thành viên chánh thức của lớp rồi. Anh em rủ nhau đến từng nhà bạn bè trong lớp, đến đâu cũng được đãi trà bánh thơm

tất. Chau Rết biết thêm, ngoài bánh bò, bánh men còn có mít hột sen, mít bí, *thèo lèo*, lúc cắn hột dưa lần đầu, hột bể nát, có khi hấn nhai luôn vỏ, răng đỏ vì màu nhuộm hột dưa.

Buổi trưa ghé nhà Lại, được đãi cơm trưa, có thịt kho trứng, dưa cải, bánh phồng tôm. Tất cả ngồi tại bàn ăn, có ghé ngồi chứ không như nhà sàn ở Xà Lôn, ăn cơm ngồi chồm hóm hay xếp bằng trên sàn nhà. Chau Rết ăn thiệt tình, món nào cũng ngon. Buổi chiều, được đãi nhà thẳng bạn gốc Tàu, con chủ tiệm vải, nhà ở phố lâu, ăn củ lao, đĩa thịt xào nấm đông cô, *mi xua* (12) xào hẹ, thẳng Xòn chủ nhà còn kéo *la-de* ra uống. Chau Rết nhìn thấy Lại ngồi bên bàn kế, ăn chậm chạp như mèo.

Ba ngày Tết Việt Nam vui quá. Chau Rết muốn ở luôn ngoài chợ. Sóc Xà Lôn bên góc núi xa mù trong trí nhớ, dù có ba ngày. Hình bóng Lại đã thay thế hẳn Sầm Nơn trong lòng Chau Rết. Nhưng Chau Rết chưa có chỗ đứng trong trái tim Lại, Rết đâu có gì đặc biệt, ngoài cái to xác, đen đúa, thô kệch. Chau Rết giận chính mình, muốn cạo cho hết chất đen trên làn da sạm nắng. Con trai ở chợ, trắng trẻo, thư sinh, nhà giàu, chỉ mặc đồng phục khi đi học, về nhà bạn nó ăn mặc đúng mốt.

Chau Rết chỉ có mấy bộ đồng phục, nhờ có quần xanh dài, che những cái thẹo ngang dọc trên chân đen mốc. Tết người ta ăn uống say sưa, ngon lành, có đốt pháo, có Radio hát "*Mừng Xuân nâng chén...*". Còn *Chô Snăm Mây* (vô năm hay Tết) chỉ biết gói bánh tét, bánh ít, đi chùa, đi cúng *tro cốt* trong tháp, chán quá. Dịp *Chô Snăm Mây*, nếu mời Lại vô Sóc, có gì vui cho Lại. Ngày này sang ngày khác, cứ có trái cây là Chau Rết bẻ cho Lại cầu thân, nói chuyện, thăm hỏi chuyện thường tình bằng quơ lạt lèo. Lại đi học về còn phải ngồi vào máy may, đâu có dư thời giờ ban ngày tiếp chuyện. Thoáng nghĩ tới muốn mời Lại vô Sóc cho biết, mà vấn đề xe cộ chưa giải quyết được. Chau Rết nhìn chiếc xe đạp đôn đôn ngao ngán, phải chi có chiếc Mobylette như con chủ tiệm hủ tiếu thì dễ quá. Sóc Xà Lôn, một bên là núi *trọc*, một bên là ruộng, nhà cửa rải rác xa nhau. Vườn chỉ có vài loại trái cây ăn được, phải đúng mùa mới có trái, ngoài ra, trái *xây*, trái *trâm* (13), trái *sa-ké*, trứng cá, me, *chùm ruột*, toàn thứ trái cây rẻ tiền, trồng chỉ tốn đất. Chau Rết rất ngại. Lại mà vô đây một lần, chắc hết dám vô lần thứ nhì, nếu Lại nhìn thấy bọn con nít đen đúa trần truồng, mặt mày lem luốt chạy nhảy bên mấy *bòn ca* quấn có mỗi *khăn chàng tằm* bên bờ giếng, xong lại ra gốc dừa cọt mình trên cây dừa cho đã ngứa. Trong chùa có vài ông Lục *xếp môn* đọc kinh tiếng Miên xưa, Chau Rết còn chưa hiểu hết. Phân bò, phân heo khắp xóm, mấy con kỳ nhông rần rổi chạy sột soạt dưới đồng lá sẽ làm Lại giựt mình. Nhà sàn không có ghế, phải ngồi trên sàn, áo quần Lại trắng bông dễ bị dơ. Chau Rết chưa tìm cách làm Lại vui, không lẽ dẫn Lại đi quanh Sóc nghe các bà con Miên nói chuyện eo éo, con đường đất cát mùa nắng cũng như mùa mưa không thích hợp cho đôi guốc cao gót của Lại. Tối giờ "*nhăm bai*" (14) lấy gì đãi Lại cho vừa miệng, canh thốt nốt, xiêm lo đều nếm mắm bồ hóc, húp canh vô ngựa răng thêm.

Chau Rết tủi lòng mỗi lần qua nhà Lại, thấy các sĩ quan ngồi cười cười nói nói, Lại vừa đập máy may vừa trả lời vui vẻ lắm. Chau Rết than thầm, làm sao bằng các sĩ quan trẻ, dù là Đại úy Chau Uốt, Đại đội trưởng *nhóm Khăn Trắng* so với các sĩ quan này còn chưa thấm vào đâu. Lại hình như chưa hiểu cái tình bạn bất thường của Chau Rết, mỗi lần nói

chuyện với Lài hấn lưỡng cuống khi chạm mắt Lài. Mỗi lần Lài cần điều gì, Chau Rết sốt sáng quá độ. Xin một bó xà dậu trộn cá nướng ăn buổi chiều, Chau Rết bẻ hết bông trên cây xà dậu cho Lài. Mùa xoài *đông ken* (15), Chau Rết mang cả thúng xoài tượng cho Lài ăn với nước mắm đường, ăn tới xoài chín cũng chưa hết.

Ì O ngạc nhiên thấy con xò từng xâu buồi lớn mang đi học, "Ăn nhiều quá vậy!". Ì O đâu biết Chau Rết muốn làm vừa lòng Di Bày. Đêm đêm thấy Chau Rết cầm nhìn không chán tấm ảnh chụp chung học sinh lớp Đệ Tú. Chau Rết đứng hàng chót vì cao lớn, Lài đứng nghiêng, áo dài tha thướt. Chau Rết buồn và lo, Lài đang được các sĩ quan theo đuổi.

Lài nhìn Chau Rết như người bạn chân thật, vui tính, mỗi lần mở miệng làm Lài khó nín cười, đó là lý do Lài có cảm tình với Chau Rết. Nhưng tình yêu thì chưa có, dù vui vẻ với Rết. Ở Sóc, trai gái dù thích nhau, chỉ để trong lòng, không bao giờ dám cười nói lộ liễu. Di Bày thì gọi Chau Rết "cháu" ngọt. "Ngồi chơi cháu, mai mốt ghé nhà chơi nghe cháu, về cho đi gởi lời thăm ba má nghe!". Sao đi Bày lịch sự quá. Chau Rết chuyển lời thăm xã giao cho mẹ, Ì O không hiểu tại sao, chưa quen biết mà sao gởi lời thăm, trả lời sao cho phải. Quan hệ quanh trong Sóc Xà Lôn có ai từng gởi thăm ai đâu. Pù Sul lù ù lo ruộng rẫy, nghe tiếng Việt không hết "Mè oi, Xà đắp chon bét cà ba ả". (Mẹ oi, nghe muốn bẻ đầu).

*
* *

Chau Rết nằm một mình trên sàn nhà, chán chết, đầu óc còn ở chợ, nhớ bàn tay Lài, ngón tay thon thon trắng ngà đẩy cái áo trên bàn máy may, chân đạp nhịp nhàng. Tay chân Lài mịn màng như vải lụa, ngón tay trắng hồng, không có chút đất đóng trong móng tay như Sàm Nơn. Chau Rết chưa dám tỏ cho mẹ biết ý định lấy vợ Việt Nam, ở luôn ngoài chợ. Chắc mẹ sẽ đồng ý ngay, nhưng khó khăn về phía Lài, cưới vợ Việt Nam cùng học Đệ Tú trắng đẹp ai mà không chịu, chỉ ngại Chau Rết với không tới. Chau Rết mơ ngày được cất cái *chòi lá* (16) nhỏ trước nhà Lài ngủ đêm theo tập tục. Sáng hôm sau, Lài ăn mặc rực rỡ, đeo nữ trang đầy người, trịnh trọng ôm cái ô bằng bạc đầy nước ra rửa chân cho Chau Rết, Chau Rết mới được bước chân vào nhà Lài chánh thức làm rể. Hai đứa ngồi nghe ông Lục đọc kinh trầm trầm, cầm bó bông nhúng nước rải chúc lành. Bạn bè sẽ ném *hoa cau* trắng nõn như mùa hoa thơm ngát chúc cho cô dâu chú rể hạnh phúc, rồi một người cầm cây kéo múa vòng quanh hai đứa, múa xong xén tóc Chau Rết. A, mà Chau Rết không biết theo phong tục nào, ở rể theo Miên hay rước cô dâu Lài về Xà Lôn theo Việt Nam. Ủa, ủa, ai gả con cho Chau Rết đâu mà mơ mộng, "ai lấy chồng Đàng Thổ chết đốt?". Có chồng Miên, sau có chết, nó mua một thước củi chất lên lò thiêu, bỏ tro vô thạp, nóng chết ai mà chịu được. Chau Rết thần thờ trước cái thực tế bất lợi trước mắt. Hấn cố tìm trong trí nhớ coi có đứa con trai gốc Miên lấy được vợ Việt mà tìm chưa ra, nghĩ tới đây hấn cuống trí, lại hy vọng rằng Ì O bán vài chục gạ lúa cưới vợ cho Rết. Tiếng xối nước của những người tắm ngoài giếng làm Rết tỉnh giấc mơ ban ngày.

Học với nhau bốn năm, Chau Rết chưa dám mời Lài đi Xà Lôn, từ chợ tới Sóc chỉ có vài chiếc xe lỏi kéo bằng xe gắn máy hiệu Folis. Lài không thể ngồi tênh hênh trên chiếc

xe lỏi chung với mấy bà Miên bán rau, thúng gánh treo tòng teng, nhờ *cốt trầu* chèm nhẹp.

*
* *

Mùa Thanh Minh cúng mà vừa qua là tới mùa *Chô Snăm Mây* (vô năm, ăn Tết Miên). Năm nay tại Sóc Nam Vi trùng mùa có tổ chức ăn Tết lớn, có múa *Lâm Thol*, mùa Chô Snăm ăn mặc tươm tất hơn, thức ăn ngon, có thịt kho trứng giống Việt Nam và bánh ít bánh tét. Chau Rết sẽ mời Lài đến nhà người chú là Pù Keo, làm Xã Trưởng, có nhà sàn lớn cất trên những cột cây sao lâu đời. Buổi múa *Lâm Thol* và dàn nhạc sẽ diễn ngay trên sân chùa bên nhà Pù Keo. Chau Rết sẽ nhờ Pù Keo đuổi hết mấy đứa nhỏ xuống nhà dưới, dành tầng trên nhà sàn cho Lài ngồi coi múa *Lâm Thol*, Lài chưa quen tham dự *Lâm Thol* lần nào, ôi, nếu thuyết phục được Lài cùng múa song đôi, hạnh phúc và danh dự biết chừng nào, cùng hòa mình trong tiếng nhạc ngũ âm. Ì O sẽ mặc cái *xà-rông* tơ hay áo *tầm đông* (17) đen mới. Pù Sul sẽ mượn cái áo *bành-tô* thời Tây của ông Quản Eng choàng lên cái áo vải xiêm. Ông bà sẽ nôn nóng đến xem mặt Lài, mọi người sẽ trầm trồ khen Rết có bạn gái Việt Nam, da trắng và sạch sẽ. Ước mơ Chau Rết là vậy, còn có mời được Lài không là chuyện khác, khó là mời cho được Lài, khó còn hơn thi đậu Đệ Thất. Năm nay là năm cuối thời Trung Học, cũng là cơ hội cuối trước khi ra đời. Lỡ đã báo cho gia đình về việc Lài, nếu bị từ chối thì biết ăn nói làm sao. Chau Rết lo tới ngơ ngẩn.

*
* *

Trái với sự lo âu tưởng tượng, khi Chau Rết mặt nửa nhản nửa cười bước vào tiệm may, gãi đầu chưa kịp mở miệng thì Lài linh cảm, đoán được ý nghĩ của anh chàng si tình đại gái này. Nàng vui vẻ hỏi trước: "Nghe nói năm nay, Sóc Nam Vi sẽ tổ chức *Chô Snăm Mây* lớn lắm hả anh Rết? Không biết người Việt Nam vô coi được không?".

Chau Rết như được vàng, mừng cuống cuống, lấp bắp: "Ừ, ừ, Lài vô chơi nghe, tui bao xe lỏi cho Lài vô, mua nước cam xá-xị cho Lài uống, má tôi kho thịt nhiều lắm, múa *Lâm Thol* đồng lắm...".

Lài đặt cái áo nhà binh trên bàn máy, vừa đạp máy vừa hỏi: "Lài muốn vô Sóc buổi trưa đi coi vườn trái cây nhà anh Rết!".

"Đó, mấy giờ cũng được, tôi kêu anh Bi chạy xe lỏi rước Lài, chiều tối đưa Lài về, tối có múa *Lâm Thol* vui lắm".

(Còn tiếp)

Chú thích:

(11) *Dô*: Tán thán tự.

(12) *mì xua*: mì trắng, nhỏ như sợi bún, món ăn Triều Châu.

(13) *trái trâm*: bằng đầu ngón tay út, có trái lớn dài khoảng 4 cm, màu tím, chỉ có vỏ, ít thịt, hạt lớn, ăn bỏ hạt, chát chát, chua chua, ngọt ngọt, hạt phơi khô, sao khủ thổ, xay thành bột, nấu nước uống. nghe nói hạ lượng đường trong máu, trị tiểu đường. Cây này đã tuyệt chủng.

(14) *nhằm bai*: dùng bữa (tiếng lịch sự).

(15) *đông ken*: rộ, lúc nhiều trái nhứt.

(16) *cất chòi*: Trước ngày đám cưới, người ta cất cái chòi đơn sơ trước nhà cô dâu cho chú rể tới đó nghỉ đêm. Sáng hôm sau, sau khi được cô dâu rửa chân, chú rể mới được vào nhà ở rể.

(17) *Áo tầm đông*: áo dài tối gối, màu đen, hao hao giống áo người Mã Lai



Thư không người gửi

● Trương Văn Dân

Sau trận thất tình thập tử nhất sinh, tôi nhận được một bức thư, chỉ vài dòng ngắn ngủi:

“Tình cờ biết được nỗi khổ của anh, rất mong được chia sẻ và thông cảm. Xin anh đừng tuyệt vọng, đừng đánh mất niềm tin mà hãy tìm niềm vui để sống. Một người bạn nhỏ”.

Bức thư không ký tên, nhưng nét chữ viết đẹp, nhìn vào biết ngay là con gái.

Nhưng cô nầy là ai và làm sao biết được tâm sự thầm kín của tôi? Làm sao biết tôi đang tuyệt vọng và muốn đi tìm cái chết? Còn địa chỉ? Rồi chợt nhớ lại hôm ngồi ở công viên tôi đã trút tâm sự mình trên mảnh giấy, rồi sau vò ném lên ghế đá. Mảnh giấy đó là mặt trái phong thư của một người bạn gửi cho tôi.

Mới đầu tôi rất ngạc nhiên, nhưng sau đó công việc mưu sinh không làm tôi nhớ nữa...

Rồi tháng sau tôi lại nhận được một bức thư nữa, ngắn, nhưng lời động viên rất cảm động. Cũng như thư trước, ngoài phong bì không ghi địa chỉ người gửi, nhưng bên trong có ký tên: Vân.

Rồi thư thứ ba, thứ tư...

Đến lúc ấy thì tôi đã vượt qua cơn khủng hoảng và rất muốn biết cô Vân là ai? Đẹp xấu ra sao? Tuổi tác thế nào, là chị, là em hay... Nhưng tuổi nào thì tuổi, người đó chắc chắn rất nhạy cảm, biết quan tâm đến người khác. Tôi muốn nói một lời cảm ơn nhưng biết tìm Vân ở đâu? Làm sao liên lạc?

May thay, ngoài bì bức thư thứ năm có ghi một địa chỉ. Nét chữ hơi cứng, khác kiểu chữ quen thuộc trong thư, nhưng tôi cảm thấy điều này không quan trọng. Mừng quá, tôi quyết định đi thăm Vân.

Theo địa chỉ trong thư, tôi tìm đến là một villa, kín cổng cao tường. Bấm chuông, một ông cụ già mở cửa:

- Cậu tìm ai?
- Dạ, thưa bác con tìm cô Vân?
- Vân nào?

Thấy tôi chưng hửng, ông cụ như chợt nhớ điều gì, “à” lên một tiếng và hỏi:

- Anh là Tuấn phải không?
- Dạ phải.

Ông lão không nói gì, nhưng ra hiệu cho tôi theo vào nhà. Tôi theo ông vào bên trong. Ngôi nhà sáng sủa và ngăn nắp. Tôi hồi hộp và sốt ruột:

- Thưa Bác... Vân có nhà không ạ?
- Vân không có ở nhà. Rồi như không nhìn thấy nét ngạc nhiên lẫn thất vọng của tôi, ông tiếp:
- Và cô ấy cũng chẳng ở đây!

May là ông cụ không kéo dài nỗi khổ của tôi. Ông kể: Hôm gặp Vân để mua vé số, thấy cô cầm trên tay bức thư định gửi nên ông đã mua tem và gửi giùm. Rồi khi ra bưu điện, phần Vân quên dặn, phần theo thói quen, ông ghi địa chỉ ngoài bì như thư đó là của mình.

Ông cụ dẫn tôi ra quảng trường, vừa đi vừa kể: Lâu nay bác thường mua vé số của cô Vân lắm. Trước đây cô ta đi học cấp ba nhưng trong chuyến xe thăm bà con bị tai nạn, cha mẹ đều chết còn Vân thì bị thương và gãy một chân nên sau phải nghỉ học, bán vé số qua ngày.

Đi loanh quanh một lát chợt ông cụ kêu: Đây rồi! Theo tay chỉ tôi thấy một cô gái đang ngồi trên xe lăn. Ông cụ cho biết là trước đây Vân vất vả lắm, phải chống nạng đi bán nhưng nay nhờ có xe nên đỡ nhọc nhằn. Chiếc xe lăn ấy là của Quý Tương Trợ của người Việt bên Ý gửi tặng.

Tôi nhìn cô gái: Không đẹp, không xấu và cảm giác đầu tiên là ánh mắt dịu hiền. Trước cái nhìn đầy nghi vấn của tôi, Vân ngập ngừng kể lại: Hôm đó tình cờ đọc mảnh giấy trên ghế đá, thấy tâm sự người viết muốn tìm cái chết, hoàn cảnh giống em trước đây, nhưng sau em vượt lên được và vui vẻ sống. Thấy địa chỉ, em viết vài hàng để an ủi và động viên.

Ngay lúc đó tôi xúc động nhưng chẳng biết nói gì. Mãi sau mới chợt hỏi:

- Lỡ lần đó tôi quẫn trí và tự sát thiệt thì sao?
- Không! Em tin là thư sẽ đến. Bởi khi người ta viết đi tìm cái chết là sau sẽ không chết nữa. Vì viết được vậy coi như họ đã chết rồi!

Tôi giật mình. Có ngờ đâu một cô gái tầm thường lại có được một nhận xét cao siêu và triết lý đến vậy.

Từ chiếc xe lăn vang lên tiếng cười giòn giã. Cu Thái vừa đẩy xe ra phòng khách vừa lễ phép:

- Mời bố xơi cơm!.

Tôi nhìn hai mẹ con, và trù mến nhìn nàng. Mới đó mà chúng tôi lấy nhau hai mươi năm rồi!

Đôi mắt người Sơn Tây

• Trịnh Hùng

Nói đến nhà thơ Quang Dũng là nói đến một nghệ sĩ rất mực tài hoa, đa tài về mọi lãnh vực. Thực vậy, Thơ, Văn, Nhạc, Họa... môn nào ông cũng biết rất tường tận. Nhưng phải nói ngay tên tuổi ông sáng chói nhất trong bộ môn Thơ!

Thơ Quang Dũng đi thẳng vào lòng người, vì nó được viết ra bằng chính những cảm xúc thực của con tim và sự sống đích thực của anh, với ngôn ngữ mộc mạc, giản dị. Đọc thơ Quang Dũng, người ta cảm nhận được đủ cả thơ, nhạc, họa!

Bài "Tây Tiến", không phải chỉ những người đã từng đi kháng chiến chống Pháp hay dân Bắc mới thích, mà được cả dân miền Nam mến mộ, mặc dù người miền Nam có mấy ai biết "tây tiến" là gì đâu. Ngay cả các địa danh như Châu Mộc, Sài Khao... dân miền Nam chưa từng nghe đến hoặc đi qua, thế mà nó vẫn được phổ biến rộng rãi ở miền Nam và được xem như bài thơ hay.

Thơ anh bày tỏ nhiều cảm xúc nồng nàn mỗi khi nhớ tới quê hương Sơn Tây, có núi Ba Vì, có sông Đáy. Tình cảm quê hương và gia đình anh rất chan chứa trong bài thơ nhan đề "Đôi Mắt Người Sơn Tây":

*Cách biệt bao ngày quê Bất Bạt
Chiều xanh không thấy bóng Ba Vì*

hoặc:

Bao giờ trở lại đồng Bưởi Cấn

Về núi Sài Sơn ngó lúa vàng

Sông Đáy chậm nguồn qua phủ

Quốc

*Sáo diều khuya khóc thổi đêm
trắng*

Những địa danh ở quê hương anh như núi Ba Vì, núi Sài Sơn, đồng Bưởi Cấn, sông Đáy, phủ Quốc Oai... được anh nhắc đến trong bài thơ như gói trọn cái tình đối với đất và người. Bài thơ được nhạc sĩ tài hoa Phạm Đình Chương phổ nhạc ở Sài Gòn ngày xưa. Thơ anh, bất cứ bài nào cũng xúc tích tình cảm, gợi ra những kỷ niệm đẹp. Ngay cả những

bài lãng mạn tình cảm viết về những người đàn bà đã đi qua đời anh như trong các bài thơ: *Quán Bên Đường, Trắc Ẩn, Tiếng Chuông Ban Trưa, Không Đền, ...* Đó là những mối tình trong sáng, nhẹ nhàng, cao đẹp, chứ không bi lụy hoặc trần tục.

Tôi nhớ lại thời tôi mới chập chững bước vào tuổi trưởng thành, thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Tôi đi bộ đội, làm công tác tuyên truyền, được may mắn ở gần anh, được anh thương mến nhận làm em kết nghĩa, thân thiết như ruột thịt. Tôi đã được anh dẫn đi đây đó ghé thăm những người đàn bà anh quen, nên tôi được hân hạnh biết mặt, biết tên, biết cả nguyên nhân nào anh đã có cảm xúc viết ra những bài thơ đó.

Đặc biệt bài thơ "Đôi Mắt Người Sơn Tây" của anh mà tôi rất thích, cảm nhận những tình cảm anh đã gửi gắm trong đó. Tôi cứ ngỡ rằng anh lấy hình tượng đôi mắt của người con gái Sơn Tây một cách chung chung để diễn tả nỗi nhớ nhà, nhớ quê, chứ không có liên quan đến một người nào có thực trong thực tế khi sáng tác ra bài thơ bất hủ đó. Cho mãi đến năm 2002, tôi về Việt Nam thăm quê hương thì may sao tôi được gặp người "đôi mắt" đó! Khi ấy tôi mới được nghe kể rằng anh Quang Dũng làm bài thơ đó để tặng người ấy, người có đôi mắt đẹp và buồn đã gợi cho anh cảm xúc làm bài thơ. Người ấy không phải là người tình, hay người vợ anh... mà chính là cô em gái ruột của anh. Người có đôi mắt rất đẹp, buồn mà anh thương mến nhất.

Tết vừa qua, chị Quang Dũng vì yếu nên không về ăn Tết ở Hà Nội như mọi năm. Chị ở trên Thái Nguyên, với con trai lớn, con dâu và cháu ngoại gái sẵn sóc. Con trai lớn của chị có gọi phôn cho tôi hay mẹ cháu yếu, không về Hà Nội được, mẹ cháu muốn được gặp chú và mời chú lên chơi; nếu chú đi được thì mai cháu đi Honda về đón chú.

Hôm sau, cháu về Hà Nội đón tôi lên Thái Nguyên. Buổi trưa, xe chạy khoảng 2 tiếng đồng hồ. Chị mừng ra tận cửa đón tôi. Vào nhà, uống nước trà chuyện trò chừng 15 phút thì thấy một bà đã 80 tuổi, còn khỏe mạnh, trông trẻ hơn tuổi thật nhiều. Tôi lễ phép đứng dậy chào bà. Lúc đó chị Dũng mới giới thiệu, đây là cô Bích,

em ruột anh Dũng, ở cách đây mấy tỉnh, cô ấy xuống thăm tôi và mừng tuổi ngày Tết. Đoạn chị Dũng cũng giới thiệu về tôi, đây là chú Hùng, ở Pháp về chơi; chú ấy ngày xưa cũng đi bộ đội chống Pháp ở với anh Dũng và anh Dũng nhận làm em nuôi. Lần nào về thăm quê chú cũng tới thăm gia đình và thắp nhang cho anh Dũng.

Chị Quang Dũng cười hỏi tôi: "Chú nhìn chị Bích, tuổi đã 80 đó, thấy đôi mắt của chị ấy còn rất đẹp và buồn! Đúng không?"

Tôi đáp: "Dạ đúng vậy, chắc hỏi chị còn con gái, đôi mắt ấy phải đẹp hơn nhiều. Em xin lỗi chị, chắc hỏi đó nhiều thanh niên chết mệt với đôi mắt ấy!"

Chị Dũng đỡ lời, đó "đôi mắt người Sơn Tây" đó, anh Dũng làm bài thơ đó để tặng cô em gái mà anh ấy yêu thương nhất nhà đó. Chị Bích cười và bảo, chính chị khi đọc bài thơ đó cũng không biết là ông anh làm tặng mình. Mãi đến khi hòa bình trở lại, cả nhà làm cơm mừng ngày đoàn tụ, anh Dũng trước khi ăn, ngâm bài thơ đó, rồi quay sang tôi và nói "em biết không, anh ở ngoài khu luôn luôn nhớ nhà, nhớ mẹ, nhớ các em, anh nhớ đến em có đôi mắt đẹp mà anh thường nói ở nhà, và anh cũng thương em gái nhất nên anh mới làm bài thơ này để gợi nhớ nhà và tặng em đó". Anh Dũng bảo nhiều người đâu biết bài thơ đó anh viết vì nhớ đến đôi mắt em; họ cứ tưởng anh viết cho một cô gái nào người yêu của anh và có đôi mắt Tây phương như một cô đầm ấy, vì họ không hiểu quê nhà có cái chùa tên gọi là Tây phương, trong bài có câu: "*Vàng trán em mang trời quê hưởng! Mắt em diu dịu buồn Tây phương!*" khiến họ hiểu lầm.

Tôi nghĩ rằng bất cứ một tác phẩm nào, thơ hay nhạc, đã đi vào lòng người, tất nhiên tác phẩm đó đều mang một nỗi niềm u uất nào đó người nghệ sĩ gửi gắm. Nhưng nếu ta hiểu rõ nguyên do sáng tác thì ta mới cảm thấy trọn vẹn cái hay của nó.

Đã hơn 50 năm qua đi, mãi đến bây giờ, tôi mới được hiểu rõ tâm tình trọn vẹn của nhà thơ Quang Dũng qua bài thơ "Đôi Mắt Người Sơn Tây" và còn may mắn được gặp chính người có đôi mắt đẹp và buồn, tạo nên những cảm xúc nhớ nhà, nhớ quê u uất, với vợ dường ấy.

Paris, tháng 6/2002

Trịnh Hùng

Đôi mắt người Sơn Tây

Em ở thành Sơn chạy giặc về
Tôi từ chính chiến cũng ra đi
Cách biệt bao ngày quê Bát Bạt
Chiều xanh không thấy bóng Ba Vì

Vàng trán em mang trời quê hương
Mắt em dịu dịu buồn Tây phương
Tôi nhớ xứ Đoài mây trắng lắm
Em đã bao ngày em nhớ thương?

Mẹ tôi em có gặp đâu không
Những xác già nua ngập cánh đồng
Tôi nhớ một thằng em bé nhỏ
Bao nhiêu rồi xác trẻ trôi sông

Từ độ thu về hoang bóng giặc
Điều tàn ôi lại nổi điều tàn
Đất đá ong khô, nhiều sỏi lệ
Em đã bao ngày lệ chứa chan?

Đôi mắt người Sơn Tây
U ẩn chiều lưu lạc
Buồn viễn xứ không khuây

Tôi gửi niềm nhớ thương
Em mang giùm tôi nhé
Ngày trở lại quê hương
Khúc hoan ca róm lệ

Bao giờ trở lại đồng Bường Cấn
Về núi Sài Sơn ngó lúa vàng
Sông Đáy chậm nguồn qua phủ Quốc
Sáo diều khuya khoác thổi đêm trăng

Bao giờ tôi gặp em lần nữa
Chắc đã thanh bình rộn tiếng ca
Đã hết sắc mùa chinh chiến cũ
Còn có bao giờ em nhớ ta?

● Quang Dũng (1949)

Liou Chou Tz Vương Hân

Bồ Đào mỹ tửu dạ quang bôi
Giục ẩm tỳ bà mã thượng thời
Túy ngộ sa trường quân mạc tiểu
Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi

涼州詞

古來征戰幾人回
醉臥沙場君莫笑
欲飲琵琶馬上杯
葡萄美酒夜光

Bai hát Liou Chou Nguyễn Đức Hiến

Rượu bồ đào, chén dạ quang
Muốn say, đàn đã rền vang giục rồi
Sa trường say ngủ, ai cười
Từ xưa chinh chiến, mấy người về đâu ?

The Liangzhou Song

By Wang Han

The good wine is served in a golden cup
The pipa is playing to ask the troops to depart for war.
I am drunk and if I will be killed in the battlefield,
Please don't blame me: it is seldom for a soldier to return home
at the end of the war.

● Gs. Nguyễn Đình Tuyển

Độc "Một đêm ở Genève"

của nhà Văn **Vũ Nam**

• Diệu Tân

1. Đây là lần đầu tiên tôi nói về tác phẩm của một nhà văn Việt trên xứ Đức. Trên đất nước dòng Nhật-nhĩ-man trước đây độc giả đã được đọc "**Thằng người có đuôi**" của nhà văn Thế Giang, ra đi từ Hà Nội, một truyện mới lạ với ngôn từ rất Bắc Kỳ. Hôm nay chúng ta sẽ được đọc văn phong của một người viết sinh ra và trưởng thành ở Bà Rịa tuy nhiên có nhiều người tưởng anh là dân di cư 75 với bút hiệu Vũ Nam. Tập truyện ngắn này chỉ dày 175 trang nhưng có 11 truyện chọn lọc, không truyện nào dài quá 30 trang, đọc nhẹ nhàng thoải mái. Tác giả dẫn dắt người đọc từ Đức qua Mỹ, trở về Việt Nam, qua thăm nước Thụy Sĩ quanh năm tuyết phủ, rồi qua bang California xứ ấm tình nồng, rồi qua Hy Lạp, Thổ Nhĩ Kỳ, đảo Chypre (Cyprus), đảo Rodos, Pháp, Hòa Lan. v.v...

2. Tác giả có một kỹ thuật viết rất vững vàng, viết sáng sủa, mạch lạc, đậm thắm. Ông không tham lam bao biện, mỗi câu chuyện chỉ nhằm vào một tiêu đề chính, gọn gàng. Đoạn kết mỗi truyện đôi khi có bất ngờ, nhưng là một kết cục tất nhiên phải có, không gượng gạo, gò ép và rất hợp lý hợp tình (trừ truyện "Tim lại hư không" có kết cục như của Bồ Tùng Linh). Người đi trú ở xứ tuyết trắng, núi đá cao, mức lạnh dưới hai, ba độ âm, trông thấy cây cam vàng óng trĩu trĩu quả rất thấy làm thích thú. Ông không dựng truyện, ông chỉ ôn lại, kể lại những chuyện rất bình thường, những tâm tư cảm nghĩ rất thực, rất ít hư cấu. Có truyện ông viết gần như dạng một hồi ký thuở học trò rất trung thực.

3. Phần lớn tập truyện nhắc đến những mối tình xưa cũ thuở nhỏ, tuổi học trò. Nhưng nhân vật chính trong truyện, có thể là một phần hóa thân của tác giả là một con người bình dị, nếu không nói là nhõn nhõn, không quá đam mê, buông xuôi chấp nhận sự việc xảy ra vui tươi hoặc buồn rầu. Đó là những người đàn ông đã lập gia đình hoặc muộn vợ làm những chuyến đi xa vắng, từ nước này sang nước khác. Để làm gì? chỉ để tìm lại một hình bóng cũ, một kỷ niệm xưa. Bởi chỉ vì nhớ đến một vòng ôm vô thức trong giấc ngủ, một vòng ôm trên yên xe đạp, một khoảng trống da thịt người phụ nữ... ở quê nhà. Nhân vật truyện như một Từ Thức trở về hạ giới, không quá háo hức, nhưng cũng không quá bi quan.

4. Tập "**Một đêm ở Genève**" không có những sự việc gay cấn, đột ngột, nhiều kịch tính dồn dập. Kịch tính của Vũ Nam là những mâu thuẫn, những biến chuyển tâm tư, suy nghĩ đời thường hoặc sâu sắc, lắng đọng. Chàng thanh niên thuở đó thường chậm lụt, nhát gan không dám ngỏ lời yêu đương trước, chỉ là kẻ đến sau. Có những mối tình dang dở, có mối tình ngang trái và cũng có mối tình nối lại được, trọn vẹn. Truyện nào cũng có điều độ, chừng mực, tuy rằng nhân vật truyện đã nói văn chương, thi phú là quá mơ mộng, không thực tế. Nhưng cũng có nhiều người đồng ý là nếu ai "có tâm hồn nghệ sĩ quá" sẽ có vấn đề, sẽ không thi hành trọn vẹn được nhiệm vụ với vợ, chồng, con cái. Do đó cần có sự thông cảm từ người hôn phối, từ các con...

5. Có thể nói truyện hay nhất và dài nhất trong tập, được chọn làm tựa đề cho cuốn sách, được đặt ngay ở những trang đầu. Câu chuyện đời sau 1975, giữa 2 vai trò chính hai thầy cô giáo miền quê. Rồi thêm 2 vai trò phụ là chồng trước ở Việt Nam và chồng sau ở Thụy Sĩ. Tính cách chống cộng của thầy cô giáo trong truyện thấm vào chiều sâu, khác với tính chất sôi nổi của một thanh niên nhân buổi ra mắt sách của cô giáo Phương. Thanh niên này đứng lên hỏi tại sao cô Phương vắng mặt trong những cuộc biểu tình. Lời giải thích hợp lý, bởi có nhiều cách chống độc tài, áp bức. Bởi chính bản thân cô giáo, có chồng sĩ quan cải tạo chết trong tù, còn cô điểu đứng vì nghề dạy học sau 75, vừa là nạn nhân vừa là chứng nhân.

6. Bối cảnh bang California nắng ấm được làm khung cho vài truyện tình. Nhân vật trong các truyện đều tỏ ra rất thèm hưởng nắng ấm chan hòa, nắng vàng rực rỡ. Rồi những cửa tiệm mang bảng hiệu Việt Nam, Trung lung hoa vàng, cầu Golden Gate... Những chuyến đi tìm người tình cũ, có khi như vô vọng, bóng chim tăm cá, biết đâu mà tìm. Đi tìm người cùng quê hương, được gặp cả tình nồng và tình lạnh như nước đá. Người ta tìm về những nơi ấm áp, và thèm được đón tiếp, đối xử bằng tình cảm đôn hậu, chứ không phải bằng luật pháp thẳng thừng khô khan, máy móc. Tà biển xanh, bãi cát và khen ngợi nắng vàng xứ người, nhưng tác giả

Nửa vành Trăng

*Tám hồng nhan xưa - một đời cô phụ
Phủ mát trần gian - bôi lấm xóa nhòa (*)*

*Trong bình ngắm một cảnh hoa
Một làn hương sắc cũng là thiên thu
Nam nhi- chiến cuộc - quân thù
Người đi tận cõi sa mù biên cương
Người về mòn mỏi yêu thương
Ba thu ngòi đềm nổi tương tư sầu
Hỏi người - người ở nơi đâu
Hỏi lòng - lòng chỉ một màu tang thương
Mộng tình thôi hết vắn vơng
Ngậm ngùi từ biệt phố phường thân yêu
Đường lên phương Bắc đìu hiu
Con thơ - cô phụ cũng nhiều đắng cay
Lạnh lùng góc biển chân mây
Quê hương thôi hẹn một ngày tri ân*

• Nguyễn Thị Khánh Hòa

(Để thương nhớ Cụ tôi nhân ngày giỗ thứ 9)

(*) ý thơ Nguyễn Khuyển

vẫn than thở: "...nắng thật dầy, khung cảnh thật ấm, nhưng vẫn gợn trong tôi nỗi ngậm ngùi, nhưng ấm sao bằng nắng ấm Quê hương".

7. Những người đàn ông xa quê hương trên trang sách mãi mê đi tìm người yêu cũ. Đi tìm hình bóng cũ, đi tìm dĩ vãng. Không như một ông vua đa tình kia, đập vỡ kính cổ để vớt vát hình tượng xưa, thần thờ gắp tấm áo cũ của người cung phi yêu dấu để cố lưu lại hơi hướm ái ân. Những nhân vật đó chỉ tìm cái *áo* là hình dáng người yêu, nhưng thực ra trong tiềm thức là đi tìm cái *thực*. Đó là tìm lại quê hương, nơi chôn nhau cắt rốn, nơi đã nuôi con người khôn lớn. Thơ trong nước dụ khi những người xa cố quốc bằng câu: "Quê hương là chùm khế ngọt..." Khốn nỗi có bao nhiêu trái ngon ngọt mọng nước, người anh em *lùm* hết cả rồi, người đi xa trở về chỉ còn lượm được trái chua lè... Do đó hiểu rằng nắng Quê Hương tuy có đẹp thật, nhưng những kẻ cầm quyền đã lợi dụng sức nắng đốt cháy tương lai và ước vọng.

8. Nói chung, tâm tư, tình cảm nhân vật truyện của nhà văn Vũ Nam, đôi khi toát ra chút lạnh lùng, mệt mỏi, nhưng không bi quan. Tập truyện "**Một đêm ở Genève**" đây ập tình người, nhắc đến những kỷ niệm và ôm những hy vọng thật bình thường. Nội dung đề cập đến tình đời ấm lạnh, nói đến sắc đẹp phụ nữ về già tàn phai, tình yêu không vĩnh cửu, có khi còn cho là chuyện tình cảm lãng nhãng nhỏ mọn. Con người thời đại mới giờ đây thực tế hơn để sống hòa mình vào dòng sống bao la đầy niềm vui của nhân loại.

Bang California nắng ấm hoa vàng, vốn hiếu khách, yêu văn học nghệ thuật chào đón tác giả Vũ Nam. Rất mong trong tương lai gần chúng tôi sẽ được đón nhận một tác phẩm dài hơn lắng đọng hơn nữa. •

Tin Phật Sự

* Chi Hội PTVNTN tại Hannover và VPC cùng Gia Đình Phật Tử Tâm Minh thọ Bát Quan Trai tại Chùa Viên Giác

Khóa tu Bát Quan Trai cho Chi Hội PTVNTN tại Hannover và vùng phụ cận cũng như Gia Đình Phật Tử Tâm Minh được tổ chức từ ngày 11 đến 12.06.2005 tại Chùa Viên Giác Hannover. Khóa thọ Bát Quan Trai này do chính Thượng Tọa Phương Trưởng Chùa Viên Giác chủ trì và truyền giới. Các giới tử đã tu học nghiêm túc và có duyên lành được nghe những lời pháp nhủ của Chư Thượng Tọa Thích Giác Thường đến từ VN với đề tài „Tu và Nghiệp”; Đại Đức Thích Đức Trường cũng từ VN đến với đề tài „Tâm linh trong cuộc sống của người Ấn Độ” trong ngày thứ bảy 11.06. Thượng Tọa Phương Trưởng đã giảng một chương trong bộ „Quy Nguyên Trực Chỉ” vào sáng chủ nhật 12.06 trước lễ xả giới.

Ngoài ra các giới tử đã cùng Chư Tôn Đức Tăng Ni chùa Viên Giác tụng và lay Kinh Đại Bát Niết Bàn mỗi chữ một lay vào tối ngày 11.06. để được thêm công đức. Một ngày một đêm tu học của quý Đạo Hữu và Phật Tử tại Hannover và vùng phụ cận đã kết thúc viên mãn và mang lại nhiều lợi lạc cho cuộc sống tâm linh của chính họ. (Tóm lược bản tin của đ. Nguyễn Trí Nguyễn Văn Tâm)

* Hội Ban Chấp Hành Hội Phật Tử Việt Nam tại Đức

Dưới sự chủ tọa và chứng minh của Thượng Tọa Thích Như Điển - Phương Trưởng Chùa Viên Giác (VG) kiêm Cố Vấn Chi Bộ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN) tại Đức quốc và Đại Đức Thích Hạnh Tấn - Trụ trì Chùa VG kiêm Chi Bộ trưởng Chi Bộ GHPGVN TN tại Đức và Thượng Tọa Thích Đồng Văn - Chi Bộ Phó kiêm Trụ trì chùa Tâm Giác tại München, phiên họp thường niên Ban Chấp Hành (BCH) Hội PTVNTN tại Đức quốc đã nhóm họp trong ngày 25.06.2005 tại Chùa VG Hannover. Phiên họp bắt đầu lúc 9.30 sáng và chấm dứt lúc 18.30 chiều cùng ngày.

Đại diện BCH các Chi Hội (CH) và Ban Liên Lạc Phật Tử (BLLPT) các địa phương đã tham dự đông đảo. Những đơn vị vắng mặt đã có gửi bản tường trình sinh hoạt của địa phương mình trong năm qua. Nội dung phiên họp gồm có:

- Tường trình những thuận và nghịch duyên trong Phật sự của các CH và BLLPT địa phương;
- BCH Hội đã căn cứ vào từng điểm trong biên bản phiên họp năm trước để kiểm điểm Phật sự đã làm.
- Thảo luận và phân công cho những Phật sự trong năm 2006.

Nhờ Phật độ, sự thương yêu cố vấn tinh thần của Thượng Tọa Phương Trưởng Chùa VG cũng như của ĐĐ Chi Bộ Trưởng và nhiệt tâm hộ trì Tam Bảo của tất cả Đạo Hữu Phật Tử tại Đức mà những Phật sự trong năm qua đã được thành công viên mãn. Một vài Phật sự cụ thể trong năm 2006 được thông qua như sau:

- Khóa Giáo Lý Kỳ 11 của Hội PTVNTN tại Đức sẽ do Niệm Phật Đường (NPĐ) Liên Trì sẽ đứng ra tổ chức tại thành phố Leipzig trên phần đất Đông Đức cũ;
- Phiên họp thường niên của BCH Hội PTVNTN tại Đức sẽ được tổ chức trong Khóa Giáo Lý Kỳ 11 tại Leipzig;
- Khóa Giáo Lý Âu Châu Kỳ 18 sẽ được tổ chức tại Đức (hiện đang tìm địa điểm thuận tiện cho việc tổ chức);
- Các địa phương thiếu nhân sự có thể thành lập Liên Chi Hội PTVNTN địa phương;
- Trại Thanh Thiếu Niên Sinh Hoạt Phật Giáo hằng năm tổ chức tại Frankfurt sẽ được một ban kỹ thuật kết hợp giữa Thanh Thiếu Niên Phật Tử và Ban Hướng Dẫn Gia Đình Phật Tử điều hành.

(TC ghi)

Cung Kính Chúc Mừng



Được biết nhân Đại Giới Đàn Đôn Hậu do Tổng Vụ Tăng Sự Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu tổ chức tại Chùa Viên Giác Hannover - Đức Quốc, từ ngày 1 đến ngày 3 tháng 7 năm 2005, một số chư Đại Đức sau đây đã được Giáo Hội tấn phong lên hàng giáo phẩm Thượng Tọa. Đó là:

- 1) Đại Đức Thích Thông Trí**
Chùa Vạn Hạnh - Hòa Lan
- 2) Đại Đức Thích An Chí**
Trụ Trì Chùa Khuông Việt - Na Uy
- 3) Đại Đức Thích Đồng Văn**
Trụ Trì Chùa Tâm Giác - Đức
- 4) Đại Đức Thích Hạnh Thông**
Phần Lan
- 5) Đại Đức Thích Nguyên Lộc**
Trụ Trì Chùa Vạn Hạnh - Pháp

Đồng thời Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương và Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN Âu Châu đã nhất tâm cung thỉnh nhị vị Thượng Tọa sau đây lên ngôi vị Hòa Thượng. Đó là:

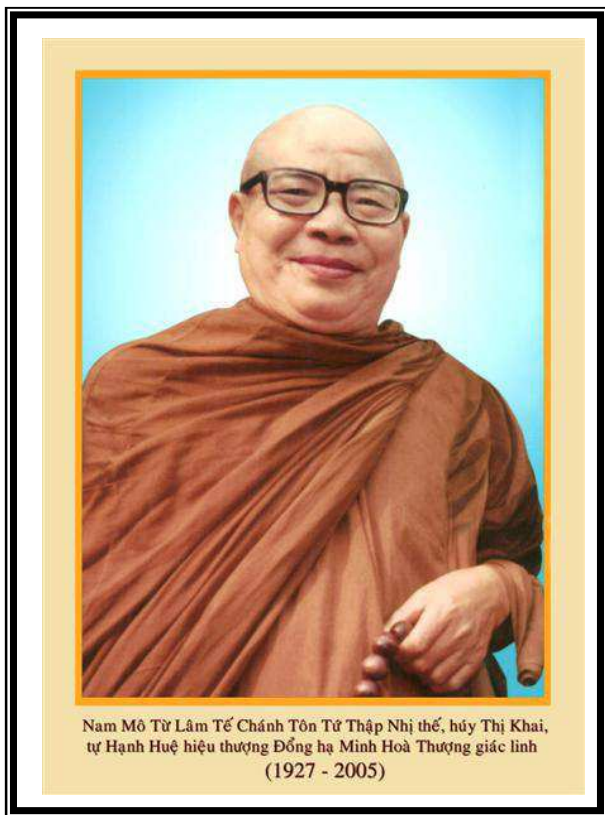
- 1) Thượng Tọa Thích Tánh Thiệt**
Viện Chủ Chùa Thiện Minh - Pháp
- 2) Thượng Tọa Thích Trí Minh**
Phương Trưởng Chùa Khuông Việt - Na Uy

Chúng con (chúng tôi) xin đại diện cho Tăng Ni và tín đồ Phật Giáo Việt Nam tại Âu Châu thành tâm cầu chúc chư Tôn Đức mới vừa được tấn phong lúc nào cũng gặp được nhiều thiện duyên trên bước đường hoằng pháp lợi sanh và pháp thể khinh an để diu dắt chúng sanh trong vạn nẻo đường đời.

Kính nguyện

Thượng Tọa Thích Như Điển
Phương Trưởng Chùa Viên Giác, Hannover - Đức
Tổng Thư Ký GHPGVNTN Âu Châu
và toàn thể thành viên Tăng Ni, Phật Tử trong Giáo Hội
Đồng kính chúc

Hòa Thượng THÍCH ĐỒNG MINH viên tịch



Một bậc long tượng trong giới thiền môn Việt Nam vừa ra đi tại chùa Long Sơn, Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa ngày 17.06.2005. Thọ thế 79, hạ lạp 59.

Những ai là giới hậu học có nhân duyên thọ giáo hay chưa thọ giáo với Hòa Thượng qua các Phật học viện Ni trường ở miền Trung đều không thể không biết đến những tác phẩm phiên dịch về luật học của Cổ Hòa Thượng, như:

- Luật Bí Số (tập I+II).
- Căn Bản Hữu Bộ Bí Số Ni.
- Trùng Trị Tỳ Ni (tập I+II).
- Luật Ngũ Phần.
- Luật Tứ Phần (I đến IV).
- Luật Tỳ Kheo Sở Nghiã.
- Tỳ Ni, Sa Di, Oai Nghi, Cảnh Sách.
- Bách Nhất Yết Ma (dịch chung với Tâm Hạnh).

Nhất là gần đây (2002) Ngài đã đứng ra đảm nhận chức vụ Trưởng Ban Phiên Dịch Pháp tạng Việt Nam, chủ nhiệm nhuận lại toàn bộ (24 quyển) **BỘ ĐẠI BÁT NHÃ DO CỔ ĐẠI LÃO HÒA THƯỢNG TRÍ NGHIÊM PHIÊN DỊCH, THÀNH 12 TẬP** (mỗi tập khoảng 1000 trang và đã in lại tại Đài Loan 6 tập). Công tác phiên dịch và nhuận văn đang trên đà phát triển khả quan, thì Ngài an nhiên thị tịch trong sự quý mến thương tiếc của bao nhiêu người cộng tác, nhất là đàn hậu bối.

Đời Ngài là một tấm gương đạo hạnh tinh nghiêm, kể từ khi mới xuất gia nhập chúng tu học cho đến thời pháp nạn 1963 có lúc phải ngồi tù dưới chế độ cộng sản (2 năm). Và

sau cùng trở về với con đường tu học phụng sự đạo pháp không ngừng nghỉ dưới nhiều hình thức chỉ mong cho đạo pháp trường tồn, tăng ni hòa hợp, giới luật tinh nghiêm.

Khi vào Tăng Học Đường Nha Trang lúc sơ khai (1950-1954) (sau này trở thành Phật Học Viện Trung Phần nơi đào tạo Tăng tài cho toàn miền Trung) thiếu thốn mọi bề, Ngài đã phải chấp nhận đi học thêm những ngành thế gian như Y tá chích thuốc, đánh máy chữ, chế biến hóa chất trong hệ thống ngũ minh để xây dựng những bước căn kinh tế tự túc cho Phật Học Viện mà thành quả sau cùng ai cũng biết đó là hăng Vịt Trai Lá Bồ Đề tại Nha Trang và chính Ngài làm Giám Đốc trong một thời gian dài (sau này mở thêm tại Phú Thọ Sài Gòn, đến khi chế độ cộng sản vào mới bị tịch thu và đóng cửa vĩnh viễn).

Thời kỳ Pháp nạn 1963, Ngài là một thành viên Ủy Ban Bảo Vệ Phật Giáo tỉnh Khánh Hòa. Mặc dầu có hàng cây đại thọ che chở phía trước: Chư Tôn Hòa Thượng Thích Thiện Minh, Thích Trí Thủ... chủ xướng. Nhưng bên trong kiểm tra đôn đốc mọi công việc phân chia kế hoạch, mọi chi tiết hành động đều do Cổ Hòa Thượng Đồng Minh đảm nhiệm cho đến tháng 11/1963.

Qua mùa pháp nạn 1963, Ngài trở về cương vị bình thường đào tạo Tăng tài, dịch thuật kinh điển. Nhưng đâu có được yên thân. Chẳng được bao lâu lại bị tù tội (2 năm) với những lý do vu vơ dưới chế độ cộng sản, mà kết quả trong tù là "**BỘ LUẬT TRƯỞNG HẠNG**" thuộc lòng biến thành một tập văn vần còn lại đến ngày nay.

Ra khỏi nhà tù, Ngài đổi y phục Nguyên Thủy và chuyên tâm về phần giáo dục tăng tài, nhất là về giới luật và nhiều lần được cung thỉnh trong ngôi vị Tuyên Luật Sư các Giới Đàn cho đến ngày viên tịch.

Điểm lại cuộc đời của Ngài: Xuất gia năm 13 tuổi, người thôn Văn Quang, xã Phước Quang, tỉnh Bình Định. Thọ Sa Di tại Giới Đàn Long Khánh Qui Nhơn và thọ Tỳ Kheo năm 1945 tại Giới Đàn Thiên Đức - Bình Định.

Suốt đời, gần 80 năm trụ thế, quả là một bậc chân tu thật học, xả thân hành đạo, vì lợi lạc quần sanh lo cho đàn hậu tấn không việc gì mà từ nan. Đến phút cuối cùng còn di chúc: "Lễ tang đơn giản, không xây tháp, dùng tịnh tài để ấn tống kinh sách..." (lời di chúc do Hòa Thượng Chí Tín ghi lại ngày 17.06.2005).

Sau khi tin tức được loan đi ở hải ngoại, các giáo hội đều nhất loạt thông tư tổ chức lễ Truy Niệm công đức của một vị Thầy khải kính, một bậc danh tăng thạch đức của Phật Giáo Việt Nam hiện tại.

- **Giáo Hội Úc Châu tổ chức tại Tu Viện Quảng Đức Melbourne - Úc Châu, lúc 11 giờ sáng ngày 19.6.2005.**

- **Giáo Hội Hoa Kỳ tổ chức tại Chùa Phật Đà, San Diego - Hoa Kỳ, ngày thứ bảy 25.06.2005.**

- **Giáo Hội Canada tổ chức tại Chùa Phật Đà, Oztzawa - Canada, 11 giờ 30 sáng ngày thứ bảy 25.06.2005.**

- **Giáo Hội Âu Châu tổ chức tại Chùa Viên Giác Hannover - Đức, trong Đại Giới Đàn Đôn Hậu từ ngày 1.7 đến 3.7.2005.**

Ngoài ra Giáo Hội Âu Châu đã thông tư cho tất cả Giáo Hội địa phương quốc gia tùy nghi tổ chức lễ Truy Niệm công đức cho Cổ Hòa Thượng **Thượng Thị Hạ Khai tự Hạnh Huệ, hiệu Đồng Minh viên tịch ngày 11/5 năm Ất Dậu (17/6/2005) dòng Lâm Tế Chánh Tôn đời thứ 42.**

Thành tâm nguyện cầu Giác Linh Cổ Hòa Thượng cao đăng Phật quốc, thượng phẩm thượng sanh, chứng vô sanh pháp nhẫn. Nhiên hậu hoàn đảo ta bà hưởng dẫn hậu lai đồng thành Phật đạo.-

THÔNG CÁO BÁO CHÍ CỦA PHÒNG THÔNG TIN PHẬT GIÁO QUỐC TẾ

Lời tuyên bố của Hòa Thượng Thích Quảng Độ, về bản "Quan điểm của LHQ" tố cáo Hà Nội bắt bớ và giam cầm trái phép hàng giáo phẩm lãnh đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất

Hôm nay, ngày thứ hai 11.7.2005, từ nơi bị quản chế ở Thanh Minh Thiền Viện, Saigon, Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Viện Trưởng Viện Hóa Đạo, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, cất lời Tuyên Bố về bản Quan điểm 18/2005 của LHQ. Qua bản Quan điểm này, LHQ tố cáo nhà cầm quyền Hà Nội bắt bớ, giam cầm trái phép Đức Tăng Thống Thích Huyền Quang và Hòa Thượng Thích Quảng Độ và yêu sách trả tự do cho nhị vị Hòa Thượng lãnh đạo Giáo Hội.

Hòa Thượng vừa gửi Lời Tuyên Bố này sang Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế ở Paris để phổ biến đến các cơ quan truyền thông báo chí quốc tế và trong Cộng đồng người Việt hải ngoại. Chúng tôi xin đăng tải nguyên văn Lời Tuyên Bố của Hòa Thượng Viện Trưởng Viện Hóa Đạo như sau :

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT VIỆN HÓA ĐẠO

Thanh Minh Thiền Viện,
90 Trần Huy Liệu, Phường 15, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

Phật lịch 2549

Số 05/VHĐ/VT

Lời tuyên bố của Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Viện Trưởng Viện Hóa Đạo, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất về bản "Quan điểm của LHQ" tố cáo tình trạng bắt bớ và giam cầm trái phép hàng giáo phẩm lãnh đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất

Trong bức thông điệp thu bằng gửi đến khóa họp thường niên lần thứ 61 của Ủy hội Nhân quyền LHQ diễn ra ở Điện Quốc Liên, Genève, đầu tháng 4.2005, và đã được phát ra tại đây, tôi có nói rằng:

"Trên 25 năm qua, Đức Tăng Thống Thích Huyền Quang và tôi bị tù đày, chỉ vì lên tiếng đòi hỏi nhân quyền cho nhân dân Việt Nam. Vào lúc thu âm lời phát biểu này, tôi vẫn còn sống trong tình trạng quản chế tại Thanh Minh Thiền Viện ở Saigon. Công an canh gác tôi suốt ngày đêm. Đường dây điện thoại của tôi bị cắt, mọi liên lạc bị theo dõi, quyền tự do đi lại bị cấm đoán".

Qua thông điệp gửi LHQ, tôi cũng nhận xét thêm rằng:

"Nhân quyền là quyền dành cho mọi người được sống trong tự do, được tôn trọng như những thành viên trong xã hội. Nhưng ở Việt Nam ngày nay chúng tôi không có tự do.

Chúng tôi bị tù đày ngay trên quê hương của mình, chúng tôi bị tù đày ngay trong chùa viện, trong nhà cửa của chính mình. Chúng tôi là tù nhân của một chế độ có toàn quyền quyết định ai được ăn nói, ai phải im lặng, ai được tự do, ai bị bắt giam. Chúng tôi là tù nhân của một chế độ, mà dù chiến tranh đã chấm dứt từ 30 năm qua, những chế độ ấy vẫn tiếp tục cuộc chiến chống lại nhân dân của mình, ngăn cấm không cho toàn dân hưởng các nhân quyền cơ bản".

Đầu năm nay, ngày 21.2.2005, Đức Đệ tứ Tăng thống Thích Huyền Quang viết bức Thư ngỏ gửi các ông Nông Đức Mạnh, Tổng Bí thư Đảng; Chủ tịch nước Trần Đức Lương; Thủ tướng Phan Văn Khải, và Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Văn An, về việc cấm chửi Tăng đi lại chúc Tết và việc quản chế chúng tôi bằng khẩu lệnh. Đức Tăng Thống viết như sau:

"Kể từ ngày tôi ra Hà Nội chữa bệnh, nhân đó được Thủ tướng Phan Văn Khải tiếp kiến vào ngày 2.4.2003, thẩm thoát đã gần hai năm qua. Cuộc gặp gỡ hy hữu ấy đã đem lại nhiều hân hoan, hy vọng cho đồng bào Phật giáo trong và ngoài nước nói chung, các chính giới và bằng hữu quốc tế nói riêng. Hân hoan là vì chưa hề xảy ra trên bất cứ quốc gia nào sự kiện một vị Thủ tướng tiếp một tù nhân tôn giáo như bản thân tôi vào thời điểm ấy cũng như bây giờ. Hy vọng là vì bao nhiêu năm dài đen tối trông đợi, ai ai cũng tưởng rằng sau cuộc gặp gỡ này, Đảng và Nhà nước Việt Nam sẽ thay đổi chính sách đàn áp và phân biệt đối xử với Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Bản thân tôi cũng đã hân hoan và hy vọng như thế. Đặc biệt đáp các lời tôi thắc mắc vì sao Giáo hội chúng tôi bị đàn áp và phân biệt đối xử suốt gần 30 năm qua, thì Thủ tướng tâm tình rằng: "Buổi đầu có thiếu sót, có nhiều sai trái, nay mọi sự sẽ phải tháo gỡ và điều chỉnh dần. Xin Hòa Thượng từ bi, hoan hỷ". Cho nên lúc ấy, tôi tỏ vẻ sẵn sàng hỉ xả những chuyện đã qua.

"Song sự kiện xảy ra sáu tháng sau đó, đặc biệt là việc chặn xe rời bắt bớ chúng tôi tại Bình Định và Lương Sơn trong hai ngày 8 và 9.10.2003, làm cho tôi từ ngỡ vực đi đến thất vọng về một chính sách bất bình đẳng tôn giáo bất di bất dịch của Đảng và Nhà Nước đối với Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất và đối với riêng bản thân tôi từ thời Kháng chiến chống Pháp ở Liên khu 5, và nay dưới chế độ Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa.

"Cuối năm ngoái tôi bị bệnh nặng, Hòa Thượng Thích Quảng Độ và chư Tăng ở Saigon muốn ra thăm bệnh tôi ở nhà thương, nhưng đã bị công an chặn xe không cho đi. Nay, Tết là ngày vui sum hiệp của mọi gia đình và của toàn dân, là ngày thăm viếng chúc Xuân sau một năm vất vả và làm ăn, hay xa cách vì sinh kế phải tha phương kiếm sống. Nhưng năm nay, tôi rất buồn phiền khi nghe tin Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Viện Trưởng Viện Hóa Đạo, Hòa Thượng Thích Đức Chơn, thành viên Hội Đồng Trưởng Lão Viện Tăng Thống, Thượng Tọa Thích Viên Định, Phó Viện Trưởng Viện Hóa Đạo, cùng chư Tăng ở Saigon dự tính ra Tu viện Nguyên Thiều ở Bình Định thăm viếng tôi mấy ngày đầu Xuân, nhưng một lần nữa, lại bị ngăn cấm. Các cơ quan công quyền tại các quận Bình Thạnh, Gò Vấp, Phú Nhuận, Thủ Đức, v.v... đã đến các chùa liên hệ yêu cầu chư Tăng không được ra Bình Định chúc Xuân, với lý do mơ hồ là "tinh

hình còn khó khăn, không ổn định" không nên đi, hoặc nói lời vô lý là "Có kẻ xấu lợi dụng, tổ chức chuyến đi ra Bình Định thăm Hòa Thượng Thích Huyền Quang để gây rối. Có ai tổ chức đi thì đừng có đi, vì Nhà nước không cho đi!". Nhiều ngày qua còn cắt đường dây điện thoại của Hòa Thượng Thích Quảng Độ.

(...) "Nhân đây, tôi cũng xin Đảng và Nhà nước minh bạch hóa trường hợp quản chế tôi và Hòa Thượng Thích Quảng Độ bằng khẩu lệnh kể từ vụ bắt bớ tùy tiện chúng tôi ngày 9.10.2003 tại Lương Sơn gần thành phố Nha Trang. Tôi có nghe Nhà nước tuyên bố với báo chí quốc tế là do tôi và Hòa Thượng Thích Quảng Độ "tàng trữ bí mật Nhà nước". Nếu quả thật chúng tôi mắc tội này, thì xin trung bằng cớ và đưa chúng tôi ra tòa xét xử với quyền biện hộ phân minh. Chúng tôi sẽ chấp hành án lệnh sau phiên xử. Còn như lý do nêu ra không đúng sự thật, thì tuyên bố chấm dứt việc buộc tội vô căn cứ và trả chúng tôi về đời sống tự do, chứ không như hiện tại, tù trên một năm qua, chúng tôi phải sống trong cảnh quản chế gắt gao như một người tù tại Tu Viện Nguyên Thiều và Thanh Minh Thiền Viện.

"Chiếu theo điều 10 trong Bộ luật Tố tụng Hình sự, thì "không ai có thể coi là có tội và phải chịu hình phạt, khi chưa có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật", điều 71 trong cùng bộ luật, thì "thời hạn tạm giam" tối đa không được quá 12 tháng, và "khi đã hết thời tạm giam thì người ra lệnh tạm giam phải trả tự do cho người bị tạm giam". Nay thời hạn tối đa ấy đã quá bốn tháng rồi. Kính mong quý Ngài làm việc theo Pháp luật mà thi hành các điều nêu ra trong bức thư hôm nay".

Mặc dù những xác nhận của chính bản thân các người làm nạn, là Đức Tăng Thống và tôi, mặc dù thực tại đàn áp hung hãn và quy mô của Đảng và Nhà nước đối với Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất suốt 30 năm qua, thế nhưng suốt bao nhiêu năm trường cho đến những ngày gần đây nhất, lời tuyên bố của ông Lê Dũng, người phát ngôn của Bộ Ngoại Giao, vẫn bắt di bắt dịch, vẫn khẳng khái che giấu sự thực khi bảo rằng Đức Tăng Thống Thích Huyền Quang và tôi, Thích Quảng Độ, vẫn được "hoàn toàn tự do hành đạo tại Tu Viện Nguyên Thiều ở Bình Định và Thanh Minh Thiền Viện ở Saigon".

Cùng một luận điệu dối gạt muôn đời như thế, mà điển hình là khi bị Tổ Hành động chống bắt bớ trái phép của LHQ viết thư chất vấn gửi về Hà Nội, thì ông Ngô Quang Xuân, Đại sứ Thường trực tại LHQ ở Genève, được chỉ thị thay mặt Nhà nước trả lời trong bức thư đề ngày 9.12.2004 viết rằng: *"Tại Việt Nam, tự do tôn giáo và tín ngưỡng được ghi rõ trong Hiến pháp và luật lệ, cũng như trong thực hành. Những thông tin về tình trạng Thích Quảng Độ hoàn toàn giả tạo. Điều cần phải xác định rõ, là Thích Quảng Độ vẫn tiếp tục sống và hành đạo tại chùa Thanh Minh, hoàn toàn tự do, không hề bị giám sát hành chính hay giam cầm".* Còn về trường hợp Đức Tăng Thống Thích Huyền Quang thì cũng viết như thế và còn dám ngoa ngôn thêm: *"Thông tin gửi đến cơ quan LHQ là giả dối và phải được xem như hoàn toàn giả tạo, vì các thông tin này chỉ nhằm tiếp diễn những chính kiến sai lầm và những hoạt động chống lại Nhà nước Việt Nam".*

Đảng và nhà cầm quyền CHXHCNVN không thể nào thay đổi chính sách nhân quyền và tôn giáo, bao lâu vẫn duy trì sự đối gạt công luận quốc nội và quốc tế như thế. Hãy trả tự do thực Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất và các Giáo Hội Cao Đài, Hòa Hào, Tin Lành, v.v... trước khi xác nhận là *"Tại Việt Nam không có tự nhân tôn giáo, không có đàn áp tôn giáo"* như ông Thủ tướng Phan Văn Khải tuyên bố không ngượng lời trên báo chí Mỹ trong chuyến công du Hoa Thịnh Đốn vừa qua.

Nhân danh Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, chúng tôi ngỏ lời cảm ơn LHQ đã công bố bản Quan điểm mang số tham chiếu 18/2005, qua đó, vạch trần sự đối gạt công luận thế giới của CHXHCNVN và nói lên sự thật phũ phàng là Đức Tăng Thống Thích Huyền Quang và tôi đã bị bắt bớ trái phép, cũng như hiện đang bị quản chế trái phép, vi phạm điều 18 trong Công ước Quốc tế về Các Quyền Dân sự và Chính trị của LHQ, mà Việt Nam tham gia ký kết năm 1982. Được biết rằng bản Quan điểm 18/2005 đã được quyết nghị thông qua tại khóa họp lần thứ 42 của Tổ Hành động chống bắt bớ trái phép của LHQ tại Genève hôm 26.5.2005 và đã được gửi về nhà cầm quyền Hà Nội hôm 6.6.2005. Theo thủ tục LHQ, thì sau ba tuần lễ gửi văn kiện thông báo, LHQ sẽ đặt bản Quan điểm đến tổ chức đệ nạp hồ sơ khiếu kiện, là Ủy ban Bảo vệ Quyền làm Người Việt Nam có trụ sở tại Paris, đồng thời công bố cho các quốc gia hội viên thẩm tường để theo dõi. Thủ tục và sự kiện này, một lần nữa chứng minh trước công luận thế giới rằng, nhà cầm quyền Hà Nội không còn một lý do nào chính đáng để phản bác, cãi chối trước các lời tố cáo của LHQ.

Chúng tôi yêu cầu LHQ hãy tiếp tục theo dõi tình trạng nhân quyền tồi tệ và đàn áp tôn giáo tại Việt Nam, và có những biện pháp thích nghi để CHXHCNVN thực thi bản Quan điểm 18/2005 vừa được công bố tại Genève. Chúng tôi cũng yêu cầu các cơ quan Nhân quyền LHQ tiếp tục và nhanh chóng gửi các Báo cáo viên LHQ về Việt Nam điều tra trên ba lĩnh vực: Đàn áp tôn giáo, đàn áp tự do ngôn luận, và bắt bớ trái phép, giam cầm trái phép những người biểu tỏ ôn hòa chính kiến hay tín ngưỡng của họ.

Chúng tôi kêu gọi các quốc gia yêu chuộng tự do, dân chủ trên thế giới căn cứ vào bản Quan điểm 18/2005 của LHQ để yêu sách CHXHCNVN thi hành bổn phận và trách vụ của một thành viên LHQ mỗi khi có sự khuyến cáo nghiêm trọng do LHQ ban hành.

Ở thời đại tin học ngày nay, những nạn nhân trong các quốc gia độc tài sẽ vĩnh viễn vùi dập cho đến chết trong thăm lặng và quên lãng, nếu thảm nạn của họ không được các cơ quan truyền thông, báo chí can thiệp công bố. Chúng tôi lên tiếng tỏ lòng biết ơn và kêu gọi các cơ quan truyền thông, báo chí quốc tế hãy cứu chúng tôi và dân tộc Việt Nam hiện không có tiếng nói trên xứ sở khổ đau và áp bức triền miên này.

Nay tuyên bố,
P.I. 2549 - Thanh Minh Thiền Viện, Saigon ngày
11.7.2005
Viện trưởng Viện Hóa Đạo,
Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất
(ấn ký)
Sa môn **THÍCH QUẢNG ĐỘ**

TIN TỨC NƯỚC ĐỨC

● Lê Ngọc Châu

■ Bất tín nhiệm Thủ Tướng Đức Schroeder



Berlin: Ngày 01.7.05, theo yêu cầu của Schroeder, liên minh cầm quyền Xanh-Đỏ đã biểu quyết tại Hạ Viện bất tín nhiệm đương kim Thủ Tướng Đức Gerhard Schroeder

nhưng vẫn muốn tiếp tục cầm quyền. Khối đối lập CDU/CSU muốn làm tốt hơn nhưng chưa nói rõ như thế nào. Dân chúng Đức và những chuyên gia phân tích về tình hình chính trị Đức thì đang theo dõi và bình phẩm về trò hề chính trị đang xảy ra tại Berlin!

Dẫu vậy, Schroeder đã đạt được mục đích do chính ông ta muốn và đưa ra: Ông ta đã thua và bị Quốc hội Đức bất tín nhiệm. Mặc dầu Muentefering kêu gọi các Thượng Nghị Sĩ (TNS) trong nội đảng nên bỏ phiếu trắng nhưng vẫn có nhiều TNS xem thường. Kết quả gồm có tất cả 151 phiếu tín nhiệm (105 phiếu của SPD và 46 phiếu thuận của Xanh) và 148 bất tín nhiệm Schroeder. Khối đối lập toàn bộ bất tín nhiệm Schroeder với 296 phiếu. Điều đáng nói là có 3 TNS của SPD (Bà Daubler-Gmelin, ông Uwe Kuester, bà Sigrud Skarpelis-Sperk) và Werner Schulz (Xanh) tẩy chay không tham dự cuộc bỏ phiếu không thật, được xem như là đã dàn xếp trước của SPD do hai ông Schroeder và Muentefering chủ mưu.

Qua kết quả trên, Schroeder đã mở đường cho cuộc bầu cử Quốc Hội sớm hơn một năm thay vì vào mùa thu 2006 như luật pháp Đức đã ấn định. Tuy nhiên tất cả còn tùy thuộc vào quyết định của Tổng Thống Đức, Horst Koehler cũng như quyết định của Tòa án Hiến Pháp tối cao Đức nếu có vài TNS đệ đơn tố tụng chống lại màn kịch bỏ phiếu bất tín nhiệm do chính Schroeder đạo diễn, như họ đã từng tuyên bố trước và sau cuộc biểu quyết nói trên. Nói chung, các đảng phái đối lập cũng như đa số dân chúng Đức đều muốn có một cuộc tổng tuyển cử mới.

Điểm đáng lưu ý là TNS Werner Schulz (Xanh) lên tiếng chỉ trích rất mạnh đối với những thành viên của đảng Xanh đã đồng tình với mưu mô chính trị của Schroeder. Qua tuần báo Bild am Sonntag, TNS Schulz không những đã lên án cuộc bầu cử bất tín nhiệm Schroeder là ngụy tạo, vô lý cũng như đã so sánh Quốc hội Đức qua sự kiện này không khác gì Nghị viện DDR (Cộng Sản Đông Đức) trước đây, mà ông ta còn nói thêm là: "Ngày trong ngày đầu Đại hội đảng Xanh sau cuộc bầu cử Quốc hội vào tháng 09 tới, những TNS Xanh nào đã đưa đảng Xanh vào tình trạng nói trên phải gánh chịu trách nhiệm do họ tạo ra, đó là những ai đã mù quáng a dua cùng với SPD, đi theo con đường do Schroeder vạch ra và đẩy Xanh xuống hố sâu".

■ Kết quả PISA, Bayern đứng đầu

Berlin: Kết quả nghiên cứu PISA vừa được công bố hôm 14.7.05 cho biết là học sinh bang Bayern giỏi nhất và dẫn đầu liên bang Đức. Ngay trong môn toán học sinh bang Bayern đứng hạng 5 trước Canada và có thể cạnh tranh với những nước đứng vào hạng từ 1-4 trên thế giới như Phần Lan, Nam Hàn, Hòa Lan và Nhật.

Cuộc nghiên cứu so sánh khả năng của những học sinh vào lứa tuổi 15 giữa các tiểu bang trên toàn nước Đức. Được khảo sát gồm những môn toán, khoa học, đọc và giải quyết vấn đề. Hạng nhì là học sinh tiểu bang Sachsen trước Baden-Wuerttemberg (3). Thuringen hạng 4, Schleswig-Holstein trên trung bình, Rheinland-Pfalz và Hessen chỉ chiếm hạng trung. Kế đến là các tiểu bang Niedersachsen, NRW, Brandenburg, Berlin và Hamburg. Mặc dầu có tiến bộ nhưng tiểu bang Bremen vẫn đội sổ. Ngoài ra các chuyên gia khảo cứu PISA còn cho biết là gia đình và giai cấp xã hội ảnh hưởng nhiều đến kết quả nói trên và đó cũng là lý do tại sao Berlin, Hamburg và Bremen có hạng thứ thấp, đứng cuối cùng bảng vì tại các tiểu bang có nhiều gia đình ngoại quốc định cư, sinh sống ở đây!

■ Hạng lớn trả lương Kỹ sư cao hơn

2.07.2005: Các xí nghiệp lớn tại Đức trả lương bổng cho những Kỹ sư mới vừa ra trường cao hơn những hãng nhỏ!

Theo thống kê được thực hiện bởi mạng lưới www.ingenieurkarriere.de thuộc Hiệp hội Kỹ sư (KS) Đức (VDI) tại Duesseldorf qua sự thăm dò ý kiến của hơn 4000 Kỹ sư với 1 năm hành nghề thì mức lương trung bình đầu tay chưa trừ thuế của một vị Kỹ sư làm trong những hãng có ít hơn 500 công nhân viên là 40,5 ngàn Euro/năm. Tại những hãng có ít hơn 250 công nhân viên thì chỉ được khoảng 36 ngàn Euro/năm. Tuy nhiên mức lương bổng cũng còn tùy thuộc vào ngành chuyên môn. Theo VDI thì những hãng chế tạo xe hơi Đức trả trung bình 40,4 ngàn Euro/năm cho Kỹ Sư, kế đến là ngành Biotechnologie, Chemie, Gentechnologie và Anlagenbau. Thấp nhất là lương cho ngành Kiến trúc sư và Kỹ sư xây cất (Architektur und Bauingenieur), ít hơn khoảng 10 ngàn Euro so với ngành chế tạo xe hơi.

Một điểm quan trọng là bằng tốt nghiệp ảnh hưởng nhiều đến mức lương bổng. Có mức lương cao nhất dành cho những ai xong Tiến sĩ Kỹ sư (Dr. Ing.), trung bình là 49,8 Euro/năm, những Kỹ sư tốt nghiệp Đại Học Kỹ thuật (Dipl.-Ing. TU, TU= Technische Universitaet, tương đương với Master) có mức lương từ 39 đến 41 ngàn Euro mỗi năm và nếu tốt nghiệp bằng Kỹ sư trường Cao đẳng chuyên nghiệp (Dipl. Ing (FH), FH= Fachhochschule, tương đương với Bachelor!) thì lương trung bình là 36,8 ngàn Euro/năm.

■ Lafontaine và Maurer bỏ đảng SPD

Stuttgart/Saarbruecken: Vài ngày sau cuộc bầu cử Nghị viện NRW, cựu Chủ tịch đảng SPD đã trả lại thẻ đảng và rời bỏ SPD sau 39 năm là đảng viên của đảng này và gia nhập vào đảng mới được thành lập với danh xưng là WASG, gồm những thành viên thuộc cánh tả

của SPD vì bất đồng ý kiến với Schroeder qua Agenda 2010. Hôm 28.6.05 vừa qua, cựu Tỉnh bộ trưởng của đảng SPD bang Baden-Wuerttemberg, ông Ulrich Maurer cũng nổi gót ông Lafontaine, trả lại thẻ đảng, rồi bỏ SPD và tuyên bố sẽ gia nhập đảng WASG trong những ngày gần đây. Maurer cho biết là ông vẫn giữ chức Nghị sĩ tại Nghị viện tiểu bang nhưng với tư cách là một Nghị viên độc lập. Maurer đã nói trong cuộc phỏng vấn qua đài phát thanh SWR1 rằng theo ông, đảng có khuynh hướng tả mới được thành lập WASG là cơ hội duy nhất có thể ngăn chặn được sự bành trướng của liên minh Đen và Vàng (CDU/CSU và FDP) tại Đức. Ông còn nói, SPD của Schroeder sẽ không đem lại thêm một cái gì cụ thể nữa!

WASG chủ trương vì công ăn việc làm và đòi hỏi công bằng xã hội và muốn liên minh với PDS (đảng CS Đức cũ) ra tranh cử Quốc hội vào tháng 9.2005. Liên minh tả khuynh mới này (die Linkspartei) sẽ đưa hai ứng cử viên hàng đầu là Lafontaine và Gysi ra tranh cử mà theo giới chuyên gia về chính trị, họ có rất nhiều triển vọng trở thành đảng mạnh thứ ba sau CDU/CSU và SPD và sẽ đặc cử vào Quốc hội Đức.

■ Bà Merkel là đối thủ của Schroeder



Berlin: Ngay sau khi thất bại trong kỳ bầu cử Nghị viện tại NRW, Schroeder và Muentefering tuyên bố sẽ làm cuộc tổng tuyển cử mới sớm hơn dự tính 1 năm vào tháng 9.2005, phỏng tay trên ông Westerwelle là người từng yêu cầu chuyện này. Ngoài lý do thất bại nặng nề trong 2 lần bầu cử Nghị viện duy nhất trong năm 2005, thâm ý của Schroeder và Muentefering là muốn tạo ra sự tranh chấp nội bộ giữa CDU/CSU trên phương diện đề cử ứng cử viên Thủ Tướng chung của khối hầu đưa đến sự chia rẽ nội bộ để dân chúng Đức từ đó không tin tưởng khối đối lập nữa và Schroeder hy vọng rằng với chiến thuật này ông ta lật ngược được tình thế bi đát hiện tại của SPD và có thể thắng cử thêm lần nữa. Tuy nhiên nước cờ trên của Schroeder xem như thất bại. Hai chính trị gia trẻ có nhiều triển vọng là Thống Đốc Wulff (Niedersachsen) và Koch (Hessen) lần lượt tuyên bố không rời thủ phủ của họ, lên tiếng ủng hộ bà Merkel hết mình. Và sau cuộc họp giữa cấp lãnh đạo hai đảng, Đảng trưởng CSU, Edmund Stoiber đã cho biết là Ban Lãnh Đạo của CDU/CSU nhất trí đề cử bà Angela Merkel, Chủ tịch đảng Dân chủ Thiên chúa Giáo (CDU) làm ứng cử viên Thủ Tướng của liên đảng và sẽ là đối thủ của đương kim Thủ Tướng Đức, G. Schroeder, trong cuộc tổng tuyển cử sớm hơn một năm dự định sẽ bầu vào trung tuần tháng 09.2005. Stoiber còn nói thêm, CSU sẽ hết lòng hỗ trợ bà Merkel để bà Merkel trở thành vị nữ Thủ Tướng đầu tiên của nước Đức. Ngay sau khi được đề cử, bà Merkel cho biết là CDU sẽ tổ chức đại hội tranh cử tại Dortmund

vào ngày 28.8.05. Riêng đảng CSU thì sẽ tổ chức Đại hội đảng vào hai ngày 2-3.09.05, mở đầu cho giai đoạn nóng bỏng trong thời gian vận động cho cuộc bầu cử Quốc hội nói trên.

Cũng nên nhắc lại, trước khi bầu cử quốc hội năm 2002, bà Merkel đã nhượng bộ Stoiber ra tranh cử với Schroeder nhưng Stoiber thất bại, lý do vì FDP không đạt được chỉ tiêu họ đề ra. Lần này thì ngược lại, uy tín của bà Merkel trội hơn Stoiber nhiều. Ngay sau khi CDU thắng lớn trong hai lần bầu cử Nghị viện tại tiểu bang Schleswig-Holstein và NRW Hội đồng Lãnh đạo CDU đã lên tiếng đề nghị bà Merkel, 50 tuổi, ra làm ứng cử viên Thủ Tướng của CDU/CSU!

■ SPD sút giảm chỉ còn 27%

Hamburg: Sự ủng hộ đảng SPD, 10 tuần trước bầu cử lại Quốc Hội vào tháng 09.2005 (theo dự tính nếu không thay đổi) ngày càng sút giảm. Thước đo về tình trạng chính trị của đảng SPD qua cuộc thăm dò ý kiến của Viện nghiên cứu Forsa cho báo Stern và đài truyền hình RTL vừa được công bố hôm 06.7.05 mới đây cho thấy là đảng SPD sút nhiều và không thay đổi so với tháng trước.

Thủ Tướng G. Schroeder cũng không còn được ủng hộ của dân chúng Đức như lúc ông ta thắng cử Quốc hội Đức vào mùa thu 2002 trước đây. Chỉ có 49% bày tỏ ủng hộ Schroeder (SPD) và 40% nghĩ rằng tốt hơn, SPD nên chọn một ứng cử viên Thủ Tướng khác, 11% thì không có ý kiến gì cả. Nếu bây giờ bầu cử Quốc Hội Đức dựa theo cuộc thăm dò ý kiến 2503 cử tri của Viện nghiên cứu về bầu cử Forsa từ ngày 04.7- 08.7.05 thì kết quả bầu cử sẽ như sau: SPD (27%); Xanh (7%); CDU / CSU (46%); FDP (7%) và PDS & WASG (10%). Tính ra liên minh Đen+Vàng (CDU/CSU và FDP) được 53% trong khi Xanh+Đỏ chỉ có 34% mà thôi, vị chi chính phủ đương nhiệm bị hất ra khỏi chính quyền.

Ngoài ra, 39% trong số người Đức được thăm dò ý kiến còn cho biết là SPD nên chọn người khác lên thay Chủ tịch đảng SPD là ông Muentefering sau khi bầu cử Quốc hội xong. Khoảng 2/3 dân Đức đồng ý tổ chức tổng tuyển cử mới sau khi G. Schroeder bị Hạ viện Đức bất tín nhiệm. 68% nghĩ rằng Tổng Thống Đức Horst Koehler nên giải tán Quốc hội Đức để bầu cử lại, trong khi đó có 21% sợ là cuộc bỏ phiếu bất tín nhiệm hôm 1.7 do Schroeder và Muentefering dàn cảnh vi hiến có thể sẽ gây khó khăn cho cuộc tổng tuyển cử vào tháng 9.2005 tới.

■ Chương trình tranh cử của SPD

Berlin: Ba ngày sau khi bị Hạ viện Đức bỏ phiếu bất tín nhiệm, hôm thứ hai 4.7.05 vừa qua, Đảng trưởng Muentefering và Schroeder ra mắt báo chí Đức và công bố chương trình tranh cử (Wahlprogramm) của SPD với tit lớn là Tin tưởng vào nước Đức! Nội dung không có gì mới lạ, khác chăng chỉ chứa đựng nhiều hứa hẹn mà thôi, không ngoài mục đích hy vọng qua đó sẽ chiếm được cảm tình của cử tri Đức. Chương trình bầu cử của SPD được Hội đồng Lãnh đạo SPD nhất trí thông qua. Sau cuộc họp được xem như là một buổi đại hội nhỏ của

đảng SPD, Muentefering tuyên bố tại Bá Linh là chương trình tranh cử của SPD có đường lối chín chắn, hợp tình giữa hữu và tả. Giới quan sát ghi nhận là SPD chỉ thay đổi có một điểm là trẻ con từ hai tuổi được quyền nhận vào các vườn giữ trẻ. Ngoài ra, trong buổi họp mật gồm 300 đại biểu SPD tham dự nhưng chỉ có 45 thành viên được quyền biểu quyết nói trên, Schroeder đã ủng hộ đề nghị của SPD tăng 3% thuế lên 45% (thay vì 42%) cho những người độc thân kiếm trên 250 ngàn Euro/năm và 500 ngàn Euro/năm cho cặp vợ chồng, được gọi là thuế nhà giàu (Reichensteuer) hầu lấy tiền để đầu tư vào lĩnh vực giáo dục và nghiên cứu khoa học, sẽ xây dựng hệ thống bảo hiểm sức khỏe cho mọi người dân (Buer-versicherung). Muentefering còn khẳng định là nếu SPD thắng cử, chương trình cải tổ Agenda 2010 vẫn được tiếp tục duy trì, không thay đổi mà theo Bộ trưởng Kinh tế W. Clement cho biết Agenda 2010 là đường lối chính trị của SPD. Ngoài ra, Muentefering nhấn mạnh rằng một sự khác biệt rõ ràng giữa đảng SPD với CDU/CSU là SPD không thay đổi luật sa thải hiện hành, không đánh thuế những ai làm việc ban đêm hay chủ nhật cũng như SPD nhất định không tăng thuế phụ trội. Trọng điểm trong chương trình tranh cử của SPD là tăng phụ cấp gia đình, chẳng hạn tiền cha mẹ (Elterngeld) cho những gia đình trẻ trong khi phải nghỉ ở nhà để nuôi con. Để nâng đỡ giới tư nhân, công kỹ nghệ và những hãng trung trung, trong tương lai SPD đồng ý cho họ khai trừ thuế 20% lệ phí sửa chữa tối đa là 3000 Euro, ví chi được khai giảm thuế 600 Euro, nhưng bước đầu tạm thời giới hạn trong hai năm. Và SPD không thay đổi chương trình cải tổ Hartz IV, khác hẳn là những người thất nghiệp có tuổi sẽ nhận tiền trợ cấp thất nghiệp ALG I lâu hơn như luật hiện hành ấn định. Ngoài ra, SPD sẽ nâng tiền trợ cấp thất nghiệp loại ALG II bên phía Đông lên bằng phía Tây Đức là 345 Euro.

Sau khi chương trình bầu cử của SPD được công bố thì nhiều chính khách Đức lên tiếng phê bình. Kinh tế gia U. Hombreicher của WestLB nói: Chương trình sai, chỉ làm cho Agenda 2010 thụt lùi thay vì tiến lên. Chủ tịch Viện nghiên cứu về kinh tế tại Halle, Ruediger Pohl, nói qua đài truyền hình N-TV là: "Chương trình tranh cử của SPD không phải để làm hồi sinh lại nền kinh tế Đức mà đó chỉ là một chương trình mục đích nhằm kiếm sự ủng hộ của cử tri mà thôi!"

■ Ruetters là Tân Thống Đốc bang NRW

Duesseldorf: Đúng như đã dự tính sau cuộc bầu cử Nghị viện NRW, Ruetters (CDU) đã được Nghị viện bầu vào chức Thống Đốc bang này, sau khi đã ký xong thỏa ước liên minh với FDP, hất SPD sau 39 năm cầm quyền tại NRW ra khỏi chính quyền. Có 99 Nghị sĩ bỏ phiếu thuận cho Ruetters (53 tuổi), 87 chống và 1 phiếu trắng. Tính ra có 2 Nghị sĩ trong liên minh CDU/FDP đã bỏ phiếu chống lại Tân Thống Đốc Ruetters. NRW là một tiểu bang đông dân cư nhất của Đức và kể từ năm 1966 cho đến nay do SPD liên tục nắm quyền. Juergen Ruetters là người thứ ba thuộc đảng CDU lên làm Thống Đốc tiểu bang này, kế vị ông Steinbrueck (SPD) sau hai

ông Karl Arnold (1947-1956) và Franz Mayers (1958-1966).

■ Giới trí thức ít thất nghiệp

Nuernberg/Bonn: Theo bản tường trình về thị trường nhân dụng của Tổng cục Lao động Liên bang vừa được công bố tại Bonn dành riêng cho giới trí thức và những người thuộc cấp lãnh đạo thì lần đầu tiên kể từ năm 2000, số người có học vấn cao hiện được ghi nhận là thất nghiệp trong năm 2004 sút giảm -0,3% so với năm trước. Cũng theo tài liệu trên, chỉ số thất nghiệp của những người có trình độ học vấn cao (Akademiker, tốt nghiệp Cao đẳng hay Đại Học!) là 4% so với chỉ số thất nghiệp tại Đức là 11,4%. Tuy nhiên trong năm 2004 số Akademiker xin việc làm cũng tăng thêm 11,8%. Vì vậy các hãng xưởng dễ lựa ra được những người có khả năng để thuê nhận. Đặc biệt là những người học ngành Kỹ sư (28,2%), Thương mại và Hành chính (23,3%) được các hãng Đức chiều chuộng nhất. Chỗ làm việc cho Kỹ sư, Bác Sĩ chuyên khoa, những chuyên gia về tiêu thụ (Vertrieb) và tiếp thị (Marketing) cũng như về truyền thông (IT). Các hãng xưởng không những chờ đợi từ những người xin việc là phải có khả năng chuyên môn cao mà còn đòi hỏi cần phải hiểu biết khá thêm nhiều về phạm vi khác. Ngoài ra, quan trọng là đương sự cần phải có kinh nghiệm nghề nghiệp, linh động và tương đối khiêm nhường trên phương diện đòi lương bổng!

■ Không liên minh với đảng tả khuyhnh



Berlin:

Trong cuộc phỏng vấn của giới truyền thông Đức, khi bị hỏi là SPD có liên minh với đảng tả khuyhnh mới thành lập với

hai ứng cử viên hàng đầu là Lafontaine và Gysi không thì Chủ tịch đảng Muentefering cũng như đương kim thủ tướng Đức G. Schroeder và là ứng cử viên của SPD đã khẳng định là SPD sẽ không bao giờ liên minh với "nhóm chính trị" này! Vài ngày sau đó, Bộ trưởng Ngoại giao Đức cũng cho biết là sau cuộc bầu cử Quốc hội sắp tới một liên minh giữa Xanh và đảng Tả khuyhnh không bao giờ xảy ra. Cũng xin nói thêm là sau nhiều tuần bàn thảo, đảng PDS (hậu thân của đảng Cộng sản Đông Đức cũ) và WASG đồng ý thống hợp lại với nhau dưới một đảng mới, gọi là Đảng Tả Khuyhnh (die Linkspartei). Tuy nhiên, dựa vào kết quả cuộc thăm dò ý kiến cử tri và qua sự tuyên bố của SPD và Xanh nêu trên, nhiều nhà phân tích bầu cử Đức nghĩ rằng một liên minh lớn giữa CDU/CSU và SPD có thể xảy ra sau cuộc tổng tuyển cử vào mùa thu 2005.

■ Xi-căn-đan hối lộ tại hãng VW

Woffsburg: Tin hãng chế tạo xe hơi VW ngập lặn trong vụ xi-căn-đan hối lộ do giới truyền thông Đức loan

đi gây nhiều khủng hoảng cho VW cũng như công nhân hãng và giới chính trị Đức. Phát ngôn nhân của VW cho biết là Công tố viện đã làm đơn khiếu tố hai ông: Schuster, cựu xếp công nhân viên Skoda (chi nhánh hãng CW) và K. J. Gebauer, một nhân viên trực thuộc trung tâm đặc trách nhân viên hãng về tội bị tình nghi gian lận và biển thủ. Tuần báo kinh tế Đức cũng có đề cập tới Thủ Tướng Schroeder và Gabriel (SPD, cựu Thống đốc bang Niedersachsen) cũng dính líu đến xì-căn-đan nói trên. Schroeder và Gabriel phủ nhận nguồn tin này và cho biết là sẽ chống nhờ Luật sư chống lại sự vụ khổng lồ. Trong khi đó, xếp của VW tuyên bố là sẽ nhờ một cơ quan kiểm soát kinh tế KPMG kiểm soát lại tất cả những dữ kiện liên quan đến nội vụ với tư cách độc lập. Ngày 30.6.05, Chủ tịch Hội đồng Sản xuất VW, Klaus Volkert xin từ chức. Một tuần sau đó, Peter Hartz (một thành viên nòng cốt chương trình cải tổ của G. Schroeder mang tên ông ta) cũng lên tiếng xin từ chức sau khi xì-căn-đan hối lộ bị báo chí ngày phanh phui thêm ra nhưng còn phải chờ sự chấp thuận của Hội đồng Giám sát hãng. Công nhân viên VW lên án dữ dội vụ xì-căn-đan này vì họ không thể chấp nhận được khi cấp lãnh đạo một đảng đòi hỏi công nhân tiết kiệm, làm thêm giờ không lương trong khi đó những người này thì tham nhũng, hối lộ và bị mua chuộc bằng những cô gái làng chơi sang trọng với những món tiền rất lớn!



Hôm 13.7.05 Hội đồng Giám sát VW đã nhất trí chấp nhận đơn từ chức của Hartz.

TS Peter Hartz, năm nay 63 tuổi từ chối không đòi tiền bồi

thường, mất chức xếp công nhân viên hãng VW với số lương được phỏng đoán là 3 triệu Euro/năm.

■ Đức Giáo Hoàng Benedikt XVI thăm Đức

Koeln-Vaticanstadt: Tòa thánh Vatican đã chính thức tuyên bố cuộc viếng thăm Koeln của Đức Giáo Hoàng Benedikt XVI nhân kỳ Đại Hội Trẻ Thế Giới tổ chức tại Koeln từ ngày 11 đến 21 tháng 8.2005. Giới thông thạo dự đoán là Tổng Giáo Phận Koeln sẽ đón chờ khoảng 800 ngàn thanh thiếu niên từ 16 đến 30 tuổi về tham dự. Phát ngôn viên Vatican còn cho biết thêm là ĐGH Benedikt XVI sẽ đến phi trường Koeln/Bonn vào khoảng 12h trưa và ĐGH dự tính sẽ di chuyển bằng xe hơi đến thăm thành phố Bonn (nguyên thủ đô Đức trước đây) cách Koeln 40 km vào ngày 19.8. Tại đây ĐGH sẽ hội kiến với những chính khách Đức, trong đó gồm có Thủ Tướng G. Schroeder và Tổng Thống Đức, Horst Koehler. Trong kỳ Đại Hội Trẻ Thế Giới này sẽ có 600 Hồng Y và 4000 phóng viên từ khắp nơi trên thế giới về. ĐGH Benedikt XVI sẽ rời Đức chiều 21.8.2005.

■ Chương trình tranh cử của CDU / CSU

Berlin: Lâu nay, CDU/CSU cho biết là chương trình tranh cử của liên đảng gồm những điểm chính là chống

thất nghiệp, tăng trưởng kinh tế, thêm công ăn việc làm và giảm nợ nhà nước. Như đã nói, sau nhiều tuần lễ thương thảo và đã thông tư tưởng, CDU/CSU công bố chương trình tranh cử hôm 11.7.2005, với sự chuẩn y của 98 trong tổng số 100 đại biểu liên đảng và với 2 phiếu trắng. Ứng cử viên Thủ Tướng Angela Merkel và Chủ tịch đảng CSU, Edmund Stoiber cho biết rằng liên đảng đã soạn được một chương trình tranh cử rất trung thực, không chỉ hứa hẹn suông như Xanh-Đỏ và CDU/CSU sẽ không làm ngược lại những gì liên đảng công bố trước khi bầu cử. Chúng tôi xin tóm lược những nét chính chương trình tranh cử như sau: Nếu CDU/CSU thắng cuộc bầu cử quốc hội sắp tới và lên cầm quyền thì kể từ 2006, thuế phụ trội sẽ tăng từ 16% lên 18%, tuy nhiên thuế phụ trội cho thức ăn hay sách vở vẫn không thay đổi là 7%. Bù lại, chi phí gián tiếp cho lương bổng (Lohnnebenkosten) sẽ được giảm đi, chủ hãng bớt gánh nặng và từ đó, những người thất nghiệp mới có thể kiếm được việc làm. Sự cải tổ về thuế má sẽ được thay đổi đặc quyền dành cho những ai có lương bổng cao (Grossverdiener) sẽ bị cắt bỏ, thuế bảo hiểm thất nghiệp được giảm từ 6,5% xuống chỉ còn 4,5%. Ngoài ra, mỗi thành viên trong một gia đình sẽ hưởng phần lương được miễn thuế là 8000 Euro. Ngoài ra, CDU/CSU sẽ cải tổ lại hệ thống bảo hiểm bệnh tật, thay vào đó là thưởng về sức khỏe (Gesundheitspraemie) cũng như sẽ sửa đổi lại chương trình bảo hiểm chăm sóc. Bắt đầu từ 2007 trở đi, thuế lương bổng sẽ giảm, bắt đầu từ 12% (thay vì 15%) và cao nhất là 39% (hiện tại là 42%). Để ngân sách nhà nước không thiếu hụt, tiền phụ cấp di chuyển từ nhà đến sở làm giảm từ 30 Cent xuống chỉ còn 25 Cent, cho khoảng cách tối đa là 50 km. Đặc quyền miễn thuế cho những giờ làm việc ban đêm, vào ngày lễ hay chủ nhật (ví dụ như làm ca, y tá hay Bác Sĩ trực đêm cuối tuần) sẽ bị cắt giảm dần trong vòng 6 năm và phải đóng thuế thay vì miễn như từ trước đến nay. Phụ cấp nhà của (Eigenheimzulage) bị hủy bỏ, thay vào đó là tiền thưởng con trẻ nộp vào quỹ hưu trí. Cha mẹ được giảm 50 Euro nguyệt liễm hưu trí cho mỗi đứa con sinh sau 2007 cho đến khi con 12 tuổi. Ngoài ra CDU/CSU cũng muốn thay đổi luật sa thải để các hãng xưởng dễ dàng nhận thêm công nhân viên. Dự tính là hủy bỏ luật bảo vệ sa thải cho những người mới được nhận vào làm việc tại các hãng có ít hơn 20 công nhân. Tiền trợ cấp thất nghiệp loại ALG I hiện tại cũng bị thay đổi. Thay vì 12 tháng và 18 tháng cho những người thất nghiệp có tuổi, trong tương lai nếu ai đóng bảo hiểm thất nghiệp lâu hơn thì theo đó sẽ nhận được tiền thất nghiệp lâu hơn thời gian ấn định nói trên, so với người chỉ mới đóng thời gian ngắn. Tuy chưa rõ chi tiết nhưng nếu ai đóng bảo hiểm thất nghiệp quá ít thì thời gian 12 tháng có thể bị cắt giảm bớt.

Một cuộc phỏng vấn chớp nhoáng của đài truyền hình N-TV, so sánh chương trình tranh cử của Schroeder (SPD) và Merkel (CDU) thì có 70% cho biết là của bà Merkel hay hơn Schroeder, chỉ chiếm được 30%!

• LNC (Munich Tháng 6 - 7.2005)

Sưu tầm và biên dịch từ các báo der Spiegel, SZ, AZ, TZ, FAZ, die Welt, Handelsblatt, Focus, N-TV....

giới Đại học và Luật pháp, do đó nhà cầm quyền phải thả Cheng.

Vừa rồi, Cheng nhận giải Guillermo Cano về tự do báo chí của Unesco. Trong bài diễn văn nhận giải gửi đến Unesco, ông viết: "Trong một xã hội mà luật pháp còn yếu kém, người ta có thể ngụy tạo bất cứ một hồ sơ buộc tội nào". Nếu không xuất phát từ cơ quan An ninh Trung ương, như trường hợp nhà báo Hồng Kong Ching Cheong bị kết tội gián điệp, các vụ bạc đãi ký giả và kiểm duyệt bài viết của họ là việc làm thông thường của chính quyền địa phương.

■ Căng thẳng chiến lược tại biển Đông

Một hòn đảo nhỏ chu vi 20 km cách Đài Loan 110 km. Cách Đông Kinh 2.112 km, đảo Yonaguni thuộc Nhật có thể nằm ngay con mắt cơn lốc đang thành hình: Căng thẳng giữa Trung Quốc và Nhật. Vừa qua, Đông Kinh, Đài Bắc vội vàng đưa quân đến tuần tra vùng lãnh hải được TQ, Nhật, Đài Loan tranh chấp. Đông Kinh đang khám phá tầm quan trọng biên giới Tây Nam của mình. Chắc chắn eo biển Đài Loan là nơi tập trung sự căng thẳng cố định. Ngược lại biển Đông, TQ bao quanh đảo Yonaguni có thể trở thành trung tâm xung đột về lãnh thổ. Ở phía Đông bắc TQ, Nhật, Đài Loan tranh giành quần đảo Senkaku (tên TQ- Diaoyutai) có nhiều tài nguyên năng lượng dưới đáy biển. Ở phía Bắc biển Nhật, TQ đã khảo sát các vùng chứa hơi đốt dưới đáy biển, ở phía Tây Nam, cách đảo Yonaguni 1.000 km, Nhật đòi chủ quyền ở một số đảo nhỏ khác. Tàu TQ, Đài Loan đột nhập vùng đánh cá của Nhật cũng là nguồn gốc va chạm.

Yonaguni không có tài nguyên dầu hỏa, nhưng là một hòn đảo nạn nhân của một ván bài chiến lược. Không phận hòn đảo thuộc trách nhiệm Đài Loan, nhưng tàu Nhật đã tuần tra ngoài khơi từ nhiều tháng nay: Đông Kinh đặt Đài Loan vào vùng an ninh và xem hòn đảo như một mục tiêu chiến lược chung trong hệ thống phòng thủ Mỹ- Nhật.

Trong giả thuyết chiến tranh TQ-Đài Loan bùng nổ, Tổ chức Quốc phòng Nhật đã thiết kế kế hoạch bảo vệ các hòn đảo Nhật ở xa. Theo sơ đồ này, TQ có thể kiểm soát một vài hòn đảo như Yonaguni, Ishigaki, Miyato để chặn đứng các cuộc hành quân tăng viện Đài Loan phát ra từ Okinawa, nơi đây Mỹ đã đặt nhiều căn cứ quân sự.

■ Miến Điện. Suu Kyi kỷ niệm sinh nhật trong cảnh tội đồ

Bà Suu Kyi phát ngôn viên khối dân chủ Miến Điện, giải Nobel Hòa bình, đã kỷ niệm sinh nhật 60 năm cô đơn hơn bao giờ hết. Cùng giải Nobel Hòa bình, Đức Giám mục Nam Phi Desmond Tutu nhận định nhiều lần: "Một khi mà bà Kyi còn bị quản thúc thì không ai có tự do đích thực".

Không có điều gì có thể lay chuyển chế độ độc tài quân phiệt Miến Điện cầm quyền từ 1962. Vị Tướng lãnh từng âm mưu ám sát bà Kyi, kẻ thù số một của nhóm quân phiệt, được đề bạt lên làm Thủ Tướng sau vụ mưu sát không thành. Điều kiện quản thúc bà Kyi hết sức bi đát: 12 người thân tín ngày đêm chăm sóc bà vừa bị đuổi khỏi nhà, Bác sĩ mỗi liên lạc kín đáo với thế giới bên ngoài giờ đây chỉ được phép thăm bà mỗi tháng một lần, mỗi lần đến đều bị nhân viên an ninh lục soát kỹ lưỡng. Chưa bao giờ, tính cách cô lập đạt đến mức độ đáng lo ngại như thế. Người ta ném bà xuống một hố tối om trong lúc chờ đợi bà ra đi vĩnh viễn. Tuy nhiên đối với dân tộc Miến Điện, hào quang của bà vẫn còn

sáng chói, 15 năm sau khi đảng của bà đạt thắng lợi lớn trong cuộc tổng tuyển cử mà nhóm quân phiệt vội vàng xóa bỏ.

Hy vọng dân chủ đang chết dần chết mòn. Mọi ý định vừa chớm nở đã bị bọn quân phiệt cầm quyền bóp chết. Nhân ngày sinh nhật của bà, đa số các nước dân chủ một lần nữa yêu cầu chế độ độc tài phải tức khắc trả tự do cho bà. Khắp nơi người ta mít-tinh để nhắc nhở rằng Miến Điện là nước duy nhất trên thế giới giam giữ giải Nobel Hòa bình.

■ Nhật. Muốn thoát khỏi cô lập

Chuyến viếng thăm đảo Saipan của Hoàng đế Akitu là chuyến công du đầu tiên ở nước ngoài mang nhiều ý nghĩa. Saipan là nơi xảy ra trận chiến khốc liệt đánh dấu khúc quanh quan trọng ở mặt trận Thái Bình Dương. Hòn đảo thuộc quần đảo Mariannes thất thủ tháng 6-1944 là một pháo đài kiên cố trong hệ thống phòng thủ của Nhật.

Ngoài đài tưởng niệm chiến sĩ trận vong Mỹ và vách đá nơi đây hàng ngày dân Nhật nhẩy xuống biển tự tử, nhà Vua còn đến mặc niệm trước 2 đài kỷ niệm nạn nhân quê ở Okinawa và Triều Tiên, những công nhân đồn điền núa: 12.000 người thiệt mạng trên tổng số 60.000. Cuộc viếng thăm 2 nơi này cốt nhất là để thỏa mãn yêu cầu của Triều Tiên. Và được giữ kín đến giờ phút chót hầu tránh khỏi rắc rối có thể xảy ra.

Theo Hiến pháp nhà Vua không giữ vai trò chính trị nào, nhà Vua là tượng trưng của sự thống nhất dân tộc. Kể từ khi lên ngôi (1989), nhà Vua không ngớt cố gắng giải hòa Nhật với các nước láng giềng. Để tỏ lòng cảm phục các nạn nhân ngoại quốc, nhân dịp kỷ niệm 60 năm chiến tranh Thái Bình Dương chấm dứt, tại địa phương, ngoài Saipan còn có nhiều nơi khác để cho nhà Vua thăm viếng. Chánh phủ Nhật gợi ý Saipan là vì nơi đây sự chiếm đóng của Nhật là một giai đoạn phồn vinh và dân bản xứ, chủng tộc Chamorro không tỏ lòng oán hận Nhật. Vì đang có vụ căng thẳng giữa Nhật và TQ, Nam Hàn sau vụ Thủ Tướng Nhật viếng thăm đền thờ nơi đây một số tội phạm chiến tranh Nhật được tôn kính giữa những nhà ái quốc vị quốc vong thân, chỉ có Mariannes là nơi thích hợp cho nhà Vua đến cầu nguyện cho hòa bình.

Một chuyến viếng thăm tự nó rất cảm động nhưng thể hiện sự cô lập của Nhật ở khu vực.

■ Dầu hỏa giữa giá cả tăng vọt và viên ảnh khan hiếm

Gần đây, giá dầu hỏa trên dưới 60 đô-la/thùng. Thị trường e sợ nguồn cung cấp có thể gián đoạn cuối năm nếu các nước sản xuất (Opec) không thành công đáp ứng sự đòi hỏi tiêu dùng. Một câu hỏi khác cũng nan giải đang ám ảnh thị trường: Sự giảm sút nguồn dự trữ có lẽ không thể tránh được và vấn đề này đây đè nặng lên giá cả.

Hiện giờ, sự thiếu hụt còn rất xa. Với 85 triệu thùng/ngày, chưa bao giờ thế giới bơm vàng đen nhiều như thế. Với nhịp độ này, thế giới sẽ sản xuất 121 triệu thùng/ngày năm 2030 mà phần lớn đều từ những giếng dầu phải khám phá. Năm yên tử cuộc khủng hoảng 1979, viên ảnh khan hiếm đang sống lại. Với mức độ tiêu thụ hiện nay, dự trữ dầu sẽ cạn trong vòng 40-50 năm.

Một thế kỷ 1/2 sau sự khai thác thùng dầu đầu tiên tại Mỹ (1859), câu hỏi quan trọng là không phải lúc nào sản

xuất đạt đỉnh cao nhất mà sự giảm sút bắt đầu từ lúc nào, năm 2025, năm 2030? Tất cả đều tùy thuộc vào sức tiêu thụ và sự khám phá các nguồn dự trữ mới. Theo các nguồn tin khác nhau, nguồn dự trữ hiện giờ đạt 1.000 tỷ thùng cộng thêm 1.000 tỷ thùng phải khám phá.

Tài nguyên mới ước lượng 4.600 tỷ thùng cho đến giờ xem như không thể khai được hoặc ít sinh lợi, nhưng sẽ có giá trị nếu một thùng dầu giá 60 đô-la: Dầu quá nặng (dưới dạng nhựa), nằm sâu dưới đất (5.000 m), dưới đáy biển (1.350m), nhưng nếu dầu này nằm ngoài Trung Đông và ngoài vòng ảnh hưởng của Opec. Muốn khai thác các nguồn dầu này, phải có số vốn đầu tư cao (105 tỷ đô la/ năm) từ đây đến 2030.

■ Cải tổ Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc

Trong khi cuộc cải tổ HĐBA được Liên Hiệp Quốc mang ra thảo luận từ 2 năm nay và cuộc vận động đang chuyển động nhanh trước cuộc họp thượng đỉnh tháng 9 sắp đến, thì Mỹ loan báo đặt ưu tiên cho một HĐBA mới rộng có giới hạn, gây không ít xôn xao trên chính trường quốc tế.

Từ lâu, Cộng đồng Quốc tế đã làm quen với sáng kiến mới rộng HĐBA đến 24 hoặc 25 hội viên (hiện nay là 15 hội viên). Nhưng Mỹ chỉ tán thành một HĐBA gồm 19 hoặc 20 Hội viên mà trong số có 2 Hội viên thường trực mới. Mỹ ủng hộ Nhật và một nước đang mở mang, hai nước này không có quyền phủ quyết và 2 hoặc 3 nước Hội viên không thường trực mới. Hoa Thịnh Đốn đưa ra 2 tiêu chuẩn để chọn lựa: Dân chủ, tôn trọng nhân quyền, một đòi hỏi khó thực hiện trong bối cảnh hiện tại. Sáng kiến của Mỹ gây không ít e ngại cho 4 nước đang ôm tham vọng trở thành Hội viên thường trực: Ấn Độ, Đức, Ba Tây, Nhật. Bốn nước này đang chuẩn bị đưa ra dự thảo nghị quyết đệ trình lên Đại Hội đồng LHQ và hy vọng có đủ số phiếu thuận lợi (2/3 số phiếu = 128/190 phiếu).

Đáng chú ý hơn nữa là Trung Quốc công khai phản đối dự thảo nghị quyết nêu trên, xem đó là một sáng kiến nguy hiểm có thể gây chia rẽ.

Thời gian trước, Trung Quốc là nước có nền ngoại giao thụ động: Từ năm 1945 đến 1971, Trung Hoa Quốc Gia chỉ sử dụng quyền phủ quyết 1 lần. Từ khi ghế thường trực được chuyển giao cho Trung Quốc Cộng Sản, Bắc Kinh sử dụng quyền phủ quyết 4 lần, để trả đũa những nước đặt liên hệ ngoại giao với Đài Bắc. Ngay trong trường hợp Irak, Bắc Kinh vẫn giữ thái độ kín đáo. Nhưng lần này, Đại sứ TQ đã báo cho Tổng Thư Ký Annan biết, TQ không bao giờ chấp nhận cuộc cải tổ HĐBA. TQ không bao giờ muốn đối thủ của Á Châu như Nhật, Ấn Độ ngồi ngang hàng với TQ. Lần đầu tiên, TQ tỏ ra hết sức tích cực. TQ có thể gây áp lực đối với những nước nhận viện trợ TQ như Angola, TQ có thể hăm dọa những nước như lệ thuộc vào quyết định của HĐBA như Chypre.

Sức mạnh của TQ vươn lên từng bước một. Năm 2004, TQ chống Mỹ về điều khoản miễn tố nhân viên Mỹ ở nước ngoài, trước tòa án hình sự quốc tế. Một dấu hiệu khác rõ ràng hơn liên quan đến Darfour Soudan. Người ta dễ thấy nền ngoại giao dầu hòa của Bắc Kinh. TQ có quyền lợi năng lượng ở Soudan, cho nên TQ bênh vực Soudan về vấn đề chà đạp nhân quyền. Iran cũng là một nước khác, nơi đó TQ có nhiều quyền lợi dầu hòa. Người ta dự đoán, TQ không

chấp nhận Iran lãnh trừng phạt trong trường hợp hồ sơ hạt nhân Iran đến trước Hội đồng Bảo an.

Trung Quốc đóng góp 2% ngân sách LHQ, Nhật đóng góp 19%. Có thể Nhật sẽ giảm bớt sự đóng góp, nếu Nhật không được gia nhập HĐBA.

■ Thế Vận Hội: Sự chọn lựa cũng là 1 thông điệp chính trị

Được hay không được chọn lựa để tổ chức Thế Vận Hội đều có hậu quả tiêu cực, sau khi thất bại có thể vượt xa hậu quả thiết thực sau khi đắc thắng. Còn có sự công nhận mà Thành phố trúng tuyển, và sau thành phố là toàn thể Quốc gia- xem như một tán dương. Luân Đôn cũng như Ba Lê đều cần đến điều này. Nhưng một khi mà thất vọng và lợi lộc chính trị trước mắt qua đi thì cả 2 Thành phố với sắc thái riêng biệt đều được mọi người ngưỡng mộ.

Đối với trò chơi Thế Vận Hội hiện đại, còn có một khía cạnh khác. Thông thường, sự chọn lựa một thành phố đều có phần sâu kín chính trị mà thoát tiên người ta khó nhìn thấy.

Thế Vận Hội đầu tiên được tổ chức tại Athenes năm 1896. Đây là lễ đương nhiên, nhưng Thủ Tướng Hy Lạp lúc ấy Harilaos Trikoupis lo ngại quá tốn kém cho một nước nhỏ và nghèo. Một thế kỷ sau, Hy Lạp thay đổi quan điểm. Hy Lạp tổ chức Thế Vận Hội 2004 sau thất bại 1996 và đề nghị trong tương lai Thế Vận Hội sẽ được tổ chức tại Athenes như thế để tránh vấn đề đua nhau hứa hẹn giữa các Thành phố ứng cử. Đối với Thành phố ứng cử cũng như đối với nhà lãnh đạo, đó là dịp may để gây chú ý cho thế giới. Cũng là một cơ hội cho Ủy Ban Thế Vận vô tình hoặc cố ý tung ra một thông điệp chính trị.

Tiền bán thế kỷ XX, Thành phố Âu Châu và Mỹ được ưu đãi vì có thừa khả năng tổ chức. Giai đoạn thời thế chiến I, Thế Vận Hội tiếp tục năm 1920 tại Anvers.

Đức bị loại và trở lại tham dự Thế Vận Hội 1928 tại Amsterdam. Đức tổ chức Thế Vận Hội năm 1936 trước khi thế chiến II bùng nổ.

Bá Linh được chọn trước khi Quốc Xã nắm quyền, nhưng Hitler thành công lợi dụng Thế Vận Hội như một công cụ tuyên truyền. Đức vắng mặt tại Luân Đôn 1948, trở lại Helsinki 1952. Đức Dân Chủ được công nhận tại München 1972. Nhưng Thế Vận Hội 1972 phủ màu tang tóc vì vụ Palestine bắt con tin Do Thái.

Năm 1980, Quốc tế công nhận Liên Xô tại Mạc Tư Khoa. Cũng năm ấy, Mạc Tư Khoa xâm chiếm A Phú Hãn phá rối cuộc thi đấu. Mỹ và một số đồng minh tẩy chay Thế Vận Hội. Liên Xô phục thù 4 năm sau tại Thế Vận Hội Los Angeles.

Đông Kinh được chọn như một Thành phố Thế Vận Hội Á Châu đầu tiên năm 1964. Năm 1988, Ủy Ban Thế Vận khen thưởng Nam Hàn tại Hán Thành vì tiến trình dân chủ đầy hứa hẹn. Ngược lại, Ủy Ban bỏ qua lý do nhân quyền, chọn Bắc Kinh 2008, thiệt hại cho Ba Lê. Phát triển kinh tế kỷ lục, gia nhập WTO v.v..., Trung Quốc chỉ còn thiếu sự công nhận trên lãnh vực thể thao đã tự nhủ mình là cường quốc.

Ngày nào đó, Phi Châu sẽ ngập ngề và Phi Châu sẽ chọn Nam Phi để đại diện toàn thể Lục Địa. ●

Thể Thao

● Người Giám Biên

● Bóng tròn - Confederations Cup.

Đức đã tổ chức giải Confederations Cup từ 15 đến 29.06.2005 để trải nghiệm đội cầu Đức được trẻ trung hóa dưới quyền điều khiển của HLV Jürgens Klinsmann, về biện pháp an ninh cũng như nhân viên cùng hệ thống điều hành hầu rút tĩa kinh nghiệm cho giải vô địch thế giới vào tháng 06.2006 cũng tại Đức.

● Lịch sử giải Confederations Cup.

Giải này do Tổng Cuộc Túc Cầu Thế Giới (TCTCTG) tổ chức từ năm 1992 với mục đích là gây quỹ cho Tổng Cuộc.

- **1992** - Tại Saudi Arabien: Argentinien hạ Saudi Arabien 3:1 đoạt Cúp.
- **1995** - Tại Saudi Arabien: Danemark hạ Argentinien 2:0
- **1997** - Tại Saudi Arabien: Brasilien lần đầu tiên tham dự hạ Australien 6:0.
- **1999** - Tại Mexico: Mexico hạ Brasilien 4:3 tại sân Azteken trước 110.000 khán giả nhà.
- **2001** - Tại Nhật: Pháp hạ Nhật 1:0 tại sân Yokohama. Australien phục thù được cho năm 1997 là hạ Brasilien 1:0 đứng hạng ba.
- **2003** - Tại Pháp: Pháp hạ Kamerun 1:0, đoạt cúp liên tiếp hai lần.

Lúc đầu thì đội của nước nào tham dự cũng được. Nhưng kể từ năm 1997, TCTCTG đã qui định chỉ những đội vô địch của 6 lục địa mới được tham gia. Do đó giải Confederations Cup lần này còn được gọi là Mini-WM gồm có:

- + Brasilien, vô địch thế giới năm 2002 đồng thời vô địch Nam Mỹ 2004.
- + Đức, đội chủ nhà, hạng nhì thế giới năm 2002.
- + Tunesien, vô địch Phi Châu năm 2004.
- + Nhật, vô địch Á Châu năm 2004.
- + Úc, vô địch Châu Đại Dương năm 2004.
- + Mexico, vô địch Bắc Mỹ năm 2003.
- + Griechenland, vô địch Âu Châu năm 2004.
- + Argentinien, hạng nhì vô địch Nam Mỹ năm 2004.

Giải được tổ chức 2 năm một lần, trước giải vô địch thế giới một năm.

● Thể thức tranh giải.

Tám (8) đội được chia ra làm 2 Toán A và B. Mỗi toán 4 đội. Mỗi đội phải đụng nhau một lần, tức là phải đá 3 trận. Hai đội nhứt nhì mỗi toán được vào bán kết. Đội nhứt toán A đụng đội nhì toán B. Đội nhứt toán B đụng đội nhì toán A. Kể từ vòng này đá theo thể thức K.O (Knockout). Nếu hai đội huề nhau sau 90 phút, phải đá thêm hai hiệp nữa, mỗi hiệp 15 phút. Nếu còn huề sẽ đá 11 thước. Mỗi đội đưa ra 5 cầu thủ. Sau khi 5 cầu thủ của mỗi đội đá xong mà còn huề nhau thì tiếp sau đó mỗi đội chỉ đưa ra mỗi lần một cầu thủ để đá đến khi nào có thắng bại mới thôi. Quà gôn vàng và quà gôn bạc đã được hủy bỏ từ năm 2002.

● Phần thưởng:

Ngoài cái Cúp lộng lẫy, đội vô địch nhận được 2.275.000€. Đội hạng nhì 1.940.000€, hạng ba 1.700.000€, hạng tư 1.420.000€. Ngoài ra 8 đội tham dự, mỗi đội nhận được 853.000€ gọi là tiền trả nước và xe pháo từ TCTCTG.

Riêng đội Đức, Tổng Cuộc Túc Cầu Đức hứa thưởng riêng cho mỗi cầu thủ (23 người)

- Vào bán kết 10.000€
- Vào chung kết 20.000€
- Vô địch 60.000€

Với giải vô địch thế giới 2006, nếu đội Đức đoạt giải, TCTC Đức sẽ thưởng riêng cho mỗi cầu thủ là 300.000€.

Câu hỏi được đặt ra là tiền đâu mà TCTCTG có nhiều thế? Câu trả lời là chia phần trăm với quốc gia đứng ra tổ chức từ tiền bán vé, quảng cáo, TV v.v... Giải Mini-WM lần này được truyền đi 170 quốc gia, trên 2.000 nhà báo khắp nơi trên thế giới đến Đức để lấy tin và tường thuật.

Chia toán:

Toán A

Argentinien (Á Căn Đình)
Australien (Úc)
Deutschland (Đức)
Tunesien

Toán B

Brasilien (Ba Tây)
Griechenland (Hy Lạp)
Japan (Nhật)
Mexico

Vòng đầu - Kết quả:

<u>Vòng đầu - Kết quả:</u>		<u>kết quả</u>	
Argentinien - Tunesien	2:1	Japan - Mexico	1:2
Deutschland - Australien	4:3	Brasilien - Griechenland	3:0
Tunesien - Deutschland	0:3	Griechenland - Japan	0:1
Australien - Argentinien	2:4	Mexico - Brasilien	1:0
Australien - Tunesien	0:2	Griechenland - Mexico	0:0
Argentinien - Deutschland	2:2	Japan - Brasilien	2:2

Sắp hạng:

<u>Sắp hạng:</u>		<u>Sắp hạng</u>	
1. Deutschland	3(a)2(b)1(c)0(d)9(e)5(f)7(g)	1. Mexico	3 2 1 0 3 1 7
2. Argentinien	3 2 1 0 8 5 7	2. Brasilien	3 1 1 1 5 3 4
3. Tunesien	3 1 0 2 3 5 3	3. Japan	3 1 1 1 3 4 4
4. Australien	3 0 0 3 5 6 0	4. Griechenland	3 0 1 2 0 4 1

Ghi chú: (a) trận đá, (b) thắng, (c) huề, (d) thua, (e) bàn thắng, (f) bàn thua, (g) số điểm. Thắng 3 điểm, huề 1 điểm, thua 0 điểm.

Bán kết:

Deutschland - Brasilien 2:3. Sau 90 phút, hai đội huề nhau 2:2. Đá thêm giờ, cầu thủ Adriano của đội Brasilien đá lọt lưới thủ môn Lehmann nâng tổng số lên 3:2 cho đến khi kết thúc trận đấu.

Mexico - Argentinien 6:7. Sau 90 phút, hai đội cũng huề nhau 1:1. Đá thêm giờ vẫn còn huề nhau. Đá 11 thước, đội Argentinien may mắn thắng với tỷ số 7:6.

Tranh hạng ba: Deutschland - Mexico

Đá tại sân Leipzig trước 43335 khán giả. Đội Đức áp dụng đội hình 4-2-2-2 nghiêng về THỦ, còn đội Mễ 3-2-3-2 nghiêng về CÔNG. Tuy nhiên với chiến thuật THỦ hay CÔNG đều như nhau vì hai bên đều dùng phương pháp TỔNG LỬ C, có nghĩa là khi tấn công thì dồn hết lực lượng lên để làm bàn. Diễn hình là cầu thủ Huth ở hàng phòng vệ mà đã đá thủng lưới Mễ ở phút thứ 79. Ngược lại khi bị tấn

công thì rút hết về để bảo vệ khuôn thành. Phương pháp này đòi hỏi cầu thủ phải có nhiều thể lực.

Diễn tiến trận đấu:

Phút 2: Thủ môn Kahn hú hồn khi Fonseca đá trái banh cách anh độ 16th., banh bay xẹt qua xà ngang khuôn thành trong đường to kê tóc!

Phút 37: Podolski dùng chân trái đá trái banh bay qua góc phải phá lưới Mễ dẫn trước 1:0

Phút 40: Chỉ 3 phút sau, Fonseca gỡ huề 1:1

Phút 41: Do đường banh của Podolski đưa đúng tầm, Schweinsteiger thuận đà dùng chân phải tạt banh phá lưới Mễ nâng tỷ số lên 2:1

Phút 54: Hanke lãnh thê đồ bị đuổi ra sân vì chơi xấu Salcido. Đội Đức chỉ còn 10 người!

Phút 58: Perez đá phạt góc, Borgetti dùng đầu đội banh phá lưới Kahn gỡ huề 2:2

Phút 79: Schweinsteiger đá phạt góc, Ballack dùng đầu đội chuyền banh qua cho Huth (từ hàng phòng vệ lên) anh này đá lọt lưới Sanchez gác trước 3:2

Phút 85: Pardo đá phạt cách khuôn thành Kahn độ 25th., Borgetti dùng đầu đội banh lọt lưới gỡ huề 3:3

Hết 90 phút hai đội huề nhau 3:3. Đá thêm giờ:

Phút 97: Osorio chèn trái phép Kuranyi cách khuôn thành Mễ 21th. Ballack đá phạt trái banh bay qua khỏi đầu hàng rào phòng vệ vào lưới tuyệt đẹp, thủ môn Sanchez nháy đón banh nhưng không kịp, đội Đức dẫn 4:3 cho đến hết trận đấu mặc dù trong 66 phút sau cùng chỉ đá có 10 người, đứng hạng ba với huy chương đồng và tấm ngân phiếu 1.700.000€.

Chung Kết:

Brasilien - Argentinien

Hai đội banh Nam Mỹ cùng đứng chung một toán tranh vòng loại giải vô địch thế giới 2006 lại đụng nhau ở giải Mini-WM này. Vào ngày 8.6.05, đội Argentinien đã hạ Brasilien 3:1 đứng đầu toán. Lần này Brasilien quyết tâm phục thù để chứng tỏ tài năng bóng của đội đương kim vô địch thế giới. Trước trận đấu, cầu thủ nổi danh Ronaldinho, đội trưởng đội Ba Tây tuyên bố với báo chí là: *Bình diện của chúng tôi vừa mỗi nập, chúng tôi sẽ xài xả láng!* Có lẽ trước đó bình diện của cầu thủ Ba Tây bị cạnh chắng nên ở vòng đầu xém bị loại khi bị đội Nhật cầm chân với tỷ số 2:2, thua Mễ 0:1, chỉ có 4 điểm như Nhật. Nhưng nhờ may có số bàn thắng nhiều, thua ít hơn Nhật nên mới được vào bán kết.

Đá tại sân Frankfurt trước 42.000 khán giả. Brasilien áp dụng đội hình 4-2-2-2, còn Argentinien 3-4-1-2

Diễn tiến trận đấu:

Một bên tám lạng, một bên nửa cân, hai bên đều muốn trước nhất là biểu diễn tài nghệ nhồi bóng của vùng Nam Mỹ cho dân Đức xem sau là đoạt cúp mang về làm quà cho quê hương mình. Do đó trận đấu đã bắt đầu sôi nổi ngay từ tiếng còi của trọng tài vừa mới thổi. Nhưng phải đợi đến:

Phút 11. Adriano trước vòng cấm địa 17th. đá tung lưới Argentinien dẫn trước 1:0.

Phút 16. Argentinien cố vùng lên để san bằng cách biệt nhưng bị Robinho đưa tréo giò một đường banh tuyệt đẹp cho Kaka trước khuôn thành Argentinien 16th., thuận đà Kaka đá lọt lưới 2:0

Phút 47. Adriano lần thứ hai phá lưới Argentinien 3:0

Phút 63. Adriano lần thứ ba đá tung lưới Argentinien nâng tỷ số lên 4:0

Phút 65. Almar đội đầu phá lưới Brasilien gỡ được một trái banh danh dự 1:4.

Brasilien đoạt cúp này lần thứ hai, nhận mỗi cầu thủ một huy chương vàng, một cái Cúp lộng lẫy và tấm ngân phiếu 2.275.000€, còn Argentinien huy chương bạc và tấm ngân phiếu 1.940.000€.

Nhận xét thành tích của một vài đội:

- **Đội Griechenland:** Hào quang chiến thắng của đương kim vô địch Âu Châu đã tắt ngóm trong giải Mini-WM này. Đá 3 trận, thua 2, huề 1. Không đá lọt lưới đối phương được một trái nào! HLV Otto Rehhagel (người Đức) phải thay đổi chiến thuật, chú đá như vậy chắc chắn sẽ bị cho ra rìa vòng loại giải vô địch thế giới năm 2006.
- **Đội Japan và Mexico:** Đội Japan do HLV Arthur Antunes de Coimbra viết tắt là: Zico (người Brasilien) và Đội Mexico do HLV Ricardo Antonio La Volpe (người Argentinien) lèo lái nên kỹ thuật nhồi bóng của hai đội giống như các đội banh vùng Nam Mỹ. Đội Nhật cầm chân Brasilien 2:2, hạ đội Griechenland đương kim vô địch Âu Châu 1:0, thật là một thành tích không ai ngờ được. Đội Mexico cũng vậy, hạ Brasilien 1:0, huề Griechenland 0:0. Tranh hạng 3 chỉ thua Đức khít khao với tỷ số 3:4
- **Đội Đức:** Trung bình cầu thủ Đức có số tuổi là 26,5, cũng còn hơi cao mặc dù HLV Jürgen Klinsmann đã trẻ trung hóa rồi. Già có kinh nghiệm nhưng thể lực cạn dần theo thời gian, cần phải có lớp trẻ tiến lên để thay thế. Đứng hạng 3 cũng hãnh diện lắm rồi. Hy vọng với những cầu thủ trẻ như Podolski, Hanke, Huth, Schweinsteiger, Hinkel, Mertesacker v.v... sẽ mang lại chiến thắng cho đội Đức trong giải vô địch thế giới được tổ chức tại Đức vào tháng 6 năm 2006.

Giải Confederations Cup đã chấm dứt trong sự mừng vui hay buồn bã của từng đội thắng thua. Nhưng thắng không tự hào tự mãn, thua không tự nản tự buông trôi! Đội thắng sẽ tiếp tục phát huy kỹ năng, đội thua sẽ rút ưu khuyết điểm để vươn lên. Người Giám Biên hy vọng trong giải vô địch thế giới 2006 sẽ có mặt 8 đội của giải Mini-WM lần này để xem coi tài nghệ có tiến triển tí nào không?.



Đội cầu Brasilien 5 lần vô địch thế giới HAZ 14.6.

*
* *

Thế Vận Hội Mùa Hè - Olympia 2012

Ngày 06.07.05, Ủy Ban Thế Vận (OIC) họp tại Singapur để cứu xét và bỏ phiếu quyết định lần cuối cùng coi thành phố nào được chọn trong 5 thành phố là Moskau, Paris, Madrid, New-York và London để tổ chức Thế Vận Hội Mùa Hè 2012.

Kết quả (Phải bỏ phiếu 4 lần)

Vòng	1	2	3	4
Moskau	15			
New-york	19	16		
Madrid	20	32	31	
Paris	21	25	33	50
London	22	27	39	54

Ngày vòng đầu Moskau đã bị loại. Vòng 2 New-York, Madrid dẫn đầu ở vòng 2, nhưng sang vòng 3 cũng bị loại chỉ còn Paris và London. Sang vòng 4, London hạ Paris với tỷ số 54:50! London là thành phố duy nhất đã được vinh dự tổ chức Thế Vận Hội Mùa Hè 2012 là lần thứ ba (1908 - 1948). Riêng Paris đã 3 lần xin tổ chức, nhưng 3 lần bị loại! Do đó Thị Trưởng Paris cho biết là từ nay sẽ không xin tổ chức nữa. Theo lời tiết lộ của OIC thì Thế Vận Hội 2016 và 2020 sẽ không được tổ chức tại Châu Âu mà phải là một Châu khác nhưng chưa biết chắc chắn Châu nào.

Thế Vận Hội Mùa Hè 2008 sẽ được tổ chức tại Thượng Hải (Shanghai - Trung Cộng)

VUI CHỨA Trộn vện ...

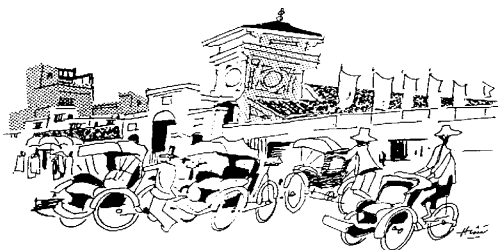
Ngày 7.7.2005, trong khi dân Anh reo hò vui mừng vì London được chọn tổ chức Thế Vận 2012 thì bọn khủng bố đã đặt bom phá hoại và giết hại dân lành như sau:

- 8 giờ 51 (giờ địa phương) một tiếng nổ long trời lở đất trong đường hầm xe điện gần trạm Liverpool, gây 7 người tử vong.
- 8 giờ 55 một tiếng nổ thứ hai trên xe điện gần trạm King's Cross, 21 người chết.
- 9 giờ 15 một tiếng nổ thứ ba trên xe điện trên đường Edgware Road, 5 người chết.
- 9 giờ 47 một tiếng nổ thứ tư trên xe bus 2 tầng tại công viên Tavistock, số tử thương chưa biết bao nhiêu.

Lần đầu tiên London bị bọn khủng bố đánh bom từ khi Anh liên minh với Mỹ lật đổ bạo quyền Taliban ở Afghanistan và Saddam Hussein ở Iraq.

Theo tin tức sơ khởi qua báo chí cho biết thì có độ 38 người chết, trên 700 người bị thương !

Thủ Tướng Anh, ông Tony Blair quả quyết rằng cuộc khủng bố này là do Tổ chức Al-Qaida nhân danh Hồi Giáo chủ động.



VU LAN mùa báo hiếu

*Sống nơi trần thế có mẹ cha
Hiếu hạnh kính thương thế mới là
Đạo làm con ở trong trời đất
Vì có mẹ cha mới có ta*

*Cha mẹ quý như đóa sen vàng
Nuôi con bao quản sự gian nan
Ởn cha sánh nặng như hòn núi
Nghĩa mẹ bao la tựa thác ngàn*

*Còn có mẹ cha hạnh phúc còn
Cha mẹ khuất núi giống tà dương
Buồn tủi khi cài bông hồng trắng
Xót xa đánh mất vạt niềm thương*

*Bông... Bông... chuông đổ phá quạnh hiu
Giảm trên xác lá rụng hoang liêu
Về chùa xin lễ cho cha mẹ
Vu Lan tự tử các Sư nhiều*

*Chư Tăng, Phật tử tụng kinh vang (Kinh Vu Lan)
Thức tỉnh trần tâm thấy Đạo vàng
Tâm thành khẩn nguyện chư Phật độ
Cửu huyền thất tổ, khắp quần sinh*

• **Kim-Chi Viên-Thành**
(Paris mùa Vu Lan 2005)

Mẹ ơi

Con phải viết làm sao cho mẹ hiểu
Nỗi niềm buồn con của Mẹ ngày xưa
Kể làm sao cho vơi niềm chan chứa
Thương nhớ mẹ nhiều những sớm những trưa

Có những tối con mơ nhìn thấy Mẹ
Đến bên con mắt Mẹ ướt đỏ hoe
Môi Mẹ khô, hai vai gầy nhỏ bé
Giọng Mẹ buồn khe khẽ hát con nghe

Bùng mắt dậy: Mẹ đâu? Tự bao giờ?
Con vẫn một mình vẫn bơ vơ...!
Sao thế Mẹ ơi, sao thế hở?
Chỉ đến cùng con trong giấc mơ...?!

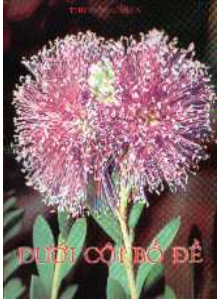
• **Hạ Anh**

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI XUẤT BẢN

• Phù Vân phụ trách

■ DƯỚI CỘI BỒ ĐỀ

**của Thượng Tọa Thích Như Điển, Phương Trượng
Chùa Viên Giác**



Tác phẩm thứ 41 của tác giả viết trong mùa nhập thất lần thứ hai cuối năm 2004 tại Tu viện Đa Bảo, Sydney, Úc Châu.

Dưới Cội Bồ Đề, là một cuốn sách vừa tiểu thuyết hóa và nhân cách hóa các câu chuyện liên quan đến cuộc đời của Đức Phật, Hoàng đế Asoka, Hoàng tử Mahinda và những chuyện liên hệ đến vấn đề tu và học; vừa có liên đới đến quá trình của tác giả- mà theo tác giả "cuộc đời của một người tu cũng là một chuyến lữ hành, thông thả ra đi, thông thả đến, vì họ đã có mục đích rõ ràng. Dẫu trên đoạn đường phát tâm Bồ Đề ấy có nhiều chướng duyên đi chẳng nữa; nhưng họ sẽ nhẫn nhục và tinh tấn như đi khất thực ngày này qua ngày khác và cuối cùng họ sẽ đến nơi mình muốn đến. Đó là ra khỏi sự sanh tử luân hồi". Đúng như thế, trong hành trình tu học, tác giả đã ghi lại những thăng duyên và những trở duyên trong thời gian tác giả đi hoằng hóa Phật pháp hay trong thời kỳ nhập thất lo chuyện tu, sáng tác hay nghiên cứu kinh điển...

Sách dày 190 trang, do Trung Tâm Văn Hóa và Xã Hội Phật Giáo VNTN tại Đức Quốc phát hành năm 2005. **Giá ủng hộ: 5 Euro.**

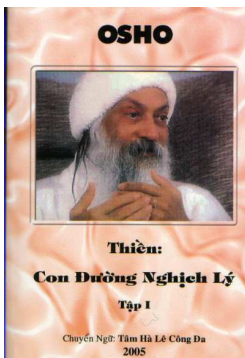
* Liên lạc Chùa Viên Giác

Karlsruher Str. 6. 30519 Hannover

Tel: 0511-87 96 310 - Fax: 0511 - 87 90 963

E-mail: baoviengiac@viengiac.de

■ Thiên: Con Đường Nghịch Lý (Tập I), của Osho, chuyển ngữ của Tâm Hà Lê Công Đa



Gần đây, một số tác phẩm của Osho đã được chuyển ngữ sang tiếng Việt nhằm giới thiệu đến độc giả và đặc biệt là giới Phật tử một cái nhìn mới mẻ, thơ mộng về tư tưởng Phật Giáo, về Thiên tông. Trong số những công trình đó phải kể đến bộ Kinh Pháp Cú do cố Sư Bà Trí Hải ở trong nước dịch và Sư Cô Minh Tâm ở hải ngoại với một số tác phẩm khác.

Cũng trong chiều hướng này, cuốn I trong 3 cuốn của Osho "Thiên: Con Đường Nghịch Lý" là một tập hợp gồm những bài giảng, những câu hỏi đáp chung quanh đề tài Thiên học mà trong đó, Osho đã chỉ ra cho con người một nghệ thuật sống Thiên để có thể hòa điệu, trôi theo nhịp đời đang tuôn chảy, và quan trọng hơn, chuẩn bị cho những người đang tìm cầu giác ngộ một hành trình tâm linh để có thể làm một bước nhảy quyết liệt vào Tánh Không, tan hòa vào Nhất Thể, chan hòa cùng vạn hữu, hòa nhịp cùng khúc luân vũ của toàn vũ trụ...

Sách dày 346 trang, xuất bản năm 2005. Không ghi giá bán.

* Liên lạc: Tâm Hà Lê Công Đa

OSHO Việt Nam.P.O.Box 7363 Orange, CA 92863 - USA

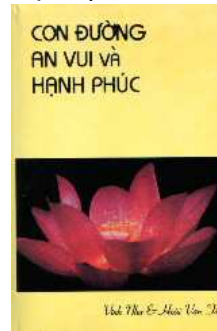
E-mail: VNOSHO@yahoo.com

■ Con Đường An Vui và Hạnh Phúc của Hoài Văn Tử và Vĩnh Như

... Trong suốt 29 năm thuyết pháp, đức Phật luôn luôn nhấn mạnh phải quay vào bên trong để sống với nội tâm, Ngài dạy:

"Người là nơi nương tựa của chính mình, còn ai khác nữa có thể làm nơi nương tựa.

... Các người hãy quay lại với chính mình, các người là Phật đây".



Phật không hề tự xưng là gì khác hơn là một con người. Ngài nhận rằng không hề được một thiên khai nào từ bất cứ một vị thần linh hay quyền năng nào khác.

"Thấy như thực thấy, nghe như thực nghe..."

Trong cái thấy sẽ chỉ là cái thấy. Trong cái nghe sẽ chỉ là cái nghe. Trong cái thọ sẽ chỉ là cái thọ... Trong cái thức tri, sẽ chỉ là cái thức tri. Như vậy là đoạn tuyệt khổ

đau...".

Con người khổ đau chỉ vì nhận thức sai lầm. Để tránh khổ đau. Để tránh khổ đau chỉ cần thấy biết sự vật đúng như nó "thực là". Vấn đề không phải là loại trừ khổ đau mà là dung nhiếp khổ đau. Vậy cốt lõi của tu hành, sống đạo, không khác hơn là sống tỉnh thức.

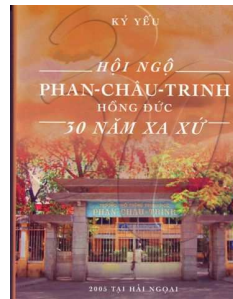
Sách dày 186 trang do Nhóm Phật Tử Đạo Tâm thực hiện. Sách không bán, chỉ để tặng cho các Phật tử muốn tìm hiểu Phật Pháp.

* Liên lạc: Nhóm Phật Tử Đạo Tâm

2118 Barton Drive. Arlington, TX 76010 - USA

Phone: (817) 794-0633. E-mail: tiengtubi@hotmail.com

■ - 30 Năm Xa Xứ - Hội Ngộ Phan Châu Trinh - Hồng Đức



Trong ngày Đại Hội vào cuối tháng 5.2005 của hai trường Phan Châu Trinh và Hồng Đức ở San Jose USA đã phát hành cuốn Kỷ Yếu 30 Năm Xa Xứ.

Cuốn Kỷ Yếu 30 Năm Xa Xứ thuần túy văn chương, qui tụ nhiều bài của cựu giáo sư, học sinh hai trường PCT & HD là những cây bút đã thành danh và những người mới, cùng chung một mẫu số làm đẹp cho đời bằng những nụ hoa, bắt nhịp cầu văn học giữa các thế hệ trong và ngoài nước, không mang màu sắc chính trị. Với sự đóng góp các nhà văn: Lê Hằng tác giả „Thung Lũng Tình Yêu ...“, Phan Nhật Nam „Mùa Hè Đỏ Lửa...“, Phan Thái Yên, Võ Văn Dật, họa sĩ Phan Mộng Hoàn, các nhà thơ: Vương Ngọc Long, Luân Hoán, Tôn Thất Phú Sĩ, Lê Hân, Trần Hoan Trinh...

Cuốn Kỷ Yếu in công phu trình bày trang nhã có giá trị về hình thức lẫn nội dung, dày 288 trang cỡ 21cm x 27 cm.

Giá ủng hộ: Tại Hoa Kỳ 10 \$US chưa tính cước phí bưu điện.

* Liên lạc: Phan Chau Trinh Da Nang Former Student's Association

3503- C Temple Ave Pomona, CA 91768

Tel 909-869-6500 Fax 909-869-6540

E.mail chuongcom01@aol.com

THƯ QUẢN LÝ TÒA SOẠN

Kính thưa quý độc giả báo Viên Giác,

Kể từ ngày 01.01.2006, chánh quyền Đức sẽ ngưng trợ cấp tài chánh để trang trải một phần chi phí về ấn loát và phát hành báo Viên Giác. Họ cho biết là trong thời gian đầu tỵ nạn, chúng ta đã gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống mới, va chạm và ngỡ ngàng trước một nền văn hóa Đức nên họ tài trợ chúng ta để chúng ta thực hiện tờ báo hầu bảo tồn truyền thống và văn hóa của chúng ta. Nhưng sau 25 năm, trên một phần tư thế kỷ, họ nhận thấy chúng ta đã hội nhập vào xã hội Đức một cách tốt đẹp, đời sống đã được ổn định, con cháu chúng ta đã và đang thành công trên mọi lãnh vực, nên họ ngưng tài trợ.

Dù có tài trợ hay không, chúng ta vẫn luôn luôn chân thành cảm ơn chánh quyền và nhân dân Đức đã cứu mang lại còn giúp đỡ chúng ta trong một thời gian có thể nói là quá dài. Bây giờ chúng ta phải tự đứng và đi trên đôi chân của chính mình hay nói một cách khác là phải tự lực cánh sinh.

Trên cơ sở đó, chúng tôi có đôi điều xin trình bày cùng quý vị như sau:

Báo Viên Giác mỗi năm phát hành 6 kỳ, mỗi kỳ trên 6.000 số. Năm số, mỗi số 100 trang và một số báo XUÂN đặc biệt dày 200 trang, được gửi đi 33 quốc gia trên thế giới. Số độc giả trong nước Đức hiện tại là 4.147 người nhận báo; nhưng theo thống kê của Tòa Soạn thì chưa chỉ nhận được sự ủng hộ của quý độc giả trong nước Đức mới được phân nửa. Do vậy, chúng tôi xin yêu cầu quý độc giả trong nước Đức lưu tâm hỗ trợ cho vấn đề này. Kể từ tháng 10.2004, giá tiền giấy, mực v.v... đã tăng 10%.

Chúng tôi xin liệt kê chi tiết về phí tổn cho một kỳ báo số 147 tháng 06.2005.

Số báo in	6.200 cuốn
Số báo gửi đi trong nước Đức	4.147 cuốn
Số báo gửi đi ngoài nước Đức	1.775 cuốn
Bao thư	147,73€
Bìa báo	513,65€
Giấy in	3.104,96€
Mực in	217,63 €
Bản kẽm	238,32€
Nước rửa bản kẽm	145,58 €
Etikette địa chỉ & mực Laser	100,00 €
Bảo trì & hao mòn máy móc	400,00 €

Cộng ... 4.867,87 €

Tiền tem gửi báo trong nước Đức	2.489,35 €
Tiền tem gửi báo ngoài nước Đức	3.550,00 €

Tổng cộng... 10.907,22 €

Căn cứ vào số tiền chi nêu trên:

+ Một tờ báo gửi đi trong nước Đức, tổn phí chung khoảng 2,50€. Mỗi năm 6 số 15€ (2,50€ x6)

+ Một tờ báo gửi đi ngoài nước Đức, tổn phí chung khoảng 4,00€. Mỗi năm 6 số 24€ (4,00€x6)

Ngoài ra chúng tôi chưa tính tiền sửa chữa máy in hay hư bất thường. Mỗi lần sửa máy tổn phí không dưới 1.000€. Vì máy in cũ đã được sử dụng trên 20 năm, chưa có tiền mua máy mới để thay thế.

Qua sự trình bày nêu trên, để có phương tiện hầu tiếp tục truyền bá và phát huy truyền thống cũng như văn hóa của chúng ta qua tờ báo Viên Giác, chúng tôi tha thiết kêu gọi quý độc giả báo Viên Giác kể từ đầu năm 2006, quý vị muốn tiếp tục nhận báo hay quý vị mới đặt báo xin vui lòng ủng hộ:

- + Trong nước Đức 20€ một năm
- + Ngoài nước Đức 30€ một năm

Tiền ủng hộ quý vị có thể gửi bằng Check, Money Order hay tiền mặt để trong bao thư gói kỹ và dán kín, tùy số tiền lớn nhỏ gửi thường hay gửi bảo đảm, hoặc chuyển vào trương mục của chùa như sau:

1.- Người ở trong nước Đức:

Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche e.V
Konto Nr. 870 1633
BLZ. 250 700 24
Deutsche Bank Hannover
(Verwendungsweg: Ủng hộ báo Viên Giác)

2.- Người ở ngoài nước Đức:

Cong. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche e.V
BIC: DEUTDEDBHAN
IBAN: DE22 2507 0024 0870 1633 00
Deutsche Bank Hannover - Germany
(Purpose: Ủng hộ báo Viên Giác)

Trên giấy chuyển tiền xin quý vị nhớ ghi rõ là "**ỦNG HỘ BÁO VIÊN GIÁC**" để khỏi lầm qua các mục cúng dường khác.

Xin thành thật cảm ơn quý vị trước.

Thị Tâm



Phiếu ủng hộ báo Viên Giác

Số hiệu độc giả (1) :

Họ và Tên

Địa chỉ

Số tiền

Giấy chứng nhận khai thuế : Có Không

Độc giả mới: Độc giả cũ:

(Nếu thay đổi địa chỉ nhận báo., xin ghi rõ địa chỉ mới và địa chỉ cũ)

.....
.....
.....

(1) . Số hiệu độc giả này có ghi trên nhãn địa chỉ gửi báo :
Ví dụ : - Số hiệu độc giả **trong** nước Đức :

Vien Giác, Karlsruher Str.6. 30519 Hannover
PSdg, Deutsche Post AG, Entgelt bezahlt
*46298 # **0001**# 0805*

↑
Số hiệu độc giả

-Ví dụ : : Số hiệu độc giả **ngoài** nước Đức :

Vien Giac, Karlsruher Str.6. 30519 Hannover. Germany
0001

↑
Số hiệu độc giả



Hộp Thư Viên Giác

Trong thời gian qua VIÊN GIÁC đã nhận được những thư từ, tin tức, tài liệu, bài vở, kinh sách, báo chí của các Tổ Chức, Hội Đoàn, Tôn Giáo và các Văn Thi Hữu khắp nơi gửi đến.

■ Thư Tín

Phan Hưng Nhơn (Đức), Hoàng Thị Doãn (Đức), Phạm Văn Mộc (Đức), Đỗ Bình (Pháp), Lê Nhật Lang (Đan Mạch); Tuệ Nga (USA), Gs. Sum Dương; Trần Ngọc Hà; Bửu Truyền (USA), Đặng Đức Hùng (Đức), Thơ-Chi-Việt (Pháp), Minh Hạnh; Nguyễn Quý Đại (Đức), Thy Lan Thảo; Hư Thân Huỳnh Trung Chánh (USA), Sử gia Trần Gia Phụng; HT Thích Trí Chơn (USA), Thích Như Tịnh; Nathalie Đoàn (Đức), Võ Toàn Trung (Đức), Thị Tâm (Đức), Hà Ngọc Bích (Pháp), Mimosa (Đức), Phù Vân (Đức), Tiểu Tử (Pháp), Trần Ngọc Nguyên Vũ (USA), Ngọc An (USA); Nguyễn Thị Khánh Hòa (Pháp), Lý Đại Nguyên (USA), Mạnh Bích (Pháp), Bà Vân Nương (Pháp), Viên Như (Đức), Người Giám Biên (Đức), Gs. Nguyễn Đình Tuyến (USA), Kim-Chi Viên-Thành (Pháp), Nguyễn Việt Sơn Hà; Lam Khê; Quảng Thọ; Ngân Thanh; Kim Anh (Áo), Phòng Thông Tin PGQT (Pháp), Trần Sơn Hà & Trần Ngọc Nguyên Vũ (USA), Ts. Lâm Như Tạng (Úc), Diệu Tân (Đức), Đan Hà (Đức), Phan Ngọc (Đức), Lê Ngọc Châu (Đức), Nguyễn Hữu Huấn (Đức), Hạ Anh (Đức), Hồng Nhiên & Thiện Căn Phạm Hồng Sáu, Trần Đăng (Đức), Phúc Lâm (Đức), Nguyên Trí (Đức), Nhựt Trọng (Đức).

■ KINH SÁCH, BÁO CHÍ

Đức: Diển Đàn Việt Nam Dân Chủ 161 & 162; Sinh Hoạt Cộng Đồng số 189 & 190; Dân Chúa Âu Châu 272, 273, 274; Thông Tin số 32; Entwicklung und Zusammenarbeit Nr.6 & 7; Development and Cooperation Nr.6 & 7; Buddhistische Monatsblätter Nr.3/05; Wissen und Wandel 7/8; Tibet und Buddhismus Nr.74; Bản Tin Đức Quốc số 225; Buddhismus Aktuell 3/05; Nội San Sen Trắng GDPT Âu Châu số 20.

Pháp: Bản Tin Quân Nhân Âu Châu số 24; Bách Thế Kỳ Suy Tư của Tô Hoàng; Việt Nam Dân Chủ số 105 & 106; Định Hướng số 42; Khánh Anh Bản Tin tháng 7/05; Dân Tộc Sinh Tôn số 6.

Na-Uy: Pháp Âm số Phật Đàn 2005.

Hoa Kỳ: Nguồn Đạo số 65; Thế Giới Ngày Nay số 188; Chan Magazine Summer 05; Nhập Hạnh Bồ Tát - Nguyên Hiến dịch.

Canada: Pháp Âm số 82.

Đài Loan: Thiên Phật Sơn số 191, 192 & 193; Hiện Đại Phật Giáo số 286;

Sri-Lanka: Walkingthe Tightrope - David Young.

Úc Đại Lợi: CD Trọn vẹn một tình yêu & CD Trên nửa đời đi của Tiến Sĩ Lâm Như Tạng.



Trả Lời Thư Độc Giả

* **Phù Vân phụ trách**

- Ông Mang Tấn Sĩ, Eystrup / Đức:

Xin cảm ơn ông đã có lòng nghĩ đến nền văn học nghệ thuật, cũng xin cảm ơn ông đã gửi cho chúng tôi một số bài thơ thể loại tự do. Bởi ông là nhà giáo, (nguyên Hiệu Trưởng trường Nghĩa Thực Tự Lực Qui Nhơn, nguyên giáo sư Trường Bồ Đề Hương Quang, Tuy Phước, Bình Định), nên thơ của ông như ông viết "... với tâm trạng muốn tìm một mối, một cơ duyên để tự giải thoát mình để tự giải thoát ra khỏi những bức xúc bằng cách làm thơ, chủ yếu là gợi lòng mình nơi cảnh vật thiên nhiên... đậm đà tâm hồn Việt Nam...".

Cảm ơn thiện ý của ông khi ông có nhã ý nhường bản quyền khi ấn hành thơ của ông. Thưa ông Tấn Sĩ, ông mới từ Việt Nam đến Đức qua chuyến viếng thăm thân nhân, nên ông chưa rõ, mặt hàng văn hóa phẩm Việt Nam ở những ngôi chợ hải ngoại rất khó tiêu thụ, tựa như Tản Đà đã phán: "*Văn chương hạ giới rẻ như bèo!*". Thân kính.

- Cô Phạm Thị Lan, Ahrensburg / Đức

Thầy Phương Trọng và Thầy Trụ Trì chùa Viên Giác đã chuyển thư của cô cho tôi. Qua thư của cô đã chứng tỏ cô là một Phật tử có nhiều đạo tâm và lòng từ bi vô bờ bến. Quý Thầy Cô và bà con cô bác Phật Tử hay không Phật tử ở hải ngoại đều phát Bồ Đề Tâm cho nhiều chương trình từ thiện, như cô đã đọc trên báo Viên Giác. Nếu cô muốn ủng hộ cho những trường hợp này, thì cô hãy liên lạc với:

Quý Từ Tâm, Hội Từ Thiện World Life Foundation, 10221 Slater Ave, Suite # 101, Fountain Valley, CA 92708 USA, E-mail: wordlifefoundation@hotmail.com, Website: www.quytutam.com

■ CÁO LỖI:

* Trong bản tin đặc biệt của số báo Xuân VG 144 phát hành tháng 12.2004, "ước mơ 30 năm nay thành sự thật, Úc vinh danh cờ vàng VNCH". Khi số báo lên khuôn chúng tôi chỉ mới nhận được tin mừng của cộng đồng người Việt tại Fairfield, nhưng chưa có quyết nghị chính thức của Hội đồng thành phố. Nay chúng tôi nhận được văn thư ngày 09.5.2005 và quyết nghị của Hội đồng thành phố Fairfield ngày 24.11.2004 cho biết, trong điều 4 của nghị quyết này thì cờ vàng VNCH chỉ được treo trong buổi lễ mà thôi.

Vậy xin nói lại cho rõ và chúng tôi xin chân thành cáo lỗi với Hội đồng Thành phố Fairfield và quý độc giả về sự nhầm lẫn nêu trên.

* Trong báo VG số 146 phát hành vào tháng 4.2005, trong bài "Đường Bay Muôn Thuở" của Trần Ngọc Nguyên Vũ, nơi trang 57, cột 1, dòng 60, ở đoạn: "Đất nước này không thiếu cái dũng cảm hào hùng của những Nguyễn Khoa Nam, Nguyễn Văn Hưng", xin cải chính lại là tướng **Lê Văn Hưng**, chứ không phải là Nguyễn Văn Hưng. Vậy xin cáo lỗi cùng độc giả và vong linh người đã mất.



CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi vô cùng đau đớn báo tin đến Thân bằng Quýển thuộc và Bạn hữu xa gần, Cha, Ông Ngoại chúng tôi là:

Cụ Ông TRẦN SÁO

Pháp danh Tâm Thanh

Sinh năm 1904 (Ất Ty)

Thọ chung vào lúc 20 giờ 30 ngày 09.01.2005,

nhằm ngày 29 tháng 11 năm Giáp Thân,

tại Việt Nam (Sài Gòn, Bình Thạnh).

Thượng thượng thọ 101 tuổi.

Gia đình chúng tôi xin chân thành tri ân và cảm tạ:

- Chi Hội Phật Tử VNTN Saarland-Trier & VPC,
- Quý thân bằng quyến thuộc xa gần và thân hữu đã gọi điện, đăng báo chia buồn, hay đến thắp hương cầu nguyện Hương Linh Cụ Ông chúng tôi về nơi Vĩnh Hằng.

Tang gia đồng bái tạ

-Thứ nữ Trần Thị An, Chồng và các con ở Đức.

CẢM TẠ

Chúng tôi xin chân thành cảm tạ Thượng Tọa, Đại Đức, Tăng Ni, Thân bằng, Quýển hữu đã chia buồn, phúng điếu, dự lễ cầu siêu và tiễn đưa Chồng, Cha, Chú, Ông Nội, Ông Ngoại chúng tôi:

NGUYỄN VĂN QUANG

Pháp danh Quang Điền

đã tạ thế ngày 15 tháng 05 năm 2005

(nhằm ngày 14 tháng Tư năm Ất Dậu).

Thượng thọ 84 tuổi; đến nơi an nghỉ cuối cùng.

Trong lúc tang gia bối rối, có điều gì sơ suất, xin lượng tình tha thứ.

Lễ cầu siêu thất tuần cho hương linh sẽ được cử hành ngày 09.07.2005, hồi 11 giờ tại chùa Khuông Việt, 53 bis rue Charles de Gaulle, 91400 Orsay (RER B Station le Guichet).

Toàn thể tang gia xin bái tạ

- Bà quả phụ Nguyễn Văn Quang nữ danh Đoàn Thanh Tú,
- Con gái Nguyễn Phương Liên cùng con
- Con trai Nguyễn Văn Nguyên cùng vợ và con
- Cháu Nguyễn Văn Miễn.

CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi vô cùng đau buồn báo tin đến quý Thông gia, Thân bằng quyến thuộc, Bạn hữu xa gần: Chồng, Cha, Ông Nội, Ông Ngoại chúng tôi là:

NGUYỄN ROANH

Pháp danh Đồng Thích

Sinh ngày 20.05.1931

Từ trần ngày 17.05.2005, nhằm ngày 10 tháng Tư năm Ất

Dậu tại Lünen - Đức Quốc

Lễ an táng được cử hành vào lúc 11 giờ ngày 25.05.2005 tại Nghĩa trang thành phố Lünen

Chúng con/chúng tôi xin chân thành tri ân và cảm tạ:

- Đại Đức Thích Hạnh Tấn, Trụ trì chùa Viên Giác Hannover,

- Đại Đức Thích Hạnh Hào, Đại Đức Thích Hạnh Từ chùa Viên Giác, Hannover.

- Đại Đức Thích Đức Trường (Ấn Độ),

- Cô Thiện Liên (Hoa Kỳ),

- Chi Hội Phật Tử Münster & VPC

- Cộng Đồng Công Giáo Bergkamen

- Quý Thông gia, Thân bằng quyến thuộc, cùng toàn thể quý Cô Bác đã đến tụng kinh cầu siêu, chia buồn và tiễn đưa Hương Linh Chồng, Cha, Ông chúng con/chúng tôi đến nơi an nghỉ cuối cùng.

Trong lúc tang gia bối rối không sao tránh khỏi những điều sơ sót, kính xin quý Thầy, quý Vị niệm tình tha thứ.

Tang gia đồng kính bái:

- Bà Quả Phụ Nguyễn Roanh, nữ danh Nguyễn Thị Thọ và các con.

CHIA BUỒN

Vô cùng xúc động được tin buồn:

Nhạc mẫu của ông Nguyễn Văn Tộ, Hội Trưởng Hội Người Việt Ty Nạn Reutlingen, đồng thời là Hội Trưởng Hội Tình Thương Đức Quốc:

Cụ Bà Quả Phụ NGUYỄN TIẾN KHỐ

Nữ danh Nguyễn Thị Phụng

Pháp danh Diệu Phước

Sinh năm 1915 tại Hà Đông (Bắc Việt)

đã về cõi Phật ngày 30.06.2003 tại Vũng Tàu (Việt

Nam). Thượng thọ 91 tuổi.

Chúng tôi xin nguyện cầu Hương linh Cụ Bà Diệu Phước sớm vãng sanh về Miền Cực Lạc và xin thành kính chia buồn cùng Ông Nguyễn Văn Tộ và tang quyến.

-Chi Hội PTVNTN Reutlingen & VPC

-Gđ. Trần Xuân Hiền - Hàn Cường

PHÂN ƯU

Được tin Thân Phụ của bạn Nông Ngọc Vinh là:

Cụ NÔNG VĂN THANH

sinh năm 1929

đã ra đi ngày 04.07.2005 tại Việt Nam lúc 2giờ30

Hưởng thọ 76 tuổi.

Chúng tôi xin chân thành chia buồn cùng bạn Nông Ngọc Vinh và gia đình, nguyện cầu Hương Linh Cụ sớm được siêu thăng Phật Quốc.

Thay mặt C/TSQ Âu Châu

- GĐ C/TSQ Đức Quốc

* GĐ Trần Như Ý /Thụy Sĩ

* GĐ Bùi Văn Địch / Đức

* GĐ Bà Trần Ngọc Nam / Đức

* GĐ Nguyễn Văn Trung /Đức

* GĐ Hoàng Tôn Long / Đức

PHÂN ƯU

Được tin Thân Mẫu của gia đình các anh chị Vũ Thị Khiếu, Vũ Thị Kiều Hạnh, Vũ Thị Phượng ở Hamburg là:

Bà Quả phụ VŨ VĂN BẢO

Nữ danh Maria Nguyễn Thị Dị

đã mệnh chung ngày 17.7.2005 tại Hamburg.
Hưởng thọ 78 tuổi.

Chúng tôi xin chân thành phân ưu cùng tang quyến và
cầu chúc Linh hồn Bà sớm hưởng nhan Thánh Chúa.

* Nhóm thân hữu: Gđ. Huỳnh Thoảng, Nguyễn Ngọc Đệ,
Nguyễn Thị Hiền, Trần Ngọc Thạch, Nguyễn Việt Biểu,
Nguyễn Hữu Huấn, Lê Văn Hồng, Cao Đức Tài, Nguyễn Tích
Phùng, Phạm Văn Thế, Võ Văn Út, Huỳnh Khương Ninh,
Nguyễn Hòa, L ưu Ng ân.

CÁO PHÓ VÀ CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi vô cùng đau buồn báo tin cùng thân
bằng quyến thuộc và bạn hữu xa gần: Thân Phụ, Nhạc Phụ,
Ông Nội của chúng tôi là:

Ông BỬU BANG

Pháp danh Nhật Tuệ

Sinh ngày 2.3.1915 tại Huế

Đã từ trần vào ngày 11.4.2005 tại Los Angeles

Xin chân thành tri ân, cảm tạ mọi sự chia xẻ và chia
buồn của tất cả ân nhân.

- BS Vĩnh-Hùng, Vợ Nguyễn Thị Thu-Thủy và các con
Bảo-Thuần (Martin) - C.T.N. Thủy-Tiên (Theresia) - C.T.N.
Thủy-Chung (Katharina) tại 48159 Münster i.W.



TÌM THÂN NHÂN

■ **Tìm con** : Mẹ tên Nguyễn Thị Vườn, tìm con tên
Phạm Huy, đã đi lao động hợp tác vào năm 1989 ở Bulgari-
en (hay Tiệp Khắc). Nay ở đâu xin liên lạc với:

- Lê Thị Ngọc Hân, Arensburg Str.9 - 31710 Buchholz.
ĐT. 05751 - 15528, hoặc:
- Di Thưa ở Việt Nam (Tp. HCM), điện thoại: (mã số VN)
+ 8449056.

Nếu có quý vị nào biết tin tức xin thông báo giúp chúng
tôi. Chân thành cảm ơn.

■ **Tìm bạn**: Tôi tên Trần Nhữ Khang tìm bạn **Nguyen
Hop Tien** và các bạn ở đoàn 30 ở Budapest, qua Đức năm
1991, nếu các bạn đọc được tin này thì liên lạc với Khang
qua điện thoại 00 31 113 21 20 58, hay mail
nhuktran@hetnet.nl

■ **Tìm bạn** : Tìm bạn là **LÊ THỊ BẠCH TUYẾT**, trước học
trường Gia Long -Minh Khai- niên khóa 1971-1977, nhà ở
tiệm may Ngọc Anh đường Thành Thái, Quận 5.

Xin liên lạc email: ChauLien.Nguyen@LHSystems.com
hay Tel. 06101/407497. Các bạn Lan Phương, Ngọc Hiếu
đang tìm bạn gấp.

■ **Tim em** : **LÊ DUY LÝ**, sinh năm 1954 - Bình Thuận.
Mất tích năm 1975. Khóa Sĩ quan Thủ Đức 1972 - 1974.

Sĩ quan Trưởng cuộc Khánh Dương.

Ai biết được xin báo về địa chỉ:

Chị gái: Lê Thị Duy Chân, sinh 1952

Số nhà: 113/6 Võ Thị Sáu, Hưng Long

Phan Thiết, Bình Thuận - Việt Nam.

■ Tìm người thân

Tìm: **VŨ-VĂN-ĐỆ**, 51 tuổi. Trước ở Vườn Xoài, Trương
Minh Giảng cũ (Sài Gòn). Từng học Kỹ Thuật Cao Thắng và
KS Công Nghệ (Phú Thọ). Được biết đã cùng vợ con định cư
ở Áo.

Xin liên lạc với Trâm Hòa - Email: hoatram@yahoo.com
hay điện thoại 00 -1- 801 322 35 70



Chúc Mừng

Nhận được hồng thiệp của ông bà Nguyễn Đình Tâm và
Trần Thị Hồng Sương ở Berlin báo tin lễ thành hôn cho thứ
nam là:

NGUYỄN ĐÌNH TUẤN
đẹp duyên cùng
ĐINH THỊ NGỌC OANH

Trưởng nữ của ông bà Đình Đình Tuấn và Đặng Thị Diệu
ở Berlin.

Hôn lễ được tổ chức ngày 23.7.2005 tại tư gia và tại
Chùa Linh Thứu-Berlin.

Chúng tôi chân thành chúc mừng hai họ Nguyễn-Đình
được đầu tiên rể thảo và chúc hai cháu Đình Tuấn và Ngọc
Oanh "Trăm Năm Hạnh Phúc".

*Phù Vân và các con.



Chúc Mừng

Nhận được hồng thiệp của Ông Bà Quảng Ngô Hồ
Chuyên ở Hannover báo tin Lễ Thành Hôn cho Thứ nam là:

HỒ VINH sánh duyên cùng **ĐẶNG KHAI TÂM**

Trưởng nữ của Ông Bà Đặng Quốc Chí ở Paderborn
Hôn lễ được cử hành tại Chùa Viên Giác Hannover, Đức
Quốc, vào lúc 11 giờ sáng Thứ bảy 24.08.2005.

Chúng tôi xin chúc mừng hai họ **HỒ & ĐẶNG** có đầu
hiên rể thảo và chúc hai cháu **Hồ Vinh & Khai Tâm** Trăm
Năm Hạnh Phúc.

- Chùa Viên Giác

- Ban Hộ Trì Tam Bảo Chùa Viên Giác

HỘI TÌNH THƯƠNG Đức Quốc Cứu trợ TPB/VNCH

1. Ông Nguyễn Thành Nam, James F.Byrnes 44, 70376
Stuttgart, Tel. 0711/244927, Germany

2. Ông Nguyễn Văn Tộ, Schaeffleweg 33, 72766 Reut-
lingen, Tel. 07121/46510, Germany

3. Ông Nguyễn Tiến Hóa, Konto Nr. 0305459700, BLZ
64080014, Dresdnerbank Reutlingen, Germany

NHỮNG TẤM LÒNG VÀNG: Chiến hữu Ng. Hữu Dũng
(Köln) 100 €, 1 Chiến hữu ở Bremen: 10 €, Anh chị Tạ
Chí Thiện (Troydorf) 20 €, Ông Vũ Duy Minh: 5 €, Ân
nhân ẩn danh Giessen: 50 €, Ông Ngô Kiên Hoàng (Bad
Kreusach) 20 €, Ông Nguyễn Duy Nương (Wiesbaden)
50 €.

50€. Đặng Thị Lan (Pforzheim) 50€. Trần Ngọc Nam & Bùi Thị Sáu (Schramberg) 10€. Vũ Thị Hiền (Reeningen) 20€. Lê Thị Liễu (Lünen) 30€. Dr. Nguyễn Thế Việt (K'Lautern) 20€. Lê Thị Mai (HH) 10€. Trịnh Tự Nhiên (Hagen) 20€. Đặng Quốc Kính (Bayreuth) 20€. Phạm Thị Hiệp (Chemnitz) 20€. Chong Tac Vo (Osnabrück) 60€. Nguyễn Minh Thiện (HH) 10€. Nguyễn Trọng Hiếu (Timmendorfer Starnd) 60€. Phan Thị Hồng Lan (Göttingen) 20€. Võ Trung Thư (Bad Pyrmont) 20€. Ngô Trung Thu (Essen) 10€. Lương Hồng Thảo (Fridrichsdorf) 10€. Dương Tỳ & Châu Chi Huê (Lichtenstein) 20€ + 30€ Rằm Tháng Bảy. Nguyễn Thị Xuân Thủy (Kehl) 20€. Nguyễn Đức Minh (Schorndorf) 20€. Nguyễn Gia Vinh (Frankenthal) 10€. Lã Thị Hồng Vân (Daun) 20€.

• AN CỬ KIẾT HẠ

Gđ. Nguyễn Thị Thọ (Lünen) 180€.

• TRAI TẶNG

Cô Hỷ Lạc (Canada) 200Can. Cô Thảo (") 100Can. Nguyễn Văn Phương (Delmenhorst) 200€. Anh Thị Lộc (Berlin) 1200€. Thiện Hiệp & Tịnh Trí (Karlsruhe) 50€. Gđ. Phạm Thị Hạng (Ludwigsfeldel) 150€. Hạnh Thanh (Đan Mạch) 200€. Cô Tịnh Quy (FF) 50€.

DIỄN VĂN THÙ

Đỗ Đình Trọng (Suisse) 100€.

• ĐẠI GIỎI ĐÀN ĐON HẬU

Chi Hội PTVNTN Karlsruhe 150€. Cô Trí Nghiêm & Quảng Thịnh (Canada) 200Can. Lê Thị Tú (Münster) 80€. Phạm Thị Hiền (") 40€. Phulivong Monch 30€. Nguyễn Ngọc Lâm (Heilbronn) 100€. Nguyễn Sông Thêm (Pháp) 50€. Kevin Minh & Trương Thị Diệu Phương (Hannover) 100€. Đỗ Thị Đường (Hòa Lan) 100€.

• CHẤM TẾ (ĐGD ĐON HẬU)

Su Cô Hạnh Bình (Chùa VG) 50€. Gđ. Lại Ngọc Hải (FF) 50€. Kevin Minh & Trương Thị Diệu Phương (Hannover) 100€. Gđ. Phạm Thị Hạng (Ludwigsfeldel) 60€. Diệu Lộc (Nürnberg) 10€. Gđ. Lê Mai Trần Nguyễn (") 10€. Gđ. Trần Lăng Hĩa (") 20€. Diệu Pháp (") 10€. Thiện Chánh (") 10€. Phật Tử Nürnberg 100€. Nguyễn Thị Tường Nhân (Nürnberg) 30€.

• KHÓA TU GIEO DUYÊN

Chi Hội PTVNTN Karlsruhe 150€.

• ĐỀN ĐƯỢC SỬ

Trương Thục Thanh (Albstadt) 10€.

• TU SỬA CHÙA

Vũ Lam (Fürth) 150€. Thu Hà (Stauf) 115€. Knapp Wilfried (HH) 785€. Mạc Hồng Giang (Verden) 50€. Nguyễn Kim 640€. LM Paul Phạm Văn Tuấn (Harsum) 1300€.

• QUỸ SỬA CHỮA MÁY IN

Nguyễn Thị Kim Chi (Hòa Lan) 20€.

• KỶ TỰ HƯỚNG LINH

Trần Đức Lâm (Bocholt) 75€ HL Trần Đăng Long. Từ Thu Muối (Laatzen) 75€ HL Dương Hữu. Đỗ Thị Kim Liên (Garbsen) 75€ HL Lê Chí Thăng. Nguyễn Thị Thọ (Lünen) 75€ HL Nguyễn Roanh. Lê Thị Hồng (Pliezhausen-Gniebel) 75€ HL Lê Văn Ba. Tống Đình Khôi (Hannover) 75€, HL Nguyễn Thị Phụng. Lim Nan Ton (Neustadt) 75€ HL Chen Wu Mai.

• QUỸ HỌC BỔNG TẶNG NI VIỆT NAM

Trần Thị 30€. Yendung Van (USA) 50US.

• QUỸ HỌC BỔNG TẶNG NI VIỆT NAM TẠI ẤN ĐỘ

Anh Thị Lộc (Berlin) 250€. Gđ. Nguyễn Thị Thọ (Lünen) 100€. Nguyễn Mai Thanh (USA) 400US. Yendung Van (") 50US. Cindy Le Fuller (") 400US.

• NỒI CHÁO TÌNH THƯƠNG

Lê Thị Ngọc Hân (Buchholz) 20€. Liễu Ngân (Hòa Lan) 50€. Dương Thị N. 10€. Nguyễn Thị Duyên (Bi) 10€.

• CỨU GIÚP NGƯỜI NGHÈO ẤN ĐỘ

Nguyễn Thị Kim Dung (Hòa Lan) 100€.

• CỨU TRỢ LỮ LỤT

Lê Thị Ngọc Hân (Buchholz) 20€.

• SÓNG THẦN (TSUNAMI)

Nguyễn Thị Khanh 20€. Bà Phạm Văn Thăng (Pháp) 25€. Nguyễn Thị Thu Vân (Luxembourg) 300€. Thay vì đã đăng cúng đường Tam Bảo ở báo VG số 146.

• LÀNG CÔ NHI TẠI SRI LANKA

Trần Thúy (Karlsbad) 50€.

• PHÓNG SANH

Bà Phạm Văn Thăng (Pháp) 50€.

• CÔ NHI VIỆN, CÙI, MÙ, DƯỞNG LÃO

Nguyễn Cẩm Vân 10€. Bà Phạm Văn Thăng ("Pháp) 25€. Phú Quang Huy (Cloppenburg) 10€. Liễu Ngân (Hòa Lan) 50€. Lê Văn Lợi (Schorndorf) 20€. Nguyễn Thị Kim Dung (Hòa Lan) 100€. Bành Tâm Sơn (Wiesbaden) 20€. Gđ. Nguyễn Thị Thọ (Lünen) 100€. Yendung Van (USA) 100US.

*
* *

ĐỊNH KỶ HÀNG THÁNG XÂY CHÙA VIÊN GIÁC

Chúng tôi thành tâm kêu gọi quý Đạo Hữu và Phật Tử xa gần hỗ trợ Chùa bằng cách đóng góp Định Kỳ Hàng Tháng qua Ngân Hàng bằng lối Dauerauftrag để việc thực hiện trả nợ xây chùa có khả quan hơn.

Khi chuyển tịnh tài cúng Chùa, xin quý vị vui lòng ghi vào nơi (Verwendungszweck = mục đích cho việc gì) để văn phòng dễ làm việc. Quý vị ở xa ngoài nước Đức cũng có thể gửi tiền mặt hoặc Check trong thư, có thể gửi thường hoặc bảo đảm về Chùa. Xin thành thật cảm ơn quý vị.

Tất cả mọi sự Cúng Đường định kỳ hoặc những lễ lạc khác cho Chùa, quý vị đều có thể lấy Giấy Khai Thuế lại (bằng tiếng Đức) để cuối năm quý vị có thể khai khấu trừ thuế với Chính Phủ. Quý vị nào cần, xin liên lạc về Chùa bằng thư hoặc bằng điện thoại, chúng tôi sẽ gửi giấy đến quý vị.

Quý vị chuyển tịnh tài về Chùa, xin chuyển vào một trong hai số Konto như sau:

1. Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche e.V.

Konto Nr. 870 1633

BLZ 250 700 24

Deutsche Bank Hannover

(Mỗi ngày ngân hàng báo một lần)

2. Pagode Vien Giac

Konto Nr. 870 3449

BLZ 250 700 24

Deutsche Bank Hannover

(Một tháng ngân hàng báo một lần)

Ngôi Chùa thành tựu và phát triển được hay không là nhờ vào sự hỗ trợ từ vật lực cũng như tinh thần của quý Đạo Hữu và Phật Tử xa gần. Vì thế chúng tôi xin kêu gọi quý vị hoan hỷ đóng góp phần mình vào việc chung trên để ước nguyện của chúng ta thành tựu viên mãn.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát



VIÊN GIÁC

TẠP CHÍ CỦA KIỀU BÀO VÀ
PHẬT TỬ VIỆT NAM TỶ NẠN TẠI
CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC

*Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen Vietnam-
Flüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland*

CHỦ TRƯỞNG (HERAUSGEBER & DRUCK)

Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche e.V.
Karlsruher Str.6 - 30519 Hannover - Deutschland
SÁNG LẬP CHỦ NHIỆM

T. T. Thích Như Điển

CHỦ BÚT

Đạo hữu Nguyễn Trí

QUẢN LÝ TÒA SOẠN

Đạo Hữu Thị Tâm

BAN BIÊN TẬP & CỘNG SỰ VIÊN

Thượng Tọa Thích Như Điển - Đan Hà - Quỳnh Hoa - Từ
Hùng Trần Phong Lưu - Phan Ngọc - Hồng Nhiên - Thiện
Cần Phạm Hồng Sáu - Thị Tâm - Phù Vân. Trưởng Ngọc
Thanh. Lê Ngọc Châu.

Tùy Anh (Đức) - Người Giám Biên (Đức) - Đông Phương Mai
Lý Cang (Pháp) - Hà Huyền Chi (Hoa Kỳ) - Ngô Minh Hằng
(Mỹ) - Nguyễn Tấn Hưng (Mỹ) - Lê Doãn Kim (Mỹ) - Vi Vi Võ
Hùng Kiệt (Mỹ) - Dr. Thái Văn Kiểm (Pháp) - G.S. Vũ Kỳ (Bi)
- Huyền Thanh Lữ (Đức) - Vũ Nam (Đức) - Lê Thị Bạch Nga
(Canada) - Tuệ Nga (Hoa Kỳ) - Phong Hùng Lưu Nhơn Nghĩa
(Úc) - Hạnh Nguyễn (Ấn Độ) - Phan Hùng Nhơn (Đức) - Văn
Nường LNC (Pháp) - T.S. Lâm Như Tạng (Úc) - Phạm Thắng
(Canada) - Đoàn Văn Thông (Hoa Kỳ) - Nguyễn Thùy
(Pháp) - Võ Thúc (Đức) .

KỸ THUẬT ÁN LOÁT (Layout)

Trung Tâm V.H.X.H. P.G Việt Nam tại Đức Quốc

CÙNG SỰ CỘNG TÁC CỦA :

Mitwirkung von :

Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Cộng Hòa Liên bang Đức
Vereinigung der Buddhistische-Vietnamflüchtlinge i. d. BRD

TÒA SOẠN & ÁN QUẢN

Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo Việt Nam tại Đức
Vietnamesisch-Buddhistisches
Sozio-Kulturzentrum i. d. BRD
c/o Chùa Viên Giác

Karlsruher Str.6 - 30519 Hannover
Tel. 0511 - 87 96 30 . Fax : 0511 - 87 90 963
Homepage: <http://www.viengiac.net>
E-mail : viengiac@viengiac.net
E-mail: baoviengiac@viengiac.de
E-mail Chủ Bút : phuvan@viengiac.de

VIÊN GIÁC erscheint 6 mal jährlich

- Viên Giác phát hành mỗi 2 tháng vào những tháng chẵn. Nhằm mục đích phục vụ lợi ích cộng đồng người Việt tỵ nạn tại Đức Quốc trên mọi mặt.
- Viên Giác bảo tồn và phát huy truyền thống Văn Hóa Phật Giáo và Dân Tộc Việt bên cạnh những sinh hoạt Tôn Giáo, Xã Hội hoàn toàn không có tính cách thương mại, tuy nhiên mọi ủng hộ qua hình thức cúng dường. Viên Giác xin chân thành cảm tạ.
- Ủng hộ hiện kim cho Viên Giác. Quý vị sẽ nhận được biên nhận theo sự yêu cầu để làm đơn xin quân bình thuế lương bổng hoặc lợi tức hằng năm.
- Những tư tưởng của tác giả được đăng và trích đăng trên báo Viên Giác không nhất thiết là lập trường của tờ báo và Ban Biên Tập.

Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche e.V
Konto Nr. 870 16 33 - BLZ 250 700 24
Deutsche Bank Hannover

MỤC LỤC

Trang

- Thư tòa soạn	1
• Tôn Giáo	
- Cuộc du hành sang Lạp Tát (Lhasa) của Tây Tạng (Ht. Thích Trí Chơn)	2
- Bất bất trung đạo (Thích Như Điển)	4
- Những bí ẩn sau cõi chết (Đoàn Văn Thông)	6
- Thúc Thủ Tám (T.s. Lâm Như Tạng)	9
• Auf deutsch	
- Dank schön Deutschland (Thích Như Dien)	12
• Trang Hoa Phượng	16
- Mầu Tử (Hồng Nhiên). - Báo Thúc (Kim). - Thơ : Người hiền mẫu (Quang Thọ). - Thơ : Mẹ vắng nhà ngày bão (Đặng Hiến). - Thơ : Mẹ bỗng con vượt biển (Sum Duông). - Những ngôi chùa trong lịch sử PGVN (Thiện Cần Phạm Hồng Sáu).	
• Văn Nghệ - Sáng Tác	
- Luận chữ Tu (Thiện Lâm Phạm Văn Mọc)	21
- Lối tâm sự của mây (Đan Hà)	23
- Huyền thoại Mẹ (Thích Như Tịnh)	25
- Phật Giáo tôn vinh giá trị nhũn bà mẹ (Minh Hạnh dịch)	26
- Lạm bàn về Mẹ (Mạnh Bích)	28
- Bước chân người Mẹ (Thơ Chi Việt)	31
- Tàn mạn về mẹ (Hú Thân Huỳnh Trung Chánh)	34
- Bông hồng thổi cài áo (Hoàng Thị Doãn)	38
- Ca dao Việt Nam : Hiếu Thảo (Đặng Đình Hùng)	39
- Tình Mẹ trong thi ca (Nguyễn Quý Đại)	43
- Nội (Tiểu Tử)	46
- Mẹ! Cuộc đời, quê hương và thân phận (Phạm Thiên Thu)	51
- Đào hoa cốc (Hà Ngọc Bích)	57
- Lại gần bên nhau (Trần Thị Hương Cau)	57
- Bên bên sông Rhein (Mimosa)	60
- Việt Nam khôn quá (Phong Hùng Lưu Nhơn Nghĩa)	62
- Thư không người gửi (Trương Văn Dân)	65
- Đồi mắt người Sơn Tây (Trịnh Hưng)	66
- Đọc : Một đêm ở Genève (Diệu Tần)	68
• Tin Phật Sự	69
- Hòa Thượng Thích Đồng Minh viên tịch	70
- Thông cáo báo chí	71
- Đại giới đàn Đôn Hậu (Nhật Trọng)	73
- Trại thanh thiếu niên Phật Giáo tại Karben - Frankfurt (Nhật Trọng)	74
• Sinh Hoạt Cộng Đồng	75
- Hội Mũ Xanh	77
- Các bạn có biết ?	78
• Tin Túc Nước Đức (Lê Ngọc Châu)	79
• Tin Thế Giới (Phan Ngọc).	83
• Thể Thao (Người Giám Biên)	89
• Giới thiệu sách mới xuất bản (Phù Vân)	92
- Thư quản lý tòa soạn	93
• Hộp thư Viên Giác / Trả lời độc giả	94
- Phân úu - Cáo Phó - Cảm Tạ - Chia Buồn .	95
- Tìm thân nhân , Chúc Mừng	96
• Phương Danh Cúng Dường	97
• THƠ : 22. - Khách quê (Đỗ Bình). - 30.- Biển Mẹ (Lê Nhất Lang). - 38.- An Vui Nơi Này (Viên Như). 42.- Nhỏ Nghĩa Mẹ (Bửu Truyền). 50.- Vô Thường (Văn Nường). 54. - Qua biển nhỏ (Tuệ Nga). 67.- Lương Châu Tử (Nguyễn Đức Hiến dịch). 68.- Nửa vành trăng (Nguyễn Thị Khánh Hòa). 91.- Vu Lan mùa báo hiếu (Kim Viên Chi Thành). - Mẹ ơi (Hà Anh)	
• HÌNH BÌA : của Họa Sĩ - Điều Khắc Gia Vi Vi Võ Hùng Kiệt (Mỹ)	
CÁO LỖI : Vì số trang báo có giới hạn nên các bài của quý văn thi hữu gửi đến và mục phương danh cúng dường không thể đăng trong kỳ này được. Chúng tôi sẽ lần lượt tiếp tục đăng trong các kỳ báo tới. Xin thành thật cáo lỗi cùng quý vị.	• Báo Viên Giác

KIM'S Cosmetics

**Merowinger Str.
151. 50374 Erfstadt.
Tel. : 02235 - 461 368**



Tốt nghiệp Cao Đẳng Thẩm Mỹ - Bonn Đức Quốc từ năm 1972. Tốt nghiệp Thẩm Mỹ Thời Trang - New York Hoa Kỳ từ năm 1971. Tu nghiệp bác sĩ Thẩm mỹ Tân Tiến Paris - Pháp năm 1987. Đã hành nghề thẩm mỹ viện hơn 20 năm tại Âu Châu. Giám Đốc 3 chi nhánh Kim's

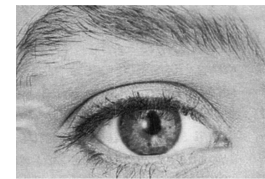
MÁY MYOLIFTING NỔI TIẾNG NHẤT THẾ GIỚI THẨM MỸ SỬA SẮC ĐẸP KHÔNG CẦN GIẢI PHẪU

- ◆ Làm tan túi mỡ, mắt sụp làm to. ◆ Làm mất hết nếp nhăn trên mặt. ◆ Da sáng tự nhiên. ◆ Nâng cao mũi thích hợp với khuôn mặt.
- ◆ Mắt to làm bé lại. ◆ Má hóp làm đầy ra. ◆ Nắn sửa khuôn mặt thành trái soan. ◆ Sửa nụ cười cho kín đáo duyên dáng. ◆ Sửa bờ hô và móm. ◆ Lột da mặt theo phương pháp của Đức. ◆ Sửa đổi khuôn mặt, cằm, gò má, môi, làm trẻ từ 5 đến 15 tuổi.
- ◆ **Giá tổng cộng 1.650 € + 1 bộ kem dưỡng da + 1 kem vàng**
- ◆ 01 lần làm mặt đẹp = 60 € ◆ 10 lần làm mặt đẹp = 548 €

LÀM TAN MỠ BỤNG

- ◆ Làm tan mỡ bụng theo phương pháp đốt mỡ và tạo tại lớp thịt mới. Phương pháp đặc ý nhất của phát minh khoa học Đức Quốc.
- ◆ Đàn bà sau khi sanh bị nứt da, da nhăn, sẽ được như ý với làn da mới. ◆ Làm cho bụng nhỏ (kể cả các ông) ◆ Không có eo làm cho có eo, eo lớn làm thành eo nhỏ, thân hình hấp dẫn.
- ◆ **Giá tổng cộng 1.100 €**
- ◆ Một lần làm lại để giữ eo = 40 € . ◆ 10 lần = 375 €
- ◆ Người lớn tuổi phải 3 lần = 105 €

TATOO (XÂM) THEO PHƯƠNG PHÁP ÂU CHÂU



- ◆ Chuyên khoa thẩm mỹ xâm lông mày - viền mắt - viền môi son. Bảo đảm 100% đẹp tự nhiên từ màu sắc đến hình thể để phù hợp với từng mẫu người, từng gương mặt qua 30 năm kinh nghiệm.
- ◆ Lông mày = 225 € ◆ Mắt = 250 €
- ◆ Môi = 250 €.
- ◆ Mắt - Mày - Môi = 650 €

MỚI! MỚI! MỚI!

ĐẶC BIỆT : 1 lần = 200 €

Máy Laser mới chữa vết thâm đen - tàn nhang - xâm bị hư - tẩy xâm mình không để sẹo - kể cả các vết thâm bằng quang tuyến Laser. Làm mờ vết sẹo - nếp nhăn bằng Laser. Làm sạch lông tay, lông chân vĩnh viễn - Chữa tuyệt mụn cám - Bệnh gân máu đỏ trên mặt, dưới chân - Bảo đảm chữa đến hết.

- ◆ Sạch tàn nhang : 1250 €
- ◆ Vết nám : 1250 €
- ◆ Xóa xâm hư : 250 € ◆ Mờ nếp nhăn : 500 €
- ◆ Các vết thâm vì chiếu Laser : 1000 €
- ◆ Trị rụng tóc : 10 x 225 € bằng máy điện tử
- ◆ Một bộ trị rụng tóc bảo đảm . Mọc tóc 4 loại : 140 €

NGỰC

- ◆ Ngực ngoại cỡ làm nhỏ thật đẹp. ◆ Sửa chỉnh đầu nhũ hoa tự nhiên. ◆ Điều chỉnh ngực xệ vì cho con bú.
- ◆ Chữa ngực 1200 €
- ◆ Một lần làm cho ngực đẹp = 48 € ◆ 10 lần = 448 €
- ◆ **KHI BỊ MỤN:** Đến ngay **THẨM MỸ VIỆN KIM'S** bạn sẽ được chữa tận gốc, da vừa đẹp, không bị khô và không bị vết thâm đen.
- ◆ Chữa dứt mụn bào đảm 1250 €
- ◆ Dứt mụn + nắn khuôn mặt đẹp 1600 €

GOLDEN SKIN - Kem vàng 24 Kara chống nắng

- ◆ Kem Vàng chống nắng cho mọi loại da = 49 € ◆ Kem Vàng chứa chất Oxygen (dưỡng khí) = 49 € ◆ Kem Vàng chống nắng húp mắt = 35 € ◆ Kem Vàng làm cho môi, làn môi hồng 35 €
- không cho môi nhân, bấp thịt môi dày đen.



- ◆ Kem Ngọc Trai chữa trị da nhờn, mụn bọc, cám 41 €
- ◆ Kem Ngọc Trai cho da khô, da bình thường 41 €
- ◆ Kem Ngọc Trai đặc biệt chống nắng 49 €



Maurice MESSÉGUÉ KEM THẢO MỘC CỦA PHÁP ĐƯỢC ƯA CHUỘNG TỪ NHIỀU NĂM NAY

- ◆ Kem Regenerations = 26 € Chống nắng, trị mụn, xây da mới, khít lông chân ◆ Kem ban ngày cho da mụn = 21 € Thoa vào mụn sẽ khô đi rụng ra một mình
- ◆ Augen Gel = 22 € Chống thâm mắt, thẳng da mắt.
- ◆ Mặt nạ làm khít lỗ chân lông = 18 € ◆ Halscreme : Chống nắng da cổ = 34 €
- ◆ Trione 01 = 36 € Dầu chống nắng, làm mắt sụp, to lên khi dùng hết chai thứ 3
- ◆ Brust creme : Kem làm ngực to căng lên 35 €
- ◆ Một bộ kem làm ốm : Dùng xong xuống 4,5 Kg 125 €
- ◆ Peeling tẩy trắng mịn da 18,50 €
- ◆ Thuốc mọc lông mày và lông mi 15 €
- ◆ Son môi giữ được 24 tiếng đồng hồ 12,50 €
- ◆ Thuốc lột nhẹ (có 4 loại) 125 €
- ◆ Thuốc lột mạnh (6 loại) 375 €
- ◆ Trị nám, tàn nhang (5 loại) 125 €
- ◆ Dành cho da nhờn, mụn cám, mụn mủ, mụn mọc (5 loại) 125 €
- ◆ 1 bộ kem Aloevera 5 loại đặc biệt 125 €

ĐẶC BIỆT NHẬN DẠY HỌC VIÊN CÓ CẤP BẰNG HÀNH NGHỀ :

- ◆ Huấn luyện trở thành chuyên viên thẩm mỹ (Kosmetik) 4000 Euro / 1 khóa
- ◆ Móng tay giả 1500Euro / 1 khóa
- ◆ Dạy làm Manikür, Pedikür (Füßpflege)
- ◆ Dạy xâm 1500 Euro / 1 khóa

ĐẶC BIỆT : NẾU MUA HÀNG TRÊN 100 EUR

Tất cả các loại kem gửi đi theo lối Per Nachname (chuyển hóa giao ngân) đều không phải trả thêm tiền cước

THP

Import - Export

Bayernstr. 2
89281 Altenstadt

Tel. 08337 - 72220 / 72213

08337 - 72218

Fax: 08337 - 72230

ĐẠI HẠ GIÀ

Nhân ngày thành lập 15 năm Công Ty tất cả hàng hóa hạ giá từ

10% Đến 40%

Đặc biệt có nhiều hàng may mặc và mẫu mã mới



BM-01 300cmL x 9 - 11cmφ

大竹



BPSM 02-02 (200x100x7) cm



DM 30-02 (308x304x51) cm



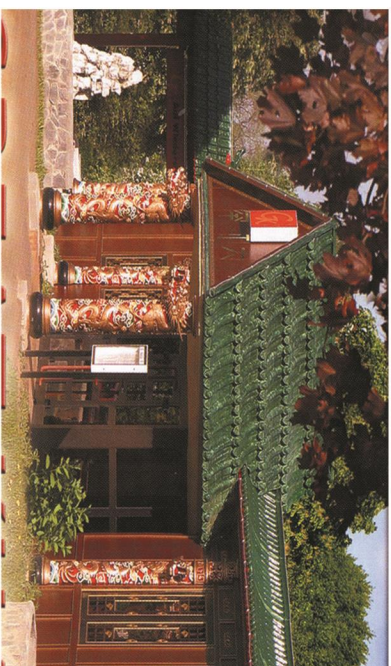
MT 35-02 (210x100) cm



TH 01-01 (200x100) cm



DM 09-02
100D cm



CHUYÊN BÁN SỈ

Các vật liệu trang trí nhà hàng Trung, Việt, Thái.
Như : các loại Bàn, Ghế, Ghế mây, Nếp, Tranh,
Kiếng, Gương, Hồ cá, Núi giả, Mái hiên, Cột
rồng v.v...

DÂM TRÁCH

Thiết kế, Thi công, Trang trí cho các
nhà hàng Hoa, Thái, Việt.
(Hoan nghênh các đội ngũ Trang Trí
đến mua và bàn bạc về vật liệu)



E&A Import und Export
Asiatische Einrichtungen

Am Kieselberg 4
55457 Gensingen

Tel: 06727 - 896940
Fax: 06727 - 896942



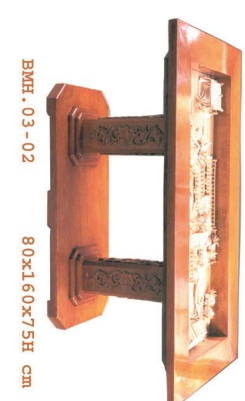
BSM
07A



BSM
01B



BMH. 02-02 (80x80)



BMH. 03-02

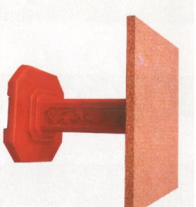
80x160x75H cm



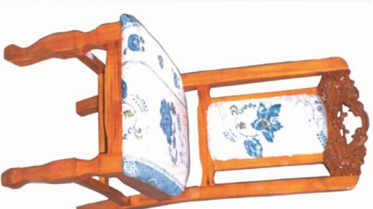
EO-06 80L x 80B x 75Hcm (2Pers.)



EO-07 120L x 80B x 75Hcm (4 Pers.)
EO-08 160L x 80B x 75Hcm (4 Pers.)



EO-09 80L x 80B x 75Hcm (2 Pers.)



RV. 01-02

